

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM**

Tạ Thị Thu Hiền

**DÂN CA MÙNG Ở PHÚ THỌ
TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI**

Ngành: Văn hóa học

Mã số: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội – 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM**

Tạ Thị Thu Hiền

**DÂN CA MỪNG Ở PHÚ THỌ
TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI**

Ngành: Văn hóa học

Mã số: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS. Kiều Trung Sơn

Hà Nội – 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận án tiến sĩ *Dân ca Mừng ở Phú Thọ trong bối cảnh đương đại* là công trình do tôi nghiên cứu, thực hiện và chưa công bố. Các kết quả nghiên cứu cũng như kết luận trong luận án này là trung thực. Những vấn đề nghiên cứu cùng những ý kiến tham khảo, tài liệu đều có chú thích nguồn đầy đủ theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về những nội dung trong luận án.

Tác giả luận án



Tạ Thị Thu Hiền

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI MƯỜNG Ở PHÚ THỌ	7
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	7
1.1.1. Những công trình nghiên cứu về dân ca	7
1.1.2. Những công trình nghiên cứu dân ca Mường ở ngoài vùng Phú Thọ	15
1.1.3. Một số công trình nghiên cứu về dân ca Mường ở Phú Thọ	18
1.2. Cơ sở lý luận	23
1.2.1. Các quan điểm liên quan vấn đề nghiên cứu	23
1.2.2. Quan điểm lý luận vận dụng trong luận án	35
1.3. Người Mường ở Phú Thọ	38
1.3.1. Vị trí địa giới và dân cư	38
1.3.2. Nguồn gốc người Mường ở Phú Thọ	41
1.3.3. Văn hóa truyền thống người Mường Phú Thọ	45
Tiểu kết.....	48
Chương 2: CÁC THỂ DÂN CA MƯỜNG Ở PHÚ THỌ	50
2.1. Hát ru.....	50
2.1.1. Đặc điểm nghệ thuật hát ru Mường	51
2.1.2. Bối cảnh truyền thống của hát ru Mường.....	54
2.1.3. Vai trò hát ru trong đời sống cộng đồng Mường.....	55
2.2. Hát rang	57
2.2.1. Đặc điểm nghệ thuật hát rang.....	58
2.2.2. Bối cảnh truyền thống của hát rang.....	61
2.2.3. Vai trò của hát rang trong đời sống cộng đồng Mường	62
2.3. Hát ví.....	64
2.3.1. Đặc điểm nghệ thuật hát ví Mường.....	66
2.3.2. Bối cảnh truyền thống của hát ví Mường.....	68
2.3.3. Vai trò hát ví Mường trong đời sống cộng đồng Mường	70
2.4. Hát gheo Việt – Mường	72
2.4.1. Đặc điểm nghệ thuật hát gheo Việt – Mường	73
2.4.2. Bối cảnh truyền thống của hát gheo Việt- Mường.....	77
2.4.3. Vai trò hát gheo Việt - Mường trong đời sống cộng đồng.....	79
2.5. Hát hò đu	80

2.5.1. Đặc điểm nghệ thuật hát hò đu Mường	81
2.5.2. Bối cảnh truyền thống trong hát hò đu Mường.....	83
2.5.3. Vai trò của hò đu trong đời sống cộng đồng người Mường	85
Tiểu kết.....	87
Chương 3: SINH HOẠT DÂN CA CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở PHÚ THỌ HIỆN NAY	89
3.1. Đời sống trong bối cảnh đương đại ở các làng Mường Phú Thọ.....	89
3.1.1. Điều kiện đời sống vật chất.....	89
3.1.2. Biến đổi, đa dạng văn hóa.....	95
3.2. Thực trạng sinh hoạt dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay.....	109
3.2.1. Thực trạng hiện tồn các thể loại trong sinh hoạt dân ca Mường	109
3.2.2. Lý giải thực trạng tồn tại sinh hoạt dân ca Mường ở Phú Thọ	120
Tiểu kết.....	124
Chương 4: NHỮNG BÀN LUẬN VỀ DÂN CA MƯỜNG Ở PHÚ THỌ TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI.....	126
4.1. Nhận thức về dân ca trong cộng đồng Mường hiện nay	126
4.1.1. Dân ca trong tâm thức các thế hệ người Mường	127
4.1.2. Thực hành dân ca trong và ngoài cộng đồng Mường.....	133
4.2. Dân ca Mường trong bối cảnh di sản hóa	146
4.2.1. Di sản hóa là gì	147
4.2.2. Vấn đề di sản hóa đối với dân ca Mường ở Phú Thọ	149
4.3. Ý thức bảo tồn dân ca Mường trong xu hướng tồn tại và phát triển ở Phú Thọ	156
4.3.1. Xu hướng tồn tại của dân ca Mường ở Phú Thọ trong bối cảnh hiện nay	156
4.3.2. Xu hướng phát triển dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay	160
Tiểu kết.....	163
KẾT LUẬN.....	165
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	170
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	171
PHỤ LỤC.....	183

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CLB	: Câu lạc bộ
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
ĐH	: Đại học
GDNN - GDTX	: Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên
HN	: Hà Nội
PTV	: Phi vật thể
tr.	: trang
VNDG	: Văn nghệ dân gian
VNDGVN	: Văn nghệ dân gian Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Người Mường và văn hóa dân gian Mường luôn nổi bật với những giá trị sắc màu riêng biệt trong hệ thống kho tàng văn hóa Việt Nam nói chung. Là một dân tộc với số lượng dân cư đông thứ hai trong toàn tỉnh, người Mường ở Phú Thọ cũng được coi là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa dân gian độc đáo đặc biệt là hệ thống âm nhạc dân gian. Dân ca người Mường ở Phú Thọ đa dạng và phong phú với những câu ví, câu rang, tiếng hát ru, điệu hò đu vang vọng trong sâu thẳm tâm hồn mỗi con người như những lời nhắn nhủ, thủ thỉ, như hòa quyện cùng những nhịp sinh hoạt của cuộc sống cộng đồng. Bên cạnh đó, những câu chúc sắc bùa, những nhịp điệu âm vang của công, chiêm, rồi đến những điệu múa mỗi lúc lư... Tất cả như những bức tranh muôn màu tô vẽ nên nhịp sống của con người trong sự đa dạng phong phú của đời sống tinh thần đang ngày càng được nâng cao, tươi mới.

Là những câu hát được nảy sinh trong quá trình giao tiếp, trong lao động của cuộc sống thường ngày, mỗi nhịp điệu lời ca dân ca được ví như những câu nói tâm tình, là niềm hy vọng của người dân gửi gắm nhằm truyền đạt đến nhau trong các mối quan hệ. Tuy nhiên, trong xu hướng phát triển hội nhập mới của xã hội hiện nay dân ca không còn được coi là “món ăn tinh thần” duy nhất của đời sống sinh hoạt con người nữa. Quá trình mở cửa, hội nhập, giao lưu và phát triển với nhiều nước trên thế giới nhằm nâng cao hơn giá trị đời sống vật chất và tinh thần của con người trong công cuộc phát triển Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đã dẫn tới việc du nhập bổ sung thêm nhiều loại hình hoạt động văn hóa mới. Sự tiếp biến, giao thoa với nhiều nền văn hóa mới đã làm cho sinh hoạt âm nhạc dân gian nói chung và dân ca người Mường nói riêng đang ngày bị mai một dần đi, có nguy cơ bị lãng quên và mất dần dẫn đến mất hẳn đi do sự tiếp nhận những luồng văn hóa hiện đại trong đời sống sinh hoạt đặc biệt là thế hệ những người trẻ tuổi hiện nay, và còn điều đặc biệt hơn bởi cách lưu giữ những bài bản dân ca trong nhân gian vẫn hầu hết đều là phương thức truyền miệng từ người này sang người khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác mà ít thấy có sự ghi chép lưu giữ thông qua bằng văn bản cụ thể.

Ở Phú Thọ, việc nghiên cứu văn hóa dân gian nói chung đặc biệt là những nghiên cứu mang tính chuyên biệt về dân ca các dân tộc thiểu số trong đó có dân ca người Mường hầu như chưa có nhiều đề tài đề cập đến. Một số đề án kiểm kê, bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa dân tộc thiểu số trong tỉnh đã được triển khai với một số kết quả khả quan nhưng cũng chưa hệ thống một cách rõ ràng chi tiết riêng về các thể loại dân ca. Mỗi dân tộc đều có những hệ thống các làn điệu dân ca mang tính riêng biệt, mỗi vùng địa phương lại nổi bật với những bài bản dân ca gắn liền với các phong tục, tập quán đặc trưng. Người Mường ở Phú Thọ cũng vậy, gắn với nếp sinh hoạt và những đặc trưng mang tính vùng miền bên cạnh việc giữ gìn các làn điệu dân ca dân tộc họ còn tiếp biến, giao thoa với các dân tộc khác để bổ sung thêm nhằm làm phong phú, đa dạng hơn cho hệ thống các bài bản dân ca vốn có của mình.

Những câu hát bình dị đời thường, mối quan hệ giao tiếp gần gũi mộc mạc mang đậm bản chất dân tộc đã tạo nên nhiều ấn tượng cho người nghe. Tuy vậy, dân ca người Mường ở Phú Thọ hiện chỉ là những câu hát được truyền lại từ đời này sang đời khác, từ người này sang người kia qua cách thức truyền miệng. Những nghiên cứu, hay những ghi chép sưu tầm, tìm hiểu về chúng hầu như chưa có nhiều, chưa nhận được quan tâm, đầu tư một cách cụ thể, rõ đối tượng.

Bảo tồn, phát huy và phát triển vốn âm nhạc dân gian truyền thống của các dân tộc Việt Nam nói chung, âm nhạc dân gian dân tộc Mường trong đó có dân ca nói riêng trong xu hướng hội nhập hiện đại của đất nước hiện nay là vấn đề quan trọng, nó không phải chỉ dành riêng cho những nhà nghiên cứu văn hóa dân gian hay những người chuyên sâu sưu tầm âm nhạc dân gian... mà đó là việc làm thiết thực của mỗi cá nhân, mỗi con người trong cộng đồng Mường nói riêng, người Việt Nam nói chung. Dân ca - vốn văn hóa cổ truyền được lưu lại từ bao đời, bao thế hệ, những giá trị về phong tục tập quán, về bản sắc văn hóa nổi bật đang rất cần được lưu giữ, phát huy và phát triển song hành cùng những giá trị văn hóa hội nhập mới trên thế giới như hiện nay.

Nghiên cứu dân ca người Mường ở Phú Thọ nhằm xác định vai trò và mức

độ tồn tại cũng như sự phát triển, phát huy và cả những ảnh hưởng của chúng trong đời sống tinh thần của người dân Mường Phú Thọ hiện nay. Bên cạnh đó, những giá trị quan trọng trong hệ thống văn hóa dân gian dân tộc nói chung luôn cần phải được giữ gìn, bảo tồn và phát triển đặc biệt hơn cả là hệ thống các làn điệu dân ca trong đó có dân ca người Mường. Đó chính là lý do chúng tôi lựa chọn đề tài *Dân ca Mường ở Phú Thọ trong bối cảnh đương đại* để nghiên cứu thực hiện luận án tiến sỹ ngành Văn hóa học của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án với mục đích nghiên cứu tìm hiểu về sự hiện tồn của dân ca trong đời sống cộng đồng Mường ở Phú Thọ hiện nay, từ đó xác định ý nghĩa, giá trị của nó trong bối cảnh xã hội đương đại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khảo cứu về dân ca Mường ở Phú Thọ trong quá khứ. Xác định diện mạo/tổng thể các thể loại dân ca hiện còn trong đời sống người Mường ở Phú Thọ.

- Giới thuyết phạm vi hiện nay và bối cảnh/cuộc sống đương đại. Xác lập cơ sở lý luận thông qua hệ thống các tư liệu để xây dựng hướng nghiên cứu một cách chính xác, cụ thể.

- Xác định ý nghĩa giá trị của dân ca đối với đời sống người Mường nói riêng và sự ảnh hưởng trong đời sống văn hóa xã hội ở Phú Thọ nói chung hiện nay.

3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là dân ca Mường ở tỉnh Phú Thọ trong bối cảnh đời sống đương đại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian và chủ thể văn hóa: Luận án chủ yếu nghiên cứu về người Mường và đời sống sinh hoạt văn hóa dân gian Mường ở tỉnh Phú Thọ, cụ thể các địa bàn có người Mường sinh sống với mật độ dân cư đông (các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập và Thanh Thủy); Có mở rộng thêm một số vùng khác có

người Mường sinh sống để so sánh, đối chiếu khi cần thiết.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu khảo sát đối tượng trong khoảng thời gian từ sau Đổi mới (1986) đến nay, kết hợp với điều tra hồi cố về đối tượng trong quá khứ/thời xã hội phong kiến, để so sánh, nhìn nhận đánh giá sự biến đổi của đối tượng trong bối cảnh đương đại.

- Phạm vi nội dung: Nghiên cứu khảo sát dân ca Mường Phú Thọ cả trong quá khứ và thực trạng tồn tại của nó hiện nay trong đời sống sinh hoạt văn hóa của người dân Mường.

4. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

(1). Dân ca người Mường ở Phú Thọ hiện nay tồn tại như thế nào trong đời sống cộng đồng?

(2). Những thể loại dân ca nào còn được lưu giữ thực hành trong bối cảnh xã hội hiện nay?

(3). Dân ca còn có ý nghĩa, giá trị thế nào trong đời sống người Mường Phú Thọ hiện nay?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

1. Trong bối cảnh xã hội và cuộc sống hiện nay dân ca vẫn được các thế hệ người Mường quan tâm gìn giữ và bảo tồn phát triển.

2. Dân ca người Mường có vai trò và giá trị to lớn đối với đời sống tinh thần của người dân các vùng Mường tỉnh Phú Thọ trong xã hội hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu*: Trên cơ sở thu thập, tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu đã được công bố, các báo cáo đề tài khoa học, các dự án, luận văn, luận án cũng như các nguồn tài liệu tham khảo khác có liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Từ đó kế thừa những kết quả nghiên cứu đi trước cũng như tìm ra những khoảng trống để bổ sung thêm đầy đủ hơn.

- *Phương pháp nghiên cứu thực địa, điền dã dân tộc học*: Trực tiếp tiếp xúc với đối tượng nghiên cứu qua các nghệ nhân và người dân Mường ở Phú Thọ. Đây

chính là việc trực tiếp tiếp cận với các tầng lớp người dân tại các vùng Mường để được nghe, hiểu một cách cụ thể hơn về đối tượng nghiên cứu, được tận mắt chứng kiến cuộc sống sinh hoạt thường ngày của người dân cũng như những hoạt động văn hóa mà trong đó dân ca được xác định đóng góp vai trò quan trọng, hay những lễ hội truyền thống của làng bản đã có sự biến đổi, thu hẹp lại và phát triển theo đời sống mới mà không cần có sự góp mặt của các làn điệu dân ca cổ truyền nữa.

- Ngoài ra, luận án cũng có sử dụng các phương pháp khác của nghiên cứu khoa học nói chung, phương pháp nghiên cứu liên ngành Văn hóa học, các phương pháp chuyên ngành như: Phương pháp phân tích nghệ thuật, điều tra xã hội học, và các thao tác kỹ thuật sưu tầm, thu âm, thu hình, ghi chép, lý giải, đánh giá...

- Luận án đã sử dụng 300 phiếu điều tra trên số lượng người dân Mường với các độ tuổi tương ứng để từ đó xử lý các thông tin có liên quan đến hướng nghiên cứu một cách chính xác, hợp lý hơn. Số lượng các nghệ nhân, người dân Mường mà chúng tôi đã gặp gỡ, trao đổi giúp cho quá trình thực hiện luận án một cách cụ thể sẽ được cập nhật ở phần phụ lục qua danh sách người cung cấp thông tin.

6. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án xác định hiện thực sinh hoạt dân ca của người Mường trong cuộc sống đương đại, góp phần củng cố ý thức lưu giữ, bảo tồn âm nhạc dân gian Mường ở Phú Thọ trong xu hướng phát triển hội nhập của xã hội hiện nay.

- Luận án nhận định và làm rõ vai trò của dân ca trong đời sống văn hóa cộng đồng người Mường ở Phú Thọ hiện nay. Dự báo sự tồn tại của dân ca và mức độ ảnh hưởng của nó đến nhận thức của lớp trẻ người Mường ở Phú Thọ.

- Luận án khái quát về dân ca Mường nói chung, nhận diện một cách có hệ thống các thể loại dân ca của người Mường ở Phú Thọ nói riêng.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- Về ý nghĩa khoa học: Luận án làm rõ sự tồn tại, vận động biến đổi, thích ứng với bối cảnh đời sống đương đại của một hiện tượng văn hóa dân tộc ít được biết đến như dân ca của người Mường ở Phú Thọ. Luận án góp phần khẳng định sự cần thiết bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, nhưng không phải là “đóng cứng” trong

“nguyên dạng” mà cần phát huy nó qua sự biến đổi để thích ứng với quá trình phát triển của đời sống xã hội đương đại.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Những kết quả nghiên cứu khoa học của luận án có thể là cơ sở để tỉnh Phú Thọ sử dụng cho việc thực hiện các dự án bảo tồn, phát triển những di sản dân ca các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

8. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu (6 trang), Kết luận (6 trang), Tài liệu tham khảo (12 trang) và Phụ lục (82 trang), phần nội dung của luận án bao gồm có 4 chương, cụ thể:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về người Mường ở Phú Thọ (42 trang).

Chương 2: Dân ca Mường ở Phú Thọ (38 trang).

Chương 3: Sinh hoạt dân ca của người Mường ở Phú Thọ hiện nay (36 trang).

Chương 4: Những bàn luận về dân ca Mường ở Phú Thọ trong bối cảnh đương đại (38 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI MƯỜNG Ở PHÚ THỌ

Sự đa dạng trong âm thanh văn hóa dân gian, nét phong phú trong những nếp sinh hoạt của cuộc sống, người Mường và văn hóa dân gian Mường ở Phú Thọ đã tạo nên nhiều ấn tượng nổi bật. Vấn đề của công trình này là xác định cho được sự tồn tại và phát triển của dân ca người Mường trong bối cảnh đương đại. Do đó chương tổng quan vấn đề nghiên cứu sẽ khảo sát các nội dung: thứ nhất, những nghiên cứu dân ca Việt Nam nói chung, dân ca Mường và người Mường ở Phú Thọ nói riêng; thứ hai, những cách tiếp cận nghiên cứu đối tượng trong bối cảnh nhất định. Để làm rõ vấn đề dân ca Mường ở Phú Thọ trong bối cảnh đương đại, chúng tôi tìm về sự hình thành và phát triển của xã hội Mường, những đặc điểm nổi bật trong đời sống văn hóa dân gian Mường. Bên cạnh đó chúng tôi triển khai khảo sát các nguồn tài liệu về dân ca và về văn hóa dân gian Mường của những nhà nghiên cứu đi trước đồng thời điền dã thực tế để tìm hiểu tại các bản Mường ở Phú Thọ cũng như một số vùng Mường lân cận nhằm chất lọc và đánh giá một cách chân thực nhất cho vấn đề của luận án mà mình đang nghiên cứu.

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Để nhận diện cụ thể, rõ nét hơn về dân ca nói chung, dân ca Mường ở Phú Thọ nói riêng cũng như mức độ tồn tại, phát triển của nó trong xã hội hiện nay. Chúng tôi sẽ từng bước đi vào nghiên cứu, thông qua các tư liệu của những người đi trước mà cụ thể hơn là, thông qua quá trình điền dã thực tế tại các vùng Mường để từ đó, xác định dân ca hiện còn được người dân quan tâm, đồng thời nhận thức tầm ảnh hưởng, vai trò của dân ca đối với người dân trong bối cảnh đời sống hiện nay.

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về dân ca

Dân ca nói chung từ lâu đã trở thành đối tượng được giới nghiên cứu quan tâm nhiều. Từ những phong tục tập quán, những nếp sinh hoạt đời thường gắn với quá trình hình thành và phát triển của những làn điệu dân ca... đã dần được bóc tách, nhìn nhận và đánh giá dưới nhiều góc độ, nhiều phương thức và cách thức gắn

liên với sự phát triển của đời sống cộng đồng. Để nhìn nhận một cách khách quan, cụ thể đối tượng nghiên cứu hơn chúng tôi xin được đi vào tổng hợp, nghiên cứu tìm hiểu một số công trình về dân ca người Việt cũng như về dân ca các dân tộc thiểu số ở Việt Nam của những nhà nghiên cứu đi trước để từ đó có cơ sở làm rõ hơn cho đối tượng trong nghiên cứu của mình.

1.1.1.1. Những nghiên cứu về dân ca nói chung

Dân ca – Lối sinh hoạt cộng đồng của người dân lao động trong xã hội, luôn phản ánh chính cuộc sống của họ trong bất kì hoàn cảnh, môi trường hay sự việc nào. Những làn điệu dân ca như một thứ “ngôn ngữ” giúp người dân lao động được tự do bày tỏ tình cảm, ước mơ, niềm khát khao cũng như dễ dàng trao đổi với nhau trong các mối quan hệ xã hội.

Nghiên cứu về dân ca nói chung đã có rất nhiều nhà nghiên cứu, nhiều tài liệu với cách nhìn nhận, lý giải từ tổng quát chung đến cụ thể chi tiết từ một thể loại hay nhiều làn điệu khác nhau. Tất cả đều nhằm khẳng định giá trị của thể loại dân ca ấy trong đời sống tinh thần cộng đồng cũng như sức sống và những ảnh hưởng của nó đối với xã hội. Mức độ nhìn nhận về dân ca của các nhà nghiên cứu cả ở nước ngoài và trong nước dưới từng góc nhìn, cách nhận định cũng như sự khác biệt trong văn hóa của từng dân tộc gắn với vai trò đối tượng đều ảnh hưởng đến sự hiện hữu của các bài bản dân ca cũng như giá trị của chúng trong các mối quan hệ cộng đồng con người. Giai điệu, lời ca dân ca luôn phản ánh trực tiếp, cụ thể hoạt động cuộc sống xã hội, nó đồng thời chứa đựng những vấn đề mà trong tâm tư, tình cảm con người luôn muốn đạt được, thực hiện được.

Nghiên cứu *Các điệu thức trong âm nhạc dân gian*, nhà nghiên cứu V.A.Va-Kh'ra-mê-ép đã nhận xét “Âm nhạc cũng như các lĩnh vực nghệ thuật khác đã hình thành không giống nhau ở các dân tộc trong quá trình phát triển kéo dài nhiều thế kỷ. Những điệu thức ta gặp trong sáng tác âm nhạc dân gian cũng như những điệu thức đã bắt rễ sâu xa đã được công nhận trong hoạt động âm nhạc thế giới, đều hình thành dần dần” [127, tr.160]. Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia sẽ sản sinh ra những giai điệu dân ca riêng biệt phù hợp với điều kiện đời sống, với những suy nghĩ, ước mơ

của họ. Những cung bậc cảm xúc được thể hiện trên các âm bậc khác nhau, mỗi sự chuyển động là một nét mới âm điệu, và để hoàn thiện mình đồng thời trở nên trau chuốt hơn thì bản thân những giai điệu dân ca ấy sẽ được gọt dũa, được bồi đắp bởi chính nhu cầu của người dân cùng quá trình thay đổi thực tế của đời sống xã hội.

Dân ca luôn tồn tại và phát triển theo dòng chảy xã hội. Những giai điệu dân gian như một thứ quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Lời ca, điệu thức, mức độ, giá trị ảnh hưởng... tất cả đều hiện lên theo những cung bậc chuyển động không ngừng của thời gian và sự hiện hữu của đời sống cộng đồng. Nghiên cứu về *Âm nhạc dân gian tại các nước vùng Đông Nam Á*, tác giả Trần Văn Khê đã khẳng định “Âm nhạc dân gian dính liền với đời sống con người” [22, tr.314]. Những thể loại trong âm nhạc dân gian như *Anh hùng ca*, *đối ca nam nữ* đều là những câu hát được hình thành từ trong tập tục, trong các mối quan hệ và tình cảm con người. Bên cạnh đó, sự giao thoa trong các mối quan hệ, mức độ gắn kết khi cùng sinh sống, tính chất địa phương, phong tục tập quán cũng phần nào có sự ảnh hưởng và tạo nên tính khác biệt giữa những giai điệu dân ca của các tộc người ở các vùng, miền.

Âm nhạc dân gian luôn “có sức sống bền vững nhất” [54, tr.5] trong nhu cầu của con người với những nếp sinh hoạt đời thường, những mối quan hệ giao tiếp cộng đồng, những suy nghĩ, tư duy mà từ đời này lưu truyền lại cho các thế hệ tiếp sau. Dân ca là mạch cảm xúc nổi bật nhất, cụ thể nhất khi thực hiện “vai trò” trong hệ thống âm nhạc dân gian chung ấy. Sử dụng phương pháp truyền khẩu từ vị trí vai trò của người sáng tác đến người biểu diễn, thậm chí cả trong cách truyền bá lại cho nhau giữa các thế hệ con người là cách thức phổ biến nhất trong dân ca. Nhà nghiên cứu Nguyễn Bình Định trong *Các phương thức ký âm trên thế giới và vấn đề ký âm nhạc truyền thống Việt Nam* đã cho rằng: “Xuất phát từ nguyên lý cấu tạo, phương pháp trình diễn... mà việc sử dụng phương pháp truyền khẩu trong cả khâu sáng tác, biểu diễn, đào tạo đã tỏ ra phù hợp và trở thành một trong những đặc trưng thường gặp âm nhạc các nước phương Đông” [24, tr.24]. Sức sống của dân ca nói chung vẫn luôn bền vững cùng đời sống cộng đồng các dân tộc, trải qua các giai

đoạn phát triển xã hội, sự thay đổi của môi trường sống, những suy nghĩ và cả nhu cầu con người thì dân ca vẫn trường tồn trong tâm trí người dân.

Khi âm nhạc dân gian nói chung trong đó có dân ca có được vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người, thì nó sẽ là thứ ngôn ngữ giúp con người dễ dàng giao tiếp với các hoạt động mang tính chung cộng đồng, là sợi dây nối mạch liên hoàn giữa các thế hệ cũng như trở thành điểm tựa, gốc rễ xuyên suốt trong mọi vấn đề phát triển của đời sống tinh thần con người. Ngôn ngữ tiếng nói con người được coi là khởi nguồn hình thành nên dân ca, là thứ “ngôn ngữ có âm thanh” giúp cho cách thức giao tiếp xã hội thêm dễ dàng hơn. Mỗi dân tộc khác nhau có ngôn ngữ riêng đặc trưng, lưu giữ bản sắc cộng đồng riêng biệt, do đó giai điệu dân ca luôn mang tính nổi bật, khác biệt, phát triển cùng dòng chảy đời sống của tộc người ấy. Nhà nghiên cứu Yves Goudineau trong bài viết “Bảo tồn nền di sản của những người đang sống: nền văn hóa phi vật chất và các chuẩn mực” đã nhận định: “Mọi sản phẩm, tác phẩm đều nằm trong một bối cảnh xã hội và văn hóa toàn thể. Các câu hát, điệu múa, bài ca đều được gắn liền với các nghi thức và nhịp sống của dân làng” [79, tr.161]. Như vậy, xã hội phát triển, đời sống con người phát triển thì dân ca nói riêng cũng đồng hành biến đổi theo nhu cầu con người nhằm đáp ứng, phù hợp với hoàn cảnh sống trong bối cảnh cụ thể.

“Cội nguồn của nền âm nhạc hiện thực bao giờ cũng là sáng tác dân gian” [127, tr.170]. Do vậy, dù ở góc độ nhìn nhận nào, mức độ tiếp nhận hay tiếp nối thì những giá trị cổ truyền luôn là sự kết nối trân trọng tiếp diễn trong hành trình cuộc sống con người đi từ quá khứ đến hiện tại. Những tập tục xã hội được hình thành trong quá trình phát triển của đời sống, những hoạt động nghi lễ được ra đời trong nhu cầu của con người, tất cả đều nhằm phản ánh giá trị bản sắc dân tộc do chính con người xây đắp, gây dựng nên. Nếp nghĩ, cách làm, sự định hình nên tính địa phương riêng biệt luôn được gắn kết trong các mối quan hệ tộc người nổi bật. Văn hóa truyền thống luôn được coi là sợi dây gắn kết các thế hệ người dân, là thứ giúp họ dễ dàng thích nghi và biến đổi để hòa nhập với thời cuộc, với tương lai, làm cho cuộc sống của họ thêm nhiều màu sắc, đa dạng hơn.

1.1.1.2. Những công trình nghiên cứu về dân ca người Việt

Kể từ buổi đầu dựng nước và giữ nước cùng quá trình phát triển, tiến hóa không ngừng của lịch sử, của nền văn minh nhân loại, trải qua sự phát triển của các nền văn hóa với nhiều di chỉ khảo cổ phong phú đã khẳng định cho một Việt Nam với nền văn hóa đa dạng của sự sáng tạo đa sắc màu dân tộc đã cùng tạo dựng nên những dấu ấn nghệ thuật nổi bật và mang tính riêng biệt độc đáo. Tác giả Đinh Gia Khánh trong nghiên cứu về văn học dân gian Việt Nam đã cho rằng: “Trong giai đoạn phát triển đầu tiên của lịch sử loài người, cũng như mọi hoạt động tinh thần khác, nghệ thuật không tồn tại dưới dạng độc lập, mà gắn bó và hầu như hòa làm một với hoạt động thực tiễn của con người” [45, tr.18].

Mỗi loại hình nghệ thuật ra đời đều nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của con người trong cuộc sống xã hội. Tùy vào hoàn cảnh, tùy vào giá trị mức độ tác động, mà loại hình nghệ thuật đó có vị trí và được con người quan tâm, sử dụng như một nhu cầu tất yếu. Có giá trị quan trọng như một thứ ngôn ngữ giúp con người dễ bày tỏ cảm xúc, trao đổi tâm tư. Dân ca nói chung đã trở thành loại hình nghệ thuật tạo nên nhiều cảm xúc, nhiều cung bậc tình cảm, có vai trò quan trọng trong giao tiếp xã hội, trong nhận thức và giúp con người dễ dàng truyền đạt tâm tư, am hiểu được nhau hơn trong các mối quan hệ của cuộc sống.

Dân ca trong mỗi góc nhìn, mỗi hướng tiếp cận của từng nhà nghiên cứu đã trở nên đa dạng, phong phú và đặc biệt nổi bật trong từng góc độ, từng phương diện. Mỗi bài bản, thể loại dân ca đều phản ánh rõ nét cuộc sống, những sinh hoạt đời thường của người dân, những tâm tư nguyện vọng mà con người muốn gửi gắm, trao truyền đến các thế hệ. Có thể nói dân ca luôn là tiếng nói, là câu hát được cất lên từ trong sâu thẳm tâm hồn mỗi con người, chứa đựng những suy tư, tình cảm và trở thành giai điệu, “*khúc điệu*” ngân lên nhằm kết nối tình người trong các mối quan hệ cộng đồng.

Nhắc đến dân ca và các công trình nghiên cứu về dân ca Việt Nam nói chung, đầu tiên chúng ta không thể không đề cập đến công trình nghiên cứu *Dân ca người Việt* của nhà nghiên cứu Tú Ngọc. Đây được coi là một công trình nghiên cứu

mang tính tổng hợp đầy đủ, chi tiết về thể loại và cấu trúc hình thức dân ca. Sự khác nhau của các bài bản dân ca ở từng vùng, miền, từng địa phương đã phần nào cho ta thấy được sự phong phú trong cấu trúc âm nhạc, sự độc đáo trong ngôn ngữ lời ca cùng với tính đậm đà của bản sắc Việt ở từng vùng, từng địa phương đã tạo cho dân ca người Việt một nét khác biệt mà không có sự pha tạp hay đồng dạng với bất kỳ một thể loại dân ca của các dân tộc khác. Nghiên cứu một cách chuyên sâu về cấu trúc âm nhạc, từ nhịp điệu của từng bài bản dân ca để phân định nhóm theo từng thể loại cụ thể đã được tác giả phân tích một cách đầy đủ chi tiết. Đây có thể coi là một cách nhìn rõ nét nhất, cụ thể nhất và cũng dễ nhận diện thực hành nhất với những làn điệu dân ca, tuy nhiên với góc độ của hướng nghiên cứu chúng tôi chỉ có thể tham khảo để từ đó đánh giá phân loại các làn điệu dân ca Mường theo cách thức diễn xướng của người dân trong nếp sinh hoạt của đời sống mà thôi.

Trong công trình *Tìm hiểu về dân ca Việt Nam*, nhà nghiên cứu Phạm Phúc Minh đã khái quát tổng hợp một cách đầy đủ khá chi tiết về dân ca và các thể loại dân ca không phải chỉ riêng người Việt mà còn cả một số dân tộc khác như Thái, Mường, Tày, Nùng... Những làn điệu dân ca được chia loại một cách cụ thể chi tiết phù hợp với tính chất và nội dung phản ánh trong từng giai điệu lời ca. Từ quá trình nghiên cứu theo chiều dài phát triển của đời sống con người đến việc phân vùng dân ca nhằm khẳng định những làn điệu ấy luôn có sự ảnh hưởng bởi môi trường sống, bởi những nét văn hóa vùng miền nổi bật và bởi cả những giá trị nhân văn mà con người là nhân tố chính hình thành nên những câu ca dân gian. Tuy vậy, khi xét đến thời gian xuất hiện của dân ca bằng việc phân tích nguồn gốc cũng như những quan điểm nghiên cứu về sự xuất hiện, những ảnh hưởng dẫn đến quá trình hình thành nên làn điệu dân ca... tác giả nhận định rằng: “Dân ca nói riêng và âm nhạc nói chung đã được hình thành và phát triển từ 4000 – 5000 năm trước đây, nó đã sớm đi vào cuộc sống lao động và sinh hoạt văn hóa xã hội hàng ngày của người Lạc Việt và từ khi nước Văn Lang được hình thành dưới thời các vua Hùng, thì ca hát đã giữ vị trí quan trọng trong đời sống của nhân dân ta thời đó” [61, tr.25-26].

Có thể nói, đây thực sự là tài liệu quý cho những người tiếp sau muốn tìm

hiểu, nghiên cứu và so sánh về các thể loại dân ca trong đời sống cộng đồng các dân tộc. Tuy nhiên, xét theo bối cảnh nghiên cứu để có thể dẫn chứng cho những vấn đề cụ thể về sự phát triển, ảnh hưởng của dân ca trong đời sống xã hội đương đại theo hướng nghiên cứu của mình, thì đây không phải là điều mà chúng tôi quan tâm nhiều. Dân ca trong mỗi giai đoạn lịch sử lại có những biến đổi phù hợp theo nhu cầu thị hiếu của con người, mức độ phát triển của mỗi thể loại dân ca cũng luôn gắn liền với nhu cầu của từng đối tượng, từng độ tuổi ưa thích nó. Xã hội đương đại với quá trình hội nhập mở rộng của các mối quan hệ, sự hiện đại đa dạng của đời sống vật chất do đó những đòi hỏi của đời sống tinh thần cũng từng bước được bổ sung đa dạng theo.

Đi sâu vào nghiên cứu từng thể loại dân ca riêng biệt của người Việt, mỗi tác giả với tầm hiểu biết và cách nghĩ của riêng mình đã có những nhận định, đánh giá, những quan điểm cá nhân và cả những đóng góp quan trọng cho việc thu thập, sưu tầm nên những làn điệu, bài bản cho từng thể loại ấy. Có thể loại dân ca được nghiên cứu, phân tích một cách đầy đủ cả về cấu trúc nhạc điệu và lời ca (*Lý trong dân ca người Việt* - Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Lê Anh Trung; *Tìm hiểu dân ca Quan họ* - Trần Linh Quý, Hồng Thao; *Hát Chầu văn* - Bùi Đình Thảo, Nguyễn Quang Hải...) đây là những thể loại dân ca đã được phát triển rộng rãi, các bài bản đã được lưu hành bằng văn bản với nhiều dị bản bởi cách thể hiện cũng có sự khác biệt ở từng địa phương, được nhiều người sưu tầm quan tâm. Bên cạnh đó, có những thể loại dân ca thì việc sưu tầm, ghi chép trong dân gian chỉ cần nguyên về phần lời ca thôi đã là một sự đóng góp to lớn cho công tác bảo tồn và gìn giữ chúng.

Như vậy, qua một số nghiên cứu về dân ca người Việt, chúng ta có thể khẳng định “Dân ca là những bài hát cổ truyền do nhân dân sáng tạo, được lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác và được nhân dân ca hát theo phong tục tập quán của từng địa phương, từng dân tộc” [61, tr.11]. Dân ca Việt Nam nói chung với mức độ phát triển cũng như sự tác động, gắn bó mật thiết trong mọi hoạt động đời sống của người dân đã tạo nên tiếng nói riêng biệt, có sức truyền tải mạnh mẽ đến mọi tâm hồn con người, là nhu cầu cần thiết trong các giao tiếp của đời sống tinh thần. Với

sự đa dạng trong phong cách diễn tấu, sự phong phú trong giai điệu lời ca và thể loại ca hát, sự phát triển rộng rãi không phân biệt đối tượng trong đời sống và được nối tiếp trải qua nhiều thế hệ đã làm cho dân ca luôn có sự kế thừa để phát triển, luôn mang đến nguồn sức sống mới và trở thành một thứ “vũ khí” quan trọng của mọi tầng lớp người dân trong mọi khung cảnh xã hội.

1.1.1.3. Những nghiên cứu dân ca các dân tộc thiểu số

Mỗi dân tộc, mỗi vùng, miền, mỗi địa phương đều có những phong tục tập quán riêng, bản sắc văn hóa riêng do đó trong cuộc sống họ cũng sáng tạo nên nhiều làn điệu dân ca mang màu sắc đặc trưng địa phương nổi bật. Khi nghiên cứu riêng biệt về các thể loại ca hát dân gian các dân tộc thiểu số, ở từng góc độ, từng vị trí khác nhau các nhà nghiên cứu đều có nhận định chung nhất về cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của những bài bản dân ca cũng như giá trị của chúng đối với đời sống tinh thần cộng đồng các dân tộc. Cùng lấy bối cảnh của xã hội trước đây khi mà cuộc sống con người luôn gắn bó với lao động chân tay, sự giao tiếp, tác động gần gũi trong các mối quan hệ xã hội để nhận diện về sự phát triển mạnh mẽ của các làn điệu dân ca trong nhân gian. Mỗi nhà nghiên cứu với từng công trình đã nghiên cứu một cách khá chi tiết về từng thể loại riêng biệt như: *Âm nhạc dân tộc H'Mông* - nhà nghiên cứu Hồng Thao; *Dân ca Cao Lan ở Bắc Giang* - Ngô Văn Trụ (chủ biên), Nguyễn Thu Minh, Trần Văn Lạng, Nguyễn Hữu Tự, Nguyễn Văn Phong; *Thơ ca dân gian dân tộc Mảng* - Nguyễn Hùng Mạnh (chủ biên), Trần Hữu Sơn, Nguyễn Thị Minh Tú, Đặng Thị Oanh; *Dân ca Gia Rai* - Nguyễn Quang Tuệ sưu tầm và biên dịch.

Bản sắc dân tộc luôn chứa đựng tiếng nói riêng biệt cùng những giá trị điển hình về ngôn ngữ, nếp sống, lễ thói, dân ca... Khi nghiên cứu về văn hóa và nghệ thuật các dân tộc khác nhau, nhà nghiên cứu với cách nhìn nhận nhằm đánh giá chung nhất mang tính nổi bật nhằm truyền tải cho người đọc thấy rõ được những đặc sắc, giá trị qua nghiên cứu của mình. Dân ca mỗi tộc người được hình thành từ văn hóa dân gian điển hình trong nếp sống, cách nghĩ... nó luôn khẳng định là tiếng nói chứa đựng tâm hồn, nếp sinh hoạt đặc trưng dân tộc. Mỗi giai đoạn lịch sử qua

đi như càng làm củng cố, khẳng định cho bề dày truyền thống dân tộc thêm phần giá trị và phong phú hơn. Nhà nghiên cứu Ngô Văn Lệ trong nghiên cứu về *Văn hóa tộc người truyền thống và biến đổi* đã khẳng định “Những giá trị văn hóa tộc người đã góp phần làm nên sức mạnh để một tộc người vượt qua thử thách nghiệt ngã của lịch sử. Bản sắc văn hóa của một tộc người còn thì tộc người đó còn” [52, tr.393].

Quá trình lưu giữ và phát triển dân ca, tùy vào đặc điểm của từng thể loại mà những bài bản dân ca ấy được lưu hành một cách rộng rãi trong đời sống cộng đồng hoặc chúng chỉ là những câu hát của một nhóm người, một đối tượng nào đó, thậm chí chỉ được cất lên trong một hoàn cảnh với quy định nghiêm ngặt cả về không gian và thời gian thực hành ca hát. Dù ở dạng nào thì đó đều là những tâm huyết, là tiếng lòng, những tâm tư rất đỗi giản dị, mộc mạc như chính con người họ bình dị và thật thà trong những nếp làng đơn sơ mà chứa đầy tình yêu thương gắn bó.

Dân ca các dân tộc thiểu số cũng đã được phổ cập, khá nhiều người biết đến với ít nhất từ một đến vài thể loại làn điệu của từng dân tộc, chúng ta có thể kể đến như: hát páo dung, soọng cô (dân tộc Dao); hát sinh ca, vèo ca (dân tộc Cao Lan); hát sli, hát lượn, hát then (dân tộc Tày)... Mỗi thể loại, mỗi dạng biểu diễn dân ca đều là những tâm tình, tiếng nói của người dân trong các nếp hoạt động đời thường mộc mạc. Gắn kết đời sống tinh thần cộng đồng, là tiếng nói giao tiếp giữa con người với các thế lực siêu nhiên, là hành động thể hiện tình cảm của con người giữa các thế hệ, dân ca luôn sống động với âm thanh diễn tả cùng dạng hoạt động diễn xướng gần gũi của người dân.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu dân ca Mường ở ngoài vùng Phú Thọ

Quá trình phát triển của dân ca trong đời sống văn hóa nhân dân nói chung, văn hóa nghệ thuật người Mường nói riêng luôn rực rỡ đa sắc màu nổi bật từ những áng thơ, những câu chuyện kể lịch sử đến những điệu múa, những bài bản dân ca mượt mà say đắm... Tất cả đã tạo nên một diện mạo Mường đa dạng riêng biệt, “Từ thời để đất để nước, họ đã đấu tranh với thiên nhiên, với xã hội làm nên nền văn hóa truyền thống lâu đời” [71, tr.687]. Tiếp nối các truyền thống văn hóa tốt đẹp ấy từ đời này sang đời khác, người Mường đã hòa mình trong cộng đồng các dân tộc Việt

Nam để cùng sinh sống, cùng xây dựng xã hội, cùng hướng tới một cuộc đời tươi vui hơn, tốt đẹp hơn và phát triển hơn.

Nghiên cứu qua các tài liệu của những người đi trước chúng tôi thấy đã có rất nhiều các công trình sưu tầm, nghiên cứu về đời sống sinh hoạt văn hóa dân gian người Mường trong đó không thể không nhắc đến những công trình nghiên cứu mang tính chuyên biệt về từng thể loại dân ca Mường với những nhận định về vai trò, giá trị của chúng trong đời sống cộng đồng. Sự phong phú đa dạng về thể loại cũng như loại hình ca hát dân ca luôn được người dân thực hành nhiều và cũng được cộng đồng truyền bá, phát triển một cách rộng rãi.

Dân ca trong hệ thống văn hóa dân gian nói chung “đều là những sản phẩm văn hóa do nhân dân sáng tạo, được lưu truyền lại chủ yếu là truyền miệng” [61, tr.12] do đó các bài bản dân ca trong quá trình lưu truyền từ người này sang người khác, từ vùng này sang vùng khác thậm chí là từ đời này sang đời khác cũng sẽ có nhiều điểm khác biệt nhau (có thể do cách hát nhấn, nhá khác nhau; giai điệu, câu chữ có thể được thêm, bớt đi...) từ đó đã tạo nên nhiều “dị bản”. Dân ca Mường ở mỗi vùng, mỗi bản Mường cũng có những bài bản được người dân ca hát với nhiều dạng “dị bản” khác nhau, có thể những bài bản ấy khi được ca hát lên chúng chỉ khác bởi một vài từ ngữ, nghĩa, hay là một đôi chỗ luyến láy, nhấn nhá, ngân nga. Sự thay đổi đó phải chăng là sự gắn bó gắn gũi với chính nếp sống ở từng bản, từng vùng Mường.

Nếu nói đến việc sưu tầm, ghi chép nhằm lưu giữ các bài bản dân ca Mường thì ở vùng Mường Hòa Bình luôn được quan tâm hơn cả. Hòa Bình là “cái nôi”, là vùng “gốc tích” sinh sống của người Mường do đó, nơi đây hiện vẫn còn lưu giữ khá nhiều các thể loại dân ca Mường, đồng thời chứng minh cho sự “đậm đặc” này chính là các cuốn sách minh chứng, các tập “Dân ca người Mường” mà các nhà nghiên cứu, các tác giả đã cất công điền dã, sưu tầm, dịch thuật và chỉnh lý để công bố rộng rãi. Ta có thể thấy qua các cuốn sách của các tác giả như: *Dân ca Mường (Hòa Bình)* - Nhóm tác giả, xuất bản năm 1965; *Dân ca Mường phần tiếng Mường* - Tác giả Bùi Thiện, xuất bản năm 2010; *Dân ca Mường phần tiếng Việt* - Tác giả

Bùi Thiện, xuất bản năm 2010; *Xường cài hoa dân tộc Mường* - Tác giả Vương Anh, xuất bản năm 2010. Các cuốn sách gần như đã thu thập được đầy đủ các bài bản, các thể loại ca hát dân ca của người Mường với những “tác phẩm chính gốc”.

Dân ca Mường ở từng vùng, từng địa phương được thống kê qua các tư liệu nghiên cứu, sưu tầm đều khẳng định tính chung nhất về màu sắc phong tục tập quán, những lễ thói mang nét riêng biệt đặc trưng dân gian Mường. Từng thể loại bài bản dân ca riêng biệt đã được nghiên cứu, sưu tầm một cách cụ thể chuyên biệt ở từng góc độ nhìn nhận của các nhà nghiên cứu. Hệ thống các bài bản dân ca ấy dần hiện lên với đầy đủ các phần, các bước ca hát, các yếu tố tác động cũng như vai trò trong đời sống tinh thần cộng đồng. Có thể thấy rõ qua một số nghiên cứu của các tác giả như: *Thường Rang, Bọ Mặng* - tác giả Bùi Thiện; *Xường trai gái dân tộc Mường* - tác giả Bùi Chí Hăng; *Đang Vằn va - dân ca Mường* - nhóm tác giả Đinh Văn Phùng, Đinh Văn Ân; *Hát ru dân tộc Mường Thanh Hóa* - tác giả Hoàng Minh Tường.

Mỗi cuốn sách được nghiên cứu một cách cụ thể, chuyên sâu đầy đủ các góc cạnh của dân ca trong đời sống tinh thần con người. Những hình ảnh cỏ, cây, hoa, lá, muông thú, những tâm tư, nỗi niềm của tình người, những buồn vui trong các mối quan hệ cộng đồng... Tất cả đều được thể hiện trong lời ca, giai điệu của những bài bản dân ca ấy. Nghiên cứu với từng thể loại, từng nội dung riêng biệt các tác giả đã phần nào giúp cho chúng ta khi tiếp cận sẽ có cơ hội hiểu sâu hơn, rõ hơn về dân ca Mường để từ đó nhìn nhận chúng một cách thực tế hơn, cụ thể hơn những hoạt động văn hóa trong đời sống cộng đồng người Mường.

Dân ca Mường nói chung bước đầu cũng đã có được một số bài bản ghi chép lưu giữ có cả phần lời và phần nhạc, tuy không nhiều và cũng chưa thật đầy đủ nhưng đã góp phần không nhỏ trong việc thể hiện được tiếng nói, bản sắc Mường trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Xét đến hệ thống các bài bản dân ca được ghi âm cụ thể cả phần âm nhạc và phần lời một cách đầy đủ thì cuốn sách *Dân ca Mường (Hòa Bình)* - Nhiều tác giả, xuất bản năm 1965, trong phần phụ lục (Từ trang 369 đến trang 386) cũng đã giới thiệu mỗi thể loại được một đến vài bài bản điển hình qua phần ghi âm của Huyền

Đồng như: Hát mo - 01 bài; hát xéc bùa - 01 bài; hát thường - 01 bài; hát bộ mạng - 01 bài; hát ru con - 02 bài (ru con ban ngày 01 bài, ru con ban đêm 01 bài); hát ví - 02 bài; điệu công - 02 bài.

Như vậy, thông qua nghiên cứu của những người đi trước cũng như việc điền dã thu thập các bài bản dân ca tại một số vùng Mường chúng tôi thấy, dân ca Mường nói chung khá phong phú về số lượng bài bản cũng như làn điệu, được người dân ca hát phổ biến trong cuộc sống thường ngày. Tuy nhiên, nếu tính theo số lượng các bài bản được sưu tầm ghi âm chỉ nguyên phần lời ca thì cũng đã có khá nhiều và cũng khá chi tiết ở từng thể loại, còn nếu xét về góc độ đầy đủ cả trong phần ghi theo cấu trúc âm nhạc và lời ca để hoàn thiện thành một “tác phẩm” âm nhạc bằng văn bản thì hầu như vẫn còn rất ít và chưa có tính phổ cập như so với các thể loại dân ca của các dân tộc khác ở Việt Nam, đặc biệt là dân ca người Kinh. Từ những tài liệu này phần nào đã khẳng định, nghệ thuật ca hát dân ca của người Mường cũng khá đa dạng, đầy đủ các thể loại, phong phú về hình thức trình diễn, xuất hiện trong mọi nếp sinh hoạt của đời sống cộng đồng.

Dân ca người Mường ở các vùng Hòa Bình, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An đã trở thành đối tượng được các nhà nghiên cứu sưu tầm, tổng hợp và hệ thống một cách khá đầy đủ, cụ thể với từng bài bản, thể loại, hình thức diễn xướng riêng. Cũng đã có nhiều nghiên cứu mang tính chuyên sâu một cách cụ thể, chi tiết về một số thể loại dân ca với ý nghĩa, vai trò, và giá trị của chúng trong cuộc sống. Vậy, dân ca Mường ở Phú Thọ hiện đã được các nhà nghiên cứu quan tâm ở mức độ nào? quá trình thu thập, lưu giữ hệ thống các bài bản, cũng như các công trình nghiên cứu chuyên sâu, nổi bật đã tổng hợp được những gì? Đây chính là vấn đề chúng tôi quan tâm và sẽ trình bày tiếp sau đây.

1.1.3. Một số công trình nghiên cứu về dân ca Mường ở Phú Thọ

Tổng hợp nghiên cứu qua các tư liệu của những người đi trước cũng như quá trình thực địa tại một số vùng Mường chúng tôi thấy rằng, những bài bản dân ca Mường ở vùng Phú Thọ có thể do đặc điểm địa lý dân cư sinh sống có phần hẹp, người Mường với số lượng dân cư không nhiều sống xen kẽ với các dân tộc khác do

vậy, việc ca hát dân ca không được thường xuyên và ở mức độ “đậm đặc”, đặc biệt được hát bằng tiếng Mường do đó, không có sự phổ biến với tính chất rộng rãi như hệ thống bài bản của dân ca người Việt nên nó không nhận được nhiều sự quan tâm của các đối tượng nghiên cứu, sưu tầm hoặc quan tâm ở mức độ không được liên tục... Do vậy mà hiện nay chưa thấy có một cuốn sách nào ghi chép các bài bản, thể loại dân ca Mường ở Phú Thọ dù cho đó chỉ riêng hệ thống lời ca. Có lẽ đây chính là sự thiệt thòi của các thế hệ người Mường ở Phú Thọ sau này khi tìm cách tiếp cận với các giai điệu dân ca của dân tộc.

Với mục đích “bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc vùng đất Tổ, khai thác tiềm năng và thế mạnh của văn hóa cội nguồn phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ, tạo tiền đề phát triển văn hóa của tỉnh lên một tầm cao mới” [91, tr.5]. Năm 2007 Sở văn hóa thông tin Phú Thọ kết hợp với Hội VNDG tỉnh đã thống kê và in thành tổng tập *Về miền lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam*, gồm 5 tập sách mô tả các lễ hội, cảnh sắc thiên nhiên cũng như các di tích đã được xếp hạng lịch sử trên khắp vùng đất tỉnh Phú Thọ. Các lễ hội trong đời sống tâm linh người Mường ca ngợi công đức của những người anh hùng được dân làng tôn thờ là thành hoàng làng như vị tướng Đinh Công Mịch có công giúp vua Lê Thái Tổ trị vì (Lễ hội làng Thạch Khoán), ba vị thủ lĩnh họ Đinh - những người có công khai sáng vùng đất Mường (Lễ hội đình Cả - Tát Thắng)... Các lễ hội văn hóa người Mường được khai thác và giới thiệu nhiều trong tập sách, một số hoạt động văn nghệ dân gian trong đời sống cộng đồng Mường cũng được đề cập đến như thể loại múa Mỡi (*Hội múa Mỡi của đồng bào dân tộc Mường Ngọc Đông - Yên Lập* - quyển 4, trang 115), múa Mo (*Lễ hội làng Nam Cường* - quyển 4, trang 35), lễ hội Cồng chiêng (*Lễ hội cồng chiêng tộc người Mường tỉnh Phú Thọ* - quyển 3, trang 159). Một số dạng hoạt động vui chơi trong lễ hội mang tính đặc trưng Mường như ném còn, chơi đu, đánh đuông, đâm ống... được nhắc đến như một phần hoạt động trong lễ hội. Tuy nhiên, các thể loại dân ca Mường hầu như không có bài viết nào đề cập tới dù chỉ là một hoạt động nhỏ trong tổng hợp các dạng vui chơi cộng đồng. Trong tất cả các tập sách này có duy nhất 01 bài viết của tác giả Lê Công Luận “Lễ

hội làng Nam Cường” (quyển 4, trang 35) là có nhắc đến một thể loại dân ca - Hát Gheo, thể loại ca hát được nảy sinh từ tục kết nước nghĩa giữa làng người Mường (Thục Luyện, Thanh Sơn) và làng người Kinh/Việt (Thanh Uyên, Tam Nông) có bắt nguồn từ việc xây dựng đền thờ nữ tướng Xuân Nương thời Hai Bà Trưng dựng nước. Thể loại ca hát này tác giả chỉ sơ lược nhắc đến nhằm giúp cho người đọc hiểu được đó là một phần nhỏ trong quy trình diễn tiến của lễ hội mà thôi. Như vậy, với việc sưu tầm tổng hợp các lễ hội văn hóa trên miền quê đất Tổ, các nhà nghiên cứu chỉ tập trung vào tìm hiểu vấn đề chính của dự án nghiên cứu mà hầu như không nhắc tới hay đề cập đến loại hình sinh hoạt quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây - sinh hoạt ca hát dân ca.

Việc tổng hợp các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian trên vùng đất Tổ nhưng lại bỏ qua hệ thống các bài giới thiệu về những làn điệu dân ca các tộc người ở từng vùng đó hẳn là một thiếu sót lớn khi chúng ta muốn giới thiệu những đặc trưng nổi bật nhằm góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế chung cho Phú Thọ. Ở góc nhìn của dự án này nghiêng về *miền lễ hội* nên đối tượng quan tâm chính là các lễ hội cổ truyền, các nghi thức tế lễ tại các vùng, miền dân tộc. Dân ca Hát Gheo được nhắc đến duy nhất trong tập sách này là do bởi có sự gắn bó mật thiết với nghi lễ thờ cúng thành Hoàng làng - nữ tướng Xuân Nương thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa.

Các loại hình sinh hoạt văn hóa của người Mường trên vùng đất Tổ qua góc nhìn hình ảnh của tác giả Bùi Tuyết Mai trong cuốn *Người Mường trên đất Tổ Hùng Vương* [58] đã phân nào bao quát một cách sơ lược những nếp hoạt động trong đời sống cộng đồng người Mường. Trong tài liệu này, ở phần “Văn nghệ Mường” thể loại dân ca được tác giả tiếp cận và nhắc đến duy nhất ở đây là hát gheo - Một thể loại ca hát được bắt nguồn từ tục kết nước nghĩa giữa hai tộc người Mường - Kinh ở huyện Thanh Sơn và huyện Tam Nông. Là thể loại dân ca duy nhất được đề cập đến nhưng hát gheo chỉ được giới thiệu một cách sơ lược về tên gọi, thể lệ ca hát giữa đôi bên nước nghĩa và cũng không đưa ra dẫn chứng bất kỳ một bài bản ca hát cụ thể nào. Sở dĩ hát gheo được tác giả nhắc đến duy nhất và sơ lược

trong cuốn tài liệu này, theo chúng tôi có lẽ đây chính là thể loại ca hát mang tính độc đáo nổi bật chỉ có ở vùng Mường đất Tổ bởi, nó là sự kết nối quan trọng của mối quan hệ gắn bó đoàn kết giữa hai tộc người khác nhau cùng trong môi liên kết tín ngưỡng văn hóa gần nhau.

Đời sống văn hóa người Mường ở Phú Thọ hiện lên khá sinh động qua từng hình ảnh, trong tổng thể nghiên cứu của tác giả, nhưng dân ca lại không phải là đối tượng được quan tâm ở đây. Như vậy, *Người Mường trên đất Tổ Hùng Vương* chỉ mang tính bao quát sơ lược về các hoạt động sinh hoạt đời thường của cộng đồng người Mường. Về phần sinh hoạt văn hóa tinh thần, ngoài hát gheo ra, công trình không nhắc đến bất cứ thể loại dân ca nào khác của người Mường ở Phú Thọ.

Cuốn sách *Văn hóa dân gian dân tộc Mường ở Phú Thọ* của tác giả Dương Huy Thiện [109] đề cập đến khá nhiều các thể loại và bài bản dân ca người Mường. Trong phần viết “Văn học” và phần “Văn hóa văn nghệ dân gian người Mường” (tính từ trang 339 đến trang 448) tác giả đã đưa ra một số bài bản dân ca như: xường rang, hát gọi lúa, hát ví, hát rang, hát gheo, hát sắc bùa... Mỗi thể loại bài bản, tác giả giới thiệu được một hoặc vài bài hát điển hình ở các vùng Mường Yên Lập, Thanh Sơn tuy nhiên, với góc nhìn của một nhà giáo dục văn nên khi việc nghiên cứu thu thập về bài bản dân ca, ông chỉ có thể ghi chép lưu giữ được phần lời ca cho các bài hát chứ không thể ghi chép đầy đủ cả phần nhạc hoàn thiện được. Do đó, khi tiếp xúc với các bài dân ca trong tài liệu của tác giả người nghiên cứu sẽ gặp phải hạn chế do không biết được bài hát đó có giai điệu như thế nào.

Xét trong bối cảnh khi sưu tầm những bài bản dân ca với chủ yếu phần lời này, một điều hiển nhiên được khẳng định cho chúng ta thấy đó là, mục đích nghiên cứu chính của tác giả nhằm khẳng định dân ca là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa dân gian Mường, dân ca phản ánh tư tưởng, tình cảm của người dân trong cuộc sống. Do vậy, trong công trình này, dân ca chỉ là một phần của đối tượng mà tác giả quan tâm đến.

Trong một số tư liệu khác, các nhà sưu tầm và nghiên cứu văn hóa địa phương đã sưu tầm một số bài bản dân ca và ghi chép lại phần lời cùng với các sinh

hoạt văn hóa văn nghệ dân gian Mường, có thể kể đến như: *Truyền thuyết Hùng Vương*, nhiều tác giả, xuất bản năm 1973 trong đó có một số lời ví của người Mường; *Tổng tập văn nghệ dân gian đất Tổ - tập 3*, xuất bản năm 2002; *Văn hóa dân gian huyện Yên Lập* của các tác giả Dương Huy Thiện, Đoàn Hải Hưng, xuất bản năm 2004 trong khuôn khổ dự án “Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam” của Hội VNDGVN; *Những làng văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc ở tỉnh Phú Thọ của nhóm tác giả* Đoàn Hải Hưng, Trần Văn Thục, Nguyễn Phi Nga, xuất bản năm 2009; *Văn hóa dân gian một số dân tộc thiểu số huyện Yên Lập - tỉnh Phú Thọ* của nhóm tác giả Dương Huy Thiện, Trần Quang Minh, Đoàn Hải Hưng trong khuôn khổ dự án *Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam* của Hội VNDGVN...v.v... Các tài liệu này khi nghiên cứu, giới thiệu về thể loại dân ca dân gian các dân tộc ở tỉnh Phú Thọ thì dân ca người Mường cũng được giới thiệu với một số bài bản mà các tác giả đã sưu tầm trong dân gian như: hò đu, hát ví, cầu gọi vía lúa... mỗi thể loại có khoảng từ 1 - 2 bài được ghi chép chủ yếu phần lời ca chứ chưa có phần ghi về cấu trúc âm nhạc. Qua các tài liệu về văn hóa dân gian Phú Thọ, có thể thấy phần nhiều trong số đó là những bài bản được sưu tầm, ghi chép của nhà nghiên cứu Dương Huy Thiện, Nguyễn Đình Vy, và chúng thường được in lặp lại trong hầu hết các sách trên.

Một số bài viết qua các trang báo điện tử, báo địa phương của một số nhà báo, nhà nghiên cứu, phê bình có đề cập đến các dạng hoạt động văn hóa dân gian người Mường Phú Thọ, tuy nhiên các bài bản dân ca người Mường được đề cập thoáng qua, hoặc thậm chí chúng không hề được đề cập tới bởi có thể do người viết chưa có cơ hội được tiếp xúc, lắng nghe và chưa cảm nhận được giai điệu dân gian, hay có thể do yêu cầu trong khuôn khổ của những bài viết không đủ để trình bày được hết các nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa nghệ thuật dân gian. Trong các trang báo đó, các bài bản dân ca chỉ được nhắc đến trong quá trình liệt kê về tên, loại hình nghệ thuật dân gian người Mường mà thôi.

Như vậy, thông qua phân tích, nghiên cứu một số tài liệu của các tác giả đi

trước chúng tôi thấy, nếu xét những nghiên cứu về người Mường nói chung thì đây chính là đối tượng được rất nhiều các nhà nghiên cứu để tâm tìm hiểu và đi sâu vào mọi mặt đời sống sinh hoạt cộng đồng cũng như trong đời sống văn hóa tâm linh, đặc biệt từ sau khi Dự án *Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam* của hội VNDGVN được phê duyệt thì số lượng các tác phẩm nghiên cứu về đời sống cộng đồng người Mường ở Việt Nam ngày càng được tăng lên với đầy đủ mọi loại hình, thể loại văn hóa trong đó có dân ca. Người Mường ở các vùng Hòa Bình, Thanh Hóa, Sơn La, Nghệ An được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu (chúng ta có thể thấy rõ qua hệ thống các nghiên cứu về đời sống văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần người Mường thông qua các đầu sách của các tác giả đã được in ấn và công bố). Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu về người Mường và văn hóa dân gian Mường ở Phú Thọ không có nhiều, nội dung chủ yếu được đề cập là tổng quát chung về văn hóa dân gian qua các khía cạnh: Hoạt động lễ hội, tín ngưỡng dân gian, tri thức dân gian... Nếu như ở Hòa Bình và Thanh Hóa có những nghiên cứu mang tính chuyên sâu riêng về từng thể loại dân ca trong đời sống người Mường (Hòa Bình - hát ví đối, hát lời thương..., Thanh Hóa - hát ru, hát xường) thì ở Phú Thọ hầu như chưa có bất cứ công trình nào nghiên cứu về dân ca Mường nói chung hay nghiên cứu từng thể loại dân ca Mường nói riêng.

1.2. Cơ sở lý luận

Những quan điểm nghiên cứu về dân ca, những quan điểm về nghiên cứu văn hóa nói chung, văn hóa dân gian nói riêng có liên quan đến đối tượng và mục tiêu nghiên cứu.

1.2.1. Các quan điểm liên quan vấn đề nghiên cứu

1.2.1.1. Một số quan điểm nghiên cứu về dân ca

Nhìn nhận và đánh giá tác động của dân ca đối với cuộc sống sinh hoạt con người, mỗi nhà nghiên cứu trong từng góc độ cảm nhận và cả sự tiếp cận với từng đối tượng cụ thể đã có những nhận xét, khái quát về dân ca một cách chi tiết theo từng mức độ cụ thể. Phạm Phúc Minh trong tài liệu *Tìm hiểu dân ca Việt Nam* đã định nghĩa về dân ca một cách cụ thể rõ ràng đó là: “Những bài hát cổ truyền do

nhân dân sáng tác, được lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác và được nhân dân ca hát theo phong tục tập quán của từng địa phương, từng dân tộc” [61, tr.11]. Nghiên cứu chuyên sâu về dân ca người Việt, thông qua những sưu tầm tìm hiểu khúc hát, làn điệu dân ca của mỗi vùng, miền đã tạo nên những ấn tượng cho nhà nghiên cứu với sự hoàn thiện trau chuốt về cấu trúc âm nhạc cũng như ý nghĩa trong lời ca giai điệu của các bài bản dân ca người Việt. Do đó, việc nhìn nhận và khẳng định dân ca là “những bài hát” chính là sự khẳng định mức độ hoàn chỉnh của những bài bản dân ca ấy trong hệ thống âm nhạc dân gian nói chung.

Nhà nghiên cứu Tú Ngọc, tuy không định nghĩa hay khái niệm một cách cụ thể rõ ràng về dân ca nhưng bằng việc giải thích về nguồn gốc sự hình thành của những bài hát lao động trong nghiên cứu *Dân ca người Việt* ông đã khẳng định âm nhạc (nghệ thuật nói chung) được “Nảy sinh từ quá trình lao động sản xuất của con người. Một bộ phận của âm nhạc gắn liền với lao động sản xuất, trực tiếp phục vụ quá trình sản xuất vật chất của con người, có mối liên hệ mật thiết với những hình thái công việc lao động. Tiêu biểu cho bộ phận âm nhạc này là những bài ca lao động trong nghệ thuật dân gian của các dân tộc trên thế giới” [68, tr.16]. Từ trong quá trình lao động sản xuất con người giao tiếp, trao đổi với nhau mà hình thành nên những câu hát giao duyên, nhịp điệu trong các hoạt động lao động cùng môi trường diễn xướng khẳng định cho tính chất dân ca thêm phần sinh động, rộn ràng hơn.

Âm nhạc cổ truyền Việt Nam nói chung là những sản phẩm có tính giá trị tinh thần cao được hình thành bởi sự gọt dũa, chắt lọc qua bao đời, bao thế hệ người Việt Nam. Mỗi thể loại đều khẳng định tiếng nói riêng, chứa đựng sự sáng tạo và công sức mang tính tập thể của những người dân lao động trong quá trình cùng vun đắp, tạo dựng nên sản phẩm tinh thần độc đáo. Nhìn nhận mang tính bao quát để từ đó khẳng định cho sự tồn tại của những giai điệu dân ca, nhà nghiên cứu Nguyễn Thụy Loan đã cho rằng “Dân ca Việt Nam là những *tác phẩm thanh nhạc* do tập thể nhân dân cùng góp phần sáng tạo và biểu diễn” [55, tr.209]. Cũng mang tính chất sơ lược để tổng hợp các loại hình văn hóa trong đời sống xã hội nói chung, khi nghiên cứu về “Các thể loại trữ tình dân gian” trong *Phân Văn học dân gian* nhà nghiên

cứu Đinh Gia Khánh cho rằng “Dân ca là những bài hát, câu hát dân gian trong đó cả phần lời và phần giai điệu đều có vai trò quan trọng đối với việc xây dựng hình tượng hoàn chỉnh của tác phẩm” [45, tr.588].

Mỗi nhà nghiên cứu với cách thức nhìn nhận và đánh giá chung về văn hóa dân gian cũng như riêng rẽ cho loại hình dân ca với từng góc độ tiếp cận, cách thức để nhận định về loại sản phẩm tinh thần này thông qua sự tác động của chúng đối với con người trong các mối quan hệ qua lại. Mỗi dân tộc khác nhau, từng công việc và sự ảnh hưởng của hoạt động, trong quá trình giao tiếp đã làm nảy sinh ra các làn điệu dân ca, tạo nên sự đa dạng cho việc đánh giá các bài bản ấy ở góc độ là “tác phẩm thanh nhạc” hay chỉ là một làn điệu, một câu hát. Dân ca được hình thành từ sự sáng tạo của người dân lao động, lời ca dân ca được bắt nguồn từ ca dao, tục ngữ trong dân gian mà nên. Mỗi vùng, miền lại tùy thuộc vào hoàn cảnh sống, điều kiện sinh hoạt, phong tục, tập quán, mỗi tộc người lại tùy thuộc vào mức độ phát triển, sự đa dạng trong các khía cạnh xã hội... mà bài bản dân ca ra đời trong sự hoàn thiện trau chuốt mang tính tròn vẹn như một ca khúc hoàn chỉnh hay cũng như đó chỉ là những câu hát, những khúc hát ngắn gọn thể hiện tâm tư, ý nguyện của người dân mà thôi.

Suy xét qua các khái niệm và quan điểm của một số nhà nghiên cứu khi nhìn nhận về dân ca nói chung cùng với việc trực tiếp điền dã thu thập tài liệu từ các vùng Mường để so sánh, nhận định mọi vấn đề có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của dân ca trong cộng đồng người Mường hiện nay chúng tôi nhận thấy, dựa theo cách đánh giá, nhận định của nhà nghiên cứu Đinh Gia Khánh nhìn từ góc độ văn hóa dân gian thì dân ca Mường Phú Thọ chính là những “câu hát dân gian trong đó cả phần lời và phần giai điệu đều có vai trò quan trọng” [45, tr.588], chúng cũng là những ngôn ngữ giao tiếp của người dân mang tính tự sự rất đời thường.

Chứa đựng những nét đặc trưng riêng biệt, từ nhịp điệu hoạt động trong cuộc sống lao động đến các mối quan hệ giao tiếp giữa con người với con người, người Mường luôn khẳng định giá trị bản sắc văn hóa riêng đặc biệt là những giá trị về đời sống tinh thần trong đó nổi bật là câu hát dân ca. Dân ca người Mường với những

tâm tư bình dị, là ngôn ngữ giao tiếp đời thường, lời ca mộc mạc như bản chất sẵn có của người dân lao động quanh năm với công việc lên nương, làm rẫy trong không gian yên ả của núi rừng, làng bản. Để có thể hiểu rõ hơn về những giai điệu giản dị đó qua các nghiên cứu cụ thể về dân ca Mường nhằm chứng minh cho sự gắn kết của chúng với cuộc sống sinh hoạt của người dân cùng các mối quan hệ xã hội. Chúng tôi xin đi vào nghiên cứu vài nét khái quát, tìm hiểu về dân ca người Mường nói chung.

1.2.1.2. Quan điểm nguyên hợp trong nghiên cứu văn hóa dân gian

Trong các nghiên cứu về văn hóa dân gian nói chung, tính nguyên hợp trong văn hóa dân gian được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đề cao, đặc biệt là những nghiên cứu của các học giả nước ngoài. Mỗi người với góc độ nhìn nhận và sự cảm nhận, quan tâm về các hiện tượng văn hóa khi tiếp xúc đã tạo nên nhiều hướng nhìn, đánh giá riêng từng đối tượng văn hóa, tuy vậy họ gần như đều có chung ý kiến nhấn mạnh việc đặt folklore trong bối cảnh diễn xướng trong đó các yếu tố người biểu diễn, người thưởng thức, không gian, chức năng phản ánh... nhằm khẳng định sự tồn tại của chủ thể văn hóa.

Nhà nghiên cứu Đinh Gia Khánh là một trong những nhà nghiên cứu sớm nhìn nhận ra tầm quan trọng của tính nguyên hợp trong văn hóa dân gian. Bất cứ văn hóa dân gian nào cũng đều nằm trong một tổng thể nguyên hợp thể hiện mọi mặt của đời sống vật chất và tinh thần con người. Ông nhận định: “Văn hóa dân gian là một nghệ thuật nguyên hợp” [45, tr.836] và “Để có thể tìm hiểu một cách sâu sắc tác phẩm văn hóa dân gian phải có nhận thức đúng về tính chất nguyên hợp ấy” [45, tr.853]. Tính nguyên hợp trong văn hóa dân gian thể hiện ở các mặt nội dung và nghệ thuật với sự tổng hợp của nhiều phương thức, loại hình hoạt động trên các bình diện mà nhà nghiên cứu Đinh Gia Khánh đã nêu bao gồm:

Mối quan hệ chặt chẽ giữa nghệ thuật và thực tiễn trong quá trình sáng tạo văn hóa dân gian.

Mối quan hệ giữa các thành tựu khác nhau của những thời đại khác nhau và của những địa phương khác nhau.

Mối quan hệ giữa các thành tố của văn hóa dân gian - folklore [45, tr.839]

Dân ca người Mường ở Phú Thọ là hiện tượng văn hóa nghệ thuật dân gian gắn liền với những nếp sinh hoạt của đời sống cộng đồng người dân, vì thế sinh hoạt ca hát dân ca Mường luôn bao gồm những yếu tố về *biểu diễn dân gian, chủ thể sáng tạo, môi trường, hoàn cảnh, mục đích, đối tượng thường thức...* Mỗi câu hát cất lên đều gắn liền với đời sống, tâm tư của con người trong bối cảnh cụ thể, do vậy nếu xét dân ca Mường từ góc độ *biểu diễn dân gian* chúng ta sẽ nhận thấy các yếu tố như *âm nhạc, trình diễn*; từ góc độ *không gian* với các yếu tố *hoàn cảnh sáng tạo, không gian, môi trường tồn tại*; bên cạnh đó cũng bao gồm cả yếu tố thời gian và chủ thể sáng tạo nên những bài bản dân ca này. Các yếu tố này đã tổng hợp hình thành nên một “chính thể nguyên hợp” trong hiện tượng dân ca người Mường.

1.2.1.3. Tiếp cận bối cảnh trong nghiên cứu văn hóa

Với mỗi đối tượng nghiên cứu nói chung đều có những bối cảnh, hoàn cảnh gắn với đặc điểm, vị trí và vai trò của chúng trong từng thời điểm cụ thể khi mà chúng xuất hiện... Tất cả những bối cảnh, hoàn cảnh xuất hiện đó đều nhằm khẳng định về không gian, thời gian đồng thời hỗ trợ cho quá trình hình thành cũng như sự phát triển của đối tượng chính cần nhắc đến trong xã hội.

a. Những cách hiểu về “bối cảnh”

Xét theo các cách hiểu về bối cảnh nói chung đã có nhiều người, nhiều ý kiến hiểu theo nghĩa đơn giản nhất, cụ thể nhất khi cho rằng bối cảnh là những vấn đề xung quanh xoay quanh một sự vật mang tính trọng tâm, có thể lấy dẫn chứng về cách nhìn nhận này qua các tài liệu sau:

Trên trang báo mạng *Kienthucvui.vn* đã đăng đàn bài viết nghiên cứu về bối cảnh và cho rằng “Bối cảnh” là một từ Hán Nôm với ý nghĩa là những hình ảnh, những quang cảnh đứng ở phía sau của một sự vật được coi là chính phía trước, là bố cục xung quanh làm nổi bật cho một nhân vật trọng tâm ở giữa trong một khung cảnh cụ thể, rõ ràng đồng thời cũng giải thích câu chữ một cách cụ thể hơn, rõ ràng hơn về cụm từ “Bối cảnh” theo nghĩa đen đó chính là quang cảnh, là cảnh vật sau lưng và theo nghĩa mở rộng thì đó là hoàn cảnh, là tình hình thực tế hoặc tình huống có tác động đối

với một con người hoặc một sự kiện. Ngoài ra nó còn là nguyên nhân để xảy ra hoàn cảnh cụ thể nào đó. Hiểu một cách nôm na, bối cảnh chính là những hình ảnh phụ xung quanh đối tượng chính trong bức ảnh, nhằm làm nổi bật chủ đề và tăng thêm giá trị nội dung của bức ảnh (truy cập ngày 10/11/2020) [153, tr.1].

Giải thích cho từ “Bối cảnh là gì?” trang điện tử *tratu.soha.vn* giải thích với một dòng ngắn gọn đó là: Điều kiện lịch sử, hoặc hoàn cảnh chung có tác dụng đối với một con người, hoặc một sự kiện [157, tr.1].

Theo cách giải thích của các tư liệu trên thì bối cảnh ở đây được ví như một bức ảnh với bố cục được chọn lọc, được sắp đặt sẵn theo ý tưởng của người đạo diễn nhằm làm đẹp, nổi bật cho “nhân vật” trọng tâm. Lựa chọn kiểu những bối cảnh này chỉ phù hợp với các loại hình nghệ thuật biểu diễn mang tính sân khấu khi người ta muốn tôn vinh một nhân vật, một sự kiện thì những vấn đề xung quanh nó sẽ được sắp xếp các góc sẵn theo ý tưởng để làm nền cho việc nổi bật của cái trọng tâm.

Nghiên cứu, tìm hiểu bối cảnh xung quanh một hiện tượng nghệ thuật dân gian được sản sinh, hình thành và phát triển từ trong đời sống tinh thần của con người ta sẽ thấy bối cảnh của dân ca khác hẳn, nó không giống như hậu cảnh của một bức ảnh. Dân ca ra đời luôn gắn liền với những hoạt động trong cuộc sống của con người, những làn điệu dân ca được hình thành từ trong các mối quan hệ giao tiếp của con người trong lao động sản xuất, trong cuộc sống đời thường. Lời ca dân ca là những chất chứa tâm tư tình cảm của cả một thế hệ, cả một giai đoạn xã hội khi nó chính là thứ ngôn ngữ giúp cho họ được dễ dàng bày tỏ, thấu hiểu, lưu truyền, chứa đựng trong đó là cả một nếp văn hóa nổi bật mang tính truyền thống dân tộc. Khi cuộc sống của con người có sự thay đổi chuyển biến từ mức độ này sang mức độ kia thì lẽ tất yếu là những nhu cầu trong sinh hoạt của cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cũng sẽ có sự chuyển biến theo. Với loại hình sinh hoạt ca hát dân ca sẽ luôn luôn có sự chuyển động biến đổi theo nhu cầu của con người, đời sống cộng đồng thay đổi thì ca hát dân ca cũng thay đổi theo, bởi đó chính là nhu cầu, là “ngôn ngữ” mà người dân sử dụng để giao tiếp, truyền tải những vấn đề mà họ cần. Như vậy, xét đến bối cảnh dân ca chúng ta sẽ thấy rõ sự biến động, đổi thay

của nó theo chính những chuyển động của xã hội. Nhu cầu đời sống con người càng tới đâu thì những nếp sinh hoạt văn hóa sẽ được thực thi hiện hữu tới đó, những giai điệu dân ca dân gian luôn được cất lên trong các nếp hoạt động của cuộc sống tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn xã hội phát triển thì nó lại được quan tâm, để ý ở một mức độ khác nhau và cách thức hiện hữu của nó cũng có sự khác nhau, mức độ thay đổi bài bản dân ca cho phù hợp với nhu cầu nhận thức của con người cũng mặc nhiên dẫn đến sự khác nhau.

Từ quá trình tồn tại của những bài bản dân ca trong sự phát triển của xã hội, những nhu cầu thực tế của các tầng lớp người dân hiện nay đối với việc tiếp thu dân ca, chúng ta có thể đi đến nhận định chung về dân ca và bối cảnh của nó đó là: Tùy vào từng hoàn cảnh sống của con người trong xã hội mà những làn điệu dân ca luôn có sự hình thành và tồn tại ở các mức độ khác nhau, bối cảnh làm nảy sinh ra giai điệu dân ca ấy phải phụ thuộc vào quá trình chuyển biến của xã hội cũng như những tác động của nhận thức con người ảnh hưởng tới nhu cầu thưởng thức dân ca trong cộng đồng. Vì vậy, từng thể loại dân ca ra đời và luôn gắn kết với nhu cầu thưởng thức của người dân trong từng hoàn cảnh cụ thể thì bối cảnh hình thành nên giai điệu dân ca ấy cũng luôn có sự biến động, thay đổi theo chiều hướng ra đời và phát triển của nó.

Huỳnh Vũ Lam khi nghiên cứu dịch thuật tài liệu đã tổng hợp những ý kiến về các dạng bối cảnh với những mối quan hệ và cấp độ quan trọng của nó trong hoàn cảnh xã hội. Tác giả dẫn chứng “Theo Dundes, bối cảnh của một tiết mục folklore là một hoàn cảnh xã hội đặc biệt mà trong đó, các tiết mục cụ thể được sử dụng thực tế” [154, tr.1]. Bối cảnh trong sinh hoạt folklore không chỉ là hoàn cảnh cụ thể làm nảy sinh hoạt động đó mà nó còn chi phối, ảnh hưởng cả đến nội dung của đối tượng folklore. Cùng trong một thời điểm xuất hiện, cùng trong một môi trường hoạt động nhưng bối cảnh sẽ chi phối, tác động để dẫn đến các đối tượng folklore sẽ có sự khác nhau về nội dung, về “kết cấu”. Xét theo những dẫn chứng này để áp dụng cho đối tượng nghiên cứu chúng tôi thấy rất đúng khi mà tùy vào từng bối cảnh cụ thể, những bài bản dân ca ra đời có cùng chung thể loại nhưng

chúng cũng có nhiều điểm khác nhau, cách thức thể hiện cũng có thể khác nhau. Bối cảnh đã chi phối, góp phần quan trọng hình thành nên giai điệu và cũng đánh giá rõ vai trò của dân ca trong đời sống xã hội. Ở vào thời điểm này khi cuộc sống con người lấy lao động chân tay làm chính thì những bài bản dân ca luôn được coi như một món ăn tinh thần quan trọng, quý giá nhưng ở vào thời điểm kia khi công nghệ máy móc hiện đại thay thế cho sức người thì những câu hát dân ca vẫn được cất lên nhưng chúng không mang tính phổ cập rộng rãi nữa, chúng chỉ được xuất hiện trong các cuộc vui liên hoan, trong góc độ nhu cầu khi mà người ta cần đến chúng.

Bối cảnh luôn được coi là một loại khái niệm cơ bản trong nghiên cứu nhân học văn hóa. Từ trong bối cảnh cụ thể sẽ khẳng định nền văn hóa với những điểm sáng trong đời sống cộng đồng, con người là đối tượng hình thành nên văn hóa nhưng đồng thời cũng phải đảm bảo đầy đủ những yêu cầu cơ bản của văn hóa để con người phát triển toàn diện hơn. Sự gắn kết văn hóa trong bối cảnh xã hội nhằm đảm bảo tính giá trị chuẩn mực của vấn đề trong quá trình phát triển chung, đồng thời phản ánh rõ nét hơn vị trí của nhân vật trọng tâm trong giai đoạn xã hội đó. Như vậy thì, bối cảnh nói chung sẽ có vai trò quan trọng trong việc cung cấp, đáp ứng cho chúng ta về những vấn đề xung quanh xảy ra của hoàn cảnh mà đối tượng trung tâm xuất hiện và phát triển.

Với bất cứ một tác phẩm văn hóa dân gian hay một hiện tượng diễn xướng dân gian nào thì sự xuất hiện, lưu truyền của nó luôn được khẳng định bởi bối cảnh mà nó hiện diện. Mỗi tiết mục dân gian khi xuất hiện chỉ có thể phù hợp với một bối cảnh cụ thể nhất định đồng thời ở từng giai đoạn, từng thời điểm diễn xướng khác nhau với không gian và hoàn cảnh diễn ra cũng khác nhau sẽ làm cho tiết mục ấy có sự biến đổi sao cho phù hợp với nhu cầu của đối tượng thưởng thức nó. Vậy có nghĩa, bối cảnh luôn đóng vai trò quan trọng tạo nên sức hấp dẫn, sinh động cho tiết mục diễn xướng dân gian đồng thời cũng từ tiết mục ấy nếu được diễn ra ở nhiều bối cảnh khác nhau sẽ dẫn đến mức độ truyền tải nghệ thuật dân gian khác nhau. Một bài bản dân ca được hình thành nên từ chất liệu là những sinh hoạt trong cuộc sống người dân nhưng quá trình phát triển của nó lại phụ thuộc vào từng bối cảnh

diễn xướng cụ thể. Tùy thuộc vào từng mức độ cảm nhận của người thể hiện để trình diễn nó như lời của nghệ nhân Đinh Văn Thành thì, việc thể hiện một làn điệu dân ca phù hợp trong không khí lễ hội sẽ làm cho tinh thần người hát được phấn chấn hơn, nhiệt tình hơn so với việc thể hiện cũng bài bản dân ca ấy trong một cuộc gặp gỡ mang tính chất giao lưu khác.

b. Bối cảnh trong một số nghiên cứu văn hóa

Nghiên cứu văn hóa dân gian với việc chuyển hướng vận dụng đi vào tìm hiểu những dạng bối cảnh diễn ra xung quanh tình huống, quá trình diễn xướng của đối tượng (*văn bản*) có sự ảnh hưởng của ngành nhân học văn hóa đã được xem là phương pháp mới trong nghiên cứu folklore nói chung hiện nay. Người ta quan tâm đến bối cảnh, đến những yếu tố hoàn cảnh cụ thể tác động trực tiếp đến đối tượng để khẳng định giá trị chắc chắn cho hoàn cảnh ra đời của đối tượng đó bởi theo quan điểm nghiên cứu được chuyển sang hướng mở rộng hơn nhằm khai thác sâu rộng và đầy đủ nhất đến các vấn đề diễn ra xung quanh, nhiều nhà nghiên cứu đều chỉ ra rằng nếu việc nghiên cứu folklore được tách rời ra khỏi địa điểm, thời gian và xã hội đã sản sinh ra nó đồng thời chỉ quan tâm đến nó ở dạng *văn bản hóa* thì điều chắc chắn rằng các tác phẩm ấy sẽ bị thay đổi một cách rõ rệt mà quan trọng nhất đó là sự thay đổi về chất - cái cốt lõi bên trong hình thành nên tác phẩm folklore ấy. Ở đây, chúng tôi không thực hiện việc nghiên cứu giống như những người đi trước về bối cảnh mà chỉ khái quát, tổng hợp sơ lược vấn đề nhằm nhận thức rõ hơn các hoạt động văn hóa nói chung xảy ra trong bối cảnh thời gian ấy như thế nào, những ảnh hưởng của xung quanh đối với văn hóa và sự tác động ngược lại của chính nó.

Nghiên cứu mối quan hệ của văn hóa dân gian với hoạt động thực tiễn, nhà nghiên cứu Đinh Gia Khánh cho rằng “Văn hóa dân gian, bao gồm những sáng tạo nảy sinh trong hoạt động thực tiễn của đông đảo những người lao động. Và ở những sáng tạo ấy, mục đích ích dụng và yêu cầu thẩm mỹ gắn bó chặt chẽ với nhau” [45, tr.841]. Khi văn hóa dân gian là những ước mơ, những nhu cầu của chính con người trong sự phát triển của đời sống, là tiếng nói giúp con người tự hoàn thiện mình hơn, là công cụ giúp con người có thể sử dụng trong các mối quan hệ. Những nhu

cầu ấy đã dần trở thành nếp, thành thói quen gắn liền với những hoàn cảnh nhất định của xã hội thì văn hóa dân gian sẽ luôn là nhân tố quan trọng trong những lễ thói, phong tục ấy.

Trong các giai đoạn hình thành và phát triển của nước ta kể từ thời kì xã hội nhà nước Văn Lang - thời các Vua Hùng dựng nước, lịch sử văn hóa dân tộc đã không ngừng thay đổi phát triển, tiếp thu những thành tựu văn hóa nhân loại để tự hoàn thiện mình, hòa nhập cùng dòng chảy khu vực để ngày càng khẳng định bản chất dân tộc trong những giá trị chung đã đạt được. Mỗi giai đoạn dấu mốc lịch sử đi qua đều là niềm tự hào dân tộc, là sự khẳng định giá trị tinh thần của con người Việt trong tấm gương soi rộng lớn khu vực bởi những cốt lõi tinh hoa đã được định hình cho bản sắc văn hóa nói chung. “Đông Nam Á là một chỉnh thể lịch sử - văn hóa thống nhất. Việt Nam là một bộ phận trong chỉnh thể đó” [22, tr.45]. Như vậy, trong bối cảnh phát triển của Đông Nam Á với sự trưởng thành của những thành tựu văn hóa mà con người đã vun đắp cấy trồng nên qua các giai đoạn lịch sử, khẳng định cho bước tiến của mình trong không gian ấy, từng dân tộc từng quốc gia trong khu vực đều phải tự “xây dựng lịch sử của mình một cách tự giác và có tổ chức”.

Như vậy, xét theo góc độ của một số tộc người trong một địa danh hẹp hay một quốc gia trong khu vực thì văn hóa luôn có sự biến đổi, phát triển phù hợp theo nhu cầu của con người trong xã hội. Lịch sử xã hội thay đổi, bối cảnh xã hội thay đổi sẽ dẫn đến đời sống xã hội cũng thay đổi. Con người trong một giai đoạn với nhận thức tư duy mới, nhu cầu trong đời sống phát triển theo chiều hướng hiện đại dần sẽ làm cho cục diện xã hội đổi thay dần theo hướng hiện đại hóa, mọi hoạt động trong cuộc sống sẽ dần đáp ứng một cách đầy đủ hơn, mới hơn và hiện đại hơn.

Từ góc độ văn hóa dân gian, khi nghiên cứu trong bối cảnh có tác động đến sự ra đời và phát triển, những ảnh hưởng của mọi hoạt động đời sống cộng đồng đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình thành, phát triển của nghệ thuật dân gian. Văn hóa nói chung là tất cả những sáng tạo do con người tạo nên trong các mối quan hệ với thế giới xung quanh, “Văn hóa là tất cả những gì do con người sáng tạo ra” [22, tr.1183]. Con người là chủ thể của văn hóa, từ những hoạt động cuộc sống của con

người sẽ làm nảy sinh ra các mối quan hệ với những mức độ cao - thấp đáp ứng theo yêu cầu mà xã hội cần đồng thời chi phối những mối quan hệ ấy trong khuôn khổ được định sẵn của các mức quan hệ xã hội. Văn hóa dân gian chính là những sáng tạo do con người tạo ra, đó là những mối quan hệ, những sản phẩm mang tính giá trị cao trong đời sống tinh thần của con người được bảo lưu, lưu truyền từ đời này sang đời khác, những sản phẩm ấy đã khẳng định cho giá trị của một dân tộc được nhìn nhận trong mức độ phong phú bởi những tinh hoa mà con người tạo dựng nên. Mỗi dân tộc với bản sắc văn hóa dân gian riêng biệt, những đặc trưng trong đời sống cộng đồng nổi bật sẽ làm cho màu sắc văn hóa chung của một quốc gia thêm phong phú đa dạng hơn.

Sự hình thành của những loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian trong các khung cảnh môi trường sống của từng khu vực, từng dân tộc khác nhau sẽ dẫn đến nét đa dạng, phong phú của hệ thống những thể loại văn hóa dân gian mang tính đặc trưng. Môi trường sống tạo dựng nên sự khác biệt cho những giá trị bản sắc văn hóa, cộng đồng dân tộc sản sinh ra những cốt lõi quan trọng cho những thể loại văn hóa dân gian được hình thành, quá trình phát triển và tiếp biến sẽ làm tăng thêm giá trị cho hệ thống văn hóa ấy ngày càng phong phú, nổi bật hơn.

Mỗi loại hình văn hóa nói chung gắn với bối cảnh cụ thể trong từng vấn đề cụ thể sẽ tạo nên sự liên kết mới cho việc hình thành và xuất hiện của các chuỗi sự việc. Bối cảnh luôn là những giá trị cơ bản tạo dựng nên khung cảnh chính, do đó ở một thời điểm nhất định khi có sự hiện hữu của một nếp sinh hoạt văn hóa sẽ là cơ hội để hình thành nên những hoạt động gắn với nếp văn hóa ấy và dần trở thành phong tục, thành thói quen trong cuộc sống, mang ý nghĩa to lớn ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của con người.

Từ những vấn đề nghiên cứu, tiếp cận về bối cảnh nói chung chúng tôi xin được sơ lược về bối cảnh cuộc sống đương đại để nhằm so sánh, nhận định những giá trị văn hóa dân gian nói chung dân ca nói riêng trong sự phát triển với nhu cầu liên quan đến đời sống người dân.

c. Về bối cảnh đương đại

Trước hết, ta hiểu *đương đại* nghĩa là tất cả những cái thuộc về hiện tại,

những vấn đề đang hiện hữu, đang xảy ra, diễn ra. Bối cảnh đương đại bao gồm tất cả những sự việc, sự vật, không gian xã hội và cả con người đang được diễn ra trong thời gian hiện tại. Người ta thường ghép cụm từ hiện tại với quá khứ, tương lai để nhận định, so sánh một cách chính xác hơn. Hiểu theo nghĩa thực thì quá khứ là cái đã qua, đã xảy ra trong thời gian trước, giai đoạn trước và được nhìn nhận, đánh giá ở một mức độ nào đó - Tương lai là những gì sắp được đề cập tới, sắp diễn ra và nó đang được định hình ở một không gian cụ thể sẽ được nhắc đến trong giai đoạn tiếp theo sau - Hiện tại là những gì đang diễn ra, đang hiện hữu một cách cụ thể với đầy đủ mọi chi tiết, mọi vấn đề được đề cập. Cuộc sống con người với những mối quan hệ, hoạt động và cả những ảnh hưởng tác động bởi các yếu tố xung quanh môi trường sống đã trở thành đối tượng, nhân vật quan trọng tô vẽ, bồi đắp và xây dựng nên cốt lõi phát triển cho xã hội đương đại.

Xã hội luôn có sự chuyển động phát triển đi lên cùng những thành tựu khoa học do chính con người nghiên cứu sáng tạo nên. Bối cảnh xã hội luôn phù hợp với bối cảnh văn hóa trong quá trình hình thành, phát triển theo giai đoạn tương ứng. Văn hóa liên tục thay đổi trong sự dịch chuyển không ngừng của xã hội, các loại hình văn hóa cũng luôn được hoàn thiện và chỉnh thể cho phù hợp với yêu cầu, nhu cầu của con người trong xã hội ấy. Nghiên cứu sơ lược về văn học dân gian nhà nghiên cứu Đinh Gia Khánh cho rằng “Lịch sử văn học dân gian gắn liền với sức sống luôn luôn vươn lên của dân tộc ta” [45, tr.195], bối cảnh xã hội trong chế độ phong kiến đã có sự tác động mạnh mẽ đến những loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian trong đời sống nhân dân nói chung mà điển hình hơn cả đó là sự phát triển của các thể loại ca hát dân ca với vai trò quan trọng như một thứ vũ khí nhằm đả kích, chống lại chế độ hà khắc, oán nghiệt mà nhà nước phong kiến đó đã áp đặt lên đời sống của người dân.

Nghiên cứu bối cảnh trong cuộc sống đương đại của tầng lớp công nhân Việt Nam trước cuộc cách mạng CNH, HĐH với nhiều bước đổi thay của xã hội và sự phân cấp giàu nghèo đã trở thành ranh giới phân định, người công nhân có xuất thân chủ yếu từ các vùng quê nghèo tham gia lao động tại các khu công nghiệp chế xuất

sẽ gặp phải những khó khăn, rủi ro về đời sống, kinh tế xã hội. Tác giả Nguyễn Đức Lộc phân tích dựa trên yếu tố hoàn cảnh sống thực của họ trong khung cảnh cuộc sống khi có đầy rẫy những vất vả, toan tính, và cả bất trắc gặp phải trong quá trình lao động. Nghiên cứu bối cảnh xoay quanh đời sống con người để nhìn nhận, đánh giá từng chi tiết tác động, ảnh hưởng của nó tới sự phát triển nhận thức đó thực sự là một cái nhìn mang tính chân thực, cụ thể được tác giả đánh giá là một cách nhìn mới với chiều sâu của vấn đề nghiên cứu tác động đến đối tượng ở cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Đương đại là cái hiện hữu trong hiện tại có ảnh hưởng tới hoạt động trong đời sống cộng đồng, văn hóa đương đại sẽ mang tầm vóc của xã hội đương đại với những vấn đề, sự kiện diễn ra ngay trong thời điểm hiện tại một cách phù hợp với nhận thức của con người ở chính giai đoạn đó. Con người đương đại sẽ là thế hệ tiếp nhận những cái mới nhất trong thực tại, lưu giữ cái có sẵn được lưu truyền từ đời trước đồng thời bảo tồn và phát huy tất cả để chúng trở thành những giá trị quan trọng trong tương lai, bên cạnh đó con người đương đại vẫn luôn hoàn thiện, phát triển, thay đổi và không ngừng cập nhật mình theo xu hướng mới trong dòng chảy thời gian.

Từ bối cảnh đương đại để nhìn nhận ra những vấn đề có ảnh hưởng đến đời sống xã hội nói chung, những giá trị trong đời sống tinh thần nói riêng sẽ giúp chúng ta luôn phải đề tâm, quan tâm đến tất cả những sự việc có liên quan đến xã hội, liên quan đến cuộc sống con người đồng thời nhận thức tầm ảnh hưởng, tác động của chúng trong giai đoạn phát triển của lịch sử mà trong đó điển hình nhất phải nói đến là những giá trị cốt lõi mang lại sự phát triển của con người ở trong giai đoạn lịch sử ấy. Những làn điệu dân ca - ngôn ngữ đặc trưng dân tộc sẽ luôn được khẳng định bằng những giá trị nổi bật, được chất lọc trong xã hội thông qua hệ thống âm thanh đặc biệt của nó.

1.2.2. Quan điểm lý luận vận dụng trong luận án

Cộng đồng các dân tộc khi có sự đan xen lẫn nhau trong đời sống, có sự giao thoa, tiếp xúc trong quá trình sinh hoạt thì ắt sẽ dẫn đến hiện tượng hội nhập và biến

đổi văn hóa. Tuy nhiên, đó không hẳn là sự hội nhập hoàn toàn, họ biến đổi để cùng hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng chung nhưng ở mỗi dân tộc đó vẫn luôn giữ riêng cho mình những đặc trưng giá trị văn hóa mang tính bản sắc nổi bật và riêng biệt.

Biến đổi văn hóa với nhiều quan điểm nhìn nhận khác nhau của các nhà nghiên cứu khi xác định giá trị văn hóa có tác động đến đời sống cộng đồng thông qua các mức độ phát triển xã hội. Một xã hội với điều kiện cần và đủ để phát triển hơn lên, nâng cao đời sống vật chất cũng như mở mang tư duy và “nâng cấp” đời sống tinh thần cho con người thì lẽ dĩ nhiên xã hội đó cần phải có sự mở rộng giao lưu với bên ngoài, hội nhập đa chiều với nhiều loại hình văn hóa mới để từ đó chất lọc, học hỏi, tiếp thu những cái mới nhằm hòa quyện với cái sẵn có để hoàn thiện mình. Tuy nhiên, mức độ biến đổi (đặc biệt biến đổi trong văn hóa) chỉ nên dừng ở mức tiếp thu có sửa đổi, hòa nhưng không tan, hội nhập nhưng vẫn khẳng định cái chất sẵn có của mình để bổ sung thêm, nâng cấp lên, đưa nó lên sánh ngang tầm với thế giới, khẳng định mình trong sự phát triển chung của toàn xã hội.

Trong xu hướng biến đổi chung của xã hội với sự chi phối cơ bản của nền kinh tế thị trường, sự giao thoa với nhiều loại hình văn hóa mới trong trào lưu phát triển hội nhập của xã hội như hiện nay có thể thấy rằng, sinh hoạt văn hóa dân gian xưa kia của người dân Mường so với xã hội hiện tại nó đã được thay đổi nhiều cả về không gian, thời gian và đối tượng con người sử dụng, thưởng thức. Như vậy, biến đổi có thể hiểu đó là sự chuyển động các hoạt động trong đời sống con người từ cái cũ, cái lạc hậu sang cái hiện đại hơn qua quá trình phát triển của đời sống kinh tế, sự tiếp nhận với những cái mới nhằm cải biến, nâng cao lên nhận thức của cộng đồng trong các mối quan hệ. Bên cạnh đó, văn hóa là những giá trị nhận thức trong đời sống tinh thần của con người không dễ bị thay đổi, chuyển hóa. Dòng chảy văn hóa sẽ hiện đại hơn khi nhìn nhận của con người phát triển nâng cao hơn.

Một xã hội với điều kiện cần và đủ để phát triển hơn lên, nâng cao đời sống vật chất cũng như mở mang tư duy và “nâng cấp” đời sống tinh thần con người thì lẽ dĩ nhiên xã hội đó luôn cần phải có sự mở rộng giao lưu với bên ngoài, hội nhập đa chiều với nhiều loại hình văn hóa mới để chất lọc, học hỏi, tiếp thu cái mới, hòa

quyện với cái sẵn có để tự hoàn thiện mình. Trong trào lưu hội nhập và phát triển toàn cầu như hiện nay, người Mường và hệ thống dân ca Mường cũng nằm trong xu hướng kích hoạt biến đổi chung xã hội với sự chi phối cơ bản của nền kinh tế thị trường, của sự giao thoa với nhiều loại hình văn hóa mới. Nghiên cứu điền dã tại vùng Mường ở Phú Thọ về các hoạt động sinh hoạt văn hóa nói chung chúng tôi nhận thấy, các nếp sinh hoạt văn hóa đặc biệt là các hoạt động văn hóa dân gian trong đó có dân ca cũng đã có nhiều đổi mới hiện đại, nhiều hình thức đã được “thương mại hóa”, “hiện đại hóa” theo đòi sống mới nhằm phù hợp hơn với nhu cầu thị hiếu của nhiều đối tượng người xem.

Có thể nhận thấy rõ rằng các hoạt động trong sinh hoạt văn hóa dân gian xưa kia của người dân Mường so với xã hội hiện tại thì nó đã được thay đổi nhiều cả về không gian, thời gian và đối tượng con người sử dụng, thưởng thức.... Sự thay đổi này giúp cho chúng ta có được cái nhìn mới hơn, hoàn chỉnh hơn để nhận diện nó trong tính đa dạng, tổng thể đan xen, hỗn dung của những yếu tố giữa cái mới và cái cũ cũng như sức sống của nó trong nét sinh hoạt của hiện tượng văn hóa dân gian này từ xã hội truyền thống trước kia đến xã hội hiện đại ngày nay.

Lựa chọn quan điểm *biến đổi văn hóa* để áp dụng vào thực hiện đề tài, đồng thời dựa trên cơ sở những luận điểm của các tác giả, các nhà nghiên cứu đi trước về nghiên cứu dân ca giúp chúng tôi có được cái nhìn thực tế hơn, rõ nét hơn sự thay đổi trong đời sống sinh hoạt dân ca của người Mường để từ đó giải đáp những vấn đề về dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay như: Dân ca Mường có thực sự còn tồn tại trong đời sống cộng đồng người dân Mường không? Vai trò của nó trong đời sống cũng như mức độ tồn tại của nó hiện nay trong nhận thức của cộng đồng người Mường như thế nào?...

Sự chuyển đổi mức độ phát triển của đời sống hiện đại với nhiều cái mới lạ, đa dạng và sinh động trong các hoạt động đã làm cho nhận thức của người dân ngày càng thêm sáng tạo, những nhu cầu về các hoạt động văn hóa phục vụ cho đời sống sinh hoạt thêm phong phú hơn. Nhịp sống công nghệ mới cùng quá trình hội nhập giao thoa về mọi mặt trong bối cảnh đương đại đã tạo nên sự sôi động mang tính chất công nghiệp trong đời sống cộng đồng xã hội người Mường, góp phần làm mới

lạ hơn cho các nếp sinh hoạt bên cạnh việc chất lọc, gìn giữ những giá trị cổ truyền dân tộc đã có từ ngàn năm. Đây cũng chính là lý do chúng tôi lựa chọn quan điểm *biến đổi văn hóa* để áp dụng vào trong hướng nghiên cứu luận án của mình.

Bên cạnh đó, giữ gìn bản sắc văn hóa dân gian chính là giữ gìn bản sắc dân tộc, người Mường ở Phú Thọ nói chung trong quá trình tiếp biến, hòa nhập và phát triển cùng với sự lớn mạnh của hội nhập kinh tế mới hiện nay, họ cũng đã không ngừng vươn lên tự khẳng định mình trong sự chuyển động phát triển của đời sống vật chất, đồng thời lại gồng mình chống chọi với sức hút từ những cái mới lạ về văn hóa được du nhập vào trong tư duy, nhận thức của các thế hệ người Mường trẻ nhằm giữ gìn cho được vốn văn hóa truyền thống dân tộc mà bao đời nay cha ông họ đã cố công gìn giữ.

Áp dụng các quan điểm nghiên cứu vào trường hợp dân ca Mường ở Phú Thọ, chúng tôi nhận thấy việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc nói chung trong đó có dân ca là việc làm thiết thực và cần thiết cho xã hội hiện nay. Dân ca Mường là một hiện tượng văn hóa dân gian, là tài sản phi vật thể có giá trị không chỉ của riêng tộc người Mường mà còn mang tầm cỡ quốc gia. Mỗi nhà nghiên cứu với từng khía cạnh nhìn nhận, quan điểm khác nhau nhưng đều cùng chung mục đích nhận định về giá trị và vai trò của những câu hát dân ca ấy trong đời sống tinh thần, trong nhận thức và cả trong tiềm thức của chính người dân Mường tạo dựng nên. Đó chính là những giai điệu tâm hồn được chất lọc, rèn giũa qua bao thế hệ, đóng vai trò to lớn trong việc hình thành phẩm chất giá trị con người, đồng thời khẳng định cho sự trường tồn của một dân tộc trong quá trình phát triển của thời đại.

1.3. Người Mường ở Phú Thọ

1.3.1. Vị trí địa giới và dân cư

Ở Phú Thọ, do đặc tính của tập quán sinh sống nên “Người Mường đất Tổ cư trú ở các địa chân núi và thung lũng, một số ít làm nhà ở sườn núi thấp” [110, tr.37]. Vì vậy, nhìn vào vị trí địa lý và cảnh quan tự nhiên của tỉnh Phú Thọ thì người Mường ở Phú Thọ sinh sống rải rác trên khắp các huyện thị trong toàn tỉnh nhưng tập trung chủ yếu ở một số huyện miền núi, cụ thể:

- Huyện Thanh Sơn có 22 xã thị trấn với nhiều dân tộc sinh sống như Mường, Dao, Tày, Thái, Hoa... trong đó người Mường chiếm số lượng đông với 56,79% trên tổng bình quân dân số của toàn huyện tính đến năm 2020.

- Huyện Tân Sơn có 17 xã và thị trấn, tính đến cuối năm 2020 với dân số toàn huyện là 86.228 nhân khẩu trong đó khẩu dân tộc là 73.399. Tính riêng người Mường ở đây chiếm 87,83 % dân số trong toàn huyện theo khảo sát trong năm 2020 của ban dân số huyện Tân Sơn.

- Huyện Yên Lập có 17 xã và thị trấn với 18 dân tộc anh em cùng sinh sống đan xen nhau trong đó người Mường có 68.121 người chiếm 73,36% trên tổng bình quân dân số trong toàn huyện theo khảo sát dân số trong đợt tổng điều tra năm 2019.

- Huyện Thanh Thủy có 13 xã, theo điều tra dân số năm 2020 toàn huyện có 5.037 người Mường sinh sống chiếm 5,5 % trên tổng dân số toàn huyện và tập trung chủ yếu ở hai xã Yên Mao và Phượng Mao cũ (xã Tu Vũ mới), các xã khác trong huyện cũng có người Mường sinh sống rải rác với số lượng ít khoảng từ 01 đến 20 người chủ yếu là do chuyển đến bằng hôn nhân và sự điều động luân chuyển vị trí công tác. Hiện nay theo nghị quyết định số 828 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc sáp nhập địa giới hành chính cấp xã nên hai xã Yên Mao, Phượng Mao được sáp nhập cùng xã Tu Vũ cũ để thành xã Tu Vũ mới, các cụm dân cư có người Mường sinh sống được gọi tên theo Khu mới quy định.

Đời sống của người dân Mường phần lớn chủ yếu dựa vào rừng núi, thiên nhiên và những canh tác thuần nông trên các thung lũng ven rừng. Họ giản dị, chất phác nhưng cũng rất đỗi gần gũi và giàu tình yêu với các truyền thống văn hóa của dân tộc. Sự phát triển của xã hội với việc hội nhập ứng dụng khoa học kỹ thuật đã giúp cho đời sống cộng đồng Mường thêm phát triển đi lên, các thế hệ người dân Mường luôn phấn đấu trong mọi mặt hoạt động, hòa nhập cộng đồng và “làm giàu thêm cho vốn văn hóa dân tộc” mình ngày càng phong phú, đa dạng.

Về dân số của người Mường ở Phú Thọ, tác giả Dương Huy Thiện trong bài viết “Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật chất của các dân tộc thiểu số ở Phú Thọ”, in trong cuốn *Văn hóa dân gian một số dân tộc thiểu số huyện Yên Lập - tỉnh*

Phú Thọ xuất bản năm 2010 đã tổng hợp “về các dân tộc thiểu số Phú Thọ, người Mường đông nhất có 171.838 người, chiếm 88,77% tổng số dân tộc thiểu số của tỉnh, sống tập trung chủ yếu ở 3 huyện: Thanh Sơn, Yên Lập, Thanh Thủy” [109, tr.19]. Theo thống kê của Ban dân tộc tỉnh Phú Thọ trong năm 2013 thì toàn tỉnh có 183.000 người Mường và sinh sống tập trung với số lượng dân cư đông ở các huyện miền núi Thanh Sơn, Yên Lập, Tân Sơn và Thanh Thủy.

Ở các huyện, thành thị khác trong tỉnh thì số lượng người Mường có hộ khẩu sinh sống không nhiều, họ di chuyển đến các huyện, thị này chủ yếu do sự phân công công tác của nhà nước, hoặc tập trung học tập nâng cao trình độ và một số do việc lấy vợ, lấy chồng. Sự dịch chuyển của nền kinh tế, mức độ lớn mạnh của khoa học kỹ thuật hiện đại đã thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển. Con người ngày càng thêm sinh sôi làm cho mật độ dân số cũng được tăng thêm nhiều hơn lên, dân số người Mường cũng vì thế mà tăng trưởng với số lượng ngày càng đông đúc hơn. Đợt tổng điều tra dân số toàn tỉnh năm 2017 của Ban dân tộc tỉnh Phú Thọ thì dân số người Mường trong toàn tỉnh với 213.000 người. Tính đến đợt điều tra trong toàn tỉnh về dân số và nhà ở của ủy ban tỉnh Phú Thọ ngày 1/12/2020, dân số người Mường đã tăng lên với 218.004 người. Các huyện miền núi như Thanh Sơn, Yên Lập, Tân Sơn và Thanh Thủy là nơi sinh sống tập trung chủ yếu của người Mường do đó, dân số tại các huyện này luôn đông nhất, cụ thể:

- Thanh Sơn: 75.606 người
- Yên Lập: 68.121 người
- Tân Sơn: 64.472 người
- Thanh Thủy: 5.037 người (chủ yếu cư trú ở xã Tu Vũ)

Các huyện, thành thị khác trong toàn tỉnh tuy không có số lượng nhiều nhưng số nhân khẩu người Mường ở các vùng này cũng được tăng lên đáng kể theo thời gian. Tổng điều tra dân số đợt tháng 12/2020 huyện, thị có dân số người Mường sinh sống nhiều nhất (ngoài các huyện nói trên) là thành phố Việt Trì với 1.103 người. Huyện có người Mường sinh sống ít nhất là Lâm Thao với 254 người.

Như vậy, nếu nói riêng về mật độ dân cư sinh sống của người Mường ở Phú

Thọ thì ở các huyện miền núi có số lượng nhân khẩu người Mường đông, các huyện thành thị khác trong tỉnh cũng có người Mường sinh sống nhưng họ hầu như không phải người dân có gốc tích ở đó, mà tất cả phần lớn di chuyển đến các vùng huyện thị đều do quá trình chuyển đổi phân công nhiệm vụ trong công việc hoặc do sự gắn bó hôn nhân giữa người Mường với người thuộc dân tộc khác ở nơi mà họ chuyển đến sinh sống trên địa bàn các huyện, thị, thành phố của tỉnh Phú Thọ.

1.3.2. Nguồn gốc người Mường ở Phú Thọ

Nghiên cứu về nguồn gốc phát tích của con người trên vùng quê đất Tổ nói chung và của riêng tộc người Mường nói riêng, mỗi nhà nghiên cứu, mỗi tác giả mà trong các bài viết, bài nghiên cứu của họ khi nói đến tộc người Mường thì đều có những lập luận, những góc nhìn và cách đánh giá khác nhau. Cuốn sách *Văn hóa dân gian vùng đất Tổ* trong phần giới thiệu về Con người lịch sử cư dân đã phân tích về nguồn gốc người Mường ở Phú Thọ như sau:

Trải qua gần ngàn năm đấu tranh giải phóng đất nước, cư dân Vĩnh Phú về bản chất vẫn là con cháu người Việt cổ, song trình độ tiến hóa từng vùng càng về cuối thời Bắc thuộc càng có sự chênh lệch nhau. Quá trình phân hóa này diễn ra càng rõ nét và mạnh mẽ vào những thế kỉ sau trong điều kiện nước nhà đã giành được quyền tự chủ. Người Việt và người Mường tách hẳn nhau ra riêng biệt như ngày nay [63, tr.40].

Đồng thời khi nghiên cứu tài liệu nhằm tìm hiểu rõ hơn về nguồn gốc lịch sử cư dân vùng Vĩnh Phú, nhóm biên soạn đã nghiên cứu thông qua tài liệu *Bước đầu tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước* của tác giả Lã Văn Lô và trích dẫn nhận định rằng:

Người Mường và người Việt vốn có những quan hệ rất gần gũi nhau về văn hóa, tiếng nói và đều là con cháu người Lạc Việt. Người lạc Việt có bộ phận sống ở đồng bằng, có bộ phận sống ở miền núi. Bộ phận người lạc Việt sống ở đồng bằng đông hơn, có những điều kiện phát triển kinh tế văn hóa thuận lợi hơn, nên đã hình thành dân tộc Việt hiện đại, phân hóa với bộ phận người Lạc Việt sống ở miền núi, tức là người Mường

hiện nay [63, tr.40].

Tác giả Nguyễn Hữu Nhân trong bài viết “Về sự đan xen chia tách Việt - Mường ở Phú Thọ” được in trong tài liệu *Văn hóa, văn học dân gian Phú Thọ* có nói đến:

Ở Phú Thọ, yếu tố văn hóa Việt - Mường đậm đặc hơn. Việt - Mường hay Lạc Việt là người Việt cổ chủ nhân văn hóa Đông Sơn - Văn hóa thời đại Hùng Vương là dòng văn hóa nguyên thủy chủ lưu ở đất Tổ Phú Thọ. Nghiên cứu so sánh mối liên hệ văn hóa Việt - Mường với nền văn hóa Hùng Vương ta cũng có thể phỏng đoán quá trình chia tách thành hai nhóm tộc người Việt và Mường ở Phú Thọ và cả nước.

Sự chia cắt từ người Lạc Việt ra thành người Việt và người Mường chắc chắn đã diễn ra rất từ từ, chậm chạp trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Ngoài các yếu tố cùng nhóm tộc người về nhân chủng, cùng hệ ngôn ngữ Việt - Mường, ở Phú Thọ còn khá nhiều tài liệu về dân tộc học, địa danh học, về tín ngưỡng, văn hóa dân gian chứng minh cho sự chia tách đó [115, tr.174].

Như vậy, người Mường trong bài viết nghiên cứu này có nguồn gốc xuất phát từ sự chia cắt tách rời từ người Việt cổ có nguồn gốc lâu đời trên vùng đất từ thời kỳ văn hóa Đông Sơn.

Cũng bàn về nguồn gốc cho sự ra đời của người Mường ở Phú Thọ, ông Nguyễn Hữu Điền - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong lời nói đầu nhằm dẫn dắt đề dẫn giới thiệu về tập sách ảnh *Người Mường trên đất tổ Hùng Vương* của tác giả Bùi Tuyết Mai (chủ biên) đã viết

Vào thời dựng nước trên đất Phú Thọ đã có nhiều tộc người sinh sống, được gọi chung là người Việt cổ. Đông đảo hơn cả chính là tổ tiên của người Việt và người Mường hiện nay. Có thể người Việt và người Mường là hai anh em sinh đôi của một tộc người có mặt ở Phú Thọ trên hai ngàn năm trước. Ngày nay các nhà khoa học gọi tên là người Việt Mường [58, tr.6].

Cũng trong khuôn khổ của cuốn sách ảnh này, khi nghiên cứu giới thiệu về nền văn hóa Đông Sơn thông qua một số hình ảnh của các đồ vật được tìm thấy trong quá trình khai quật khảo cổ học ở Phú Thọ, tác giả cuốn sách đã nhận xét: “Vây là từ xưa, vùng Mường Phú Thọ đã là đất của Vua Hùng và là phạm vi phân bố của văn hóa Đông Sơn” [58, tr. 35].

Nếu xét theo những nghiên cứu đóng góp của cuốn sách ảnh này thì người Mường ở Phú Thọ có cùng chung nguồn gốc phát tích, một gốc hệ với người Việt trên đất Việt ngay từ thời kì đầu của nhà nước Văn Lang - Thời các Vua Hùng dựng nước.

Nếu xét như nghiên cứu của một số các tài liệu trên thì người Mường ở Phú Thọ đã có mặt trên vùng đất Tổ từ rất lâu đời, họ chính là một nhánh được tách ra từ người Việt cổ và trải qua quá trình hình thành địa danh cư trú cũng như sự ảnh hưởng của tập quán sinh sống mà người Mường ngày nay đã có nhiều sự khác biệt so với người Kinh cả trong tập tục của lối sống đến các hoạt động của đời sống tinh thần.

Tuy vậy, quá trình thực tế diễn đã tại một số vùng Mường trong tỉnh Phú Thọ, chúng tôi đã tìm hiểu, thu thập thông tin qua một số người dân Mường nơi đây về đời sống, nguồn gốc cũng như sự phát triển của người dân Mường trong quá trình hội nhập chung của đất nước. Ở mỗi vùng Mường khác nhau, thậm chí mỗi dòng họ khác nhau đều lưu giữ nhiều câu chuyện kể, nhiều áng thơ ca, những sự tích, truyền thuyết về nguồn gốc hình thành nên tộc người thậm chí có dòng họ còn khẳng định gốc tích xuất hiện bằng gia phả truyền lại từ những đời trước. Họ xuất hiện và sinh sống trên vùng đất Tổ do quá trình di cư từ thời kì xa xưa với nhiều lý do, nhiều câu chuyện cùng những biến cố xảy đến trong cuộc sống khiến họ phải rời bỏ quê hương bản xứ để đi đến một vùng đất mới... Một bộ phận người Mường ở Phú Thọ luôn cho rằng gốc tích cội nguồn của họ chính là Hòa Bình nhưng trải qua quá trình di cư lập nghiệp rồi sự tác động đan xen giữa các luồng văn hóa khác nhau cũng như sự thích nghi với môi trường sống mới, sự ảnh hưởng của nhịp sống công nghiệp hiện đại đã làm thay đổi dần đi lối sống, nếp nghĩ thậm chí có cả hệ thống văn hóa dân gian gốc bản địa cũng được biến đổi dần theo nhu cầu của con người trong cuộc sống. Lý do nhận thức này của một bộ phận người Mường ở Phú Thọ

khi bàn về nguồn gốc của họ có thể là chính đáng bởi Phú Thọ có vị trí địa lý giáp ranh với tỉnh Hòa Bình (một phần đất thuộc huyện Thanh Thủy, Thanh Sơn giáp ranh với huyện Đà Bắc của tỉnh Hòa Bình) do vậy việc di cư của người dân từ vùng đất Hòa Bình sang Phú Thọ sinh sống lập nghiệp là có cơ sở. Bên cạnh đó, một số nhóm người Mường khác (vùng Yên Lập) lại cho rằng người Mường ở Phú Thọ có gốc tích “bản địa” do quá trình chia tách Việt - Mường từ gốc tích chung là người Việt Cổ trong thời kì xa xưa. Với nhận định này cũng có thể được coi là đúng bởi theo các nguồn tài liệu ghi chép thì người Việt cổ có vị trí sinh sống thuộc vùng châu thổ Bắc Bộ, men theo dải núi Hoàng Liên Sơn hùng vĩ. Các tỉnh có người Mường sinh sống nhiều hiện nay như Hoà Bình, Phú Thọ, Sơn La... đều có vị trí địa lý mà dãy núi Hoàng Liên Sơn uốn lượn chạy qua.

Qua cách phân biệt về gốc tích Mường và cách gọi cổ truyền từ xa xưa thì ở Phú Thọ bao gồm có các Mường cổ đó là Mường Cúc, Mường Toòng, Mường Kịt, Mường Vát, Mường Át, Mường Đồng, Mường Luông và Mường Tàn... Mỗi Mường này lại sống tập trung theo từng cụm vùng ở các xã của các huyện, xét theo từng huyện thì ở Thanh Sơn, Tân Sơn và Thanh Thủy số người Mường có gốc tích xuất thân từ vùng Mường ở Hòa Bình di cư sang chiếm phần lớn, một số ít có nguồn gốc di cư từ Mộc Châu (Sơn La) và cũng có một bộ phận nhỏ là người Việt đến lập nghiệp từ rất lâu đời và đã “Mường hóa” theo những nếp sinh hoạt của địa phương. Ở huyện Yên Lập theo khảo sát của chúng tôi qua một số người Mường lớn tuổi họ đều cho rằng Yên Lập là vùng đất cổ, là cái nôi của người Việt do đó người Mường ở Yên Lập là người gốc bản xứ được chia tách ra từ người Việt cổ ở thời đại xa xưa.

Một giải thích rõ nét hơn cho sự liên quan chặt chẽ giữa gốc tích người Việt với người Mường đó là, khi phân tích về sự hình thành tộc người cũng như nguồn gốc xuất thân, đồng thời so sánh với tộc người khác theo quan điểm chia tách của các cộng đồng người từ thời kì xa xưa, tác giả Phan Ngọc trong cuốn *Thử xét văn hóa - văn học bằng ngôn ngữ học* đã giải thích một cách chặt chẽ các quan điểm, đưa ra các dẫn chứng lập luận đồng thời so sánh cụ thể các cốt truyện, các mô típ

dẫn chứng của sự hình thành nên tộc người nói chung tộc người Mường nói riêng để từ đó khẳng định sự gần gũi, liên quan đến nhau giữa người Việt và người Mường. “Một tộc người thường có những truyền thuyết xa xưa về nguồn gốc của mình, nguồn gốc ấy nhiều lúc gắn bó với nguồn gốc loài người và vũ trụ. Một điều may mắn là người Mường còn giữ lại hệ huyền thoại của mình một cách gần như trọn vẹn chủ yếu trong hai tập trường ca đồ sộ là *Đẻ đất đẻ nước* và *Mo lên trời*” [67, tr.61;65]. Những giải thích cụ thể qua các mô típ về “*vũ trụ ra đời từ một cái cây*”, từ “*chim đẻ ra trứng, trứng nở ra người*” rồi đến những truyền thuyết về sự xuất hiện của con người trên trái đất, về sự nổi giận của thủy triều, về tình yêu, về sự đoàn kết gắn bó anh em của các tộc người... Tất cả đều nhằm chứng minh cho sự hình thành, phát triển và “khẳng định nguồn gốc chung về huyền thoại Việt Mường” [67, tr.124], với nhiều ý nghĩa, nhiều sự tiếp nối liên quan mật thiết của quá trình hình thành, xây dựng nhằm tạo dựng nên những vùng quê trù phú với sự sung túc, ấm no, giàu tình cảm của con người trong cuộc sống.

1.3.3. Văn hóa truyền thống người Mường Phú Thọ

Sinh sống trên vùng đất Tổ với nhiều lễ nghi sinh hoạt gắn liền cùng thời đại các vua Hùng dựng nước, người Mường ở Phú Thọ trong nếp sinh hoạt truyền thống ngoài những đặc trưng nổi bật riêng biệt họ vẫn có sự ảnh hưởng của những dấu ấn mang nét tương đồng với diện mạo của người Kinh nơi đây, “Từng xóm nhỏ họp lại thành một Mường” [110, tr.134]. Họ sinh hoạt mang tính cộng đồng cao với sự phát triển của nghề trồng lúa nước, của lễ lới canh tác nương rẫy mà những yếu tố tập thể luôn được đề cao với vai trò người đứng đầu quản lý là các quan Ngai Mường.

Cuộc sống định cư với những ngôi nhà sàn kiên cố, những gian nhà đất vững chắc cùng những lễ thói vẫn còn được lưu giữ lại “của tổ tiên Lạc Việt xưa” [110, tr.147] đã làm nên nếp truyền thống giản dị như chính những gì mà họ vẫn gìn giữ cho đến hôm nay. Nghiên cứu các nếp nhà ở của người Mường Phú Thọ nhà nghiên cứu Dương Huy Thiện đã nhận định: “Người Mường còn giữ lại nhiều hơn dấu vết kiến trúc của người Việt cổ. Họ chủ yếu dùng dao và búa để chặt, bổ, còn cưa, đục, bào chỉ là những đồ dùng nhằm trang trí là chính” [110, tr.138]. Sự mộc mạc chân

chất luôn là những gì người dân Mường thể hiện trong cuộc sống đời thường và cho đến hiện tại họ vẫn dung dị, bình lặng, vẫn là những con người luôn hòa đồng, vui vẻ cùng nhau sớm chiều trong những công việc, những mối quan hệ làng xóm gần gũi. Cuộc sống đã được nâng cao hơn với nhiều sự đáp ứng khá đầy đủ về vật chất nhưng tại các làng Mường hiện nay chúng ta vẫn bắt gặp những nếp nhà sàn, những mái nhà đất xen kẽ với sự mới mẻ của những ngôi nhà ngói khang trang. Bản chất giản dị hòa đồng còn được bộc lộ qua những phong tục, những nghi thức trong các hoạt động diễn ra một cách thường xuyên của cuộc sống người dân, từ những nghi thức lễ nghi đến các dạng hoạt động mà sự hình thành của nó là lẽ tất yếu trong nếp sống thường ngày.

Các phong tục lễ nghi gắn với những công việc lớn của con người mà như lời nhận định của một số người dân Mường vùng Lai Động, huyện Tân Sơn thì hiện tại đó chỉ là sự thu hẹp, gói gọn lại mà thôi. Nghi thức với các bước thực hiện khi tết đến xuân về, nghi lễ thờ cúng, những hoạt động tâm linh vẫn được người dân chuẩn bị một cách đầy đủ, chi tiết. Các nghi thức cưới hỏi trong hôn nhân hay tang lễ ma chay vẫn được thực hiện nhưng nó đã được lược bỏ bớt sự rườm rà kéo dài về thời gian hay những đòi hỏi mang tính tín ngưỡng xưa kia để thay vào đó là những nếp của đời sống mới giản dị hơn.

Xã hội truyền thống người Mường với những hoạt động sinh hoạt gắn liền cùng nếp nghĩ, cách nhìn và cả sự hình thành nên từ lệ tục mang tính phong tục riêng biệt đã in sâu vào từng suy nghĩ, nếp sống cộng đồng. Trong các gia đình Mường, mối quan hệ tình thân vẫn luôn là mạch tình cảm yêu thương được thể hiện ở mức cao nhất, sự tôn quý người lớn tuổi, tình yêu thương con trẻ, sự sẻ chia gánh vác cùng nhau trong công việc đã tạo nên sức mạnh đoàn kết. Bên cạnh đó, những nghi thức thờ cúng, tế lễ, tôn sùng các thế lực mà trong tâm tư nguyện vọng đó chính là các vị thánh nhân, các vị thần có sức mạnh siêu nhiên đáp ứng được nguyện vọng trong tâm tư cầu khẩn mà con người mong muốn.

Đọc dài trên khắp các làng Mường Phú Thọ, những nếp sinh hoạt truyền thống dân tộc vẫn luôn được các thế hệ người Mường gìn giữ, bảo tồn cùng thời

gian, những tục lệ gắn với nhu cầu đời thường của con người vẫn còn hiện hữu, được thực hành và lưu giữ. Trong quá trình điền dã, được tham gia, tìm hiểu và quan sát những hoạt động trong đời thường của người dân Mường Phú Thọ đồng thời trao đổi với một số người lớn tuổi ở các xã khác nhau, chúng tôi nhận thấy từ hoạt động văn hóa ẩm thực đến các nếp sinh hoạt cộng đồng, có hoạt động đã được “hiện đại hóa” cải tiến theo nhu cầu nhằm đáp ứng với đòi hỏi của con người nhưng cũng vẫn có những hoạt động đã trở thành thói quen, thành nếp được người dân thực hành thường xuyên:

- *Trong văn hóa ẩm thực*: Người Mường với truyền thống ẩm thực luôn mang tính đặc trưng nổi bật khác biệt, họ thích ăn cơm nếp, thích ăn những món ăn dân dã được làm từ các sản vật địa phương. Truyền thống luôn được bảo tồn ngay trong chính nếp sống đời thường một cách dân dã, bình dị, văn hóa ăn uống của người Mường vẫn được lưu truyền với một số món ăn mà hiện nay nó đã trở thành thứ “đặc sản”, thành sản phẩm nổi bật được giới thiệu rộng rãi tới người dân ở nhiều vùng khác nhau, có thể kể đến như cơm lam, thịt chua, thịt dê, gỏi cá, bánh nẳng, bánh rộm nhân ngạt (bánh nhân trứng kiến) ...

- *Trong sinh hoạt nghi lễ tín ngưỡng*: Bối cảnh của đời sống hiện đại đã làm hạn chế đi những hoạt động mang tính nghi thức gắn với nhu cầu của người dân về văn hóa tín ngưỡng, những hoạt động thờ cúng các chư vị thần thánh trong cuộc sống cũng đã phần nào lược bỏ bớt đi các bước thủ tục để chỉ thực hiện ở dạng ngắn gọn của phần lễ chính. Tuy vậy, một số nghi thức tín ngưỡng gắn với các nếp hoạt động lao động nhằm phát triển đời sống con người vẫn được người dân Mường thực hiện khá đầy đủ từ khâu chuẩn bị lễ vật đến nghi thức cúng tế thần linh. Mỗi vùng Mường khác nhau tùy theo đặc điểm khác biệt của vị trí địa lý sinh sống mà họ có những nghi lễ thờ thần khác nhau như: Người Mường vùng Tân Sơn, Thanh Sơn vẫn thực hành nghi lễ thờ cúng, rước vía lúa trong ngày đầu năm mới cầu mong mùa màng tốt tươi, con người ấm no hạnh phúc. Người Mường vùng Yên Lập hàng năm vẫn thực hành nghi lễ thờ thần rừng (lễ mở cửa rừng) cầu cho sự thuận hòa yên bình trong lao động sản xuất.

Tục thờ thánh Tản Viên được người Mường các vùng ở Phú Thọ đều thực hành và tôn sùng là thành hoàng làng, thánh Tản được thờ cúng tại khắp các đình làng Mường, hàng năm người dân có tổ chức nghi lễ thờ cúng long trọng với nhiều trò diễn dân gian độc đáo như: trò rước chúa trai chúa gái, ném còn, chơi đu...

Cuộc sống bình lặng, giản dị được bao bọc bởi màu xanh của rừng, của núi, những nghi thức tế lễ, tục hèm, các lễ hội bản làng đều gắn liền với rừng, người Mường luôn tôn thờ thánh Tản Viên với công lao gây dựng, giữ bình yên và phát triển đời sống xã hội “là anh hùng của nhân dân, là thân khai sáng, tham gia vào mọi lao động sinh hoạt và sản xuất của nhân dân” [110, tr.233].

Tiểu kết

Người Mường ở Phú Thọ với những đặc trưng nổi bật bởi sắc màu văn hóa dân tộc cũng như sự hòa quyện giữa tâm hồn con người với cảnh sắc thiên nhiên, với môi trường sống có tính riêng biệt độc đáo vùng miền đã để lại nhiều ấn tượng, trở thành đối tượng được quan tâm nhiều qua các nghiên cứu của những nhà nghiên cứu khi muốn tìm hiểu về màu sắc văn hóa tộc người vùng đất Tổ. Dân ca Mường Phú Thọ cũng có đầy đủ các thể loại được người dân ca hát, sinh hoạt trong các hoạt động cuộc sống tuy nhiên, để hệ thống một cách đầy đủ những bài bản dân ca này thì hiện vẫn còn là một ẩn số trong nhân gian. Cũng đã có một vài nghiên cứu sưu tầm của một số nhà nghiên cứu dân gian để tìm hiểu nhưng đó vẫn chưa phải là những nghiên cứu mang tính chuyên biệt riêng về dân ca người Mường hay về một thể loại dân ca Mường.

Dân ca các dân tộc thiểu số nói chung luôn được coi là không gian đa dạng để các nhà nghiên cứu được tự do đắm chìm trong muôn màu sắc với từng suy nghĩ, cảm nhận riêng biệt. Mỗi thể loại bài bản, mỗi dân tộc với những đặc trưng văn hóa riêng đã tạo nên nét nổi bật cho hệ thống các làn điệu dân ca Việt Nam nói chung. Sự phong phú với nhiều sắc màu văn hóa dân gian dân tộc, tính chất đa chiều của không gian diễn xướng các làn điệu dân ca, những nếp sinh hoạt, những hoạt động văn hóa với bối cảnh sống phụ thuộc vào từng giai đoạn, từng điều kiện phát triển của các thế hệ người dân đã tạo nên một hệ thống dân ca dân gian riêng với những

giá trị điển hình riêng thể hiện rõ sắc thái riêng điển hình.

Việc vận dụng các quan điểm lý thuyết nhằm bổ sung những vấn đề còn hạn chế, thiếu sót khi nghiên cứu với đối tượng dân ca Mường ở Phú Thọ là rất cần thiết. Quá trình hội nhập và phát triển, sự dung hòa giữa cái cũ và cái mới trong nhịp độ xây dựng cuộc sống xã hội, những giá trị bản sắc cổ truyền sẽ luôn được lưu giữ, phát huy, những “cái mới” hiện đại sẽ luôn được bổ sung bồi đắp, tích lũy và củng cố thêm nhằm tạo dựng một cuộc sống tươi đẹp hơn, đa sắc màu hơn cho người dân Mường ở Phú Thọ nói riêng.

Trải qua quá trình biến đổi lịch sử, sự phát triển đi lên của đời sống, sự thay đổi trong bối cảnh xã hội, trong mọi nếp sinh hoạt cũng như quá trình tự chất lọc những tinh hoa nhằm bổ sung cho hệ thống bài bản ngày càng thêm phong phú, phù hợp với hoàn cảnh để tồn tại nhưng những giai điệu dân ca dân gian dân tộc Mường nói chung trong đó nổi bật hơn là dân ca Mường ở Phú Thọ vẫn luôn phát triển, trường tồn cùng thời gian, cùng cuộc sống của người dân. Những giai điệu ấy vẫn là những lời ca mộc mạc, chứa đựng bao niềm tin, sức sống của con người về một tương lai tươi đẹp. Để nắm rõ được dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay còn tồn tại những thể loại nào, có sức sống và ảnh hưởng gì trong bối cảnh xã hội phát triển cùng nhiều loại hình văn hóa tác động đến đời sống người dân, chúng tôi xin được hệ thống các thể dân ca Mường từ những dạng bài bản được quan tâm nhiều đến những làn điệu mà hiện nó chỉ còn được ngân nga bởi một bộ phận nhỏ người dân trong chương tiếp theo sau đây.

Chương 2

CÁC THỂ DÂN CA MƯỜNG Ở PHÚ THỌ

Mỗi dân tộc khi mà những nếp phong tục tập quán, những thói quen trong sinh hoạt cộng đồng và cả những nhu cầu trong các mối quan hệ đều mang màu sắc khác nhau sẽ nảy sinh những làn điệu dân ca khác nhau. Dân ca người Mường ở Phú Thọ đơn thuần là những câu hát, làn điệu giản dị, mộc mạc được cất lên trong đời sống, giúp người dân dễ bày tỏ, trao đổi với nhau hơn. Không theo bất cứ một khuôn mẫu nào, không có sự hoàn chỉnh về cấu trúc như một tác phẩm âm nhạc cũng như không có sự phân loại rõ ràng cụ thể, mỗi thể dân ca đều có tiếng nói riêng, có vai trò riêng trong việc góp phần làm phong phú hơn cho đời sống tinh thần người dân.

Dựa theo kiểu gọi tên của người dân Mường về các thể loại ca hát dân gian, chúng tôi đi vào nghiên cứu một cách chi tiết hơn về đặc điểm nghệ thuật, bối cảnh truyền thống cũng như vai trò của một số thể dân ca nhằm làm nổi bật và khẳng định vị trí của những câu hát ấy trong đời sống tinh thần cộng đồng Mường.

2.1. Hát ru

Trong hệ thống các làn điệu dân ca được hình thành và phát triển, bất cứ dân tộc nào cũng có riêng cho mình thể loại hát ru với những bài bản, làn điệu mang tính độc đáo điển hình nổi bật. Đã có rất nhiều các nhà nghiên cứu với nhiều bài viết, nhiều nghiên cứu sâu tầm về thể loại hát ru. Nhà nghiên cứu Nguyễn Thụy Loan khi nghiên cứu về các điệu ru đã khẳng định “Những điệu hát chuyên dùng vào việc ru trẻ được gọi chung là hát ru. Âm điệu hát ru khá phong phú bởi hát ru của mỗi tộc lại có âm điệu riêng” [55, tr.80-81]. Luôn thể hiện rõ sắc thái dân tộc trong cấu trúc âm điệu ru, giai điệu của những câu hát ru như bay bổng, hòa quyện cùng những hình ảnh sống động ngân nga qua tiếng ru đưa tâm hồn trẻ thơ đến với những ước mơ, những khát vọng trong ước nguyện của mẹ cha cùng tình yêu chấp cánh.

Mang màu sắc phong tục tập quán riêng, cũng là những tiếng à ơi, cùng là nhịp đưa nôi êm đềm bên cánh võng đưa trẻ thơ vào giấc ngủ nhưng hát ru người Mường đã tạo nên nét độc đáo riêng biệt bởi sự phân định khác biệt giữa tiếng ru ban ngày với ru ban đêm, sự tinh tế giàu tình cảm và mang đậm chất Mường trong

từng lời ca, tiếng ru luôn có sức sống mới để tiếp sức cho các thế hệ Mường phát triển. Ra đời trong chính các mối quan hệ tình cảm của cuộc sống con người, hát ru Mường đã tạo nên sức mạnh và giá trị sâu sắc trong lòng người nghe, đã trở thành món ăn tinh thần quan trọng không thể thiếu của con người đặc biệt là trẻ em khi còn nằm trong nôi, nhà nghiên cứu Hoàng Minh Tường khi sưu tầm, tuyển chọn *Hát ru dân tộc Mường Thanh Hóa* đã khái niệm rằng; “Hát ru Mường là một trong những loại hình dân ca do dân gian sáng tác và trao truyền, mang sắc thái văn hóa riêng của đồng bào Mường, được diễn xướng bằng ngôn ngữ Mường và được đồng bào sử dụng, nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống và sinh hoạt văn hóa tinh thần của quần chúng” [121, tr.38]. Cũng sơ lược khái quát về hát ru nhà nghiên cứu Bùi Thiện lại cho rằng đó là sự “xuất phát từ cõi lòng ông bà cha mẹ, anh chị quý mến yêu thương trẻ mà thể hiện nên lời thơ, điệu nhạc để dỗ dành” [106, tr.147]. Cho rằng hát ru nói chung cũng là một thể dân ca và được phân loại trong nhóm dân ca phong tục tập quán, nhà nghiên cứu Phạm Phúc Minh đã coi hát ru “là một lối hát theo tập quán truyền thống và rất phổ biến ở các vùng, các dân tộc trên khắp mọi miền đất nước” [61, tr.196].

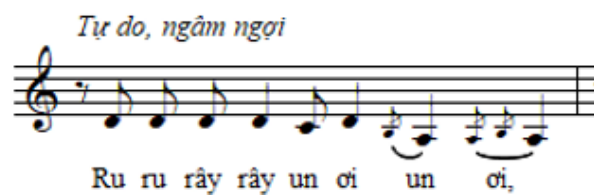
Mỗi nhà nghiên cứu với từng góc nhìn, từng cách suy nghĩ khác nhau đã có những nhận định khác nhau về thể loại dân ca này. Nhưng nhìn chung, hát ru đều xuất phát từ sâu trong tâm hồn con người, những lời ru như tiếng lòng da diết của người mẹ, người bà với tình yêu thương cao cả dành cho trẻ thơ đi theo vào trong giấc ngủ êm đềm. Mỗi câu hát ru đều là hồn cốt ngấm sâu vào tâm can của con người với bốn mùa mưa nắng cùng bao hình ảnh ẩn dụ cứ lan tỏa và lớn lên dần theo đời người. Là một cách hát mộc mạc đơn giản không cầu kì và cũng không theo cách thức tính chất âm nhạc nào, những câu ru cứ bình dị hiện hữu hàng ngày trong cuộc sống cộng đồng, có thể là mẹ hay bà hát ru và thậm chí là lời của chị hát ru em ngân nga từ những câu ca dao, những bài đồng dao với hình ảnh ví von con trâu, cái cày, con cá, cái cầu...

2.1.1. Đặc điểm nghệ thuật hát ru Mường

Cũng giống như cách hát ru của người Mường ở những vùng khác, hát ru người Mường ở Phú Thọ cũng có lối cấu trúc diễn đạt được chia thành các phần như:

Lời dẫn mở (là những câu ru giống như tiếng à ơi trong hát ru của người Việt), tiếp đến là nội dung câu ru (với ý nghĩa chính cơ bản mà bài ru muốn đề cập). Những câu ru ngân nga kéo dài tạo nên điểm nhấn kết như nhấn nhủ, như khẳng định, bồi đắp bổ sung cho nội dung chính với những tiếng đưa hơi êm đềm mà da diết: “Ừ ơ...ớ...ời.” hoặc “ừn ơi.....”

Ví dụ 2.1. Trích: *Hát ru – người hát Hoàng Thị Tiến, Thạch Kiệt, Tân Sơn*
Ký âm Tạ Hiền



Lời ca hát ngâm ngợi, không theo nhịp phách, thường được bắt đầu bằng những tiếng ru đưa hơi kéo dài tạo nên âm điệu dịu dàng như bàn tay chăm chút vuốt ve của bà, của mẹ đối với tâm hồn trẻ thơ. Sự kết hợp đan xen giữa lời chính với những tiếng đệm, tiếng láy ngân nga đã tạo nên điểm nhấn khác biệt độc đáo cho hát ru mà không một thể loại ca hát nào có thể đạt được.

Ví dụ 2.2. Trích: *Hát ru – người hát Hoàng Thị Tiến, Thạch Kiệt, Tân Sơn*
Ký âm Tạ Hiền

Thời chi un tuân ti hai chôm pai chi un tuân ti hai chôm pôn

Nga chi la chin tô ở bờ bên kia thôn nở ơ ời a tiếng cửa

Bua men mi úm lê cái tum bom bay đề huề cho un ăn năn chờ rô bô rô

Với nội dung ca từ phong phú, có thể được cấu trúc nên từ những câu chuyện sự tích, từ những lời đồng dao đầy ý nghĩa hay từ chính những hoạt động công việc

thường ngày mà cha mẹ lam lũ vất vả trải qua và có khi đó lại là những lời nhắn nhủ, những ước mơ, niềm tin trong tương lai được kết hợp với tiết tấu lúc nhanh lúc khoan thai nhịp nhàng của giọng hát cùng sự luyến láy ngân nga. Hát ru đã luôn thể hiện rõ sự sáng tạo và tài ứng tác của người hát khi thực hành diễn xướng giai điệu.

“Ru ru là ru

Em ngủ đi, ngủ cho lâu lâu

Ngủ đi cho chị đi trồng cây dâu, ngủ cho lâu để chị dệt tấm vải

Ngủ cho lâu để chị khâu tấm áo, để rách áo em chị thấy mà thương” ...

(Trích: Hát ru em - dân ca Mường)

Hát ru thường không bị bó hẹp về không gian diễn xướng, thời điểm diễn xướng cũng không có bất kì bởi sự cố định nào, nội dung diễn xướng luôn phong phú đa dạng, phản ánh đa chiều cuộc sống. Hát ru tiếp cận đến nhiều đối tượng với nhiều mức độ khác nhau, “trong nhiều trường hợp người hát cũng là người nghe và ngược lại, người nghe cũng trở thành người hát, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào trình độ cảm nhận và khả năng diễn đạt lời ca và điệu thức của chủ thể, đó cũng là cơ sở để ra đời và nuôi dưỡng loại hình dân ca - hát ru độc đáo này” [121, tr.84].

Một điểm nổi bật và độc đáo nhất của thể loại hát ru người Mường đó là sự phân định rõ rệt hai dạng hát ru:

- Ru ban ngày

- Ru ban đêm

Hát ru con ban ngày (răng đều) thường phong phú về nội dung hình tượng hơn so với hát ru ban đêm. Những lời ca ru con bay bổng hòa quyện với không gian mênh mông của núi rừng, của những giấc mơ êm đềm cùng tình yêu thương vô bờ bến của người lớn dành cho trẻ thơ. Sự phân định giữa hát ru ban ngày và hát ru ban đêm bởi phần lớn dựa vào nội dung của những làn điệu ru. Như lời chị Đô (xóm Chiềng 1 - xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn) thì “Ru ban ngày đa dạng về nội dung ca từ, các bài bản ru cũng đầy đủ hơn với nhiều chủ đề, được cất lên với nhiều lứa tuổi, nhiều đối tượng ca hát hơn còn ru ban đêm hầu như là những lời ru của người mẹ dành để vỗ về trẻ thơ vào giấc ngủ” [Trích biên bản phỏng vấn số 2, tr.201].

Tuy số lượng những bài bản ru không nhiều và đa dạng như so với các thể loại ca hát khác nhưng sự tinh tế và giá trị trong đời sống tinh thần con người lại luôn được đánh giá ở mức cao. Mỗi làn điệu ru với vai trò của mình trong từng hoàn cảnh cụ thể đều thể hiện rõ chức năng cũng như giá trị trong vị trí hoàn thiện về nhân cách con người trong xã hội nói chung.

2.1.2. Bối cảnh truyền thống của hát ru Mường

Ở trong bất cứ một xã hội nào, khi cuộc sống của con người với những mức độ khác nhau của từng hoàn cảnh sống cũng sẽ có sự ảnh hưởng đến những giá trị trong đời sống sinh hoạt tinh thần. Khi con người với sự thỏa mãn về đời sống vật chất, thì những hoạt động của đời sống tinh thần sẽ được phát triển, đảm bảo với nhiều mức độ, và ngược lại cuộc sống khó khăn, những vướng bận trong mưu sinh sẽ làm hạn chế đi sự quan tâm trau chuốt cho tâm hồn với những thứ có thể gọi là “xa hoa” trong cuộc sống của họ. Nếu nhìn nhận một cách chung nhất thì môi trường trong hát ru chủ yếu là những thực tế của khung cảnh yên bình với giấc ngủ bình an của tuổi thơ bên chiếc nôi dịu dàng trong tình yêu nâng niu của mẹ, của bà cùng những tiếng ầu ơ dịu ngọt như võ vè, nâng cánh cho giấc mơ bay cao. Thực tế trong cuộc sống xã hội với sự phát triển của nền kinh tế nông nghiệp, mọi hoạt động lao động sản xuất đều dựa vào sức người là chủ yếu. Người nông dân bươn trải ngày đêm lo toan cho miếng cơm manh áo có khi cũng không đạt được thỏa đáng mong muốn. Những khát khao tìm kiếm sự yên bình, ấm no cho cuộc sống cũng khiến họ phải tập trung lao động nhiều hơn, phải che dấu đi những đòi hỏi nhu cầu cá nhân để thực hiện nhiệm vụ cụ thể, thực tế trong cuộc sống của chính mình và của cả gia đình.

Sự phân chia giàu - nghèo trong xã hội, sự phân cấp quý tộc - bần nông của xã hội phong kiến cũng đã tạo ra nhiều sự khác biệt trong bối cảnh xuất hiện của những thể loại văn hóa nghệ thuật dân gian trong đó có hát ru. Khi cuộc sống vất vả với bao bận bịu lo toan, những người mẹ, người bà cũng phải miệt mài trên những thửa ruộng hay bìa rừng để làm việc, tiếng ru vẫn theo họ qua những nhịp điệu của công việc bởi trên lưng họ, trong những chiếc địu xinh xắn là tình yêu, là mầm sống, là nụ cười của

họ đang yên giấc say nồng, như lời bà Tí xóm Vương 2, Kiệt Sơn thì: “ngày xưa tôi cùng nhóm bạn vừa chẵn trâu ở bìa rừng vừa phải trông em giúp mẹ đang cấy bừa dưới ruộng, mỗi buổi như thế có khoảng vài ba em bé cùng được chúng tôi trông nom, các mẹ thường hát ru khi các em ngủ và chúng tôi học lỏm theo những câu ru ấy để khi tự hát ru em trong lúc mẹ đang bận việc” [trích biên bản phỏng vấn số 4, tr.212]. Khác với hoàn cảnh của những người nông dân lao động, các gia đình có chức sắc địa vị thì trẻ em không phải chịu nhiều thiệt thòi về vật chất, chúng được ngủ ngon trên những chiếc đu, chiếc nôi và lời ru được mẹ, bà thậm chí là người ở cất lên để đưa nôi.

Dù trong hoàn cảnh, mức độ cuộc sống nào thì tiếng ru cũng vẫn là những âm thanh êm đềm vang lên trong giấc mơ của trẻ thơ, vẫn là những khát vọng về một ngày mai tươi đẹp của các bậc cha mẹ mong ước cho con cháu mai sau. Bối cảnh sống với không gian êm đềm cùng nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các làn điệu dân ca, xã hội truyền thống trước kia thực sự là môi trường tốt khi tiếng hát luôn vang vọng hòa quyện cùng mọi ngõ ngách của từng nhà, từng làng bản: “Ngày xưa nơi đây vui lắm, trai gái hát hò thâu đêm suốt sáng, công việc gì làn điệu ấy ứng tác chứ không như bây giờ, họ ít hát và chỉ tham gia khi có hội hè thôi” - Bà Đinh Thị Thắm đã trao đổi với chúng tôi như vậy [trích biên bản phỏng vấn số 6, tr.218]. Nếu nói như thế thì ở bối cảnh xã hội trước đây người dân yêu thích ca hát, tham gia một cách nhiệt tình hơn và thường xuyên hơn còn trong cuộc sống hiện tại họ không thích hay không có thời gian để tập trung ca hát đối đáp với nhau nữa? Điều này chúng tôi xin được đưa ra những ý kiến và cùng trao đổi trong chương sau (Thực trạng của dân ca Mường).

2.1.3. Vai trò hát ru trong đời sống cộng đồng Mường

Trong cuộc đời của mỗi con người, dù là dân tộc nào, ở vùng nào thì những lời ru thủ thỉ, những câu tâm tình bên vành nôi đung đưa được cất lên qua giọng hát, lời ru êm ái của bà, của mẹ đều sẽ là những điểm tựa nâng đỡ chắp cánh cho tâm hồn tuổi thơ được bay cao, tô vẽ nên bức tranh sinh động về cuộc sống tươi đẹp với nhiều điều mới lạ như vườn cổ tích trong giấc mơ thần tiên “Từ lúc mới chào đời,

trẻ thơ đã được nuôi dưỡng trong dòng sữa ngọt ngào và những lời hát ru đầm thắm” [121, tr.123]. Trong cuộc đời, không gì có thể thay thế được tình yêu thương vô bờ của người mẹ dành cho đứa con thân yêu của mình. Hình ảnh người mẹ tảo tần một nắng hai sương, không quản ngại những khó khăn vất vả, vất vả chiu sức mình, lo toan bộn bề trong cuộc sống mưu sinh nhưng vẫn luôn hết mực yêu thương con cái của mình đã trở thành hình tượng mẫu mực, cao đẹp, đi vào trong ngôn ngữ lời ca những tiếng ru tạo nên sức mạnh cho niềm tin, cho tình yêu của mỗi chúng ta về cuộc sống ngày càng thêm lớn mạnh hơn.

Là thể loại dân ca sinh hoạt đời thường hát ru đã bộc lộ khá rõ nét vai trò của mình trong việc tạo nên những mức độ tình cảm gắn liền với các mối quan hệ của con người trong xã hội. Không chỉ là những lời tâm tình để ru trẻ thơ vào giấc ngủ yên bình mà hát ru còn được ví như “nàng tiên dịu dàng” xoa dịu nhẹ đi những đau thương, khốn cùng, những bi lụy thê lương trong cuộc sống mà con người phải gánh chịu.

“Em ơi em ngủ cho ngoan, để mẹ đi lên đồi hái quả

Quả chín thì mẹ dành cho em ăn, quả nào còn xanh thì mẹ để dằm”

(Trích: Hát ru em - người hát Hà Thị Tiên, xã Kiệt Sơn, Tân Sơn)

Những lời ru dù là ru ban ngày hay ru ban đêm thì đó đều là những lời nhắn nhủ, những câu tâm tình, ước mong về cuộc sống yên bình, về niềm hy vọng tuổi thơ được phát triển lớn mạnh, được bay cao hội nhập cùng thế giới bao la.

Hát ru người Mường ở Phú Thọ hiện nay hầu như không còn được ca hát nhiều, không còn nhận được sự quan tâm ca hát của nhiều đối tượng như trước kia. Khảo sát trên các vùng Mường chúng tôi thấy hiện nay ở các bản Mường Phú Thọ chỉ còn thi thoảng những tiếng ru được cất lên trong không gian yên tĩnh, những làn điệu hát ru hầu như chỉ còn được nghe từ những người già trong bản làng ngâm nga ca hát khi ru cháu ngủ hoặc trong khi làm một số việc vặt trong nhà và hát để tạo không khí “đỡ buồn chán”. Hệ thống làn điệu ru cũng không được đa dạng so với các thể loại ca hát khác, nó chỉ còn là những câu hát ngắn, những lời ru ngắt quãng bên bếp lửa hay bên hiên nhà qua lời hát của bà, của chị nhưng những câu ru ấy vẫn có sức mạnh vỗ về, chăm chút cho tuổi thơ được hoà quyện tâm hồn cùng giai điệu

dân ca từ những ngày còn thơ bé để mai sau đó sẽ là những câu nói cho ước mơ, khát vọng được bay cao bay xa hơn.

Hát ru con ngủ dường như là xuất phát tự thân của người Mường, mỗi khi đặt con vào võng đưa hay cho con đi ngủ các bà mẹ lại hát ru con. Nhiều đứa bé nhạy cảm nghe tiếng hát ru của mẹ chúng liền im không khóc nữa. Đó là tác dụng hiển nhiên ai cũng thấy được, song tác dụng và ý nghĩa của hát ru con còn nhiều hơn thế nữa.

Hát ru con dần vượt ra khỏi chức năng ban đầu của nó ngoài mục đích ru, dỗ dành cho em bé ngủ, nó còn được người Mường sử dụng như một hình thức trình bày các quan niệm sống, dạy dỗ con cái và gửi gắm trong đó những suy tư về nhân tình thế thái [136, tr.355].

Hát ru luôn được coi như một món ăn không thể thiếu trong đời sống thường ngày của con người. Giữ gìn tiếng ru là giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc. Với bất kì một dân tộc nào trên thế giới thì hát ru luôn được coi là cốt cách, là hồn, là sắc tộc. Tiếng ru được “ngân lên từ trái tim và tình yêu thương của mẹ, của bà, của chị nuôi lớn thể chất và tâm hồn trẻ” [121, tr.130]. Những lời ru êm dịu nhẹ nhàng, những tiếng ru khoan thai dịu dặt chứa đựng tâm hồn, tình yêu rộng lớn của con người với muôn vạn vật mà trên hết đó là tình người bao la. Những tiếng ru ấy không phải chỉ để dành riêng cho trẻ thơ mà đó còn là tình yêu thương dành cho tất cả mọi người, cho cả thế hệ tương lai.

2.2. Hát rang

Bắt nguồn từ trong các hoạt động lao động của người dân, với giai điệu mộc mạc dung dị đời thường, sự ứng tác đối đáp nhanh nhẹn trong giao tiếp, hát rang có nội dung cũng như hình thức, đối tượng ca hát khá phong phú, đa dạng. Không phân biệt độ tuổi tham gia diễn xướng cũng như về thời gian cụ thể diễn ra cho một cuộc hát, Rang là loại hình được tất cả các thế hệ người Mường cùng tham gia. Mỗi độ tuổi lại có những dạng ca hát rang khác nhau phù hợp, người già thường ngân nga câu rang gắn với những câu chuyện mang màu sắc sử thi kể về sự tích hình thành của xã hội người Mường, về tình yêu, về chân lý cuộc sống... Thanh niên Mường

lại đắm chìm trong những câu đối đáp giao duyên đôi lứa, những lời ước hẹn tình yêu với mong muốn nên duyên kết bạn. Trẻ em Mường cũng có những câu rang mộc mạc gần gũi gắn liền với tuổi thơ, với những trò chơi dân gian cùng hình ảnh nhân vật rất “trẻ thơ” đời thường.

Qua nghiên cứu điền dã tại một số vùng Mường chúng tôi thấy, hát rang là thể loại ca hát được người dân lưu truyền khá nhiều, khá phổ biến. Mỗi vùng Mường tùy theo ngữ âm tiếng nói cũng như cách phát âm khác nhau mà có nhiều cách gọi tên khác nhau cho thể loại ca hát này. Có vùng gọi là *hát giang*, có vùng lại phát âm thành *hát đang*, *hát tang*... ở Phú Thọ người Mường ở các tiểu vùng phần lớn đều gọi là *hát rang*. Dù cách thức phát âm và gọi tên một loại hình ca hát có khác nhau nhưng xét về thực tế trong cách thức ca hát và bản chất hình thức cơ bản của thể loại này thì hát rang dù với tên gọi gì nó vẫn không hề bị thay đổi. Đó vẫn là những câu hát được người dân ca hát luôn gắn liền với các hoạt động thường ngày của cuộc sống con người.

Như vậy, hát rang là thể loại ca hát dân dã thường ngày của người dân. Nó không phải là một bài bản hoàn chỉnh về mặt cấu trúc như một tác phẩm âm nhạc, hát rang chỉ là những câu hát, làn điệu được người dân ca hát, tâm sự, có khi là đối đáp với nhau mà nội dung xuyên suốt là những vấn đề hiện hữu trong cuộc sống thường ngày của con người.

Cũng giống như các thể loại dân ca khác của người Mường, hát rang đã trải qua nhiều sự thay đổi của xã hội, sự tiếp biến với nhiều luồng văn hóa mới cũng như sự quan tâm của các thế hệ người Mường mà những giai điệu mộc mạc đơn sơ ấy hiện vẫn không ngừng lan tỏa, vẫn ngân nga trầm bổng hòa quyện cùng các cung bậc tình người trong niềm tin về tình yêu, cuộc sống.

2.2.1. Đặc điểm nghệ thuật hát rang

Hát rang luôn được coi là thứ “ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày” của người Mường, lời ca rang không có sự trau chuốt, bóng bẩy, không bị gò bó theo khuôn phép. Tất cả đều là những hình ảnh đời thường, là “bản chất Mường” giản dị như chính bản chất sẵn có trong con người họ. Mộc mạc và giản đơn luôn là tiếng nói gần gũi với mọi sinh hoạt của cuộc sống con người, do đó lời ca trong hát rang phần lớn

dùng lối so sánh ví von những hình ảnh chân thực, đời thường để vận ví ca hát.

Hát rang có nội dung ca ngợi cuộc sống lao động, phong tục tập quán cũng như tín ngưỡng của người Mường về nguồn gốc loài người, về cái thiện, cái ác... Mỗi bài bản giai điệu rang đều gắn bó với mọi hoạt động thường ngày của đời sống lao động của con người. Không hạn chế về đối tượng tham gia diễn xướng, mỗi lời rang cất lên đều ẩn chứa những tâm tư, tình cảm, những ước mong của các thế hệ người Mường về một cuộc sống thanh bình, về một tình yêu êm đẹp, về sự vị tha và giàu lòng nhân ái của tình người trong muôn vàn đổi thay của xã hội.

“Đường gần đường xa, về cùng anh em hỡi
Anh đi trâu cho em ngồi bóng mát. Anh đi rẫy cho em ngồi bóng râm
Em muốn ở với anh thì về...”

(Trích: Rang đi đường - người hát Hà Thị Sóng, xã Lai Động, h. Tân Sơn)

Sự ứng tác tại chỗ về nội dung lời ca trong quá trình ca hát chính là điểm nổi bật nhất của người Mường nói chung trong hát rang đã mang đến sự đa dạng hơn, nhanh nhẹn hơn trong giao tiếp, ứng xử. Bên cạnh đó, sự phong phú của thơ ca, tục ngữ dân gian cũng đã góp phần quan trọng giúp cho nhận thức của họ thêm nhiều kinh nghiệm hơn, từ đó lối ứng tác vận ví lời ca cho phù hợp với xã hội, với những mối quan hệ ngày càng thêm thi vị, gần gũi hơn và cũng rõ nét hơn, giống như nhận xét của nhà nghiên cứu Tú Ngọc khi nói về dân ca người Việt đó là: “ngôn ngữ giản dị trong sáng, gần gũi với ngôn ngữ thường dùng, hình ảnh hiện thực gắn bó với đời sống thường ngày...” [68, tr.09]. Hát rang với bản chất là dạng hát nói gần với lối kể chuyện do đó, nhịp điệu hát rang không bị gò ép theo bất kì một cấu trúc luật lệ nào, quá trình hát rang cũng không có bất cứ nhạc cụ nào đệm theo do vậy mà người hát có thể tự do ngân nga thể hiện cảm xúc, ngâm ngợi chậm rãi giai điệu để suy ngẫm về những vấn đề mà lời hát giải bày.

Một điểm khá đặc biệt, có thể cho là khác lạ của hát rang so với các thể loại dân ca Mường khác ở chỗ chỉ cần dựa vào một cấu trúc cơ bản với các cao độ có tính tự do không cần định dạng tiết tấu thì người hát có thể vận lời hát tùy theo hoàn cảnh, đối tượng sao cho phù hợp nhất, những câu hát tự do ngâm ngợi, chậm rãi cũng đủ về thời gian suy nghĩ để người hát có được sự chuẩn bị lời ý mới cho lần

hát kế tiếp theo. Hát rang thường được bắt đầu bằng những câu mở đầu không có ý nghĩa về mặt lời ca nhưng nó lại giống như một thủ tục bắt buộc:

Ví dụ 2.3. *Trích: Rang vôông chuối, người hát Hà Thị Sóng, Lai Động, Tân Sơn*

Ký âm Kiều Phương



Một màn dạo đầu với cao độ xuôi chảy từ cao xuống thấp để rồi sau đó mới đến những nội dung chính với những vấn đề cần được trình bày một cách cụ thể hơn. Giai điệu rang mộc mạc, các cao độ âm thanh không theo lối tiến hành thang âm giống như một số thể loại dân ca của người Kinh, nhóm các âm thanh được tập hợp để hình thành nên nét giai điệu thường không có sự ổn định, cách thể hiện các làn điệu hát rang của mỗi nghệ nhân cũng đem đến sự chênh lệch đôi chút về cao độ khi trình bày do đó đã tạo nên cho hát rang sự đa dạng, phong phú trong cách thức thể hiện đồng thời cũng khẳng định nét tự do của lối tiến hành giai điệu hát rang khi người ta muốn thể hiện nó.

Như đã trình bày ở trên, hát rang không bị lệ thuộc vào bất kì quy tắc nào của lễ nghi phong tục, là lối hát tự do trong mọi thời điểm hoàn cảnh của hoạt động sinh hoạt trong đời sống cộng đồng do đó, dù ở bất cứ thời điểm nào, trong hoàn cảnh nào thì hát rang vẫn được cất lên, được trở thành cuộc đối đáp giữa đôi bên nam nữ, được là giọng điệu tâm sự giải bày của người này đối với người kia và thậm chí nó còn trở thành “đối tượng” để đôi bên cùng dựa vào nhằm thách đố nhau, trêu ghẹo nhau. Nhịp điệu tiết tấu luôn mang tính tự do phóng khoáng, các câu hát rang (trừ câu mở đầu) có thể tùy theo mức độ ý văn trong ngôn ngữ diễn tả của người trình bày mà được kéo dài - ngắn khác nhau:

Ví dụ 2.4. *(Trích: Rang vôông chuối, người hát Hà Thị Sóng, Lai Động, Tân Sơn*

Ký âm Kiều Phương)

Luôn hòa mình vào trong cuộc sống của con người, sự dung dị bình thản của giai điệu lời ca, sự chậm rãi tự do của nhịp điệu tiết tấu... tất cả đã tạo nên hát rang - một lối hát hòa đồng, đơn giản, một thể loại dân ca đặc biệt chỉ có trong đời sống cộng đồng Mường, đại diện cho người Mường để truyền tải những ước mơ, những khát vọng mà cuộc sống luôn cần có để phát triển.

2.2.2. Bối cảnh truyền thống của hát rang

Ở Phú Thọ, hát rang được hình thành và phát triển trong đời sống sinh hoạt cộng đồng người dân Mường từ bao đời nay, nó đã trở thành món ăn tinh thần, là “vật báu” được người dân Mường các thế hệ lưu truyền và gìn giữ. Tuy nhiên, ở hoàn cảnh xã hội nào, môi trường sinh hoạt văn hóa cụ thể nào thì những câu hát rang sẽ có sự tiếp nhận và phát triển phù hợp với mức độ ấy. Khi cuộc sống người dân đơn thuần với những nếp bình dị thuần nông thì những câu hát rang sẽ là lời tâm tình về cuộc sống ấy còn khi môi trường với sự hiện đại hóa của công nghệ thì ắt những tiếng rang sẽ được biến hóa sao cho phù hơn. Sự biến hóa tài tình này không phải do hát rang sẵn có, mà đó chính là những hiện diện của nhu cầu cuộc sống xã hội với vai trò quan trọng ở mức duy nhất đó là con người.

Xã hội trước đây với cuộc sống thuần nông, chất phác người dân Mường luôn lấy tiếng hát làm nguồn động viên thiết thực cho mình trong các hoạt động lao động sản xuất cũng như các quan hệ xã hội, sự gần gũi đời thường của những giai điệu hát rang đã hòa quyện với tâm tư, thay thế cho ngôn ngữ tiếng nói đơn thuần giúp con người như thêm mạnh dạn hơn, hòa đồng hơn như lời cụ Sinh: “Ngày xưa để mà đối mặt nói lên một vấn đề nhất là về tình cảm thì rất khó cất thành lời, rất ngại khi phải trực tiếp nói ra điều thầm kín, chỉ có tiếng hát mới dễ bề nói ra được nhất là rang vì giai điệu của nó gần như cách giao tiếp thông thường, mình nói thì người đối diện cũng dễ nghe hơn” (ghi chép phỏng vấn ngày 14/5/2017 tại xã Kiệt Sơn, Tân Sơn).

Rang luôn có những giai điệu lời ca phù hợp với từng độ tuổi, từng mức độ nhận thức của con người trong các mối giao tiếp cộng đồng. Những công việc, những bối cảnh cụ thể trong cuộc sống, những sự việc hiện hữu có sử dụng tiếng rang đã như chắp thêm sức mạnh, thêm sự nhiệt huyết cho người dân để dễ dàng

thực hiện nó.

Ở độ tuổi gần đất xa trời, những người già Mường thường hồi nhớ lại những câu chuyện kể về cuộc sống, về tình yêu, về sự hình thành và phát triển của làng Mường để đêm đêm qua tiếng rang kể lại cho thế hệ cháu con cùng nghe, cùng nhận thức về những tinh hoa văn hóa Mường vẫn luôn được tiếp nối qua nhiều thế hệ. Không được trực tiếp nghe, không có duyên được tham dự trong những buổi sinh hoạt văn hóa của xóm làng Mường nhưng qua câu chuyện của một số người già ở xã Thạch Kiệt, chúng tôi vẫn thấy được niềm vui, sự háo hức, niềm lưu luyến về ngày xưa với những tiếng rang làm ấm tâm hồn con người khi cuộc sống còn nhiều khó khăn vất vả.

Trong xã hội phong kiến thì tại các làng Mường, những xóm Chiềng, xóm Phát, xóm Vường đều là những xóm trung tâm có nhà Lang, nhà quan Ngài sinh sống và cũng ở những xóm này những câu hát dân ca, những làn điệu rang, ví... luôn được cất lên bởi những quan ngài này đều là người Mường và cũng đều thích ngân nga dân ca Mường. Con cháu của họ hàng đêm vẫn cùng các trai gái Mường trong làng đi đôi rang, đánh xường, cùng giao lưu kết bạn và tham gia tuyển lựa giọng hát hay, đối đáp tốt để hát biểu diễn cho các quan Ngài nghe. Những tiếng rang vui đùa, đối gheo còn được ngân lên trong các cuộc vui chơi bên bìa rừng, bãi cỏ khi chăn trâu thả bò của lũ trẻ thơ người Mường. Giai điệu ngân nga lúc trầm lúc bổng, những câu ví von về ngọn cây, con suối... luôn là những hình ảnh của rang khi được cất lên. Những tình cảm chân thành của rang được cất lên mượt mà, say đắm, được nói bằng thứ “tiếng dân tộc” đã làm cho các thế hệ người Mường ngày càng thêm trân quý hơn vốn văn hóa dân gian độc đáo của đời sống tinh thần mà các thế hệ cha ông họ đã dày công vui đắp và lưu truyền lại.

2.2.3. Vai trò của hát rang trong đời sống cộng đồng Mường

Là loại hình ca hát phản ánh mọi mặt của đời sống văn hóa được diễn ra trong nhiều hoàn cảnh, ở nhiều địa điểm khác nhau. Rang luôn được coi như tiếng nói từ trong sâu thẳm tâm hồn, là những điều suy ngẫm dài bày của những người đi trước gửi lại cho thế hệ sau.

Theo lời những người già trong các bản Mường cùng quá trình thu thập tư

liệu tại các vùng Mường ở tỉnh Phú Thọ, chúng tôi thấy hát rang có vai trò khá to lớn trong đời sống văn hóa cộng đồng người Mường. Từ những lời giao tiếp hàng ngày trong các mối quan hệ tình làng nghĩa xóm, người ta ca rang để tâm sự, để trao đổi thậm chí đó chỉ là những lời chào hỏi xã giao. Nỗi niềm được vận ví thông qua giai điệu làn điệu hát rang đã tạo nên nhiều hứng thú mới lạ, tạo cho các mối quan hệ thêm thâm tình, gắn bó bền lâu. Những câu hát rang được cất lên với nhiều thi vị của tình yêu đôi lứa, ẩn chứa nhiều sắc màu ở cả không gian và thời gian để xe duyên cho trai gái khi đến tuổi tìm hiểu yêu đương.

Bên cạnh những câu hát đối đáp giao duyên yêu đương, những câu trao đổi, kết nghĩa, tâm tình của tình người trong cộng đồng với nhiều cung bậc cảm xúc, hát rang còn giữ vai trò như một cầu nối quan trọng giữa đời sống hiện thực của người dân Mường với các đấng thần linh trong vũ trụ thế giới quan thông qua các nghi lễ cầu cúng nông nghiệp. Đời sống thuần nông, cây lúa luôn được coi trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội do đó, những nghi lễ gắn với cày cấy nông vụ luôn được người dân thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ các bước, các nghi thức cầu cúng. Trong các nghi lễ này thầy mo đóng vai trò chủ đạo của việc tế lễ khấn cầu các đấng thần linh ban cho người dân mùa màng tươi tốt, cùng mưa thuận gió hòa nhưng theo tục lệ người Mường thì hát rang là giai điệu không thể thiếu vắng trong những nghi lễ. Âm điệu lời ca hát rang sẽ được cất lên ngay sau khi nghi thức cúng tế của thầy Mo dừng lại, những câu hát gọi vía lúa về mong cho mùa màng no đủ, cuộc sống ấm no:

“Hỡi lúa nếp lúa tẻ. Hãy nghe lời Mường ta kêu gọi

Lúa về đây làm giàu cho dân bản ta

Lúa về đây làm cho dân bản ta no lòng...”

(Trích: Rang gọi lúa - người hát Hà Thị Sinh, h. Tân Sơn)

Một điểm khá quan trọng của hát rang trong đời sống cộng đồng đó là không phân biệt, hạn chế đối tượng ca hát nó. Bất cứ ai dù ở vị trí nào, có vai trò gì trong cộng đồng Mường đều có thể ca hát rang và diễn xướng rang. Mỗi độ tuổi lại có những làn điệu, những câu hát rang phù hợp từ tình yêu đôi lứa đến những tâm sự,

những câu chuyện hay những niềm vui, sự đối đáp thi thố... trong con mắt người Mường, hát rang luôn là lời tâm tình trao đổi thường ngày của cuộc sống, lao động mà người ta nói hát rang như nói những câu chuyện giao tiếp với nhau.

Không bị phụ thuộc vào bất cứ một yếu tố gắn với tục lệ lễ nghi nào nên hát rang được người Mường ca hát ở mọi lúc mọi nơi trong bất kì hoàn cảnh nào, khi mà con người muốn dãi bày tâm tư nguyện vọng, muốn trao gửi tình cảm với nhau. Như vậy, với sự đa dạng trong cách thức thể hiện làn điệu hát rang cũng như vị trí của chúng đối với đời sống phong tục tập quán cộng đồng Mường, hát rang đã luôn khẳng định và thực hành tốt nhằm phát huy vai trò trong việc thúc đẩy nâng cao nhận thức, ý thức cộng đồng, khẳng định bản chất tốt đẹp thông qua giai điệu lời ca. Luôn là sự gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp, với đời sống thường ngày, âm thanh lời ca mộc mạc như tâm tình thủ thỉ, nhẹ nhàng mà ẩn chứa tình người cao cả... hát rang đã trở thành phương tiện quan trọng gắn kết tình người trong muôn mặt của cuộc sống. Là tiếng nói riêng biệt đặc trưng mà chỉ người Mường mới có được. Tiếng nói ấy cho đến tận hôm nay vẫn nguyên vẹn và không bị biến dạng đi trong xu thế hội nhập giao lưu văn hóa của thời đại mới.

2.3. Hát ví

Là lối ca hát khá phổ biến ở nhiều tộc người, hát ví được người dân ưa chuộng như một món ăn quen thuộc, dân dã do đó bất cứ người dân nào cũng đều có thể ca hát làn điệu ví quen thuộc của dân tộc mình. Có điệu ví tự sự giải bày tâm tư tình cảm, nguyện vọng của con người trước cuộc sống, có điệu ví lại là sự đối đáp giao duyên vui đùa của trai gái đương tuổi yêu đương. Tuy nhiên, trong nét đặc trưng văn hóa của từng dân tộc riêng biệt thì hát ví luôn mang màu sắc nổi bật, luôn thể hiện rõ tính bản sắc của dân tộc ấy trong lời ca cũng như trong giai điệu, nhịp điệu vốn có của nó.

Mỗi dân tộc đều có những hình thức ca hát dân gian nổi bật điển hình. Ở Phú Thọ, có rất nhiều thể loại ca hát dân gian quen thuộc gắn liền với đặc trưng các dân tộc như hát xoan, hát gheo, hát sa mạc, cò lả, trống quân, hát xẩm, ca trù (người Kinh) và các loại hình ca hát của các dân tộc ít người như hát sinh ca, vèo ca (người

Cao Lan), hát páo dung (người Dao), hát xoọng cô (người Sán Diều)... Hát ví là loại hình ca hát mà hầu hết trong tất cả mọi dân tộc trai gái đều biết hát, biết đối đáp giao duyên bằng giai điệu âm nhạc độc đáo, “Ai quá tuổi thanh niên đều biết và thuộc hát Ví. Chẳng có huyện nào ở vùng đất Tổ xưa mà không có những làng hát Ví nổi tiếng một vùng” [66, tr.426]. Cách thức diễn xướng và lời ca hát hầu như ví đều được nhận định là những câu hát đối đáp được trai gái đôi bên ứng tác vận ví ngay tại chỗ với nội dung đa dạng phong phú về cuộc sống, về tình yêu nhưng mỗi một dân tộc với màu sắc văn hóa dân gian riêng biệt, cuộc sống và những nếp sinh hoạt đời thường đã tạo nên giai điệu ví mang tính độc đáo riêng. Hát ví Mường với nét riêng điển hình mang đậm “bản chất Mường” cùng tính trữ tình nổi bật đã tạo nên những giai điệu đậm đà nhưng cũng rất dân dã, gần gũi thể hiện màu sắc văn hóa dân gian Mường một cách tinh tế, riêng biệt.

Với nhiều cách gọi tên khác nhau cho một loại hình sinh hoạt ca hát, người Mường vùng Tân Sơn, Thanh Thủy đều cùng gọi với tên hát *ví đúm* (tên gọi này giống với cách gọi của một số vùng người Mường ở tỉnh Hòa Bình), người Mường ở Yên Lập lại gọi cách thức đối ca này là hát *ví đối* bởi theo họ, trai gái đôi bên đối đáp với nhau, những lời ca đối lại này đã khẳng định rõ tên gọi mang tính dân dã, chất phác như chính bản chất con người họ vốn có. Ví trong tiếng Mường được gọi là *bỉ* hay *vị*, người Mường vùng Thanh Sơn thường gọi hát ví là hát *bỉ*. “Ở vùng Mường Thanh Sơn, đồng bào hát *bỉ* bằng tiếng phổ thông, các câu hát cũng không khác các câu ví giao duyên người Kinh. Người Mường thường hát *bỉ* trong các ngày vui như lễ cưới, hội còn, chơi đu hay cuộc mồi và những phiên chợ lớn cũng là nơi để trai gái hát *bỉ* với nhau” [110, tr.361].

Dân ca nói chung trong quá trình hình thành và phát triển thì môi trường sinh hoạt được coi là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên chúng. Những hình ảnh núi non, dòng sông, con suối, hoa lá chim muông... luôn được ví như “những giọt mưa xuân tưới mát cho tâm hồn dân ca ngay từ thửa còn là bộ tộc Lạc Việt” [61, tr.26]. Cuộc sống lao động người dân trước đây chủ yếu bằng các hoạt động thô mộc của tay chân, sử dụng sức người là chính do đó dân ca luôn được coi

là tiếng nói, là ngôn ngữ giúp cho họ được giải tỏa căng thẳng, vất vả để tiếp tục với những công việc đã định sẵn. Những lời ca trong dân ca cũng chủ yếu được hình thành từ chính những câu trao đổi, giao tiếp của cuộc sống đời thường đó. Mộc mạc và chân thành, giản đơn và dân dã đó chính là những “chất liệu” đã cô đọng nên giai điệu cho dân ca mà điển hình hơn cả đó là những giai điệu hát ví - một lối ca hát nổi bật dù là của dân tộc Mường hay bất kì một dân tộc nào thì bản chất của nó vẫn mang tính “*đậm đà dân tộc*”.

2.3.1. Đặc điểm nghệ thuật hát ví Mường

Ở vùng Mường Phú Thọ hiện nay, người dân vẫn còn ca hát ví, những lời ví yêu đương trai gái, những câu ví trao đổi sẻ chia tâm tình, những câu bông đùa ghẹo nhau vẫn được cất lên trong những dịp hội làng, trong những cuộc vui liên hoan, trai gái cùng nhau giao duyên đôi đáp hẹn ước.

Lối ca hát với giai điệu đơn giản, mộc mạc lời ca và cách vận ví gần với thể loại hát ví của người Việt vùng Bắc Bộ, hát ví Mường chủ yếu là hình thức đối ca nam nữ giao duyên nhằm bộc lộ tình cảm, tình yêu và mong ước cho cuộc sống lứa đôi hạnh phúc. Không bị ràng buộc bởi bất kì một hình thức tế lễ hay nghi thức tục lệ nào, không có quy định cụ thể về thời gian, về không gian, là loại hình ca hát mà bất cứ ai cũng đều có thể tham gia. Hát ví Mường đã trở nên khá phổ biến đối với tất cả mọi thế hệ người dân, người ta ca đối với nhau mọi lúc mọi nơi, trong mọi hoạt động nhịp điệu của cuộc sống. Bất cứ một sự vật, một hình ảnh gì cũng đều có thể trở thành đối tượng để vận ví, để đối đáp. Người Mường ca hát ví không theo phường hội lớn, không có tổ chức chặt chẽ cụ thể của phường hội, những bài bản ví Mường hầu như không có tên gọi giống như với dân tộc khác, người ta thường đặt tên cho làn điệu ví Mường gắn với nội dung mà nó thể hiện (ví dụ như: hát ví ru em ngủ, hát ví tình yêu, ví giao duyên...). Họ vẫn ca hát cùng nhau thành nhóm, tốp, vẫn đối đáp giao duyên nhưng đó đều là các nhóm tự phát với ca ví tùy theo từng vấn đề cụ thể của buổi hát.

Hát ví Mường có giai điệu lời ca phần lớn thường dựa trên các thể thơ ca dao, tục ngữ. Những hình ảnh trong cuộc sống đời thường, những cách so sánh ẩn

dụ, ví von, những lời thương được hiện lên qua câu ví đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc cho người nghe. Các cuộc ví thường được diễn ra trong không khí của buổi sinh hoạt tập thể, trong đám cưới, dựng nhà mới... trai gái đôi bên có thể là người trong cùng làng, nhưng cũng có thể là người ngoài làng hát đối với nhau, tuần tự theo các chặng hát: Chào hỏi - đối ví - chia tay.

Là một thể loại hát khá đặc biệt khác hẳn so với các thể loại hát khác ở chỗ, hát Ví hầu như không có bài bản sẵn, người hát đối trong quá trình hát phải có tài vận ví, ứng tác tại chỗ, đối đáp kịp thời với đối phương, lời vận phải hay, sinh động thể hiện tài trí thông minh và phải làm khó được cho đối phương khi tìm lời để đối ca lại.

Nhịp điệu trong ví Mừng rất đơn giản, gần với lời hát nói, quãng cách âm vực giọng chỉ nằm trong phạm vi một quãng tám (1q8) và thường không có tạo nên cao trào giống như các dạng ca hát khác. Hát ví Mừng có nhịp điệu rõ ràng, thể hiện rõ như cách “nói” đối thoại mang nhịp điệu do đó người hát ví Mừng khi ca hát không được “tự do thoải mái” ngâm ngợi giai điệu giống như với các thể loại khác (Vừa hát vừa nghĩ lời ca, tự do ngân nga không theo khung thời gian của nhịp điệu đếm).

Ví dụ 2.5. Trích hát ví - người hát Hà Thị Tiên, Kiệt Sơn, Tân Sơn

kí âm Tạ Hiền

(1)

Hỡi ai đi ngược về xuôi đừng
chân ngắm cảnh núi đồi Kiệt Sơn.

Với kiểu hát ngợi ca này, câu nhạc chỉ cần xoay quanh một giai điệu chính và người ta có thể thay đổi về lời ca với nhiều nội dung mang ý nghĩa khác nhau để hình thành nên cấu trúc cho từng đoạn nhỏ và rồi hợp lại thành một bài bản ví Mừng có đủ những vấn đề cần trình bày. Mức độ dài - ngắn của bài bản ví đó lại phải tùy thuộc vào khúc, đoạn của những lời ca vận ví sao cho có đủ ý tứ câu từ ngữ

nghĩa như mong muốn nhằm mục đích giúp cho người nghe dễ hình dung về một “cấu trúc bài hoàn chỉnh” đồng thời sẽ dễ nắm bắt và hiểu hơn, có thể ví dụ việc giữ nguyên ý nhạc và thay đổi bằng một khổ lời hát khác như sau:

(2)

Về đây chớ có ở lâu, kéo
lại thành rề thành dâu Mừng này.

Sự ứng tác vận ví những hình ảnh đời thường, những khó khăn của công việc lao động một nắng hai sương cùng tình yêu đôi lứa được thể hiện qua làn điệu ví đã tạo nên những nét độc đáo, hấp dẫn cả với người hát và người nghe. Hát ví Mừng đã tạo nên sức hút mãnh liệt với tất cả mọi người dân, lôi cuốn nhiều người cùng tham gia bởi tính chất đối đáp và sự ứng biến nhanh nhạy, cuốn hút từ đầu đến cuối mỗi cuộc chơi. Tính chất thoải mái, vui vẻ nhưng không kém phần hấp dẫn đồng thời, cũng khá bài bản trong các cách sắp xếp đối đáp giữa đôi bên đã mang đến sự thư giãn, giải trí cho mọi người sau những vất vả khó khăn của cuộc sống mưu sinh.

2.3.2. Bối cảnh truyền thống của hát ví Mừng

Hát ví Mừng là thể loại ca hát được người dân sử dụng chủ yếu bằng hình thức đối đáp với nhau. Đôi bên nam nữ vận dụng ca dao tục ngữ để cùng ca hát, đối đáp, cùng thi tài. Không gian diễn ra một cuộc ví Mừng có thể trên cánh đồng trong lúc đang lao động hoặc bìa rừng, bãi đất trống khi vui chơi, đôi khi đó lại là không gian của nhà làng trong dịp hội họp chung. Nếu như vùng đất Tổ người Kinh với nhiều làn điệu hát ví gắn liền với tên gọi công việc, địa danh (hát ví Tam Nông, hát ví Sơn Vi, ví đồi chè...) thì người Mừng lại không đặt tên cho các làn điệu ví, họ cứ luôn ca hát và đối đáp với nhau và có thể vận ví bất cứ hình ảnh gì trước mắt mà họ thấy hoặc mượn ý, mượn cảnh của tâm trạng để cất lên thành lời ca có giai điệu nhằm gửi đến cho đối tượng cùng giải đáp.

Cũng giống như các thể loại ca hát khác trong đời sống cộng đồng, hát ví

Mường với từng làn điệu bài bản sẽ luôn phù hợp với từng hoàn cảnh, không gian đã làm nảy sinh ra nó. Ở bất kỳ môi trường diễn xướng nào cũng sẽ có những lời ca ứng tác ví phù hợp, các chàng trai cô gái Mường luôn sử dụng hình ảnh thân quen, gần gũi với đời thường để vận ví, để đối ca. Sự gần gũi, giản dị và mộc mạc trong từng nét giai điệu câu từ của ví Mường như chính tâm hồn con người trong nếp sống thường ngày với những gì là bình thường nhất và cả sự gắn bó làng xóm ở khía cạnh bình dị nhất.

Luôn mang tính trữ tình, phản ánh tình cảm của con người dưới góc độ chân thành, hát ví Mường được ca hát ở mọi lúc mọi nơi với mọi đối tượng và hình thức ca hát cũng có khi được thay đổi. Với những người lớn tuổi họ có thể ca hát ví với nhau theo hội, xóm. Trẻ em cũng tham gia đối ví khi chăn trâu, thả bò, thanh niên nam nữ đối ví cùng nhau có khi theo nhóm, hội nhưng cũng có khi chỉ là cuộc đối đáp tâm tình giữa hai người.

Cũng đi theo từng nhóm để tham gia đối hát với nhau, ở các thể loại đối ca khác người ta hình thành sẵn nhóm và có chút chuẩn bị để những lời ứng tác được diễn ra trôi chảy hơn, nhanh gọn hơn nhưng với hát ví Mường thì các nhóm hát này chỉ được hình thành nên trước khi người ta tham gia vào cuộc đối. “Trong những đêm trăng thanh hoặc sau những cuộc hội họp ở nhà chung của làng, trai gái thường rủ nhau thành một nhóm đi chơi và ca hát ví đối với nhau, một nhóm có khi chỉ là 2 đến 3 người nhưng cũng có những buổi đêm trăng do nhiều người cùng tham nên đội ví có thể lên đến 6 - 8 người. Ban đầu chỉ là một vài lời ví thăm hỏi đưa đẩy giao duyên nhưng càng về khuya cuộc ví lại dần càng được biến thành cuộc đối đáp không cân sức” - Như lời chị Đô xóm Chiềng 1, Kiệt Sơn (ghi chép phỏng vấn ngày 14/5/2017 tại xóm Chiềng 1, xã Kiệt Sơn, Tân Sơn). Hát ví Mường thường mang tính tự phát bởi những nhóm người có cùng độ tuổi, họ ca hát đối đáp những câu hát, những câu tâm sự với nội dung phù hợp theo từng nhóm đồng thời câu ví sẽ là câu nói, là lời tâm sự để họ dễ hiểu nhau hơn, gần gũi hơn và cũng dễ có thiện cảm chia sẻ với nhau hơn.

Là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian phổ biến rộng khắp, luôn phù hợp với mọi hoàn cảnh, không gian sống của con người. Tuy nhiên, ở giai đoạn xã hội

trước đây khi con người với cuộc sống lao động còn nhiều khó khăn, khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế thì các loại hình ca hát dân gian trong đó có hát ví lại có sự phát triển mạnh mẽ, người dân ca hát say sưa mọi lúc mọi nơi, tất cả những hoạt động cuộc sống đều có thể được vận ví vào trong lời ca “*để mà giải bày, để mà thở than*” (trích lời ca ví). Cuộc sống hiện đại với nhiều cái tân tiến mới của khoa học công nghệ đã phần nào giúp con người được nhẹ nhàng hơn trong lao động, có nhiều thời gian thực hiện các công việc, những cuộc giao lưu hội hè được tổ chức có quy củ nhưng giai điệu ví nói riêng tại sao lại không có sự phát triển như trước? Tại sao giới trẻ hiện nay có ít người biết hát ví. Đây cũng chính là điều chúng tôi đi tìm lời giải đáp.

2.3.3. Vai trò hát ví Mường trong đời sống cộng đồng Mường

Ở vùng đất Tô Hùng Vương, khá nhiều dân tộc có hình thức ca hát đối đáp gần giống với lối hát ví của người Mường, cũng là cách thức từng nhóm người cùng đối đáp, vận ví thông qua những hình ảnh cụ thể để đùa vui vẻ, để thêm hiểu nhau hơn và tình duyên ước hẹn được bồi đắp đầy hơn nhưng mỗi loại hát, mỗi bài bản “ví” của mỗi dân tộc lại thể hiện nổi bật màu sắc riêng, mang bản chất riêng. Trong tất cả các cách hát đối đáp ở Phú Thọ thì nổi bật nhất phải kể đến đó là cách hát của người Kinh với loại hình hát ống, hát ví Sơn Vi, Hát ví Tam Nông... Đây cũng là hình thức ca hát đối đáp nam nữ nhưng ở từng vùng địa phương nhỏ người ta đặt tên điệu hát theo tên gọi của địa phương đó để nhằm phân biệt lối hát giữa xã này với xã kia, giữa huyện này với huyện kia thậm chí tên gọi điệu hát đó còn được đặt theo xóm nhỏ để phân định tính “chủ quyền” rõ rệt, chúng ta có thể thấy như ví xóm Giữa, ví xóm Giếng, Ví xóm Đa (các xóm này cùng đều thuộc xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao). Hát ví của người Kinh ở Phú Thọ cũng được tổ chức theo phường, hội, người ta đi “đánh ví”, đi “đối ví” đều có sự chuẩn bị chu đáo về số lượng người, về độ tuổi và cả về những nội dung bài bản ví sẽ dùng để hát thi đấu với phường bạn, thậm chí mỗi đội ví đều có một người với vai trò giống như “trùm” để chỉ đạo, gợi ý cho người hát trong quá trình tham gia cuộc đối.

Với người Mường Phú Thọ, hát ví Mường luôn có vị trí quan trọng trong các

mối quan hệ giao tiếp, trong cuộc sống và trong cả những ước mơ. Có thể nói hát ví là thể loại dân ca sinh hoạt đời thường bởi trong bất cứ hoạt động nào của con người, trong bất cứ hoàn cảnh nào của xã hội thì những câu ví vẫn được cất lên. Đó chính là những giao ước, những lời xã giao đối thoại hay là những ước mơ mà con người trao đổi với nhau, kết nối trong suy nghĩ và được bộc lộ ra bằng giai điệu với nhiều cung bậc trầm bổng của âm thanh. Nhìn nhận các làn điệu ví ở từng góc độ biểu hiện thông qua giai điệu lời ca thì ở một khía cạnh nào đó giúp ta thấy rõ được bản chất chân thật của tình người luôn bộc lộ một cách chân chính nhất, thuần khiết nhất và cũng gần gũi đơn giản nhất.

Mỗi độ tuổi đều có thể hình thành nên các nhóm đội hát ví Mường khác nhau. Với nội dung chủ yếu ca ngợi về tình yêu, ca ngợi về lòng thủy chung, về tình người trong xã hội: - Những câu hát ví được ví như những lời đưa đón mà nhóm người Mường trong độ tuổi thanh niên sử dụng để trao đổi tâm tư, tình cảm nhằm xây dựng mối quan hệ yêu đương gắn bó, hoặc đó là những câu than thở, dãi bày khi đôi lứa không được kết duyên với nhau. - Ở nhóm những người Mường lớn tuổi thì câu hát ví lại như giúp họ được trở về với những mộng ước của tuổi thanh niên đã qua, họ đối đáp với nhau để hồi tưởng, để nhớ về những tháng ngày tuổi trẻ, khơi gợi lại những niềm vui, sự duyên tiếc hay có thể đó chính là những câu hát trao truyền họ gửi lại để thế hệ trẻ học tập tiếp theo. - Cũng vận ví và đối đáp với nhau theo như cách của người lớn thể hiện, thế hệ trẻ thơ Mường (lứa tuổi thiếu nhi) lại có những câu ví đối ngộ nghĩnh gắn liền với những trò chơi dân gian, những hình ảnh bình dị đời thường của cánh diều, của những con vật ong, kiến, chim chóc...

Không phân biệt độ tuổi, không phân biệt mức độ khác nhau trong cuộc sống, những câu ví được cất lên luôn là niềm vui, là khát khao, là ước vọng của con người về tình yêu, về hạnh phúc. Đơn giản và gần gũi, mộc mạc và đời thường, hát ví đã thấm sâu trong tâm hồn của mỗi người dân Mường, cuộc sống đang ngày càng từng bước nâng cao, những nhu cầu vật chất ngày càng nhiều hơn, đầy đủ hơn nhưng những câu ví quen thuộc vẫn được cất lên trong không gian của buổi hội làng, của những đêm giao lưu văn nghệ, của ngày lễ giỗ tổ. Người dân vẫn hát ví,

văn đối ca với nhau nhưng không còn tính chất thô mộc ứng tác tại chỗ như xưa, những câu ví giở đã được gọt dũa, được chuẩn bị sẵn để “biểu diễn” trước công chúng, thậm chí còn được ghép kết hợp với nhạc cụ đệm để tạo hiệu quả tốt hơn đến cho người thưởng thức.

2.4. Hát gheo Việt - Mường

Trong đời sống cộng đồng mối quan hệ kết giao nước nghĩa giữa những làng, những xóm với nhau đã trở thành một nét đẹp văn hóa nổi bật của con người Việt Nam nói chung, thể hiện tình đoàn kết, ý thức đồng lòng trong công cuộc khai phá, xây dựng quê hương, phát triển đất nước. Nói đến tục kết nước nghĩa (kết chạ) giữa các xã, các làng với nhau thì ở bất cứ đâu, bất cứ nơi nào trên dải đất hình chữ S cũng đều có thể xảy ra tuy nhiên nổi bật nhất, điển hình nhất và cũng là mối kết nước nghĩa duy nhất giữa hai dân tộc khác biệt (dân tộc Kinh (Việt) và dân tộc Mường), sự đoàn kết gắn bó này chỉ có thể có ở Phú Thọ mà thôi. Từ tục kết nước nghĩa đôi bên này đã làm nảy sinh ra nhiều nét đẹp trong mối quan hệ gắn kết trong đó nổi bật và đặc biệt nhất đó là loại hình sinh hoạt ca hát đối đáp giao duyên độc đáo giữa đôi bên nước nghĩa - thể loại hát gheo, một hình thức ca hát giao duyên trai gái, là sản phẩm mang giá trị văn hóa và tinh thần chung của cả hai dân tộc anh em.

Ra đời và hình thành từ tục kết chạ (kết nước nghĩa) giữa các làng Mường ở Thục Luyện, Hùng Nhĩ huyện Thanh Sơn với các làng người Việt ở Nam Cường, Bảo Vệ, Thanh Uyên huyện Tam Nông. Hát gheo Việt - Mường ban đầu với các tên gọi khác nhau như “hát anh chị”, “hát gheo anh”, “gheo nước nghĩa”, cách thức ca hát đối đáp trữ tình giữa các “quan anh” và các “quan chị” đã tạo nên một lối ca hát nổi bật độc đáo. Cũng là hình thức ca hát đối đáp và cũng một cách gọi tên giống nhau nhưng ở mỗi vùng, miền cách thức tổ chức sinh hoạt ca hát cũng như lẽ lối, phong tục tập quán đã tạo nên sự khác biệt rõ rệt trong hình thức ca hát đối đáp do vậy, hát gheo Việt - Mường ở Phú Thọ luôn mang âm hưởng nổi bật trong sự kết hợp giao lưu giữa chất liệu dân gian người Việt với người Mường - một nét độc đáo, đặc sắc và rất riêng của ca hát dân ca ở Phú Thọ, một “Biểu hiện văn hóa cao đẹp với tình đoàn kết Việt - Mường. Hát gheo nước nghĩa là sản phẩm văn hóa và

giá trị tinh thần của chung hai dân tộc Việt Mường duy nhất chỉ thấy ở Phú Thọ” [75, tr.58].

Nghiên cứu qua các chuyện kể trong dân gian cũng như qua các tư liệu của các nhà khoa học với những khẳng định, những luận điểm xác định về nguồn gốc cho sự hình thành của thể loại ca hát đối đáp độc đáo giữa hai dân tộc Việt - Mường, chúng tôi tổng hợp qua các ý kiến và rút ra khái niệm mang tính khái quát về thể loại hát gheo Việt - Mường đó là *những bài bản dân ca với hệ thống lời hát mang tính hoàn chỉnh được người dân ca hát đối đáp với nhau trong các dịp lễ hội, giao lưu giữa các làng có kết nước nghĩa*. Những bài bản hát gheo Việt - Mường không có tính phổ biến rộng rãi trong cộng đồng người dân mà nó chỉ được cất lên trong khuôn khổ của mối quan hệ giữa các làng có kết chạ với nhau. Ở Phú Thọ, hát gheo Việt - Mường được nảy sinh, phát triển chỉ có ở những làng có kết nước nghĩa với nhau mà thôi, các hình thức ca hát đối đáp giao duyên trong cộng đồng người dân ở các làng, xã khác nơi vùng quê đất Tổ đều không được gọi là hát gheo Việt - Mường mặc dù đó cũng là những lời ca đối đáp giữa đôi bên nam nữ, cũng là những sự vận ví giao duyên thể hiện tình cảm của con người. Sự khác biệt này luôn được khẳng định bởi cái quan trọng đó là mối giao lưu kết nước nghĩa của tình cảm cộng đồng người dân được chứng minh qua giao ước giữa các làng với nhau.

Hát đối đáp nam nữ được diễn ra ở nhiều vùng, nhiều nơi và ở nhiều dân tộc với nhiều kiểu hát khác nhau về cách hát, tổ chức lời, giọng hát hay phong tục... nhưng ca hát đối đáp trong hát gheo Việt - Mường ở Phú Thọ luôn mang một sắc thái riêng - nét sinh hoạt văn hóa độc đáo trong mối quan hệ gắn kết giữa hai dân tộc anh em Việt - Mường, lời ca hát dân dã bình dị của những người nông dân một nắng hai sương nhưng thấm đượm tình đoàn kết dân tộc.

2.4.1. Đặc điểm nghệ thuật hát gheo Việt - Mường

Là thể loại ca hát mang đậm chất âm nhạc dân gian dân tộc Việt, một lời ca hát trau chuốt từ lời ca, giai điệu đến cấu trúc, tiết tấu âm nhạc. Hát gheo Việt - Mường được người dân ca hát bằng tiếng phổ thông, không có nhạc cụ đệm và thường hát ở tại các tư gia trong làng, lời ca trong hát gheo Việt - Mường rất mộc

mạc, giản dị, lời ví von độc đáo chứa đựng nhiều cảm xúc, là tiếng nói tâm hồn của con người trong thế giới tình cảm thiêng liêng với nội dung ca ngợi tình đoàn kết, tình yêu và lòng thủy chung của con người trong cuộc sống.

“Nhớ chị còm chẳng buồn nhai
 Chồng đũa chồng bát thờ dài chị ơi
 Một ngày một bát cầm hơi
 Em chồng đũa chồng bát, chồng trời được chẳng” ...

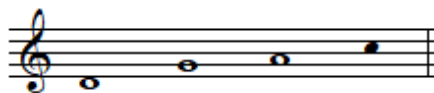
(Trích hát gheo: Ví tiền chân)

Lối ca hát cổ gắn liền với sản xuất nông nghiệp, hát gheo từ nội dung ca hát đến địa điểm sinh hoạt ca hát đều được diễn ra ở cùng một nơi:

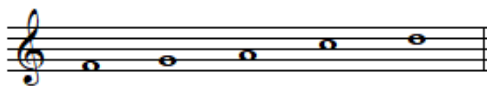
Hát Gheo được tổ chức sau khi cuộc tế lễ đã kết thúc. Nó không có nội dung khảo chúc, không dính dáng đến tế lễ, không phải là loại hình dân ca tín ngưỡng hoặc loại “*hát cửa đình*”. Nhưng hát gheo nước nghĩa này cũng không phải là hình thức hát tự do như hát Ví, đúm, trống quân mà nó giống như Quan họ, Xoan chỉ hát mỗi năm có một kì vào dịp tế thần và chỉ hát với nhau một đêm rồi chia tay [63, tr.154].

Sử dụng chủ yếu loại thang âm ngũ cung (thang 5 âm), nhưng ở mỗi chặng hát thì thang âm lại có sự thay đổi không có tính thống nhất (Các chặng hát thang âm có sự thay đổi dịch chuyển từ 3 âm đến 4 âm thậm chí sử dụng đến 6, 7 âm). Mỗi bài bản là một dạng thang âm điệu thức khác nhau:

- Thang âm bài “*Giọng sống*”



- Thang âm bài “*Duyên phận phải chiều*”



Bên cạnh sự đa dạng của các loại thang âm điệu thức, hát gheo với ca từ lời ca phong phú, sử dụng nhiều thể thơ như lục bát, thất ngôn, song thất lục bát... cùng những hình ảnh ví von so sánh, ẩn dụ đã tạo nên sức cuốn hút mới mẻ cho giai

điệu cùng sự trau chuốt, bóng bẩy trong cách thức ca hát mà người hát thể hiện khi giao tiếp với nhau.

Ví dụ 2.6. Trích hát “*giọng sống*” - nguồn tài liệu số 90, trang 29.

The image shows a musical score for a piece titled "Giọng sống". It consists of two staves of music in a treble clef. The first staff has the lyrics: (a) Anh (ơ) ơi (a) bây giờ cơm roạn mấy nước sôi. The second staff has the lyrics: (a) tắm răng (a) súc miệng (a) em ra ngồi mà hầu anh (chứ) em than rằng. The lyrics are written in Vietnamese and include tone markers in parentheses.

Hát gheo nước nghĩa được ca hát theo trình tự hoàn chỉnh với các giọng và các chặng hát cụ thể như: Hát ví đũa trầu - Hát sống (Giọng sống) - Sang giọng - Hát ví tiền chân.

Mỗi chặng hát lại mang một nét riêng không có sự lặp lại trong quá trình diễn xướng, mỗi làn điệu, mỗi bài hát gheo Việt - Mừng lại đều rất hoàn chỉnh với lối cấu trúc riêng biệt giống như từng ca khúc độc lập càng làm cho giai điệu thêm lắt động, thêm giàu hình tượng hơn.

- Chặng 1: Như một lời mời khách quý đến nhà với những câu ví đũa trầu đằm thắm, tha thiết.

Ví dụ 2.7. Trích hát “*Ví đũa trầu*” - nguồn tài liệu số 90

The image shows a musical score for a piece titled "Ví đũa trầu". It consists of two staves of music in a treble clef. The first staff has the lyrics: Em thưa với anh em, miếng trầu để đĩa bung. The second staff has the lyrics: ra, xin anh nhận lấy để mà thờ than thưa anh... The lyrics are written in Vietnamese.

- Chặng 2: Có tính chất âm nhạc phát triển hơn, những câu hát như lời tự sự giải bày những cảm xúc, tâm trạng giữa chủ với khách, giữa các “quan anh” với các “quan chị”:

Nghĩa ngài đôi nơi chẳng đâu có thể

Em hỏi chị rày có thể hay không?...

(Trích hát gheo: *Bồi rổi*)

- Chặng 3: Là chặng hát mang tính trọng tâm với nhiều giọng khác nhau, nhịp điệu cũng phong phú rõ ràng hơn, lời cuốn hơn, thể hiện được nhiều cung bậc cảm xúc hơn. Nội dung các bài bản của chặng hát này được thể hiện ở mọi khía cạnh cuộc sống, được vận ví với nhiều hình tượng, nhiều góc độ cảm nhận do đó người hát được thoải mái tự do đối thoại và thể hiện các mức độ tình cảm.

- Chặng 4: Với những câu “ví chia tay” xao xuyến, những dùng dằng trong cảnh kẻ ở người về đã làm cho câu gheo thêm càng mượt mà, đầm thắm hơn.

“Anh về dựa bóng ông trăng

Đêm khuya em biết than rằng cùng ai”

(Trích: hát gheo, ví tiền chân)

Trong dân ca người Mường nói chung, đặc trưng mang tính nổi bật của lề lối ca hát đó là cách hát thường mang tính tự do phóng khoáng, lời ca mộc mạc giản dị gần với đời sống và hầu như người ta ca hát thường không cần có nhạc cụ nào đệm theo. Hát gheo Việt – Mường ở đây là thể loại ca hát hoàn toàn theo lối cấu trúc âm nhạc dân gian người Việt, thang âm điệu thức đơn giản chưa có sự hoàn chỉnh, lời ca mộc mạc chân chất, giản dị và nguyên sơ. Từ cách sử dụng thang âm điệu thức đến nhịp điệu tiết tấu âm nhạc, một số bài bản trong quá trình phát triển sau này còn bị ảnh hưởng chất liệu của nhiều thể loại dân ca khác nhau, tạo nên sự hấp dẫn riêng mang tính đặc trưng. Tuy vậy, hát gheo Việt - Mường vẫn là thể loại ca hát mang tính tự do, các bài bản hát gheo Việt - Mường hầu như không có nhạc cụ đệm, những câu hát luôn là giọng đối đáp qua lại của “quan anh” - “quan chị” làm cho cuộc gheo thêm nhiều sức hấp dẫn hơn.

Một điểm khá nổi bật trong các cuộc hát gheo Việt - Mường giữa các làng kết nước nghĩa đó là họ chỉ tổ chức hát vào buổi tối sau khi đôi bên cơm nước đã xong xuôi. Người ta có thể ca hát thâu đêm cùng đôi gheo với nhau bởi thời gian diễn ra cuộc hát đối chỉ được tổ chức trong một đêm của ngày hội đình làng mà thôi để rồi lại chờ đến hội đình làng năm sau hoặc có chăng chờ đến ngày hội của làng kết nghĩa để mời nhau cùng dự và cùng ca hát đối đáp yêu đương. Những câu hát giao duyên, những lời vận ví đưa đẩy, những ước vọng khát khao, những suy tư trao đổi đã tạo

cho hát gheo Việt - Mừng trở nên đặc biệt và trở thành “sản phẩm” văn hóa tinh thần được kết tinh từ tình người giữa hai dân tộc Việt - Mừng trong sự phát triển chung của xã hội.

2.4.2. Bối cảnh truyền thống của hát gheo Việt - Mừng

Ngược dòng thời gian để trở về với canh hát gheo Việt - Mừng của những chàng trai cô gái các làng có kết nước nghĩa khi cùng tham gia trong ngày hội của làng năm xưa. Những câu hát ngân nga trữ tình thấm đẫm tình yêu thương trong sắc xanh trung du của miền quê Phú Thọ vẫn đang trải dài mệnh mông cùng tình yêu đôi lứa, cùng những câu vận ví, những hình ảnh đời thường gần gũi. Hát gheo Việt - Mừng với sức sống đặc biệt của mình đã không ngừng phát triển cùng dòng chảy liên hoàn của xã hội, của nhịp sống con người.

Xã hội thuần nông với những nếp bình dị của cuộc sống thôn dã, người dân lao động luôn chăm chỉ với công việc, với những mưu sinh thường ngày. Họ bình thường chất phác, dung dị và cần cù nhưng luôn chất chứa bao nỗi niềm trong lòng bởi những khát khe lẽ nghi, những hạn chế gò ép của chế độ xã hội, của những khó khăn trong đời sống. Để bút phá nhằm giải tỏa tâm hồn cho chính mình thì chỉ có tiếng hát, tiếng lòng cất lên mới chấp cánh cho niềm vui lan tỏa. Không gắn với các lẽ nghi của hội làng nhưng lại được khơi nguồn và ra đời từ trong hội làng, hát gheo Việt - Mừng đã trở thành nơi tâm tình, trao đổi của trai gái, của tình người. Qua lời ca tiếng hát giao duyên họ như được tìm thấy chính mình, được bay bổng, vui chơi và bỏ lại đằng sau những nhọc nhằn vất vả của cuộc sống đời thường cùng những hà khắc của đất trời khi:

“Mưa từ Hùng Nhĩ mưa ra
Mưa khắp thiên hạ mưa ra bến Tuần
Nước sông Rân chảy về dòi dòi
Lòng em bồi rối chờ đợi lấy anh
Trận này nức tiếng thơm danh”

(Trích: hát gheo - Mưa)

Trong chế độ xã hội phong kiến, ở Phú Thọ hát gheo Việt - Mừng luôn bó

hẹp trong các làng nước nghĩa với nhau: Nam Cường, Thục Luyện, Hùng Nhĩ, Bảo vệ. Tình cảm gắn kết cộng đồng giữa các làng luôn nở rộ với những lời ca tiếng hát giao duyên, “Họ quan hệ với nhau theo quy định, năm nay làng này mời, năm sau làng kia mời, theo chu kì hai năm đến lượt một lần” [117, tr.53]. Các cuộc giao lưu hát kết nước nghĩa đã thực sự trở thành món ăn tinh thần, thành niềm vui, tạo nên sự háo hức xốn xang của mỗi tâm hồn người dân. Hồi tưởng lại một thời với tuổi thơ gắn liền cùng những câu gheo mượt mà nghệ nhân hát gheo Phạm Thị Doanh (Khu 4, xóm Minh Khai, làng Nam Cường, Thanh Uyên, Tam Nông, Phú Thọ) đã kể cho chúng tôi nghe: “Khi còn bé đứng trong tốp người làng để nghe và xem người lớn hát đối đáp với nhau thấy hào hứng lắm, khi đến tuổi trưởng thành được tham gia trong cuộc hát nên bà rất thích thú, những câu Gheo cứ nối tiếp được đối đáp qua lại, có nhiều khi người đối đưa ra ý tứ sắc sảo khiến người đối lại cũng phải mất nhiều thời giờ để suy nghĩ đáp ý” (ghi chép phỏng vấn ngày 10/8/2021 tại xã Thanh Uyên, Tam Nông). Những cuộc vui đối gheo năm xưa qua lời kể cho đến giờ khiến bà vẫn thấy còn nhiều luyến tiếc.

Cuộc sống thanh bình nơi thôn quê chỉ thực sự nhộn nhịp đông vui hơn khi người nông dân cùng lao động tập thể với nhau. Trên những thửa ruộng, những cánh đồng, công việc lao động vất vả một nắng hai sương sẽ thấy nhẹ nhàng hơn khi tiếng hát giao duyên được cất lên, niềm vui được lan tỏa cùng tiếng cười đùa sẽ làm dịu bớt đi những lo toan, những nỗi khổ của cuộc sống. Trai gái các làng quê gặp gỡ trao đổi công việc, cùng giao tiếp, tâm sự về tình yêu về những ước mơ khát vọng, về những điều bình thường mà cuộc sống trao cho họ...

Giản dị và mộc mạc như chính bản chất của những con người nơi làng quê, những câu hát dân ca, những nét giao duyên thắm đượm tình nghĩa xóm làng, tình yêu thương đồng loại được cất lên từ trong sâu thẳm tâm hồn con người đã giúp họ cùng nhau vượt qua nhiều trở ngại gian khổ của sự hà khắc trong các chế độ xã hội, trong sự kìm kẹp bởi nhiều định kiến lễ giáo. Những câu hát dân dã đã góp phần trở thành tiếng nói, thành thứ ngôn ngữ giúp người dân lao động dễ bộc lộ hơn cảm xúc, ước muốn cũng như những khát vọng của bản thân. Tùy vào từng hoàn cảnh,

từng đối tượng cụ thể mà thứ “ngôn ngữ” đặc biệt ấy sẽ được cất lên cùng nỗi lòng, niềm tin của con người để được đơm nụ nở hoa.

2.4.3. Vai trò hát gheo Việt - Mường trong đời sống cộng đồng

Mang tính chất của thể loại dân ca gắn liền với nếp phong tục tập quán địa phương, là một thể loại ca hát chỉ xuất hiện trong mối quan hệ kết giao nước nghĩa giữa một số làng Mường với một số làng Việt nhưng hát gheo Việt - Mường đã thực sự trở thành thể loại ca hát có ý nghĩa to lớn trong đời sống sinh hoạt của người dân, trở thành mối thâm giao của tình đoàn kết giữa hai dân tộc cùng sinh sống trong cộng đồng, trở thành tiếng nói chung, là cầu nối văn hóa mà thông qua nó con người dễ dàng thấu hiểu nhau hơn.

Ở các xã Nam Cường, Thanh Uyên huyện Tam Nông khi trao đổi với một số người dân chúng tôi được nghe họ nói về sự tích ra đời của hát gheo Việt - Mường, được nghe những câu hát ngân nga mộc mạc, chân chất như chính con người họ nơi thôn quê yên bình. Một số nghệ nhân lớn tuổi vẫn còn bảo lưu nhiều giọng hát gheo cổ với những cung bậc tình cảm của con người trong cuộc sống, tình yêu. Nghệ nhân Phạm Thị Quý ở xã Thanh Uyên, Tam Nông cho chúng tôi hay: “Bà cũng chỉ được nghe kể lại thôi, là ngày xưa tích hát Gheo ra đời từ việc nam nữ hai tộc người Mường - Việt giúp đỡ nhau đẩy bè gỗ mắc cạn khi xuôi dòng sông về dựng lại đền thờ nữ tướng Xuân Nương của làng. Trai gái cùng ca hát đối đáp với nhau, cùng kết nước nghĩa và coi nhau như anh em thân thiết”.

Với người Mường ở vùng Thanh Sơn, Phú Thọ hát gheo hiện không còn được người dân ca hát nhưng trong trí nhớ của những người già lớn tuổi chúng tôi được gặp ở xóm Kết xã Thục Luyện, thì những câu hát giao duyên mà “ngày xưa đã được nghe những người lớn tuổi hơn mình ca hát luôn là giai điệu mộc mạc, giản dị nhất” mà họ còn lưu nhớ đến giờ.

Mỗi giai đoạn xã hội là một sự thích nghi mới đối với các hoạt động sinh hoạt dân gian nói chung. Đơn giản trong các hoạt động, mối quan hệ cộng đồng cũng bình dị và mộc mạc như chính bản chất của những người dân lao động cần cù một nắng hai sương, lao động luôn là niềm vui, là sự hứng khởi khi tiếng hát được

hòa quyện đan xen cùng tình yêu thương lan tỏa. Nếu đi theo lời ca giai điệu của Gheo cùng hồi ức về những ngày tháng xưa kia với buổi hát giao duyên giữa đôi bên nước nghĩa thì hát gheo Việt - Mường đúng là thể hát có giá trị quan trọng trong đời sống của cộng đồng hai tộc người Kinh - Mường ở Phú Thọ bởi đó chính là bản chất, là sự đoàn kết gắn bó luôn sẵn có trong tâm hồn người dân Việt Nam nói chung và rõ hơn nữa đó là mối lương duyên gặp gỡ, sẻ chia lúc khó khăn, luôn sát cánh trước muôn vàn vất vả mà cuộc sống đã tôi luyện nên mối quan hệ kết nước nghĩa này.

Tiếng hát giao duyên đối đáp trai gái đầy sự thi vị, dí dỏm, ẩn chứa tình cảm cao đẹp không màng danh vọng, chỉ luôn luôn là những điều giản dị của cuộc sống dân giã mà thôi:

“Chòng chành nước đổ thung sơn

Em chưa có chòng lấy anh (mà) nương tựa

Anh chưa có vợ lấy em (mà) tựa nương

(Trích: Hát gheo “*Chòng chành nước đổ thung sơn*”,

Người hát bà Phạm Thị Quỳ, Thanh Uyên, Tam Nông, Phú Thọ

Người ghi âm Tạ Hiền)

Mộc mạc mà chân tình, nhẹ nhàng mà tinh tế và tình người vẫn mãi luôn lan tỏa trên khắp các xóm bản dù cho xã hội có muôn vàn đổi thay. Những câu hát gheo Việt – Mường vẫn mãi luôn là cầu nối cho mối tình đoàn kết keo sơn gắn bó nổi bật giữa hai tộc người cùng sinh sống trên vùng quê đất Tổ, cùng chung nhau hòa nhịp đập cộng đồng, như ngọn nến thắp sáng niềm tin, tình yêu và giá trị nhân văn cao cả. Hát gheo Việt – Mường đã khẳng định được giá trị của mình trong cuộc sống cả về vật chất và tinh thần, sự kết nối yêu thương với điểm nhấn bản sắc riêng, tiếng nói riêng và nổi bật hơn cả, xứng đáng là một trong những giai điệu độc đáo đầy màu sắc của ca hát dân ca trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2.5. Hát hò đu

Nét nổi bật và độc đáo trong hệ thống các thể loại dân ca của người Mường Phú Thọ có lẽ phải kể đến thể loại dân ca mà sự thể hiện nó chính cách thức kết hợp

giữa trò chơi và ca hát trong không gian của ngày hội bản làng tung bừng nhộn nhịp. Ca hát trong ngày hội hầu như ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lễ hội nào cũng có, nhưng với người Mường sự thể hiện những giai điệu lời ca đối đáp tâm tình được thực hiện trên vòng quay của những chiếc đu tròn có hình dáng giống như chiếc cọn nước cao to được đặt ngay chính giữa bãi đất trống của lễ hội. Từng tốp 5, 6 người ngồi trên từng chiếc ghế đu được bài trí theo vòng quay chiếc đu, họ hát và cùng đu tạo nên một không gian lãng mạn xoay tròn độc đáo.

Hát hò đu là lối ca hát đối đáp mộc mạc, dân dã được cất lên từ nhu cầu giao lưu kết bạn, giao tiếp tình cảm và cả những vấn đề cần trao đổi trong lao động sản xuất, trong hoạt động của cuộc sống thường ngày. Những chàng trai cô gái Mường khi đi dự hội không thể không háo hức đến với không gian cọn đu để được nghe, được tâm tình và vui chơi ca hát nhưng để đối đáp hò đu lại phải là những người có giọng hát tốt, có khả năng ứng biến, đối đáp nhanh và thông hiểu được nhiều vấn đề bởi có thể đó chỉ là những câu đối đáp giao duyên nhưng cũng có thể đó là một cuộc thi tài giữa đôi bên nam nữ.

Cứ mỗi khi tết đến xuân về làng Mường mở hội vui xuân, các trai gái Mường lại có dịp được vui chơi thi tài, được ca hát đối đáp, được tìm kiếm những người bạn tâm đầu ý hợp, như lời một số người lớn tuổi ở khu Dâu 2, xã Xuân Thủy, Yên Lập thì vui chơi hội làng chính là dịp để người dân lao động được thoải mái hơn sau một năm làm lụng vất vả, những ngày tết đầu xuân cũng là dịp để trai gái hò hẹn nên duyên do đó hát hò đu cũng được coi là một cách thức giao duyên để họ được thoải mái, tự do trong việc tìm kiếm người bạn đời, bạn tâm giao cho mình.

2.5.1. Đặc điểm nghệ thuật hát hò đu Mường

Chơi cọn đu và ca hát giao duyên trong ngày xuân đã trở thành nét văn hóa độc đáo riêng biệt của người Mường ở Phú Thọ nói chung. Những câu đối đáp giản dị như lời trao đổi đời thường, gần gũi, mộc mạc trong các mối quan hệ xã hội. Giai điệu hò đu cất lên trong không gian thanh bình của mùa xuân với niềm vui hân hoan, phấn khởi đón chào một sự khởi đầu suôn sẻ trong một năm mới tiếp theo. Hát hò đu được người dân thể hiện đa dạng trong lối ca hát đối đáp tạo nên sự

phong phú đầy màu sắc, có lúc giai điệu hò đu được cất lên giống như làn điệu ví đối đáp qua lại nhưng cũng có khi cách thức ca hát ấy lại là những câu giao duyên tình tứ trao đổi giữa đôi bên.

Giai điệu mộc mạc, chân thật không bay bổng hoa lá, có thể những lời ướm hỏi, những câu xã giao làm quen nhưng lại như một cách khéo để hỏi bên kia về địa chỉ, quê quán và cuộc sống:

“Lạ lòng em mới làm quen, mực tàu sánh với bóng đèn nên chẳng
Anh là con cái nhà ai, mà anh nói khoan thai dịu dàng.”

(Trích: *Hát hò đu* - người hát Nguyễn Thị Long, Xuân Thủy, Yên Lập)

Hò đu có giai điệu lời ca hầu hết đều dựa trên các thể thơ ca dao để hình thành nên. Sự chân thành, bình dị được thể hiện qua hình ảnh ví von rất gần gũi với đời thường (con đòng đòng, con bài, con tầm, con ong...) nhưng ẩn chứa trong đó là những mức độ tình cảm của đôi bên đối đáp như “tình trong như đã mặt ngoài còn e”. Nhịp điệu khoan thai, dặt dìu, bình thản như vòng quay của cọn đu cứ xoay tròn đều đặn, giai điệu âm thanh không dồn dập, nhanh hay vội vàng mà chỉ như những bước chân thôn nữ lượn sóng êm ả, yên bình trong không gian tĩnh lặng của làng quê:

Ví dụ 2.8. Trích “*Hát hò đu*” - người hát Nguyễn Thị Long, Xuân Thủy, Yên Lập

Ghi âm Tạ Hiền

Nữ: Đôi ta hạ tính nặng như hữu tri đường cái đi giữa
thỏ phi cũng liền, Già ơi, hời

Cách thức thực hành những câu hát đu cũng giống như kiểu hát ví đối đáp, giữa đôi bên nam nữ luôn là những lời đối đáp qua lại với nhau, họ ướm hỏi giải bày hay trao đổi kể lể đó đều là sự thể hiện của tình yêu giản dị, đời thường đúng như bản chất con người Mường vốn đã có từ rất lâu. Sự tự do, phóng khoáng không

bị gò bó bởi bất cứ một mức độ ảnh hưởng nào đã làm cho âm thanh của hò đu càng trở nên đơn giản hơn, mộc mạc hơn rất nhiều. Mức độ tự tại, thành thơi của người chơi trên những cọn đu xoay vòng như không hề bị phân tán bởi bất cứ lý do gì cùng việc thể hiện qua giai điệu câu hát đã đưa đến cho người nghe hình ảnh về những mối quan hệ của tình người, tình yêu thương gắn bó với quê hương làng xóm, từ đó thêm hiểu hơn mức độ sâu nặng của tình cảm con người nói chung, tình yêu thương đôi bên trai gái nói riêng rất giản dị nhưng cũng rất đỗi thanh cao cùng ước mơ hoài bão vượt khó đi lên trong cuộc sống còn nhiều khó khăn bởi những hạn chế, gò bó của xã hội bao trùm.

2.5.2. Bối cảnh truyền thống trong hát hò đu Mường

Là thể loại ca hát được hình thành thông qua các cuộc chơi mang tính cộng đồng chung, hát hò đu không bị ảnh hưởng nhiều bởi các mối quan hệ con người hay bởi bất kỳ một lý do nào khác. Cuộc chơi được diễn ra, các trai gái trong bản làng cùng nhau vui chơi và cùng ca hát để thể hiện tài trí của mình, để tạo nên không khí vui nhộn sinh động cho ngày hội và cũng nhằm khẳng định bản sắc Mường với những nét riêng nổi bật.

Xã hội truyền thống trước kia của người Mường ở Phú Thọ với nhiều khó khăn vất vả, từ cuộc sống mưu sinh đến sự thể hiện của các mối quan hệ cộng đồng, giao tiếp của con người với nhau, những hạn chế bởi các hủ tục, sự kìm nén hà khắc bởi chế độ phong kiến đã làm cho niềm vui của con người bị bó buộc, cảm đoán, bị kìm chế đến mức thấp nhất trong các mức độ biểu hiện với nhau. Do đó, những dịp hội làng, ngày đầu xuân năm mới luôn được coi là “cơ hội” tốt để họ được tự do giao lưu, tự do trong các hoạt động vui chơi giải trí. Hò đu luôn là tiếng hát, là những ước mơ được cất lên bằng lời mà thông qua các hoạt động vui chơi người dân lao động nhằm dãi bày sự khó khăn vất vả của bản thân trong quá trình mưu sinh, trong sự ràng buộc của xã hội nhằm tìm người để cùng đồng viên an ủi lẫn nhau, tìm nguồn vui khỏa lấp đi những nhọc nhằn khổ ải.

Người Mường ở Phú Thọ trong xã hội truyền thống có cuộc sống thuần nông bình dị được bao bọc bởi màu xanh của núi rừng, của đồi chè và những sản phẩm

được thiên nhiên ban tặng. Nguồn kinh tế cung cấp cho đời sống người dân chủ yếu là trồng lúa và dựa vào rừng theo hình thức tự cung tự cấp, họ sống giản dị và bình lặng nhưng những hoạt động trong đời sống tinh thần lại luôn rộn ràng và phong phú với đa dạng các hoạt động sôi nổi, các sinh hoạt ca hát dân ca cũng vì thế mà luôn tung bừng với nhiều kiểu cách sinh động, lời cuốn. Theo hồi ức của một số người Mường lớn tuổi ở Xuân Thủy thì khi xưa (ngày mà họ còn trẻ) các buổi sinh hoạt ca hát được tổ chức một cách thường xuyên, trai gái các làng thường rủ nhau đối ca để vui đùa, tìm hiểu nhưng vui nhất vẫn là vào dịp tết khi không khí mùa xuân tràn về, những ngày đầu năm mới được thanh thoi công việc, mọi người đều cùng háo hức đến với hội làng, đến với các cuộc vui được tổ chức trong hội. Hò đu là một hoạt động ca hát không thể thiếu của hội làng bởi nó gắn với một hoạt động trò chơi mang tính trung tâm của lễ hội, thu hút nhiều sự quan tâm của dân làng đặc biệt là giới trẻ Mường. Tiếng hát cất lên khi vòng đu bắt đầu được xoay tròn, những câu hát ví von, những lời ước hỏi đối thoại đan xen hòa quyện, vang vọng cùng đất trời như tiếp thêm sức sống, sáng tạo mới cho con người trước những khó khăn vất vả.

Không vội vàng hay ồn ào như bất kỳ cuộc chơi nào và cũng không có sự phân định thắng, thua rõ ràng. Hò đu luôn được cất lên ở bất kể thời gian nào của những ngày lễ hội diễn ra, nét vui tươi háo hức được thể hiện thông qua giọng hát bởi tâm trạng, tình yêu và cả những ước mơ trong ngày đầu xuân luôn tràn đầy sự mới mẻ. Như trí nhớ của bà Long ở xã Xuân Thủy về ngày xưa thì “Nhớ lại những ngày xưa khi hát hò đu vui lắm, mọi người không chỉ hát với nhau lúc đu mà còn có thể kéo dài cuộc đối tùy theo tình cảm và hứng thú của đôi bên đối đáp nữa” (ghi chép phỏng vấn ngày 20/2/2020 tại huyện Yên Lập).

Cuộc sống con người cứ bình lặng và giản dị như chính những vòng đu xoay tròn cùng tiếng hát ngân nga, ngân dài trong không trung bao la. Các thế hệ người Mường luôn sát cánh cùng nhau, cùng cất tiếng hát để xóa nhòa đi khoảng cách, xóa đi những ưu phiền cho cuộc đời ngày thêm tốt đẹp hơn. Như vậy, dù ở hoàn cảnh cuộc sống nào thì những câu hát hò đu vẫn vang vọng với sự chân thật nhất về tình người, tình yêu trong cộng đồng xã hội. Vẫn là những câu đối đáp, những lời giao

duyên tình tứ gửi đến cho đối phương, các chàng trai cô gái Mường vẫn thỏa sức ca đối với nhau, cùng nhau xoay đu vui chơi hội hè, cùng nhau bước tiếp xây dựng cuộc sống tiến tới ngày càng hiện đại hơn, hoàn thiện và văn minh hơn.

2.5.3. Vai trò của hò đu trong đời sống cộng đồng người Mường

Trong các mối quan hệ của đời sống con người, quá trình giao lưu vui chơi kết bạn luôn được coi là hoạt động gần gũi, thân thiện nhất mà họ thể hiện trong hoạt động cộng đồng. Hát hò đu và vui chơi trong những ngày đầu xuân luôn là một trong những hoạt động thu hút được sự tham gia của đông đảo các thế hệ người dân.

Không phải là thể loại ca hát được phát triển rộng rãi ở mọi lúc mọi nơi trong đời sống người dân Mường, hò đu chỉ được cất lên trong không gian của ngày đầu xuân năm mới khi có những chiếc cọn đu xuất hiện. Những câu hát đối đáp trai gái được cất lên theo nhịp điệu đu quay, người hát ngồi trên những chiếc ghế đu được lắp đặt theo chiều vòng tròn của cọn đu khi xoay chuyển. Họ ca hát đối lời nhưng hầu như không đối mặt bởi vòng đu xoay tròn và những chiếc ghế đu cũng xoay theo chiều đã được định sẵn.

Giản dị và mộc mạc nhưng với người Mường ở Phú Thọ nói chung, hò đu có vị trí khá quan trọng trong đời sống tinh thần. Cứ mỗi dịp tết đến xuân về, người dân Mường lại náo nức với nhiều hoạt động văn hóa sinh động, rộn ràng khắp các bản làng. Mỗi tiểu vùng Mường ở từng huyện trong tỉnh đều nổi bật với những hoạt động cộng đồng riêng, tiếng cồng, tiếng đuống và cả âm thanh của những chiếc sênh tiền vang lên rộn ràng khắp. Những lời hát Ví đối, những câu rang gheo luôn hòa quyện vui tươi. Tuy nhiên, hát hò đu lại không phải là thể loại được phổ biến rộng, nó hầu như chỉ được ca hát ở tiểu vùng Mường huyện Yên Lập. Khác biệt hoàn toàn với các thể loại dân ca khác, hò đu có cách thức ca hát riêng, gắn liền theo nhịp điệu của cọn đu giữa không gian mênh mông của đất trời.

Để có thể tạo dựng nên được chiến đu quay cho lễ hội, người dân Mường phải tổ chức từ phân công nhiệm vụ làm cột đu cho đến cả việc làm lễ cúng đu trước khi chơi, các quan niệm, nghi thức liên quan đến cột đu nhằm cầu mong cuộc sống bình an luôn được thực hiện một cách đầy đủ nhất. Ra đời từ cách thức tổ chức

vui chơi trong ngày đầu xuân, hò đu luôn có sức hút riêng biệt đối với tâm tư người dân Mường nói riêng. Không lệ thuộc vào bất cứ một sự gò bó nào, không mang tính chất của nghi lễ cũng như quan niệm sắc tộc nào, hò đu luôn chỉ là những câu vui xuân, những lời trêu đùa giao duyên vui chơi của trai gái khi tham gia chơi đu. Có chăng ở đây, những lời hò đu chính là sự nhắn gửi tâm tư, là niềm khát khao cầu mong cho duyên định gấn kết của những tâm hồn đang xuân thì yêu đương. Có thể thấy rằng, hò đu luôn có vị trí quan trọng trong tâm tư người dân Mường đặc biệt là lứa tuổi yêu đương trai gái, những câu hát hò đu dù chỉ xuất hiện trong cuộc chơi nhưng nó cũng khiến cho những người nhập cuộc luôn phải suy tư, ngẫm về nó.

Không phô trương về lực lượng người khi tham gia, không đa dạng trong hình thức biểu diễn, đặc biệt là không còn được phổ biến rộng khắp giống như với các hình thức ca hát khác trong các bản làng Mường hiện nay. Hát hò đu hiện chỉ còn được người dân Mường ở một vài xã thuộc huyện Yên Lập ca hát nhưng không phải vì thế mà nó sẽ bị phai nhạt đi. Những câu hò đu vẫn cất lên đều đặn, vẫn khẳng định bản sắc Mường trong màu sắc văn hóa hiện đại qua những vòng quay vui chơi mỗi dịp tết đến xuân về.

Hò đu có thể chỉ là những câu hát kết bạn, những câu ví giao duyên trai gái trong ngày đầu xuân nhưng ẩn chứa trong nó là một hệ thống văn hóa nổi bật của người dân Mường Phú Thọ - nét văn hóa riêng biệt đầy cá tính độc đáo và đặc sắc.

Ngoài những thể loại ca hát dân gian đã được nêu trên, ở Phú Thọ, người Mường vẫn còn có loại hình sinh hoạt ca hát được người dân thể hiện khá nhiều trong cuộc sống, một vài thể loại vẫn thỉnh thoảng được biểu diễn trong những ngày hội, trong nghi lễ đầu xuân như hát Sắc bùa hay là những điệu hát của bà của mẹ truyền dạy cho con cho cháu vào những lúc nông nhàn nhằm kích thích trẻ vui chơi như hát hò, vè, đồng dao... (trong những thể loại ca hát này, có thể loại với cách thức ca hát vui chơi gần giống với cách thức thể hiện ca hát của người Kinh và cũng có thể loại, hình thức được “vay mượn” từ cách thức hát của người Kinh để biến tấu thành kiểu hát Mường, Ví dụ như thể loại hò, vè - theo tìm hiểu của chúng tôi qua các tài liệu về văn hóa Mường thì đây là hai loại hình ca hát mới được du nhập

không có nguồn gốc sáng tạo từ người Mường). Mỗi thể loại với cách thức ca hát mộc mạc, gần gũi đời thường, lời ca chân chất dân dã đã để lại ấn tượng khá đặc biệt trong tâm trí người nghe với những âm hưởng giản dị thường ngày như những câu chuyện kể khiến cho những ai dù chỉ một lần được tiếp xúc cũng sẽ không quên được những giai điệu mộc mạc và gần gũi đó.

Tiểu kết

Cuộc đời của mỗi con người kể từ lúc sinh ra cho đến khi từ biệt cõi đời bất cứ ai cũng luôn được đắm chìm tâm hồn mình trong những giai điệu ngọt ngào của tiếng ru đưa nôi êm đềm, của những cung bậc tình cảm yêu thương qua điệu hò, điệu ví trong sáng lạc quan gắn liền với công việc lao động đời thường... Hình thành từ trong chính cuộc sống lao động, từ những cung bậc cảm xúc của tình cảm, từ khát vọng chiến thắng trước thiên nhiên hùng vĩ, những giai điệu dân ca Mường đã tạo nên điểm tựa quan trọng của đời sống tinh thần, là niềm vui, là món ăn không thể thiếu trong các hoạt động gắn liền với mọi nhu cầu của người Mường, thể hiện tư tưởng tình cảm của con người trong cộng đồng xã hội.

Ở Phú Thọ cũng như các miền quê khác trên dải đất Việt Nam xinh tươi, mỗi dân tộc với những phong tục tập quán riêng biệt, mỗi vùng, miền cũng đều có những đặc trưng văn hóa mang màu sắc riêng do đó sự hình thành nên giai điệu, nhịp điệu cho dân ca cũng mang tính đa dạng và phong phú. Cùng đều được hình thành bắt nguồn từ trong quá trình lao động của con người nhưng lại bị phụ thuộc vào từng tính chất công việc, từng môi trường lao động và cả nhu cầu, mức độ trong sinh hoạt ca hát của người dân dẫn đến dân ca đã có được sự đa dạng trong bài bản, làn điệu, có thể dẫn chứng sự đa dạng này trong các thể loại ca hát giao duyên như hát rang, hát ví... Với người dân Mường, tính đa dạng bài bản được thể hiện một cách rõ ràng trong lao động ứng với từng công việc cụ thể, họ đã sáng tác nên giai điệu như trong hát rang: “*Trông chuối*”, “*làm nhà mới*”... nhằm động viên, khuyến khích nhau và những lời ca ấy cũng rất gần gũi, phù hợp với chính nhịp điệu cuộc sống của họ trong những nếp sinh hoạt thường ngày.

Lao động làm ra của cải vật chất nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời

sống, lao động để có sự đồng cảm, đồng lòng, đoàn kết cùng nhau. Người dân Mường đã sáng tạo nên cho mình điểm tựa quan trọng và là sự khởi nguồn làm nảy sinh giá trị tinh thần cao đẹp - những câu hát dân ca mộc mạc, bình dị. Có thể thấy rằng, mỗi công việc lao động từ đơn giản đến nặng nhọc đều được coi là chất xúc tác hình thành nên lời ca dân ca, nó chứa đựng những suy tư, những kinh nghiệm, chứa đựng niềm tin, niềm hy vọng của các thế hệ người Mường từ đời trước sang đời sau mà dân ca chính là cầu nối, là sợi dây truyền tải quan trọng trong tâm hồn của mỗi người dân Mường nói chung.

Cuộc sống của người dân Mường ở Phú Thọ trải qua những khó khăn vất vả thì dân ca chính là cầu nối, là ước mơ khát vọng đưa niềm tin cùng tình yêu của họ đến bên bờ hạnh phúc. Tiếng ru, lời thương hay những điều tâm tư, tự sự đều được ngân lên cùng những cung bậc âm thanh mộc mạc, gần gũi, như sự giao tiếp thường ngày khiến cho con người thêm càng gần nhau hơn.

Chương 3

SINH HOẠT DÂN CA CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở PHÚ THỌ HIỆN NAY

Trong sự tác động của hội nhập kinh tế, sự phát triển của xã hội trên đà CNH, HĐH đất nước đã có mức độ ảnh hưởng mạnh mẽ trực tiếp đến đời sống của người dân trên các làng Mường ở Phú Thọ. Mọi nhu cầu trong đời sống được nâng cao đáp ứng trực tiếp đến mức độ sinh hoạt thường ngày đã làm cho cuộc sống của người Mường có thêm nhiều hứng thú mới. Sự đổi mới theo hướng công nghệ hóa trong hệ thống các hoạt động sinh hoạt cộng đồng nói chung đặc biệt là sự giao lưu, tiếp biến với các luồng văn hóa mới, hiện đại và đa dạng sẽ đồng nghĩa với việc người dân dần bỏ qua những “cái đơn giản” để được tiếp xúc, thưởng thức “cái phức tạp”, “cái mới”.

Xã hội hiện đại cùng sự tân tiến của khoa học công nghệ đã làm mất dần đi sự hiện diện cũng như vai trò của dân ca cổ truyền dân gian trong nhận thức của người Mường đặc biệt là giới trẻ Mường hiện nay. Những nhu cầu về sự phát triển của đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần đang ngày dần được nâng lên ở mức cao nhất, đáp ứng cho những đòi hỏi này chính là sự thay đổi về diện mạo của xã hội, thay đổi về nhận thức cũng như sự thích nghi với nhịp sống mới của người dân nói chung.

3.1. Đời sống trong bối cảnh đương đại ở các làng Mường Phú Thọ

Ở các làng Mường Phú Thọ hiện nay đã có nhiều sự đổi thay trong các nếp sinh hoạt của đời sống. Những nhu cầu đòi hỏi đáp ứng với thị hiếu nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống đã phần nào được đáp ứng đầy đủ theo nguyện vọng cả về đời sống vật chất và tinh thần. Để có thể hiểu rõ hơn sự thay đổi, chúng tôi xin được đi vào nghiên cứu cụ thể đời sống văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần cũng như việc nhận định thực trạng dân ca hiện còn tồn tại trong nếp sinh hoạt của người Mường hiện nay.

3.1.1. Điều kiện đời sống vật chất

Người Mường luôn nổi bật với những phong tục tập quán cũng như nếp sinh hoạt cộng đồng đã tạo nên nhiều ấn tượng độc đáo, nổi bật. Đời sống văn hóa vật

chất của người dân luôn được coi là một trong những nét điển hình riêng khẳng định màu sắc khác biệt so với các cộng đồng dân tộc khác. Sự thay đổi từng bước khi cuộc sống được hoàn thiện và nâng cao dần hơn thể hiện ở những giá trị vật chất mà con người sử dụng, hưởng thụ, mức độ “nâng cấp” những nhu cầu trong sinh hoạt thường ngày, những đáp ứng thực tế của các mối quan hệ thông qua việc khẳng định giá trị chất lượng cuộc sống mà chúng ta được thấy rõ qua sự hiện diện của các loại “tài sản” của người dân được tích lũy, góp nhặt cho mình.

3.1.1.1. Nhà ở

Cuộc sống trong những ngày đầu lập ấp khai khẩn để duy trì sự sống cũng như hình thành nên một cộng đồng mới nhằm phát triển xã hội thì dù là bất cứ dân tộc nào cũng đều phải trải qua những khó khăn vất vả, những nhọc nhằn trong quá trình tạo dựng hình thành nên xóm làng. Cộng đồng người Mường trong những ngày đầu hình thành và phát triển ấy đã “sống quần tụ thành từng xóm nhỏ quây quần trên một quả đồi thấp hoặc chân núi gần nơi đất ruộng canh tác” [110, tr.134]. Với những nét đơn sơ giản dị của nếp suy nghĩ, sự mộc mạc thuần túy của cộng đồng sống lao động dùng sức người là chủ yếu và cả bản sắc dân tộc sẵn có mang tính truyền thống nên người Mường từ xa xưa đã luôn tạo dựng cho mình một nét riêng, độc đáo. Những nếp nhà sàn với những cách xây dựng kiểu “kiến trúc nhà sàn thông thường là tứ trụ và cột dọi, vì kèo suốt xuống chân mái. Cột, xà được mộng sàm chặt chẽ, ít khi trạm trổ” [63, tr.193] đã trở thành quen thuộc trong cộng đồng các làng Mường được người dân thực hiện và xây dựng rộng rãi.

Khi cuộc sống luôn giản dị với những hạn chế trong các nếp sinh hoạt đời thường, các giá trị về vật chất vẫn chỉ là những thứ “tạm bợ” của con người mà thôi. Trao đổi cùng một số nhà nghiên cứu văn hóa dân gian trong cuộc họp tổng kết hội văn nghệ dân gian tỉnh Phú Thọ năm 2020 chúng tôi nhận thấy họ cùng đồng quan điểm nhận định về cấu trúc nhà ở của nhân dân vùng đất Tổ nói chung trong giai đoạn trước kia đó là những kiểu nhà ở rất thô mộc, đơn giản, chủ yếu được đắp bằng đất sét lợp lá cọ (ở những vùng đồng bằng) hoặc được dựng cột đực đẹo lắp ghép tạo sàn cao tránh lũ, tránh thú dữ (ở những nơi gần bìa rừng, chân núi). Cuốn

tài liệu *Văn hóa dân gian vùng đất Tổ* cũng đã khẳng định: “nhà ở của nhân dân ta thời trước gồm hai loại chủ yếu là nhà sàn và nhà đất (nhà không có sàn), Đồng bào Mường và Cao Lan hay ở nhà sàn” [63, tr.193].

Trong sự phát triển đi lên của đất nước cùng những đổi thay của nhiều mô hình đời sống hiện đại, người Mường nói riêng cũng đã tự hòa nhập tiếp thu và lĩnh hội những giá trị văn minh, tự bổ sung nhằm nâng cao hơn cho đời sống của chính mình. Hiện nay, đến với các làng Mường ở Phú Thọ, một không gian với những nét mới hiện đại đã làm cho hình ảnh đất Mường thêm màu sắc mới trù phú hơn. Những nếp nhà xây mới, khang trang (giống như với cách xây nhà gạch của người kinh) kiên cố được đan xen cùng song hành với những gian nhà sàn giản dị. Thực tế điền dã tại một số xã có mật độ người Mường sinh sống chủ yếu chúng tôi nhận thấy, những nếp nhà sàn hiện nay của người dân cũng đã có sự đổi mới, hiện đại nhiều. Số lượng những nhà sàn cổ (kiểu nhà sàn vẫn giữ nguyên nét thô mộc như trước kia) không còn nhiều mà thay vào đó, kiểu nhà sàn hiện đại với các cột kèo được đục đẽo tinh vi, cách sắp xếp các gian, bố trí không gian cũng hiện đại hơn, thoáng đãng hơn và có sự cầu kì chi tiết về các hoa văn trang trí hơn.

Trong điều kiện kinh tế phát triển, đời sống người dân ngày từng bước đi vào ổn định và đầy đủ những nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, hầu hết các gia đình Mường đều có nhà xây, có đầy đủ các tiện nghi hiện đại như ti vi, tủ lạnh, máy giặt... bên cạnh đó một số gia đình vẫn dựng lên bên cạnh ngôi nhà xây là một nếp nhà sàn và dùng làm nơi thờ cúng tổ tiên, nơi sinh hoạt chung cho gia đình, dòng họ trong những ngày giỗ, tết. Thăm quan ngôi nhà sàn hiện đại to vào bậc nhất ở xóm của anh Đinh Hữu Tường tại xóm Nưa Thượng, xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, chúng tôi được gia chủ cho biết kiểu cách làm các cột gỗ nhà sàn đã được anh tham khảo và thuê thợ dưới xuôi lên làm theo kiểu mới chắc chắn hơn, hiện đại và đẹp hơn nhưng tất cả cách bài trí ở ban thờ, cách trang trí các góc anh đều làm theo chỉ dẫn yêu cầu của người già lớn tuổi nhất trong họ tộc. Khi ngôi nhà sàn được dựng lên hoàn thiện mọi người trong nhà tiến hành nghi lễ báo công với tổ tiên, với dòng tộc và hiện nay đây chính là nơi tụ họp của dòng họ, của gia đình khi có việc giỗ, lễ tết.

Thị sát các làng Mường ở Phú Thọ hiện nay chúng tôi đã tổng hợp: Đời sống kinh tế người dân đã có nhiều chuyển biến, phát triển nâng cao và đã dần đi vào ổn định. Chỉ đánh giá riêng vùng Mường xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn so với trước đây 8 năm (năm 2013 chúng tôi điền dã tại đây để thu thập tư liệu nghiên cứu thể loại hát Rạng cho luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ) đời sống người dân đã như bước sang một trang mới, nhiều nhà xây mới hiện đại xan xát nhau sung túc tại khu trung tâm, đường xá được bê tông hóa hoàn toàn, các cửa hàng buôn bán nhu yếu phẩm nhiều thuận lợi cho nhu cầu hàng ngày của người dân. Những kiểu nhà sàn trệt giờ chỉ còn thấy ở những thôn bản phía sâu gần núi, có xóm đã đạt nhà gạch 100% như Xóm Đoàn, Xóm Chiềng, xóm Vương. Đến vùng người Mường sinh sống hiện nay nhưng nếu chỉ đi lướt qua sẽ khó phân biệt được sự khác biệt so với người Kinh, chỉ duy một điều khiến chúng ta dễ dàng nhận diện nhất đó chính là cách thức trao đổi bằng ngôn ngữ dân tộc trong giao tiếp thường ngày của người Mường Phú Thọ.

3.1.1.2. Phương tiện đi lại và hạ tầng giao thông

Đến với các vùng Mường ở Phú Thọ hiện nay, một điều rõ nhất cho sự đổi thay khởi sắc mang tính “hiện đại hóa” của đời sống người dân Mường đó chính là hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông cũng như những phương tiện được người dân sử dụng trong cuộc sống thường ngày của mình. Sự phát triển toàn diện của một xã hội đáp ứng đầy đủ về mọi mặt cho nhu cầu của con người thì trước hết đó chính là sự đáp ứng về cơ sở hạ tầng với những giá trị vật chất hiện hữu. Cơ sở hạ tầng bao gồm đường xá, cầu cống, các công trình công cộng... Cuộc sống của người dân được no đủ, những nhu cầu trong đời sống được đáp ứng, trước hết đó là sự thuận lợi về hệ thống cầu cống, giao thông đi lại, sự đáp ứng đầy đủ về các phương tiện phục vụ cho nhu cầu thiết yếu trong mọi mặt sinh hoạt của con người.

Giai đoạn xã hội trước kia, với bản chất là những con người chăm chỉ, chất phác, cần cù, tỹ mĩ trong công việc, người Mường đã lao động sản xuất đáp ứng những nhu cầu tối thiểu nhất cho đời sống sinh hoạt thường ngày của mình. Họ chủ yếu phát triển “loại hình kinh tế tự cung tự cấp với lề lối canh tác đơn giản, lạc hậu...” [110, tr.37], những nhu cầu thiết yếu chủ yếu đều mang tính đơn giản hóa

do đời sống vật chất còn nhiều khó khăn. Cuộc sống khổ cực, bức bách trong các mối quan hệ xã hội với tầng lớp thống trị, sự nhu mì bởi những hạn chế trong tư tưởng do đó việc phát triển những giá trị thiết thực như xây dựng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu trong đó có hệ thống giao thông nói chung cũng gặp nhiều trở ngại.

Khi bước sang một trang mới với sự mở rộng trong các mối quan hệ xã hội, quá trình xây dựng và nâng cao chất lượng mọi mặt đáp ứng đầy đủ nhu cầu cần thiết của con người thì những giá trị cả về vật chất và tinh thần đều trở thành mối quan tâm và được đặt lên hàng đầu. Công cuộc xây dựng đất nước, phát triển vùng nông thôn theo nhịp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy mọi mặt trong đời sống người dân được nâng cao. Những hệ thống đường giao thông, các công trình cầu cống thủy lợi đang ngày dần được xây dựng, bổ sung và hoàn thiện, nhìn lại những khó khăn vất vả của giai đoạn xã hội trước đây trong sự vui mừng bởi mức độ nâng cao của đời sống ngày càng được đáp ứng, cụ Hà Thị Ngân ở Thu Cúc, Tân Sơn đã so sánh “Do ngày xưa đói khổ nên mọi thứ đều không có gì, hệ thống đường xá đi lại cũng vất vả bởi toàn đường đồi núi quanh co đất xệt đặc quánh bám chân, để đi từ vùng Thu Cúc ra đến khu Xuân Đài phải mất cả ngày trời vì đi bộ, vì phải trèo đèo lội suối. Bây giờ thì khác xưa nhiều rồi, Đảng và nhà nước đã làm đường cho dân đi, làm cầu cho dân qua và còn nhiều thứ khác nữa” (ghi chép phỏng vấn ngày 14/5/2017 tại nhà văn hóa xã Lai Đồng, Tân Sơn).

Cuộc sống người dân đang từng bước chuyển mình cùng những thay đổi của quá trình hiện đại hóa, phương tiện giao thông được coi là một phần quan trọng và thiết yếu. Những con đường được bê tông hóa, rải nhựa to đẹp nối kết các làng Mường đã tạo nên nhiều thuận lợi hơn cho nhịp sống hiện đại của người dân. Sự thuận lợi về đường xá, cầu cống, sự lưu thông trong buôn bán trao đổi mọi mặt đã từng bước thúc đẩy các hoạt động xã hội của người Mường lên mức hoàn thiện hơn, đầy đủ hơn. Các phương tiện giao thông được bổ sung thêm nhiều đáp ứng cho nhu cầu đi lại, lưu thông ngày càng phong phú, mỗi gia đình Mường dù kinh tế chưa phải đã đầy đủ thì chí ít họ cũng đã tự sắm cho mình được một chiếc xe máy để làm

phương tiện đi lại dù đồ vật ấy có giá trị chỉ tính bằng mấy chục cân thóc. Anh Đinh Văn Phong ở Tân Lập, Thanh Sơn cho chúng tôi biết xe máy được sản xuất ở Trung Quốc có giá thành rẻ, dễ sử dụng nên tuy gia đình vừa thoát khỏi hộ nghèo anh vẫn cố gắng mua 2 chiếc xe để vừa làm phương tiện đi lại lao động, vừa để cho con cái khi đi học hành ở xa đỡ vất vả hơn.

Theo khảo sát của chúng tôi tại một số làng Mường thuộc huyện Tân Sơn, Thanh Sơn, chiếm số lượng đông trong các hộ kinh doanh buôn bán chủ yếu là người Kinh với các cửa hàng kinh doanh lớn các mặt hàng phục vụ cho đời sống người dân như xe đạp xe máy, khí đốt và các phụ kiện nhà bếp, các thiết bị sửa chữa máy móc... Người Mường tại các xã cũng có nhiều hộ kinh doanh buôn bán nhưng chủ yếu là các cửa hàng nhỏ lẻ phục vụ cho chính nhu cầu thiết yếu như: cửa hàng tạp hóa, sửa chữa điện thoại, buôn bán và sửa chữa xe đạp, xe máy... Các hộ gia đình người Mường sinh sống tại các trung tâm huyện thị có đời sống sung túc hơn, một số là cán bộ trong các đơn vị hành chính sự nghiệp thì việc mua sắm các phương tiện đi lại cũng được đầu tư hơn (Có hộ mua được ô tô riêng - chiếm số ít và thường là các vị có chức quyền từ cấp huyện trở lên), số lượng người dân ở thị trấn tự mua được xe máy với các nhãn hàng thịnh hành như Yamaha, Suzuki, Honda cùng các dòng xe tay ga hiện đại chiếm số lượng nhiều. Một số hộ dân buôn bán có cửa hàng lớn, là đại lý đa dạng với các mặt hàng cung cấp cho nhu cầu sản xuất và phát triển đời sống của người dân.

Hệ thống giao thông hiện đại thuận tiện cho việc đi lại buôn bán trao đổi hàng hóa trong đời sống cho người dân, mọi con đường dẫn vào các xã, các khu bản đều được bê tông hóa hoàn toàn, như lời ông Đinh Minh Huân chủ tịch hội cựu chiến binh xã Lai Đồng thì hệ thống trục đường chính nối các xã do tỉnh và nhà nước hỗ trợ làm cho dân, các đường dân sinh chạy về các khu bản, các xóm nhỏ thì huyện, xã kết hợp với người dân đóng góp công sức để làm nên. Giao thông thuận lợi, các phương tiện đi lại ngày càng được bổ sung thêm nhiều hơn, đời sống người dân thêm nhiều cái mới đa dạng trong màu sắc của nhịp sống mới khi dòng điện 500kw quốc gia đã thấp sáng khắp các thôn bản. Những gương mặt rạng rỡ hân

hoan, những nụ cười tươi cùng sức sống mang hơi thở hiện đại đã cho thấy một làng Mường, một thế hệ người Mường mới sẵn sàng thích ứng với mọi sự biến đổi trong xu thế hội nhập hiện nay.

Nhìn nhận chung trong sự phát triển đời sống người dân Mường hiện nay, những đáp ứng đầy đủ về cơ sở vật chất cũng như những thuận lợi trong phát triển đời sống kinh tế đặc biệt là sự hoàn thiện nổi bật về hệ thống giao thông phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của người dân đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy xã hội hóa toàn diện, nâng cao chất lượng cuộc sống và đặc biệt đẩy mạnh nhu cầu về phát triển đời sống văn hóa xã hội, nghệ thuật theo chỉ đạo của nghị quyết trung ương về phát triển con người trong thời đại mới.

3.1.2. Biến đổi, đa dạng văn hóa

3.1.2.1. Trang phục

Nói đến sắc màu văn hóa đặc trưng dân tộc thì việc nhắc đến trang phục của người phụ nữ luôn là vấn đề được quan tâm đầu tiên. Người Mường cũng vậy, trang phục của người phụ nữ Mường luôn được coi là một trong những nét đặc trưng nổi bật với sắc thái riêng không thể bị pha lẫn đặc biệt là những nét hoa văn trang trí trên cặp váy - những kiểu hoa văn mang nét riêng độc đáo của văn hóa Mường nổi bật, thể hiện rõ tài sắc và sự khéo léo của người phụ nữ trong xã hội truyền thống. Nghiên cứu về trang phục truyền thống của người Mường Phú Thọ, nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Nhân đã tổng hợp một cách chi tiết: Y phục phụ nữ Mường Phú Thọ trước Cách mạng Tháng Tám có ba vùng với ba sắc thái riêng.

Vùng ven sông Đà, dọc theo đường 24 (gọi là vùng I) ăn mặc đúng kiểu Mường truyền thống. Vùng Mường Tàn, Mường Tôông, Mường Cúc, Mường Kít... giáp Sơn La Nghĩa Lộ (gọi là vùng II) y phục của phụ nữ Mường pha trộn sắc thái y phục phụ nữ Thái. Vùng hạ huyện Thanh Sơn và Yên Lập (gọi là vùng III) bị Việt hóa, không còn sắc thái Mường. Phụ nữ Mường vùng này vào dịp tết, hội hè mặc váy lĩnh, áo dài tứ thân, thắt bao xanh, đeo xà tích, đầu vấn khăn đen vón giọt như phụ nữ Kinh ở cận kề [115, tr.190].

Thực tế điền dã tại các vùng Mường chúng tôi nhận thấy những nhận xét tổng hợp của nhà nghiên cứu về trang phục phụ nữ Mường ở Phú Thọ khá chính xác, đầy đủ bởi với các vùng Mường (tính theo góc độ phân chia của Nguyễn Hữu Nhân) do đặc trưng xen kẽ trong quá trình sinh sống cũng như sự tiếp nhận bổ sung những tinh hoa văn hóa từ các dân tộc khác bên ngoài nhằm tạo nên cái mới cho màu sắc văn hóa Mường thêm phong phú, đa dạng hơn. Thông qua những lần được chứng kiến, tham gia cùng người dân một số vùng Mường trong các hoạt động văn hóa truyền thống, các lễ hội dân gian ở một số địa phương chúng tôi nhận thấy rằng trang phục phụ nữ Mường ở Phú Thọ hiện nay ở các vùng, nếu nhận diện về sự khác biệt thì thể hiện rõ nhất là phần áo trên còn phần váy và cặp váy không có nhiều sự khác biệt lắm, chúng tôi tạm chia các vùng Mường theo ranh giới huyện lỵ để tiện cho việc nghiên cứu so sánh.

Ở các vùng Mường thuộc huyện Thanh Sơn, Thanh Thủy chiếc áo còn thường ngắn vừa chớm tới mép vòng dải khăn buộc ngang eo nhằm lộ ra nét đẹp của vòng eo con gái, vạt áo buông nhẹ hai bên và không có đơm cúc. Ở vùng Mường huyện Yên Lập, chiếc áo còn thường dài hơn đến ngang eo trùm cả phần khăn bao buộc và không đơm cúc, màu áo thường đậm hơn so với các vùng Mường khác. Vùng Mường thuộc huyện Tân Sơn do đặc trưng vùng sinh sống giáp ranh với dân tộc Thái (huyện Phù Yên, Sơn La) do đó chiếc áo còn được trang trí cách điệu với nẹp vải hai bên vạt áo đôi khi còn thêu hoa sặc sỡ nhằm tạo điểm nhấn nổi bật hơn cho chiếc áo.

Một điểm khá đặc biệt trong cách ăn mặc của phụ nữ Mường ở Phú Thọ đó là, hầu như họ không thường sử dụng khăn đội đầu giống như với các vùng Mường khác, các cô gái Mường nếu tóc ngắn họ thường để xõa vai còn khi tóc dài và trong lúc lao động lại thường búi tóc gọn gàng phía sau, cá biệt ở vùng Mường Tân Sơn những người phụ nữ còn búi tóc lên cao phía sau đỉnh đầu gần giống với cách tăng cầu tóc của phụ nữ người Thái ở vùng lân cận.

Trang phục luôn gắn liền với hoàn cảnh, môi trường sinh hoạt cụ thể, cũng có thể do điều kiện sinh sống, do đặc thù của môi trường mà trang phục mang màu

sắc dân tộc sẽ không có cơ hội để họ được khoác trên mình thường ngày. Những thanh niên người Mường hiện đang tham gia học tập tại các trường đại học, cao đẳng, các trường phổ thông trong toàn tỉnh chỉ có thể được khoe sắc trang phục dân tộc mình trong những ngày hội dân tộc hoặc trong các ngày lễ tết theo quy định, như lời sinh viên Hà Văn Hoàn lớp C8 k45 trường Đại học dự bị dân tộc thì: “trang phục dân tộc chúng em chỉ mặc trong ngày hội văn hóa dân tộc thôi còn ngày thường thì mặc giống như các bạn khác để tiện trong sinh hoạt và học tập. Khi ở nhà thì hầu như không mặc, khi đi học ở trường thỉnh thoảng có dịp khoe nét đẹp dân tộc mình qua bộ trang phục. Lúc đầu khi mới mặc cũng thấy không quen nhưng lại có cảm giác thú vị và lạ, được khoác trên mình bộ trang phục em thấy tự hào hơn, vui hơn và thấy yêu hơn dân tộc mình” (ghi chép phỏng vấn ngày 15/10/2019 tại trường dự bị đại học dân tộc Trung ương, Phú Thọ).

Trong những buổi sinh hoạt văn hóa truyền thống dân tộc, trong ngày hội văn hóa, hội làng, lễ tiết những bộ trang phục dân tộc lại có dịp được khoe sắc, được các thế hệ người dân Mường hào hứng chung diện nhưng mức độ cách điệu trên những bộ trang phục ấy đã chiếm phần lớn, chiến áo Cón được đơm cúc gọn gàng thuận tiện cho những bước chân và kiểu quay xoay trong các điệu múa hơn. Vùng Mường Tân Sơn chiến áo Cón trong ngày hội văn hóa còn được bổ sung hàng cúc nổi kết hợp với màu áo sặc sỡ và kiểu cách diêm dúa, bộ y phục đã được trang trí giống như kiểu trang phục của người Thái. Hoa văn trên các cặp váy cũng không còn tạo ra nét riêng, chúng đều cùng một cách dệt may, thậm chí được mua từ cùng cơ sở dệt may sẵn, có trường hợp đi thuê tại các cơ sở cho thuê trang phục vì “nó được trang trí đẹp, có kim sa lấp lánh phù hợp với biểu diễn hơn”.

Giữ gìn trang phục dân tộc là giữ gìn nét truyền thống văn hóa của tộc người, để những bộ trang phục Mường ngày càng được sử dụng rộng rãi với nguyên vẹn bản sắc sẵn có thì hơn ai hết từ chính trong các bản làng Mường, những người phụ nữ Mường phải tạo được thói quen cho mình trong việc mặc những bộ trang phục ấy thường ngày, phải tạo niềm thích thú, niềm tự hào cho các thế hệ trẻ Mường khi được khoác trên mình bộ y phục dân tộc. Đã là người Mường thì phải có, phải biết

mặc trang phục Mừng để trong những dịp lễ hội truyền thống dân tộc họ sẽ chính là những bông hoa Mừng rực rỡ khoe sắc.

3.1.2.2. Ngôn ngữ, hoạt động nghề nghiệp và nhịp sống cộng đồng

Xã hội phát triển với sự hội nhập, giao lưu mở rộng của nhiều loại hình văn hóa mới, nhiều mối quan hệ mới trong đời sống giao tiếp cộng đồng được nảy sinh, sự đan xen trong sinh hoạt với nhiều dân tộc sinh sống trong cùng một môi trường đã ít nhiều có sự tác động qua lại và mức độ ảnh hưởng lẫn nhau tạo nên nét mới trong màu sắc văn hóa dân gian nói chung.

Ở tại các vùng Mừng Phú Thọ, có những xã được coi là vùng thuần Mừng với số lượng dân cư chiếm đại đa số (98%) nhưng cũng có vùng, xã số lượng dân cư các dân tộc khác cùng sinh sống đan xen chiếm số lượng lớn hơn so với dân tộc Mừng do đó những đặc trưng trong văn hóa truyền thống người Mừng ở đây cũng bị biến đổi đi ít nhiều, bị lai tạp và thậm chí bị lu mờ. Chúng ta có thể thấy rõ vấn đề này qua các mối quan hệ sau:

Ngôn ngữ giao tiếp

Ngôn ngữ giao tiếp có vai trò rất quan trọng trong đời sống cộng đồng tộc người. Dân tộc Mừng nói chung thuộc nhóm ngôn ngữ Việt Mừng nhưng chưa có hệ thống chữ viết riêng. Theo một số tài liệu ghi chép lại quá trình hình thành và phát triển của tộc người đã cho rằng người Mừng và người Kinh có chung nguồn gốc từ tộc người Lạc Việt do đó ngôn ngữ tiếng nói người Mừng có nhiều điểm gần giống với người Kinh. Quá trình sống xen kẽ giữa hai tộc người này cùng trên một vùng đất đã tạo nên nhiều sự vay mượn cho tiếng Mừng trong quá trình phát triển của các mối quan hệ giao tiếp.

Ở Phú Thọ, cùng là tộc người Mừng nhưng cách phát âm trong ngôn ngữ giao tiếp của từng vùng lại có điểm khác nhau bởi sự nặng – nhẹ của thổ ngữ thanh âm, đôi khi còn có cả những từ mang tính địa phương đặc trưng vùng riêng biệt. Các xã thuần Mừng tiếng nói có phần nặng hơn, âm thanh khó nghe hơn còn ở nơi người Mừng sống xen kẽ cùng các dân tộc khác thì tiếng nói có phần nhẹ nhàng, gần với cách phát âm trong tiếng Kinh. Sự phát triển của đời sống mới, nhu cầu

trong giao tiếp trao đổi với nhiều tộc người bên ngoài xã hội đã làm cho ngôn ngữ Mường đang ngày bị thu hẹp dần lại, các thế hệ người Mường hiện đang sinh sống ở tại các vùng thuần Mường, vẫn thường ngày trao đổi gặp gỡ với các thế hệ người dân tộc mình thì việc phát triển ngôn ngữ là lẽ đương nhiên và họ bên cạnh nói tốt tiếng phổ thông (ngôn ngữ Kinh) thì ngôn ngữ dân tộc vẫn được trao đổi, giao tiếp một cách thuần thực nhưng ngược lại một số người Mường do đặc điểm dân cư sinh sống đan xen cùng với các dân tộc khác họ phải sử dụng tiếng phổ thông để trao đổi thường ngày nên ngôn ngữ dân tộc sẽ trở thành thứ yếu trong giao tiếp.

Nói đến mức độ nặng - nhẹ trong cách phát âm ngôn ngữ dân tộc, theo nhận xét chung thì ngôn ngữ Mường ở các vùng thuộc huyện Tân Sơn mạn giáp ranh Sơn La có phần khác biệt hơn so với các vùng thuộc huyện Thanh Sơn, Tân Sơn giáp với Hòa Bình. Họ cho rằng mạn ngoài giáp Hòa Bình ngôn ngữ phát âm giống như người Mường vùng Đà Bắc, Hòa Bình còn ở vùng trong giáp Sơn La ngôn ngữ phát âm mang đặc thù riêng, âm thanh nghe nặng hơn, trong thanh ngữ có nhiều âm tiếng gần với tiếng Kinh. Bản thân chúng tôi khi tiếp xúc lắng nghe người dân Mường giao tiếp cũng thấy rõ điều này.

Giới trẻ Mường nói chung hiện nay biết nói tiếng Mường không nhiều, vẫn có cá biệt trường hợp là người Mường nhưng lại không biết nói tiếng dân tộc mình. Một số gia đình người Mường sinh sống tại các thị trấn, thành phố cũng sử dụng tiếng Kinh để giao tiếp với nhau là chủ yếu và còn có một bộ phận người Mường do vị trí công tác, khu vực công tác cũng như chuyển dịch hộ khẩu do xây dựng gia đình với người dân tộc khác nên hầu như cũng không sử dụng tiếng nói dân tộc mình trong giao tiếp thường ngày. Như lời em Hà Thị Gấm K13 ĐHSP âm nhạc, em Đinh Ngọc Tân K17 ĐHSP âm nhạc, khoa Nghệ thuật và Thể dục thể thao trường Đại học Hùng Vương cho biết: “Chúng em là người Mường lớn lên tại bản Mường từ bé, biết nói và giao tiếp tốt bằng tiếng Mường nhưng để được trao đổi ngôn ngữ dân tộc mình thì chỉ khi trở về nhà mới có cơ hội, còn ở trường tuy có hội nhóm sinh viên người Mường hoạt động nhưng các bạn hầu như toàn trao đổi với nhau bằng tiếng phổ thông là chính” (ghi chép phỏng vấn tháng 03/2017 tại trường

ĐH Hùng Vương, Phú Thọ).

Không hẳn đã bị mất đi nhưng cũng không thể khẳng định được nó sẽ phát triển ở mức độ nào, gìn giữ văn hóa dân tộc nói chung trong đó có ngôn ngữ là việc làm quan trọng không phải của riêng ai mà đó là nhiệm vụ của tất cả mọi người trong cộng đồng dân cư. Khi ngôn ngữ dần bị mai một và ít được sử dụng hơn trong giao tiếp cộng đồng, thì cũng đồng nghĩa với việc những câu hát dân ca dân tộc sẽ bị bỏ quên dần và đi vào quên lãng bởi bất cứ một dân tộc nào thì câu hát dân ca đều được hình thành nên từ trong ngôn ngữ giao tiếp.

Nghề nghiệp

Người Mường vốn thuần túy trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp là chủ yếu. Những nghề buôn bán thủ công cũng được đan xen trong quá trình phát triển đời sống của người dân. Tuy nhiên, khi sự phát triển với việc mở cửa hội nhập, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong các lĩnh vực sản xuất, các khu công nghiệp, nhà máy được mở ra thu hút nhiều nhân lực lao động, tạo công ăn việc làm cho nhiều đối tượng xã hội nhất là lớp thanh niên trẻ hiện nay. Sự phát triển này đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế, nâng cao hơn về đời sống sinh hoạt cũng như những hoạt động xã hội khác.

Xã hội truyền thống với quá trình lao động chủ yếu bằng công sức con người bỏ ra, người dân lao động dùng sức mình để thực hiện các công việc và cũng từ trong quá trình tiếp xúc, trao đổi công việc đó họ có nhiều cơ hội được giao lưu học hỏi, tinh thần tập thể được nêu cao, tính đoàn kết cộng đồng được đề trọng đồng thời những hoạt động lao động đã dần trở thành nếp, thành tính chung để mọi người cùng nêu cao tinh thần tự giác của bản thân. Quá trình lao động cộng đồng ấy những bài bản dân ca dân gian đặc biệt là dân ca lao động được hình thành và phát triển, hình ảnh công việc vận động nặng nhọc, hình ảnh những con người hăng say trên cánh đồng, bên nương ngô, họ cùng dốc sức kéo gỗ, ươm rừng... Tất cả đã trở thành những “nhân vật” quan trọng được nhắc đến trong lời ca dân ca, được cất lên thành giai điệu mang đến niềm vui, lời tâm tình cho con người trong giao tiếp, cuộc sống. Niềm tự hào hiện lên từ những điều rất giản dị đời thường và cứ như thế tiếp

nói truyền thống, những giai điệu dân ca ấy ngày càng được trau chuốt bổ sung thêm nhiều hơn, đầy đủ hơn, được lưu truyền như một thứ ngôn ngữ quan trọng mà thế hệ trước muốn để lại cho thế hệ sau lưu giữ.

Xã hội hiện đại với sự vận hành của máy móc, của kỹ thuật đã chuyển hướng công việc cho người lao động lên một mức độ cao hơn, tinh vi hơn và hiện đại hơn. Người dân không còn chỉ quanh quẩn với cuốc, xẻng, dao, liềm mà thay vào đó là những máy móc với các thiết bị được trang bị đầy đủ, đa dạng hơn. Sự thay đổi trong công việc nghề nghiệp cũng kéo theo sự biến động về con người trong cộng đồng bởi lý do, trước đây khi nghề nông là chủ yếu, người dân lao động trên những cánh đồng, bìa rừng, bên những nương ngô, đồi chè... và sau những giờ lao động họ lại trở về bản làng để quây quần bên gia đình, làng xóm nhưng khi những nhà máy, khu công nghiệp mọc lên thu hút nguồn nhân lực tập trung cho công việc thì những người lao động chính - thanh niên trong gia đình lại hầu như tập trung làm việc tại các nhà máy đó, hoạt động vận hành theo quy định không phân biệt thời gian ngày – đêm, vì vậy nếp sinh hoạt cuộc sống của họ cũng dần bị thay đổi theo. Bên cạnh đó, một số cá nhân tham gia học tập, công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, trường học, công việc đòi hỏi họ phải rời xa bản làng và dịch chuyển đến nơi ở phù hợp, tiện ích hơn với nhịp điệu công việc theo yêu cầu.

Sức sống cộng đồng mới

Bắt nhịp với sự thay đổi mọi mặt của môi trường sống cùng những điều kiện được đáp ứng trong xã hội phát triển hiện đại, người dân Mường đã có cho mình một diện mạo mới với sức sống mới đầy năng động, linh hoạt và cả sự sáng tạo không ngừng trong công cuộc nâng cao mức sống cộng đồng giai đoạn xã hội mới.

Nhịp sống hiện nay của cộng đồng người Mường đã có nhiều đổi thay, khởi sắc với sự phát triển cả về kinh tế, môi trường cũng như nhu cầu mọi mặt trong các hoạt động xã hội nói chung. Khi những khó khăn vất vả của đời sống vật chất sẽ kìm hãm, bó hẹp những suy nghĩ và cả sự thúc đẩy phát triển đời sống tinh thần cũng như các mặt hoạt động khác của người dân. Người Mường trong giai đoạn xã hội trước kia còn gặp nhiều những khó khăn, hạn chế, điều kiện sống thô giản, mọi

hoạt động lao động đều phụ thuộc vào sức người, sức của, những cố gắng trong việc phát triển của nghề nông cũng chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu sống mà thôi. Sự vất vả của đời sống vật chất lại luôn được coi là điều kiện làm nảy sinh nên nhiều sự sáng tạo trong đời sống tinh thần, họ thỏa sức ca hát, thỏa sức vui chơi với những gì mộc mạc giản dị như cuộc sống vốn có. Những câu hát dân ca, những hoạt động diễn xướng, những nghi lễ dân gian... tất cả đều chân chất, đều rất gần gũi thân thuộc với cuộc sống như chính con người họ cùng bản chất bình dị sẵn có đã được tích lũy từ bao đời nay.

Sức sống hiện đại với sự phát triển của CNH, HĐH đã dần làm thay đổi diện mạo chung cho các làng Mường cũng như hình thành nên nhiều những ý tưởng mới, bút phá để “thoát nghèo” trong công cuộc thúc đẩy quá trình phát triển đời sống kinh tế xã hội của người Mường hiện nay. Thực hiện nghị quyết của chính phủ về xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, cùng với sự chỉ đạo sát sao của các cấp chính quyền, sự nỗ lực cố gắng của chính những người dân nghèo đã từng bước nâng cao dần và hoàn thiện, phát triển các mặt để đảm bảo mức sống xã hội ngày càng đáp ứng nhu cầu của người dân. Thực tế chứng minh sự đổi thay khác biệt trong nhịp sống của người dân Mường tại cụm các xã Lai Đồng, Kiệt Sơn, Thu Cúc so với cách đây khoảng 8 năm (khi chúng tôi điền dã lấy tư liệu phục vụ cho nhiệm vụ nghiên cứu của mình). Những đổi thay về hệ thống giao thông phương tiện, sự sầm uất đa dạng mang thiên hướng hiện đại hóa của các cơ sở vật chất tại địa phương, những đáp ứng khá đầy đủ về nhu cầu thiết yếu phục vụ cho đời sống cộng đồng... Tất cả đã khẳng định cho một sức sống mới đang lan tỏa, một nhịp sống “hiện đại” đang được hình thành từ nơi mà bản chất sẵn có của nó luôn là những “cỏ hủ”, “lạc hậu” và “vùng sâu”.

Mạnh dạn với những sự chuyển đổi từ “cái cũ” sang “cái mới”, từ sự “bảo thủ” sang mức độ tân tiến hiện đại đã tạo nên bước đột phá mới cho đời sống người dân Mường hiện nay. Các mô hình chuyển đổi, phát triển kinh tế xã hội đã từng bước được áp dụng, người dân đã biết cách khắc phục hạn chế để vượt qua khó khăn, biết dựa vào những cái có sẵn mang tính “bản địa” và áp dụng theo cách thức

khoa học phát triển để hòa nhịp nhằm “hiện đại hóa” nó với vai trò phục vụ cho chính nhu cầu cũng như nâng cao hơn về nhận thức cho con người trong cuộc sống. Một xã hội hiện đại với nhiều sức hút, nhiều mức độ phát triển và cả nhiều thuận lợi đáp ứng cho những đòi hỏi về mọi mặt của nhu cầu đang từng bước dần thay đổi nhịp sống ở vùng quê nghèo với những khó khăn tưởng như không dễ thay đổi được, các làng Mường nói chung hiện nay như đang được tiếp thêm sức, như đang chuyển động để hoàn thiện mình và hòa nhịp với công cuộc xây dựng và phát triển xã hội, nâng cao chất lượng đời sống người dân cũng như xóa đói giảm nghèo bền vững theo nghị quyết hướng dẫn và chỉ đạo của Đảng và nhà nước đã đề ra.

Phú Thọ hiện nay nói chung có nhiều khu công nghiệp mới mọc lên, nhiều nhà máy xí nghiệp được hình thành, nhiều mô hình phát triển kinh tế mới ở trên khắp các làng bản trong toàn tỉnh đã tạo công ăn việc làm và ổn định đời sống cho người dân. Ở huyện Tân Sơn nói riêng, khu công nghiệp Tân Phú được xây dựng và đi vào hoạt động cũng đã thu hút được nhiều con em đồng bào Mường nói riêng tham gia lao động. Nhịp điệu công nghiệp với những đòi hỏi nghiêm túc quy định cả về thời gian và ý thức trách nhiệm đã tạo ra những “*con người mới*” cùng những nhu cầu mới phát triển hơn, hiện đại hơn. Xã hội thay đổi và phát triển sẽ dẫn đến nghề nghiệp của người lao động cũng thay đổi dần theo với nhiều ngành nghề mới trên nhiều lĩnh vực hơn và ngày càng hiện đại hóa, đa dạng hơn.

3.1.2.3. Đa dạng văn hóa tinh thần

Mọi phát triển của nền kinh tế xã hội đều gắn bó mật thiết với nhu cầu trong đời sống sinh hoạt của con người nói chung trong đó quan trọng hơn cả là đời sống tinh thần. Những đòi hỏi về vật chất, những nhu cầu cần được đáp ứng về văn hóa nghệ thuật, sự hiện diện của nhiều khía cạnh, nhiều thể loại văn hóa ứng với những cái mới, hiện đại... tất cả đều nhằm phục vụ cho chính lợi ích của con người trong cuộc sống, đáp ứng với những đòi hỏi thiết thực nhất để đảm bảo sự hoàn mỹ cho những sinh hoạt đời thường mà mỗi con người hướng tới trong sự toàn vẹn về đời sống hiện thực của mình trong xã hội mới.

Trong sự đa dạng của đời sống xã hội hiện nay, nhiều loại hình sinh hoạt văn

hóa mới với những cái rất “hiện đại” đã được “du nhập” vào trong cuộc sống thường ngày của con người nhưng sự hưởng ứng nhiệt tình với những “cái mới”, “cái hiện đại” của thế hệ thanh niên hiện nay đó mới là điều chúng ta đã thấy được và cần bàn tới ở đây. Xã hội phát triển, chuyển biến từ sự lạc hậu thấp kém về mọi mặt sang những cái hiện đại mới lạ, mức độ du nhập để tiếp thu với nhiều luồng “tân tiến” nhằm thúc đẩy mọi mặt trong đời sống sinh hoạt của người dân được đáp ứng, hoàn thiện, những phương tiện văn hóa thông tin hiện đại đã trở thành thứ thiết yếu cần thiết trong cuộc sống của mỗi người dân. Trong mỗi hộ gia đình Mường sinh sống hiện nay các loại vật dụng như ti vi, đài catsset, loa máy... chúng gần như đã có mặt khá đầy đủ, đa dạng về chủng loại cùng mức độ, tần suất sử dụng trong các nếp sinh hoạt thường ngày. Người dân Mường hiện nay đã quen với những âm thanh sôi động, đa dạng, những kiểu dạng hoạt động với sự phong phú của màu sắc cũng như tính chất nghệ thuật tác động đến nhận thức, có tầm ảnh hưởng tới những nếp sinh hoạt mang tính thường xuyên. Sự “hiện đại hóa” được thể hiện ngay trong mỗi cá nhân ở từng hộ gia đình với mức độ tiếp cận các vật dụng công cụ, các thể loại sinh hoạt và mức độ nhận thức đối với những vật dụng đó khi chúng trở thành thói quen trong nếp thường ngày.

Nhu cầu thưởng thức văn hóa nghệ thuật nói chung trong đó đặc biệt là âm nhạc vẫn luôn là “món ăn” thường ngày không thể thiếu đối với đời sống tinh thần con người, “món ăn” này hiện đã có sự khác biệt đó là những dòng âm nhạc mới, những tính chất âm thanh tác động mới khác xa với chất liệu của hệ thống âm nhạc dân gian trước đây đang dần được người dân hưởng ứng, tiếp nhận và sử dụng. Trong nhu cầu của cuộc sống hiện nay, những hoạt động sinh hoạt văn hóa văn nghệ mang tính tập trung cộng đồng đã trở nên quen thuộc với người dân, những buổi liên hoan văn nghệ, những cuộc giao lưu hội diễn với sự đa dạng của các bài bản âm nhạc, các phương tiện âm thanh, những thể loại nhạc cụ hiện đại đan xen cùng thể hiện trong sắc màu vũ điệu mới, đời sống văn hóa tinh thần như được bước sang trang mới với sự đa dạng trong nhu cầu mang tính hiện đại.

Có thể thấy rằng, mức độ bắt nhịp nhanh với cuộc sống mới, sự thích ứng với

những nhu cầu hiện đại mang tính đa dạng của các phương tiện máy móc, đặc biệt giới trẻ trong xu hướng tiếp cận với nhiều loại hình sinh hoạt văn hóa văn nghệ mới đã làm cho đời sống nói chung trong đó có đời sống tinh thần thêm nhiều mức đa dạng và thể hiện tính hướng ngoại nổi trội. Sự thích nghi với những cái mới hiện đại được thể hiện rõ ngay trong nhu cầu hàng ngày của con người, ở các làng Mường hiện nay các tụ điểm vui chơi, các quán ca hát karaoke đã trở nên quen thuộc trong nếp sinh hoạt của người dân. Họ ca hát, vui chơi cùng nhiều kiểu dạng hoạt động kết hợp với sự hỗ trợ trên nhiều phương diện của các thiết bị máy móc trong mức độ cần thiết và nhanh gọn, đáp ứng nhanh theo nhu cầu tối thiểu nhất. Anh Sa Hoàng Tân cán bộ phòng văn hóa huyện Tân Sơn cho chúng tôi biết thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng nông thôn mới đã thúc đẩy mọi hoạt động sinh hoạt nâng cao nhận thức, tư tưởng của người dân trong công cuộc hiện đại hóa xã hội. Công tác tổ chức, tuyên truyền và phong trào văn hóa nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, các sự kiện lớn được đẩy mạnh trong sinh hoạt đời sống cộng đồng, phòng văn hóa huyện vẫn thường xuyên cử cán bộ xuống các xã, các bản làng để cùng trợ giúp trong hoạt động xây dựng các hoạt động văn hóa, các chương trình văn nghệ đảm bảo ở mức độ tối đa nhất đáp ứng thị hiếu theo nhu cầu cho mọi đối tượng người dân.

Nhận xét về mức độ phát triển đời sống nói chung của người dân hiện nay, ông Ngô Thái Sơn, Phó Giám đốc Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tân Sơn cho rằng, mức độ phát triển và đáp ứng mọi nhu cầu hiện đại trong đời sống nhân dân hiện nay đã đạt mức cao, người dân thuận lợi di chuyển giao thương phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa và hội nhập, cơ hội được tiếp thu học hỏi với nhiều cái mới, nâng cao chất lượng cuộc sống và nhận thức của cá nhân đáp ứng với yêu cầu hiện nay.

Cùng tham gia hỗ trợ luyện tập một số chương trình biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ của huyện Thanh Sơn chúng tôi nhận thấy, các tiết mục văn nghệ trong chương trình được xây dựng khá phong phú theo từng chủ đề hội nghị, cấu trúc thể loại đa dạng nhiều hình thức biểu diễn. Ở các chương trình với không gian nhỏ mang tính hội nghị thì các tiết mục chủ yếu là ca nhạc mới hát - múa, còn với

cấu trúc chương trình biểu diễn có quy mô lớn, âm nhạc dân gian luôn được đề tâm qua tiết mục diễn tấu dân gian công chiêng biểu diễn xuất hiện bên cạnh những ca khúc, tác phẩm âm nhạc mới thịnh hành hiện nay. Một số chương trình nghệ thuật của các xã, các vùng Mường ở các huyện khác như Yên Lập, Tân Sơn... cũng mang màu sắc hiện đại với sự đa dạng trong các tiết mục biểu diễn, những ca khúc ca ngợi quê hương đất nước, ca ngợi con người, ngành nghề được xây dựng tùy theo cấu trúc chủ đề của mỗi ngày lễ, hội nghị tại các địa phương.

Như vậy, mức độ hiện đại hóa mọi mặt trong đời sống xã hội, sự thích nghi và đáp ứng nhanh với những nhu cầu mới của người dân đã dần trở thành thói quen thường ngày, thành những nếp sinh hoạt văn hóa tạo nên mức độ, sự đòi hỏi mang tính thiết thực nhất được thể hiện rõ qua các mối quan hệ, qua các nhu cầu thực tế đã ảnh hưởng một cách cụ thể nhất tới cộng đồng trong quá trình sinh hoạt xã hội, chúng ta có thể nhìn nhận thực trạng sinh hoạt tinh thần của người dân Mường hiện nay qua một số vấn đề như:

Về nhu cầu phương tiện văn hóa

Các sản phẩm phương tiện thông tin hiện đại như điện thoại thông minh, tivi, loa máy, đầu đĩa catset... ngày càng trở thành vật dụng thiết yếu không thể thiếu trong cuộc sống, được người dân sử dụng thường xuyên và chúng luôn có sự “nâng cấp” với mức độ ngày càng đa dạng, hiện đại hơn. Đáp ứng với nhu cầu sử dụng của người dân, các cửa hàng buôn bán các thiết bị hiện đại đã dần mọc lên ngay tại các xã, các bản Mường với đầy đủ chủng loại từ hiện đại nhất đến thông minh, nhỏ gọn nhất đặc biệt là sự phù hợp với mức độ khả năng kinh tế của mỗi người dân trong đời sống sinh hoạt.

Sự sầm uất, phát triển làng bản dần trở nên đô thị hóa đã nâng cấp nhận thức và tính hưởng thụ cho con người về mọi mặt, những nhu cầu sử dụng các thiết bị hiện đại cùng sự biểu hiện đa dạng các thể loại hoạt động văn hóa nghệ thuật thông qua các thiết bị đó đã tạo đà cho việc thúc đẩy mức độ tiếp nhận trong nhận thức của con người đối với việc hình thành những sản phẩm mới phục vụ cho đời sống tinh thần nói riêng.

Về nhu cầu sinh hoạt và thụ hưởng văn hóa

Khi đời sống văn hóa được nâng cao với nhiều thể loại, nhiều loại hình đáp ứng với mọi dạng hoạt động trong cuộc sống và cũng rất phù hợp với nhận thức của từng độ tuổi, từng đối tượng trong cộng đồng thì nhu cầu thưởng thức văn hóa nghệ thuật của người dân cũng đòi hỏi ngày càng hiện đại dần hơn, đa dạng màu sắc hơn và mang tính chuyên nghiệp hơn.

Ở các vùng Mường hiện nay, mỗi khi tổ chức liên hoan văn hóa văn nghệ dù ở cấp xã phường thì các tiết mục trong chương trình cũng luôn đảm bảo tính đa dạng về hình thức biểu diễn, mức độ phong phú về loại hình nghệ thuật kết hợp với các thể loại nhạc cụ hiện đại như đàn Oocgan, trống, ghita, kèn được biểu diễn đan xen kết hợp với các nhạc cụ đơn giản như sáo, sênh phách, kèn lá. Sự kết hợp này đã ít nhiều tạo nên hiệu ứng mới trong việc tiếp thu những cái hiện đại, tạo nên những cái khác lạ nhằm phục vụ đáp ứng nhu cầu thị hiếu của từng đối tượng người dân khi được tiếp nhận. Chính bởi sự đa dạng trong màu sắc âm thanh cùng mức độ thể hiện có sự kết hợp đan xen giữa cái cũ (chất liệu nghệ thuật dân gian) với cái mới (tính chất âm nhạc hiện đại) đã làm cho mức độ phát triển của văn hóa nói chung, nghệ thuật âm nhạc nói riêng trong đời sống quần chúng nhân dân ngày càng thêm phong phú, nhiều chất liệu mới nhưng vẫn gần gũi với cuộc sống và được người dân đón nhận.

Bên cạnh các chương trình biểu diễn nghệ thuật trực tiếp phục vụ nhu cầu thưởng thức của người dân, hình thức ca hát mang tính nhanh, gọn nhưng vẫn thể hiện sự đa dạng về thể loại và phù hợp với nhu cầu của mọi đối tượng được người dân hưởng ứng một cách nhiệt tình trong hoạt động sinh hoạt đời thường - ca hát karaoke. Đi đến bất cứ nơi đâu, ở bất cứ vùng nào hiện nay nhu cầu ca hát đều được người dân thể hiện rất rõ qua việc ca hát karaoke, người ta có thể tụ tập thành nhóm và cùng đến một tụ điểm để ca hát thậm chí có những hộ gia đình đã tự mua sắm loa, mic, âm ly để thỏa mãn nhu cầu. Mức độ thưởng thức âm nhạc thông qua hình thức ca hát này đã phần nào thể hiện khả năng thích nghi với các sản phẩm công nghệ và cả sự phát triển ngày càng nâng cao của đời sống kinh tế xã hội nói chung,

đời sống văn hóa nói riêng ngày một thêm nhiều sự đa dạng hiện đại.

Về đối tượng thụ hưởng

Từ nhu cầu của việc phát triển các loại hình sinh hoạt văn hóa trong đời sống tinh thần con người thì sự tác động của các loại hình sinh hoạt ấy đối với từng đối tượng, từng độ tuổi luôn ở mức khác nhau. Những dạng hoạt động mang tính công nghệ hiện đại với các phương tiện và phương thức truyền tải linh hoạt nhanh gọn thường phù hợp với những người trẻ tuổi còn với thế hệ người lớn tuổi sẽ cảm nhận những vấn đề gắn với thực tế, mang tính hoài niệm và gần gũi với đời sống tình cảm hơn. Chúng ta vẫn thường thấy rằng “*Ở độ tuổi nào thì phù hợp với nhu cầu ấy*”, giới trẻ hiện nay luôn tiếp nhận những cái mới, hiện đại, những sản phẩm công nghệ tiên tiến và sử dụng chúng một cách phù hợp do đó mức độ hưởng thụ của họ đối với hệ thống các loại hình sinh hoạt văn hóa mới, hiện đại sẽ dễ dàng hơn so với các thế hệ cha ông họ, những người lớn tuổi trong gia đình.

Người dân Mường trong xã hội hiện nay với mức độ tiếp cận cái mới, sự hưởng ứng với cái hiện đại và cả những nhu cầu được bộc lộ thông qua việc tiếp nhận đó luôn thể hiện rõ ràng trong nhận thức của từng nhóm độ tuổi khác nhau:

Với thế hệ những người lớn tuổi: Sự tiếp nhận với những sản phẩm mang tính hiện đại có phần chậm và đơn giản hơn. Sự tiếp nhận những cái mới trong nhịp sống sẽ giúp họ được mở mang nhận thức, được cảm nhận để so sánh với giai đoạn trước kia khi cuộc sống vẫn còn nhiều khó khăn vất vả. Tuy nhiên, họ vẫn là lớp người luôn bảo lưu hệ thống nghệ thuật âm nhạc dân ca dân tộc để khi có dịp là bộc lộ và ca hát, những cuộc vui liên hoan văn nghệ hay những buổi gặp gỡ giao lưu, những hoạt động cộng đồng luôn là dịp để họ được thể hiện niềm vui, ca hát những bài bản dân ca mà với họ đó chính là những giá trị dân tộc, là bản sắc, là hồn cốt dân tộc cần được bảo lưu trong mọi giai đoạn phát triển.

Với thế hệ thanh thiếu niên: Nhận thức, tiếp thu và lĩnh hội cái mới, cái hiện đại trong nhu cầu của bản thân hiện nay là điều tất yếu và quan trọng bởi họ chính là thế hệ tiếp nhận sự hội nhập và phát triển của xã hội trong thời đại mới. Những sản phẩm công nghệ hiện đại, những sáng tạo cải biên nhằm đáp ứng thị hiếu của

bản thân trong việc khai thác các giá trị dân tộc theo chiều hướng phát triển mới... Tất cả đều được thể hệ trẻ lãnh hội và thực hiện, họ biết cách khai thác những sản phẩm tinh túy đó đáp ứng với nhu cầu hưởng thụ, họ biết dựa vào sự hiện đại của nó để phát triển hơn nữa, làm cho chúng trở nên đa dạng hơn, tinh vi hơn và hội nhập rộng lớn hơn, nhưng làm thế nào để lớp trẻ - những con người tân tiến này biết nhìn nhận, có suy nghĩ định hướng về bản sắc dân tộc để từ đó có hành động bảo tồn và phát huy những giá trị dân gian đó của cha ông đồng thời phát triển nó với mục đích hội nhập trong thời đại hiện nay. Để thấy được điều này thì trước hết chúng ta cùng nhận định về thực trạng của văn hóa dân gian cũng như bài bản dân ca Mường trong xu thế phát triển hiện nay.

3.2. Thực trạng sinh hoạt dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay

Cuộc sống xã hội đang ngày càng hoàn thiện và phát triển đi lên, những nhu cầu trong sinh hoạt văn hóa nghệ thuật của con người luôn đòi hỏi phải ngày càng được đầy đủ hơn, đa dạng hơn và hiện đại hơn. Quá trình phát triển này đã tạo nên sự thay đổi với những hình thức, phương thức mới để nhằm đáp ứng được nhu cầu cho sinh hoạt văn hóa dân gian của người dân nói chung. Chúng tôi xin được xét đến từng vấn đề cụ thể từ mức độ xuất hiện các làn điệu dân ca hiện còn được người dân ca hát đến việc sinh hoạt dân ca của người Mường trong xã hội hiện nay.

3.2.1. Thực trạng hiện tồn các thể loại trong sinh hoạt dân ca Mường

Khảo sát trong đời sống cộng đồng Mường cũng như gặp gỡ trao đổi với các thể hệ người dân tại các vùng Mường chúng tôi thấy nếu chỉ kể tên các thể loại dân ca thì người Mường nào cũng nhận định rằng dân tộc mình có khá nhiều làn điệu, bài bản dân ca với đầy đủ các loại như hát ru, hát xường, hát rang, hát ví, hò đu, ca vè... nhưng để ca hát cụ thể về giai điệu của từng bài bản với từng thể loại dân ca thì đây thực sự là một điều khó khăn. Dân ca là thể loại ca hát bắt nguồn từ trong dân gian, đối tượng nắm bắt tốt nhất, nhớ được và còn lưu giữ được nhiều nhất hệ thống các bài bản dân ca đó chính là thế hệ những người già, người lớn tuổi trong làng bản. Với bản khoán: Dân ca người Mường Phú Thọ hiện còn tồn tại những thể loại nào? Người dân Mường hiện nay còn hát và thích hát thể loại nào nhất? Chúng

tôi đã đi tìm và giải thích cho những thắc mắc của mình qua một số đối tượng bao gồm cả người dân và nhà nghiên cứu dân gian địa phương ở Phú Thọ.

Nhà nghiên cứu Dương Huy Thiện với nhiều công trình nghiên cứu về đời sống văn hóa dân gian nói chung trong đó có dân tộc Mường. Nổi bật nhất trong các công trình nghiên cứu của ông phải kể đến *Văn hóa dân gian dân tộc Mường Phú Thọ*, công trình nghiên cứu đạt giải Khuyến khích năm 2012 và được Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam thẩm định, in thành sách xuất bản vào năm 2015. Trong công trình nghiên cứu này cũng đã có khá nhiều thể loại bài bản dân ca Mường được ông sưu tầm ghi chép như hát ví, hát rang, hát sắc bùa, hát gheo Mường Việt, xường rang, hát gọi lúa. Tuy nhiên, theo tác giả cho biết đây là những bài bản ông đã thu thập được từ giai đoạn trước đây, từ ngày ông còn khỏe và có thể đi được nhiều, những người già ông đã từng gặp và được nghe họ hát cho đến hiện nay không biết những ai còn ai hay mất. Dân ca người Mường khá đa dạng về thể loại nhưng có thể do việc lưu giữ và phát triển các thể loại dân ca này không được tích cực kịp thời nên chúng sẽ dần bị bỏ quên và biến mất đi trong đời sống xã hội hiện đại? Một số các nhà nghiên cứu khác khi đến với vùng Mường cũng đã có những bài viết, những nhận xét về một số nét sinh hoạt văn hóa dân gian, những bài bản dân ca cũng được nhắc tới nhưng đó chỉ là những cảm nhận về sắc màu văn hóa dân tộc mang tính độc đáo riêng còn các loại hình sinh hoạt nghệ thuật như chèo, đờn, múa rối, đánh ống, múa sênh tiền, múa trống đu thu hút hơn, sôi động hơn đã trở thành đối tượng được quan tâm chính trong các bài viết đó.

Tiếp tục với những thắc mắc cần giải đáp của mình chúng tôi đã gặp gỡ với nhiều thế hệ người dân Mường ở các vùng Mường trong tỉnh hầu hết họ đều cho rằng người Mường ở Phú Thọ hiện còn hát ví, hát rang, hò đu là chủ yếu, những thể loại dân ca khác có thể đã bị mai một không ai còn nhớ và thậm chí không thích nên không hát nữa. Mỗi vùng Mường thường nổi bật với một số làn điệu dân ca cũng như người hát điển hình nên thường được gọi là “cái nôi” nuôi dưỡng. Người dân vùng Mường thuộc huyện Tân Sơn luôn cho rằng ở xã Kiệt Sơn là nơi “gốc” của các điệu rang, điệu ví, các xã khác đều phải học theo hoặc do quá trình giao lưu ca

hát với nhau mà học hỏi được nhiều làn điệu để phát triển lên. Sở dĩ có lý do này có thể là do vùng Kiệt Sơn có nhiều giọng hát rang, hát ví hay, đối đáp ứng tác giỏi, họ thường xuyên ca hát cùng nhau cùng tham gia các cuộc hát hò do làng xã tổ chức. Đội văn nghệ xã Kiệt Sơn do chị Hà Thị Tiên quản lý, đã đi biểu diễn nhiều nơi trong tỉnh bằng những câu rang, điệu ví của làng bản mình.

3.2.1.1. Các thể hát còn tồn tại trong sinh hoạt cộng đồng

Quá trình điền dã trên khắp các vùng Mường trong tỉnh Phú Thọ cũng như thu thập qua các tài liệu nghiên cứu của những người đi trước chúng tôi nhận thấy rằng nếu hệ thống các thể loại dân ca người Mường theo cách liệt kê làn điệu thì họ cũng có đầy đủ các thể loại bài bản dân ca với những cách hát, hình thức ca hát và nội dung phản ánh rất phong phú đa dạng. Tuy nhiên, để cụ thể hơn các thể loại dân ca hiện còn được người dân thực hành và gìn giữ trong cộng đồng theo từng tiểu vùng Mường qua địa danh huyện thị, chúng tôi đã tổng hợp riêng rẽ một số loại cụ thể như sau:

a. Hát ví

Thể loại ca hát này hiện nay đang rất được ưa chuộng trên khắp các vùng Mường Phú Thọ, giai điệu ngọt ngào đơn giản và dễ thuộc, lời ca vận ví chủ yếu dựa theo thể thơ trong ca dao tục ngữ để đối ứng. Trong mức độ quan tâm tới làn điệu dân ca dân tộc như hiện nay của các thế hệ người Mường cũng như sự bình dân, gần gũi trong giai điệu lời ca, ví đã có thể phát triển và trở thành làn điệu dân ca được mọi thế hệ người dân ca hát trong những lúc hoạt động sinh hoạt có tính cộng đồng nói chung, trong các cuộc vui liên hoan chòm xóm và cả ngay khi tụ tập hội họp của một số gia đình có tính nhỏ lẻ.

Khảo sát qua các đối tượng người dân cũng như quá trình được tiếp xúc, nghe hát chúng tôi tạm khẳng định rằng, hát ví hiện nay có thể được coi là thể loại dân ca phát triển rộng rãi nhất, phổ biến nhất trong cộng đồng người Mường ở Phú Thọ. Sở dĩ có thể khẳng định được như vậy là bởi hát ví có giai điệu mộc mạc, nhịp điệu tiết tấu rõ ràng, lời ca âm điệu được hình thành từ các câu ca dao thông qua sự giao tiếp đời thường. Ví trước đây được người dân hát bằng tiếng Mường với những

điều giản dị thể hiện ngay trong cuộc sống sinh hoạt nhưng hiện nay sự phổ biến của những làn điệu ví đã được mở rộng hơn trong phạm vi rộng bên ngoài dân tộc và trở nên gần gũi hơn với mọi đối tượng đó là việc phát triển ví bằng ngôn ngữ phổ thông (tiếng Kinh).

Một điểm dễ nhận thấy khác biệt nhất ở ví so với các thể loại khác đó là sự ứng tác lời ca để đối đáp với nhau trong quá trình thực hiện ca hát phải đảm bảo nhiều vấn đề, nhiều yêu cầu được đặt ra mà người hát phải đáp ứng đúng theo đề đảm bảo mức độ đúng, hay và sáng tạo của ví, như trao đổi với bà Hà Thị Lanh (xóm Chiềng, xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn) thì: Khi đối ví người hát đặt lời cho câu hát phải đảm bảo gieo vần theo thể thơ (chủ yếu là lục bát - thể thơ 6/8); Phải đúng với nội dung của cuộc đối ca; Phải được diễn ra trong thời gian nhanh theo quy định và phải tạo nên được mức độ “khó” để gây khó khăn cho đội bạn khi tiếp lời đối ví.

Tuy nhiên, quá trình phát triển của xã hội cũng như mức độ giao tiếp và sinh hoạt văn hóa nghệ thuật của con người hiện nay thì việc chuẩn bị một bài bản, làn điệu để ca hát trong một sự kiện cũng như việc đặt lời mới phù hợp với nội dung của sự kiện đó đều nhất thiết đã có sự chuẩn bị trước một cách chu đáo, bài bản thậm chí đã có sự luyện tập và “đầu tư” một cách thuần thực chính xác. Do đó việc tiếp cận với các bài bản ví cũng như mức độ quan tâm nhiều, đồng đều đối với tất cả các thể hệ người Mường vẫn còn chưa cao, người Mường ca hát ví trong hầu hết các cuộc liên hoan quần chúng nhưng đó vẫn chưa phải là các tiết mục nhận được mức độ đánh giá cao cũng như thu hút hứng thú quan tâm đặc biệt của giới trẻ. Đây có lẽ chính là mức hạn chế quan trọng của hát ví nói riêng khi tiếp cận và phát triển trong đời sống cộng đồng Mường hiện nay.

b. Hát rang

Cũng giống như hát ví, hát rang cũng có được cơ hội phát triển rộng khắp trong cộng đồng nhờ tính giản dị, gần gũi đời thường trong lời ca giai điệu của làn điệu. Tuy nhiên, nếu so sánh với ví thì hát rang đôi lúc trong cuộc sống sẽ có những hoạt động người ta không cần sử dụng đến nó bởi tính chất buồn và thiên về thể hiện các góc cạnh của đời sống tình cảm con người trong xã hội.

Rang được hát hoàn toàn bằng tiếng Mường, giai điệu hát rang mộc mạc không theo bất kì một loại nhịp điệu tiết tấu nào nên tính tự do phóng khoáng của hát rang luôn thể hiện một cách chân thực nhất mọi khía cạnh tình người, mọi mối quan hệ cũng như mức độ gắn kết con người trong cuộc sống.

Ở hầu hết các làng Mường Phú Thọ, hát rang vẫn trầm bổng vang lên cùng nhịp sống của người dân, những câu “*hình ơ...!*” ngân nga hay những tiếng kể than “*về cùng anh em hỡi...*” vẫn được thế hệ những người lớn tuổi trong làng hát cho nhau nghe, họ vẫn hát rang để thể hiện các suy nghĩ, để đối thoại về cuộc sống và cũng là để những giai điệu dân gian luôn được lưu truyền, được mọi thế hệ cùng góp công gìn giữ.

Không có tính phổ cập rộng khắp với mọi ngôn ngữ do nó chỉ được hát bằng tiếng dân tộc Mường, trong hát rang cũng có lúc biểu diễn ở hình thức cá nhân, cũng có khi là sự đối thoại giữa hai người hay một nhóm người trong một cuộc vui, tuy vậy hiện nay, trong các mối quan hệ xã hội cũng như trong các hoạt động gắn liền với yêu cầu của sự phát triển mới, những làn điệu hát rang vẫn được ngân nga cất lên trên khắp các bản Mường nhưng do đặc trưng trong giai điệu của nó bởi mức độ ứng tác vận ví và sự nhạy bén trong cách xử lý ngôn từ mà đối tượng ca hát rang hầu như là những người trung niên và người lớn tuổi trong làng. Thế hệ người trẻ tuổi muốn ca hát rang thì chỉ có thể học thuộc các câu hát, làn điệu do người già truyền dạy và ca hát đúng theo mà thôi.

Theo chân những “nghệ nhân bản Mường” tham gia trong buổi sinh hoạt CLB người lớn tuổi ở Lai Đồng, chúng tôi được chứng kiến, được nghe và thưởng thức những câu hát rang đối giao duyên đậm thắm, tuy do tuổi cao nên giọng hát đã bị yếu đi về hơn thở khi ngân nga, chất giọng cũng bị đục theo màu thời gian nhưng mức độ trầm, bổng của giai điệu hát rang cùng với sự mượt mà của lời ca, tính phong phú trong cách gieo vần ứng tác vẫn làm cho người nghe như thêm xao xuyến hơn. Bà cụ Sinh ở xóm Chiềng 2, xã Lai Đồng cho rằng “Hát rang kén người hát bởi phải có giọng hát hay, nhớ và thuộc nhiều làn điệu đồng thời cũng phải biết ứng tác một chút lời ca để trong bất kì một cuộc vui nào cũng có thể hát được cho

phù hợp” (ghi chép phỏng vấn ngày 14/5/2017 tại xã Lai Đồng, Tân Sơn).

Hầu hết những người lớn tuổi đều có chung nhận định là hát rang hiện vẫn còn phát triển, vẫn được ca hát nhưng lại ở tùy từng vùng Mường mà có các mức độ phổ biến khác nhau. Có vùng Mường hát rang đã tạo được cơ hội phát triển rộng, được mọi người, mọi đối tượng cùng ca hát và truyền bá cho nhau cũng như sự hưởng ứng nhiệt tình trong phong trào luyện tập ca hát (có thể thấy rõ điều này ở vùng Mường Lai Đồng, Kiệt Sơn huyện Tân Sơn). Sự nhiệt tình và hào hứng trong công cuộc phát triển ca hát làn điệu hát rang của người dân ở vùng Mường này có lẽ đã được truyền lửa từ những người nghệ nhân có tâm, luôn nhiệt huyết với câu hát dân tộc, có tình yêu sâu đậm cũng như ý thức giữ gìn và phát triển với làn điệu dân ca quê hương - nghệ nhân Hà Thị Sóng, nghệ nhân Hà Thị Tiên. Tuy vậy, có những vùng Mường người dân lại không hào hứng với thể loại hát rang, họ không ưa chuộng cũng như ca hát nhằm phổ biến nó bởi theo họ hát rang là tiếng lòng, là những giai điệu buồn thiên về tình cảm nên nó sẽ không phù hợp để được dùng trong một số khung cảnh hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng chung.

Như vậy, dù ở mức độ đón nhận nào của người dân với tính chất phổ biến rộng rãi hay chỉ dừng ở mức quan tâm bởi một số đối tượng trong vùng thì hát rang hiện nay vẫn là thể loại dân ca nhận được sự quan tâm của cộng đồng người Mường, vẫn còn hiện hữu trong các hoạt động văn hóa xã hội và chắc chắn trong một tương lai gần nó sẽ ngày càng được phát triển hơn, được các thế hệ người Mường cùng nhau vun đắp gìn giữ và bảo lưu theo thời gian phát triển.

c. Hò đu

Là một thể loại ca hát độc của người Mường Phú Thọ, những lời đối đáp giao duyên trai gái đôi bên qua cây đu đã tạo nên không khí vui tươi cho người dân trong những ngày hội làng mùa xuân náo nhiệt. Hò đu có mặt ở khắp các bản Mường, người dân Mường đặc biệt là thế hệ những người lớn tuổi ai cũng biết hát hò đu nhưng thể loại này lại không có tính phổ biến trong giao tiếp của cuộc sống thường ngày, nó chỉ được cất lên trong ngày hội, khi người người đang náo nức đón xuân về cùng hòa mình trong không gian đất trời đầy âm áp và những cuộc vui,

những trò chơi dân gian được dựng lên nhằm khắc họa thêm tính chất vui tươi, đa dạng trong đời sống văn hóa của đồng bào Mường.

Cũng giống như một số thể loại dân ca khác về sự xuất hiện và vai trò đối với đời sống sinh hoạt của người dân nhưng nét đặc trưng riêng biệt của hò đu không phải là việc chỉ có xuất hiện vào mùa xuân, trong những lễ hội làng vui tươi náo nhiệt mà nó còn là việc chỉ xuất hiện khi có trò chơi cây đu được hình thành. Hình ảnh cây đu giống như một chiếc Cọn nước khổng lồ được dựng lên giữa bãi đất trống, vòng đu rộng lớn để đủ tới 5- 6 chiếc ghế đu được buộc vào và từng người ngồi trên những chiếc ghế đu đó để vòng quay đu được thực hiện. Vừa ngồi đu vừa ca hát đối đáp với nhau, sự náo nhiệt của ngày hội làng hòa cùng với không gian êm đềm của mùa xuân khi những tiếng đu cất lên đã làm cho không gian Mường thêm đượm đà đầy màu sắc dân gian đậm thắm.

Thực tế khảo sát thể loại dân ca này chúng tôi thấy hiện nay ở các ở vùng người Mường thuộc huyện Yên lập, Thanh Sơn người dân còn ca hát làn điệu hò đu nhiều hơn so với các vùng khác bởi những lễ hội xuân hàng năm vẫn được người dân tổ chức một cách thường xuyên (ngoại trừ vào mùa xuân trong hai năm 2020, 2021 gần đây do dịch bệnh Covid 19 bùng phát, thực hiện yêu cầu cần giãn cách xã hội và cấm tụ họp đông người của tỉnh nên các lễ hội này không được tổ chức rộng khắp nữa, các trò chơi và thi hát đối cũng vì thế mà không được thực hiện). Ở các vùng Mường khác người dân cũng hò đu nhưng chỉ là hát đối chơi của một vài người vì có biết làn điệu chứ không có tính chất phổ biến rộng.

Nói là vậy nhưng thực tế hiện nay việc tổ chức lễ hội mùa xuân đón chào năm mới cũng chỉ được thực hiện ở một số xã, huyện điển hình cho một vùng Mường mà thôi, bên cạnh đó việc phục dựng trò chơi cây đu và có tổ chức ca hát hò đu dân gian cũng không được nhiều như mong muốn của đồng bào Mường nói chung. Ở huyện Yên Lập chúng tôi thấy có xã Xuân Thủy mới phục dựng lại trò chơi này cách đây khoảng vài năm và làn điệu hò đu cũng được người dân ca hát đối đáp cùng nhau khi chơi đu trong những ngày lễ hội diễn ra. Đối tượng ca hát hò đu trong các cuộc chơi hiện nay cũng đều là những người lớn tuổi trong làng và

cũng chỉ có được khoảng vài người là biết hát, biết hò đu với nhau mà thôi.

Trò chơi dân gian trong các lễ hội, ngày hội văn hóa dân tộc vẫn luôn có sức hút lớn đối với nhiều thế hệ người dân Mường, những loại dạng trò chơi như ném còn, chơi đu, đẩy gậy... luôn nhận được nhiều sự quan tâm và tham gia của đông đảo mọi người trong ngày hội tuy nhiên dạng trò chơi vừa chơi, vừa ca hát đối đáp lại chỉ có duy nhất ở thể loại hò đu mà thôi.

Như vậy, những bài bản thể loại dân ca người Mường ở Phú Thọ theo thống kê cho đến hiện tại trong đời sống cộng đồng vẫn còn khá đa dạng nhưng phổ biến hơn cả là những thể loại hát ví, hát rang, hò đu. Những thể loại này do đặc trưng nổi bật trong cách thức trình diễn cũng như phong phú về cách ứng tác vận ví tạo nên sự gần gũi, phù hợp với đời sống người dân do đó chúng luôn được đón nhận một cách nhiệt tình hào hứng. Thế hệ những người già, người lớn tuổi Mường luôn là đối tượng nắm giữ khá nhiều bài bản làn điệu dân ca nhưng do tuổi cao sức yếu nên cách hát của họ có thể sẽ không còn hay, hấp dẫn nữa cũng như mức độ luyện láy câu vần, sự ứng tác lời ca không còn được nhanh nhẹn, linh hoạt do đó đây sẽ là một hạn chế quan trọng trong việc thu hút sự quan tâm hào hứng của lớp trẻ thanh thiếu niên hiện nay.

3.2.1.2. Các thể hát bị mai một

Ở vùng Mường thuộc các huyện trong tỉnh Phú Thọ ngày nay không phải không ai còn biết đến ca hát dân ca Mường mà ngược lại, với mỗi thế hệ người Mường đều vẫn có người biết hát, biết đối ca những làn điệu dân ca trữ tình, đậm thắm quen thuộc trong đó đặc biệt phải kể đến thế hệ những người lớn tuổi trong các bản Mường. Tuy vậy, các thể loại dân ca không phải giai điệu nào cũng được người dân lưu giữ phát triển, không phải lời ca nào cũng còn sức sống cộng đồng. Một số thể loại ca hát mà trong các mối quan hệ xã hội hiện nay nó đã hầu như bị lãng quên, bị đưa vào mức độ “cần bảo vệ khẩn cấp” có thể do đặc tính sinh hoạt nhưng cũng có thể do sự thay đổi trong cách nghĩ và cách sống mà chúng cứ dần bị bỏ quên lại phía sau để nhường chỗ cho những giai điệu khác phù hợp hơn chăng?

a. Hát ru

Là một thể loại được sử dụng riêng dành để ru trẻ ngủ, không giống với các

thể loại ca hát khác, hát ru có thể được ca hát tùy theo thời điểm nhưng lại có thời gian nhất định. Những lời ngân nga cất lên là để dỗ trẻ dần đi vào với giấc mơ êm đềm, người ta không tự nhiên hát ru khi không có nhiệm vụ trông giữ trẻ, như lời bà Hà Thị Huân ở Khu Đoàn, xã Lai Đồng huyện Tân Sơn thì ở vùng Mường nơi bà sinh sống người ta thường hát ru ban ngày nhiều hơn ru ban đêm. Những giai điệu ru ban ngày với hình tượng trong lời ca thường được vận ví phong phú hơn, đa dạng hơn và nó hiện vẫn được ca hát, còn ru ban đêm do một số quy định gắn với tập tục của dân tộc cũng như quan niệm về hồn người trong đêm tối của người dân Mường do đó hầu như hiện nay, người ta không còn ưa thích hát ru ban đêm nữa.

Tại một số vùng Mường khác ở Phú Thọ người dân cũng hầu như không thích và không còn hát ru ban đêm, họ chủ yếu chỉ ngân nga giai điệu ru ban ngày nhưng nó cũng không còn được hát thường xuyên, không được hát nhiều nữa và chủ yếu do người già trong các gia đình lúc ở nhà trông cháu, chắt cho con cháu mình đi làm thì cất lên giai điệu ru con mà thôi.

Ở bất cứ một dân tộc nào, những làn điệu hát ru luôn được ví như cầu nối tình cảm của con người gắn kết mối quan hệ tình thân, là những ước mơ được chấp cánh bởi tình yêu của người lớn dành cho trẻ thơ thêm sinh động với tâm hồn cùng khát vọng bay cao. Người Mường cũng vậy, những câu ru vẫn luôn được ngân lên trong không gian êm đềm mà chan chứa tình yêu thương vỗ về. Hát ru là thể loại ca hát dành riêng cho trẻ thơ, ở bất cứ nơi nào, bất cứ một gia đình nào khi có trẻ nhỏ thì ắt sẽ có những làn điệu ru được ngân lên, nhưng một thực tế hiện nay khi sự phát triển của các loại hình sinh hoạt nghệ thuật, sự đa dạng trong hoạt động âm nhạc cũng như mức độ phủ sóng cùng với tính hiện đại của các phương tiện công nghệ nói chung đã làm lu mờ vị trí của những làn điệu ru trong “nhiệm vụ” ru trẻ ngủ. Nhận xét của chị Đinh Thị Nhung giáo viên trường mầm non xã Lai Đồng: “Giáo viên của trường mầm non phần nhiều đều là người Mường nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chăm sóc trẻ tại trường, mỗi khi trẻ ngủ các cô giáo hầu như không hát ru Mường, thậm chí không biết hát một làn điệu ru Mường nào cả” (ghi chép phỏng vấn tháng 3/2017 tại trường ĐH Hùng Vương, Phú Thọ).

Cuộc sống hàng ngày vẫn tiếp diễn, người dân tại các làng Mường vẫn luôn hát ru con, ru em trong những giấc ngủ của trẻ thơ nhưng họ không cứ chỉ là hát giai điệu ru Mường mà những lời ru của các dân tộc khác (phổ biến nhất là ru con người Kinh) đã trở thành giai điệu để họ cất lên vỗ về giấc mơ cho trẻ. Tổng hợp qua thực tế chúng tôi thấy, những lời ru con Mường thi thoảng còn được bay bổng, ngân nga nhưng nó không được thường xuyên và phổ biến. Những tiếng hát ấy chỉ thỉnh thoảng được cất lên bởi những người lớn tuổi trong làng còn với những thế hệ người trẻ (chị hát ru em hoặc có khi là mẹ hát ru con) thì hầu như không sử dụng những câu dân ca dân tộc mình. Họ làm quen với tính chất âm nhạc hiện đại và thậm chí là sử dụng những làn điệu ru của các dân tộc khác bởi họ cho rằng nó có tính “phổ biến hơn, dễ hát hơn và cũng dễ biểu lộ cảm xúc hơn”.

b. Hát Gheo Việt - Mường

Lối ca hát độc đáo được hình thành từ tục kết chạ giữa các làng có kết nước nghĩa với nhau do đó hát gheo chỉ có ở các làng Mường Thục Luyện, Hùng Nhĩ thuộc huyện Thanh Sơn mà thôi. Theo quan niệm của một số người già vùng Mường Thanh Sơn, họ cho rằng hát gheo Việt - Mường là cách hát giao duyên mang tính kết nghĩa giữa các làng nên nó thường không có sự phổ biến rộng rãi, họ chỉ hát những giai điệu này khi đến làng kết nước nghĩa còn ngày thường họ hát những làn điệu dân ca khác của dân tộc cũng có thể được gọi là “*Hát gheo*” vì những câu ví, câu rang cũng dùng cách đối đáp đôi bên với nhau. Một điều khá thực tế hiện nay tại hai làng Mường Thục Luyện và Hùng Nhĩ vốn có truyền thống kết nước nghĩa với làng người Kinh vùng Tam Nông, chúng tôi đã đi gặp gỡ, trao đổi với nhiều người, nhiều độ tuổi khác nhau về những câu hát Gheo hiện nay còn hay mất, chúng còn được quan tâm không, đối tượng nào quan tâm nhất... nhưng câu trả lời nhận được đều là không biết, không được nghe hoặc có được nghe nói đến nhưng chưa được hát bao giờ. Nguyễn Mạnh Hùng - Giáo viên trường Trung học cơ sở Thục Luyện trao đổi với chúng tôi, anh về dạy tại trường hơn 10 năm, gia đình có vợ là người ở làng gốc nhưng cũng chưa bao giờ nghe thấy ai hát gheo. Một số người lớn tuổi ở Hùng Nhĩ cũng khẳng định với chúng tôi là họ chỉ biết ngày xưa có

kết nước nghĩa và cũng thấy có ca hát gheo giao duyên nhưng bây giờ hầu như không còn ai biết hát nữa. Năm tháng dần qua đi, tục kết nghĩa dần bị phai nhạt do đó những câu hát gheo cũng dần bị bỏ quên, có chăng chúng chỉ còn lưu lại ở người Kinh vùng Nam Cường mà thôi.

Một tập tục kết nghĩa đang dần bị xao nhãng, một lối hát giao duyên đang dần bị lãng quên đi bởi mức độ phổ biến của chúng không được rộng rãi đối với các làng Mường, không mang tính đa dạng và hầu như cũng không có chút ảnh hưởng gì trong chất liệu âm nhạc dân gian Mường. Hát gheo Việt - Mường ở Phú Thọ mang đậm chất liệu âm nhạc dân tộc Kinh, có cách thức thể hiện gần giống với thể loại giao duyên vùng đồng bằng sông Hồng, có thể do những đặc trưng này mà sức sống và sự lôi cuốn của nó đối với đời sống tinh thần người Mường ở các làng kết nước nghĩa không được mặn mà, ghi nhận.

Những câu gheo Việt - Mường hay là vậy, phong phú và đa dạng là vậy nhưng hiện nay theo sự tổng hợp của chúng tôi thì, ở những làng Bảo Vệ, Nam Cường của người Kinh người dân vẫn còn ca hát, họ thành lập nên các câu lạc bộ để tự luyện tập ca hát với nhau. Ngược lại với sự đón nhận một cách say sưa đối với các giai điệu gheo như của người Kinh thì ở các làng Mường Thục Luyện, Hùng Nhĩ hiện nay những câu gheo cổ hầu như không còn được người dân ca hát nữa, có chăng chỉ được nghe hát một vài câu qua giọng hát của những người già trong làng còn nhớ đến khi được yêu cầu hát mà thôi. Thế hệ thanh niên trẻ Mường họ vẫn nhiệt tình tham gia trong các buổi giao lưu giữa các làng kết nước nghĩa, vẫn tham gia ca hát, vẫn ca gheo nhưng những giai điệu gheo ấy không còn là điệu cổ nghiêng về nước nghĩa mà nó đã được “cải biên”, được làm mới và “phát triển hiện đại” hơn (những bài gheo mới phát triển được các nhạc sĩ, các nhà sưu tầm dựa trên giai điệu nhạc cũ để đặt lời mới ca ngợi cụ thể một vấn đề có ý nghĩa nào đó...), giai điệu gheo mới gần với lối hát dân ca của người Kinh bóng bẩy, trau chuốt hơn và những bài bản ấy được ca hát biểu diễn kết hợp với nhạc cụ đệm hiện đại (ví dụ như đàn oocgan).

Vậy làm thế nào để những làn điệu dân ca luôn luôn được tồn tại và có sức

sống trong sinh hoạt đời thường của cộng đồng? Để giải đáp cho câu hỏi này chúng tôi xin được tiếp tục đi vào tìm hiểu lý giải về mức độ sinh hoạt thực hành dân ca của người dân Mường trong bối cảnh đời sống hiện nay.

3.2.2. Lý giải thực trạng tồn tại sinh hoạt dân ca Mường ở Phú Thọ

Đi tới từng vùng Mường khác nhau nhằm khẳng định cho sự phát triển của từng thể loại dân ca ở mức độ cao nhất theo nhận định và chia sẻ của chính người dân địa phương. Chúng tôi đã tổng hợp được qua thực tế điền dã cũng như việc thăm dò, khảo sát trực tiếp đối với các đối tượng người dân ở các vùng Mường về các thể loại dân ca và mức độ tồn tại của chúng hiện nay.

Sự phát triển hiện đại hóa của đời sống xã hội đã tạo nên nhiều sự đổi thay nói chung trong đó có văn hóa hóa dân gian. Giới trẻ hiện nay nói riêng và người dân Mường nói chung vẫn đề tâm, quan tâm đến ca hát dân gian, vẫn tham gia một cách hăng hái trong các cuộc liên hoan ca hát của địa phương và biểu diễn một vài bài bản âm nhạc dân gian dân tộc. Tuy nhiên, mức độ quan tâm ấy vẫn chưa được gọi là nhiều mà ngược lại các cuộc ca hát, các làn điệu bài bản dân ca lại đang có chiều hướng được “cách điệu hóa” theo tính chất hiện đại với mục đích lôi cuốn người biểu diễn cũng như người nghe hơn. Có thể thấy như: Hát ru hay hát rang, hát ví, hầu như người dân Mường đều từng biết, từng được nghe và hát chúng nhưng vai trò chủ động trong các cuộc hát mang tính chất mộc mạc, bình dân như thời xưa thì hầu như không còn thấy. Thay vào đó là sự chuẩn bị một cách công phu từ trang phục đến sân khấu biểu diễn, mức độ cải biến bài bản để đưa nó đến gần hơn với tính hiện đại hóa điện tử theo trào lưu hiện nay.

Tổng hợp các kết quả so sánh mức độ hiện còn được người dân thực hành ca hát với các thể loại dân ca Mường thì hầu như chúng đều vẫn còn nhận được sự quan tâm, còn được lưu giữ trong trí nhớ của thế hệ những người lớn tuổi (là chủ yếu), riêng thể loại hát xường hầu như không còn được quan tâm và thực hành ca hát nữa có thể do đây không phải là thể loại được ưa chuộng ở Phú Thọ hoặc nó đã bị mất hẳn đi và chỉ còn trong kí ức được người dân kể lại mà thôi. Hát gheo Việt Mường là lối hát kết nước nghĩa nên không có tính phổ biến rộng rãi trong cộng

đồng Mường, bản thân nó hiện nay hầu như chỉ còn được lưu giữ và phát triển bởi các làng Kinh mà thôi.

Bảng 3.1. Mức độ thực hành các thể loại dân ca Mường hiện nay

STT	Thể loại	Rất nhiều		Nhiều		Bình thường		Không còn	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Hát ru	79	39,5	56	28,0	61	30,5	4	2,0
2	Hát rang	102	51,0	78	39,0	20	10,0	0	0
3	Hát ví	134	67,0	62	31,0	4	2,0	0	0
4	Hát gheo Việt – Mường	0	0	0	0	12	6,0	188	94,0
5	Hò đu	82	41,0	89	44,5	26	13,0	3	1,5
6	Các thể loại ca hát khác	54	27,0	71	35,5	75	37,5	0	0

[Nguồn: NCS, 2019]

Cũng giống như với các dân tộc khác “Dân ca Mường hầu hết đều được hát bằng tiếng Mường, khi hát dân ca là tiếng Mường lại được nhắc đến, được mọi người nghe đến, làm cho con cháu thêm hiểu và biết nhiều hơn về tiếng nói của dân tộc mình” (Phỏng vấn bà Đinh Thị Lý, xã Tát Thắng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ ngày 04/10/2018). Do vậy mà việc người dân thường xuyên ca hát dân ca cũng là một cách trao truyền lại tiếng nói của dân tộc mình và lưu giữ bản sắc dân tộc độc đáo này trong bối cảnh khó khăn cùng sự đổi thay của nhịp sống mới.

Thực tế tại các bản làng Mường ở Phú Thọ hiện nay, người Mường từ già đến trẻ, dù không tiếp xúc, không chạy theo với những đổi thay của cuộc sống hiện đại hay họ chính là đối tượng đem những màu sắc, hơi thở mới của những luồng văn hóa mới đến với bản làng thì tiếng nói dân tộc Mường, tiếng cội nguồn vẫn được họ trao đổi với nhau một cách thường xuyên hàng ngày, dù họ đang đứng ngay trên đất Mường hay họ gặp nhau ở một nơi không có sự biểu hiện của văn hóa Mường thì họ - những người Mường ấy vẫn có thể trao đổi với nhau bằng tiếng nguồn cội dân tộc (cái cách mà giới trẻ cho rằng đó là cách “phát sóng ngắn” giữa những người cùng dân tộc với nhau). Tiếng Mường vẫn được trao truyền, vẫn được giao tiếp hàng ngày với nhau vậy tại sao dân ca Mường lại không được ca hát một

cách thường xuyên, liên tục trong cuộc sống thường ngày? Tại sao giới trẻ Mường hiện nay lại không thích và thậm chí là không biết hát dân ca Mường? Phải chăng đây chính là điều mà không phải chỉ có chúng ta hay các nhà nghiên cứu mà đó cũng chính là vấn đề rất quan trọng của toàn xã hội nói chung, người Mường nói riêng trong việc phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc để cùng phát triển, hòa nhập với thế giới.

Giữa thời cuộc mà khoa học kỹ thuật và công nghệ vi tính phát triển ở mức vượt trội, sự giao lưu tiếp biến của nhiều luồng văn hóa khác nhau đan xen, sự phát triển đến đỉnh cao của công nghệ hiện đại đã đưa âm nhạc tiến lên với nhiều loại hình mới, nhiều màu sắc mới, không gian giao lưu ca hát rộn ràng, màu sắc hơn... Giới trẻ thanh niên như bị hút sâu vào với những tiếng nhạc mạnh, những âm thanh chất chúa, họ lắc lư, cuốn hút tâm hồn và gần như đắm chìm trong thế giới âm thanh khi được tiếp xúc. Có lẽ, đây chính là nhu cầu của con người trong xã hội hiện đại?

Đời sống văn hóa mới với nhiều đổi thay của sự du nhập các luồng văn hóa khác nhau, sự phát triển của đời sống kinh tế, sự trau dồi kiến thức văn minh hiện đại tiên tiến đã làm cho con người hiện nay nói chung, giới trẻ nói riêng quay cuồng trong việc tiếp thu những “cái mới” mà xa dần với văn hóa truyền thống, xa dần với sự mộc mạc, giản dị, đơn sơ vốn sẵn có trong dân gian mà cha ông đã vun đắp trao truyền lại. Tuy nhiên không phải là tất cả người dân nói chung, người Mường nói riêng đều quay lưng lại với văn hóa dân gian. Ngược lại, họ vẫn lưu truyền, vẫn bảo lưu và phát triển các thể loại văn hóa dân gian dân tộc trong đó có dân ca.

Ở Phú Thọ hiện nay, tại các vùng Mường nếu trong sinh hoạt hàng ngày của đời sống người dân thì hầu như họ không hay ca hát dân ca rộn ràng như thời xưa bởi đã có hệ thống loa phát thanh, ti vi, với nhiều chương trình ca nhạc, nhiều kênh truyền hình phủ sóng giới thiệu đầy đủ các loại hình văn hóa văn nghệ trên mọi miền đất nước đến cho người xem. Tuy nhiên, trong các dịp hội làng, trong các ngày hội văn hóa dân tộc hay trong các dịp hoạt động chính trị của địa phương thì họ lại cùng nhau tụ tập thành các đội, nhóm để truyền dạy, luyện tập các điệu múa, điệu công, các bài dân ca để đem đi biểu diễn, thi thố với các xã, các bản vùng Mường khác. Trao đổi với một số cán bộ ở các phòng văn hóa của các huyện vùng

Mường trong tỉnh cũng như gặp gỡ với người dân Mường chúng tôi rút ra một số vấn đề về thực trạng sức sống của dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay như sau:

Trong những hoạt động của cuộc sống thường ngày dân ca không còn được ca hát một cách thường xuyên với mọi đối tượng như trước kia mà hầu như chỉ được ca hát bởi những người lớn tuổi. Những câu ru, tiếng rang, những câu vận ví được cất lên từ thế hệ người lớn tuổi trong các bản làng mỗi khi gia đình, làng bản có dịp tụ tập đông vui. Người Mường đã có quá trình dịch chuyển sinh sống đan xen và có mặt ở hầu hết các huyện thị trong toàn tỉnh Phú Thọ nhưng chỉ ở các xã, huyện thuần Mường, những nơi có mật độ “dân gốc” Mường sinh sống chiếm số lượng nhiều thì những làn điệu dân ca dân gian ấy mới được cất lên, được thể hiện trong cuộc sống sinh hoạt.

Những làn điệu dân ca địa phương vẫn được người dân luyện tập, trao truyền và phát triển cho nhiều thế hệ nhưng thời gian luyện tập không được thường xuyên và liên tục, các buổi tập luyện đều mang tính tự phát là chủ yếu, mọi người cùng tụ tập tại nhà văn hóa và sinh hoạt ca hát để rồi từ người này truyền dạy cho người kia bằng cách truyền khẩu chứ không có bài bản và không mang tính chuyên nghiệp. Các đối tượng tham gia hầu hết đều là những người có độ tuổi cao, thế hệ thanh thiếu nhi hầu như rất ít tham gia hoạt động. Cá biệt có những trường hợp người Mường khi bản thân là người có giọng hát tốt, được đào tạo bài bản về âm nhạc tại trường sư phạm của tỉnh và cũng đã có một số năm công tác với cương vị giáo viên dạy âm nhạc tại trường phổ thông trong huyện có số lượng học sinh là con em người Mường tham gia khá đông nhưng người giáo viên ấy lại không biết bất cứ một giai điệu dân ca Mường nào, không thể hát thuộc được một làn điệu nào mặc dù vốn tiếng Mường cũng ít nhiều có thể dùng để giao tiếp được với mọi người.

Các xã tại các vùng Mường hầu như đều có thành lập các câu lạc bộ sinh hoạt dân ca nhưng người dân ở đây tập trung cùng nhau luyện tập, ca hát không chỉ có riêng các thể loại dân ca dân tộc Mường mà còn có nhiều thể loại dân ca của các dân tộc khác nữa (dân ca người Việt, dân ca một số dân tộc thiểu số khác...). Những làn điệu dân ca có nhạc cụ đệm theo luôn thu hút sự quan tâm hơn (ví dụ như hát Quan họ Bắc Ninh). Các câu lạc bộ này hầu hết đều mang tính tự phát chưa

có sự hỗ trợ về cách thức truyền dạy, kỹ năng hoạt động cũng như không được diễn ra thường xuyên do vấn đề kinh phí cũng như các lý do riêng khác. Hầu hết khi có cơ hội tham gia biểu diễn phục vụ các dịp lễ hội lớn trong tỉnh, trong huyện các câu lạc bộ này phần lớn đều trình diễn các tiết mục diễn tấu nhạc cụ như múa trống đu, múa sênh tiền, đánh đuồng. Các bài bản dân ca ít được trình diễn bởi có thể do họ chưa có được sự tự tin, yên tâm về mức độ đón nhận của công chúng đối với các bài bản dân ca dân tộc mình hơn nữa ca hát dân ca Mường hầu chưa có cách thức mới trong việc tạo nên sự hỗ trợ của các loại nhạc cụ khi kết hợp biểu diễn như so với các thể loại dân ca dân tộc khác.

Như vậy chúng ta có thể thấy rằng, dân ca Mường ở Phú Thọ là thể loại có nhiều bài bản, nhiều làn điệu phong phú và đa dạng được người dân ca hát trong mọi lúc, mọi nơi của đời sống sinh hoạt. Tuy nhiên, sự phát triển của xã hội cùng với quá trình hiện đại hóa về mọi mặt, sự mở cửa giao lưu văn hóa với nhiều loại hình nghệ thuật sinh động độc đáo đã cuốn hút sự chú ý và quan tâm của các thế hệ người Mường trong đó đặc biệt là giới trẻ đã dẫn đến sự lu mờ về vị thế của các làn điệu dân ca dân tộc trong lòng người dân. Đến các bản Mường trong những lễ hội văn hóa hay trong sinh hoạt thường ngày, những giai điệu dân ca vẫn bay bổng hòa quyện cùng xóm thôn, người ta vẫn hát cho nhau nghe, vẫn đối rang, đối ví nhưng chúng không còn được nhận nhiều sự quan tâm, không còn là thể loại ca hát độc nhất trong bản làng. Những làn điệu dân ca ấy được vang lên hòa quyện với nhiều loại hình âm nhạc khác thậm chí một số bài bản được giới trẻ cách điệu hóa trong hình thức biểu diễn cùng nhạc cụ hiện đại để tạo nên cái mới nhằm dễ tiếp thu hơn. Đây cũng chính là một trong những lý do khiến cho dân ca Mường trở nên khó khăn hơn trong quá trình phát triển cũng như quá trình lưu giữ và bảo tồn để trở thành một thứ di sản quý giá của mọi thời đại.

Tiểu kết

Người Mường ở Phú Thọ sống định cư tập trung chủ yếu ở các huyện lỵ vùng núi trong tỉnh và nhận nhiều sự ưu ái ban tặng từ thiên nhiên. Ngoài việc phát triển đời sống kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc họ còn luôn có sự giao lưu văn hóa với các tộc người khác trong khu vực, trong các vùng lân cận. Chính sự giao

lưu tiếp biến này đã góp phần làm thay đổi màu sắc văn hóa của cộng đồng Mường nơi đây, nâng cao hơn về tầm hiểu biết và lĩnh hội những cái mới, cái hiện đại trong đời sống xã hội nói chung. Nét biến đổi đó được thể hiện trong nhiều mặt của đời sống cộng đồng Mường từ trang phục, nhà ở đến một số phong tục, nghi lễ tôn giáo.

Dân ca Mường khá đa dạng về thể loại ca hát nhưng thực trạng sinh hoạt dân ca Mường trong cộng đồng người dân lại không còn sự phong phú, thường xuyên như trước kia. Các thế hệ người lớn tuổi vẫn đam mê ngân nga với giai điệu dân gian và tự ca hát với nhau khi có cơ hội nhưng các thế hệ con cháu họ, những người Mường trẻ tuổi lại không có được sự nhiệt huyết cho việc phát huy, phát triển những làn điệu dân ca ấy trong các dịp sinh hoạt văn hóa cộng đồng bởi sự bão hòa do quá trình du nhập của nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa mới thu hút nhu cầu hưởng thụ của họ hơn.

Tạo đà những câu hát dân già mộc mạc của làng bản, của dân tộc được lan tỏa và có sức sống trong cộng đồng, vẫn có sức thu hút đối với tất cả các thế hệ người dân thì trước hết mỗi cá nhân trong cộng đồng Mường phải là những hạt nhân quan trọng trong công tác bảo tồn, phát huy và tuyên truyền vốn văn hóa dân gian dân tộc mình, bên cạnh đó các cấp chính quyền, các nhà quản lý cũng có những chính sách phù hợp cho việc phát huy các giá trị văn hóa dân gian ấy.

Chương 4
NHỮNG BÀN LUẬN VỀ DÂN CA MƯỜNG Ở PHÚ THỌ
TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI

Từ những khảo sát thực tế khi nghiên cứu về dân ca và thực hành dân ca trong đời sống cộng đồng Mường, chúng tôi bàn luận về một số vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy dân ca Mường ở Phú Thọ trong tình hình hiện nay với mong muốn góp phần vào việc giữ gìn những làn điệu dân ca Mường nói riêng, giữ gìn những phong tục tập quán, những thể loại dân ca độc đáo cho tỉnh Phú Thọ nói chung.

4.1. Nhận thức về dân ca trong cộng đồng Mường hiện nay

Sự xuất hiện đa dạng với nhiều loại hình văn hóa mới, sự du nhập của nhiều thể loại âm nhạc nói chung trong xã hội hiện nay đã làm phong phú cho nhu cầu trong đời sống tinh thần của người dân. Những giá trị văn hóa tinh thần dân tộc đan xen cùng những tinh hoa nhân loại đã tạo nên bước phát triển mới của cuộc sống đồng thời cũng làm thay đổi về nhận thức, về tư duy, về bản chất của con người một cách trực diện hơn. Một trong những sự thay đổi rõ rệt này trước hết phải nhắc đến đó là nền tảng văn hóa nghệ thuật mà hệ thống âm nhạc dân ca dân gian có vai trò khá quan trọng trong việc định hình tư duy sắc thái tộc người, thể hiện bản sắc dân tộc một cách nổi bật và cụ thể nhất.

Mỗi thế hệ người Mường, mỗi vị trí trong đời sống xã hội đều có những suy nghĩ, những nhận định, cảm nhận và cả sự đánh giá về những giá trị văn hóa dân gian của dân tộc. Nhận thức những giá trị văn hóa ấy qua những giai đoạn phát triển của xã hội nhằm khẳng định cho đời sống tinh thần nói riêng, cho nhu cầu thị hiếu của cá nhân trong dòng chảy hiện đại ngày một nâng cao và hoàn thiện hơn, con người được khẳng định mình với những giá trị văn hóa phù hợp trong điều kiện sống, đáp ứng đúng thực tiễn hoạt động của xã hội thực tại. Các loại hình hoạt động văn hóa dân gian nói chung trong đó có dân ca sẽ được thể hiện ra sao trong giai đoạn xã hội khi mà sự phát triển công nghệ và những thành tựu khoa học hiện đại đã trở nên đa dạng, phong phú và hiện đại như hiện nay? Từ những thắc mắc đó chúng tôi xin đi vào cụ thể hơn với đối tượng dân ca Mường Phú Thọ để trả lời cho

những vấn đề mà chúng tôi đang quan tâm.

4.1.1. Dân ca trong tâm thức các thế hệ người Mường

Xã hội nói chung kể từ khi hình thành và phát triển luôn gắn với nhu cầu thực tế của con người về những giá trị văn hóa mà sự tác động, ảnh hưởng của nó trực tiếp đến đời sống con người một cách cụ thể nhất, gần gũi nhất. Xã hội nào thì văn hóa ấy, văn hóa là thước đo giá trị, khẳng định bản chất con người, hình thành nên những giá trị cao đẹp của thời đại mà con người là chủ thể, là đối tượng chính chi phối các giá trị văn hóa ấy. Khi cuộc sống hiện đại với sự phát triển đa dạng của nhiều loại hình sinh hoạt văn hóa cũng như sự hòa trộn của nhiều dạng hình nghệ thuật, nhiều màu sắc dân tộc với nhiều dạng “ngôn ngữ nghệ thuật” trong cùng một môi trường sinh sống đã tạo nên tính phong phú, mới lạ và đa chiều của xã hội “mới” với nhiều sự thích nghi mới mang tính hiện đại hơn. Xã hội Mường hiện đại đã có nhiều tính đa dạng của các dạng hoạt động sinh hoạt có ảnh hưởng đến nhận thức, tư duy của con người, nhu cầu thực tiễn hàng ngày không còn là những gì mộc mạc giản dị mang tính thuần túy dân dã mà nó đã được bổ sung thêm bằng tính đa dạng của công việc, của những hoạt động “hiện đại hóa” với các mức độ phù hợp với nhu cầu của người dân hơn. Do vậy, dân ca dân gian cũng có mức độ bị hạn chế dần đi trong các hoạt động thường ngày và sự quan tâm của các đối tượng người dân đến những giai điệu dân ca ấy cũng đang ngày một thưa dần đi, đơn giản hơn và tùy hứng hơn.

Sự tồn tại của các thể loại dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay trong đời sống cộng đồng người dân đang ở mức độ như thế nào, những đối tượng người dân còn yêu thích ca hát dân ca cũng như việc bảo lưu chúng phát triển trong đời sống sinh hoạt thường ngày... đó cũng chính là điều mà chúng tôi muốn tìm hiểu và quan tâm ở đây.

Từ các minh chứng qua việc tiếp xúc và gặp gỡ, trao đổi với các cá nhân người Mường theo các nhóm độ tuổi trong các góc độ công việc và các mối quan hệ mà họ đã tiếp xúc, chúng tôi nhận thấy dân ca vẫn chưa phải là đối tượng nhận được nhiều sự quan tâm của tất cả các đối tượng trong cuộc sống như hiện nay.

Trực tiếp khảo sát tình hình thực tế tại các xã “thuần Mường” thuộc huyện Tân Sơn (Lai Động, Kiệt Sơn) với số lượng người dân Mường sinh sống chiếm % lớn, chúng tôi đã tiến hành điều tra qua phiếu trên các nhóm độ tuổi khác nhau để đánh giá về mức độ quan tâm cũng như việc thực hành ca hát của người dân đối với các làn điệu dân ca Mường trong đời sống hiện nay. Cụ thể:

Tổng số phiếu chúng tôi dùng khảo sát đối với các đối tượng người Mường là 300 phiếu, trong đó:

- Số phiếu khảo sát đối tượng những người Mường lớn tuổi = 100 phiếu
- Số phiếu khảo sát đối tượng thanh niên Mường = 100 phiếu
- Số phiếu khảo sát đối tượng thiếu niên Mường = 100 phiếu

Qua khảo sát thực tiễn hoạt động sinh hoạt văn hóa trong đời sống cộng đồng người Mường hiện nay cho thấy, văn hóa dân gian luôn gắn với nhu cầu của con người, thể hiện rõ mức độ cảm nhận của mỗi cá thể và cũng chi phối con người thông qua những “sản phẩm” dân gian trong nét khác biệt và có sự chênh lệch một cách rõ nét. Mỗi nhóm tuổi trong cộng đồng người Mường đều thể hiện mức độ tiếp nhận và chi phối văn hóa dân gian trong đó có dân ca ở một góc độ có sự khác biệt nhất, dân ca là món ăn tinh thần nhưng lại được “định giá” khá cụ thể chi tiết đối với từng mức độ hưởng thụ cũng như quá trình đầu tư, phát triển của từng nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng.

4.1.1.1. Thế hệ người Mường lớn tuổi

Cũng giống như với các mối quan hệ cộng đồng xã hội các dân tộc khác nói chung, Ở các bản làng Mường Phú Thọ, những người lớn tuổi trong làng luôn là thế hệ những người được cộng đồng nhìn nhận tôn trọng với nhiều kinh nghiệm cuộc sống, là thế hệ những người đi trước đã trải qua nhiều khó khăn vất vả đặc biệt hơn họ là thế hệ những người hiện đang còn “nắm giữ” nhiều giá trị văn hóa dân gian độc đáo, như lời anh Chiến (cán bộ phòng văn hóa huyện Tân Sơn) họ chính là những kho tàng dân ca sống, những “hiện vật” giá trị mà thế hệ trẻ ngày nay không ai có thể sánh kịp.

Không có bất kì một quy ước nào cho việc quy định về độ tuổi để được công

nhận là thế hệ “người lớn tuổi” trong các làng Mường nói chung, trong từng cuộc gặp gỡ, tùy vào những hoạt động cộng đồng với các nhóm tuổi tham gia và cũng tùy theo nhiệm vụ cụ thể mà những người Mường với độ tuổi khoảng từ 50 trở lên được nhóm người trong cộng đồng tôn trọng, kính nể bởi những kinh nghiệm, những lưu giữ các “sản phẩm” có tính sưu tầm và thực hành mà họ đã chất lọc được qua thời gian, rèn giũa và đúc kết được qua nhiều công việc cụ thể mới có. Văn hóa dân gian đặc biệt là ca hát dân ca là những hoạt động mang tính lưu truyền do đó, chỉ những người lớn tuổi đi qua thời gian phát triển của cuộc sống, chứng kiến nhiều thay đổi của xã hội mới có được nhiều những chất lọc, những lưu giữ mang tính “cổ truyền”, từ đó mới có thể thấy được giá trị của những bài bản cổ truyền ấy trong đời sống cộng đồng.

So sánh và nghiên cứu mức độ phát triển, thịnh hành của dân ca trong đời sống sinh hoạt thường ngày của người dân nói chung từ giai đoạn xã hội phong kiến đến giai đoạn phát triển hiện tại thì một lẽ hiển nhiên giúp chúng ta thấy rõ ràng hơn đó là sự chênh lệch về mật độ “phủ sóng” của các bài bản dân ca ấy trong nhu cầu thị hiếu đời sống tinh thần của con người. Xã hội hiện đại với sự mở cửa hội nhập của nhiều loại hình sinh hoạt văn hóa, con người được tiếp nhận với nhiều cái mới, các loại hình văn hóa nghệ thuật đa dạng với nhiều phương diện, nhiều cách thức tác động đến đời sống từ đó họ tự nhìn nhận và tự đánh giá trong nhu cầu thị hiếu của mình về mức độ cần thiết đối với thể loại dân ca dân gian.

Với các thế hệ người Mường lớn tuổi trong bản làng hiện nay thì dân ca vẫn là những giai điệu được cất lên khá thường xuyên, được ngân nga cùng những chất chứa lưu luyến về những tháng ngày của tuổi trẻ với niềm vui, sự giao lưu đoàn kết mang tính cộng đồng dân tộc, qua câu hát đã giúp cho thế hệ này thể hiện được rõ ràng hơn, gần gũi hơn các cung bậc của cảm xúc của tâm hồn mình cũng như sự lưu luyến về những ngày tháng thanh xuân. Được chứng kiến trong buổi luyện tập ca hát dân ca tại CLB dân ca xã Lai Động, chúng tôi được lắng nghe những tiếng hát rang ngân nga đối đáp qua lại giữa các thành viên trong CLB, được họ dịch tiếng phổ thông để hiểu hơn về nội dung ca từ đối đáp mới thấy rõ hơn giá trị bản sắc dân

tộc mà thế hệ những người lớn tuổi hiện nay đang gìn giữ. Bà Sa Thị Tâm (ở Kim Thượng, Thanh Sơn) nói với chúng tôi “Vị được ca hát nhiều hơn ở Kim Thượng, những lời ví cũng là những tâm can mà con người đúc rút được từ trong cuộc sống để thực hành”. Mỗi vùng Mường nhỏ với những hoạt động cộng đồng nổi bật cùng những làn điệu dân ca yêu thích, các thế hệ người Mường đặc biệt là những người Mường lớn tuổi luôn thực hành giai điệu dân tộc để thể hiện bản sắc, để truyền bá cho lớp trẻ đồng thời cũng là dịp để họ được ôn lại những nét đẹp, những truyền thống dân tộc quý báu, những ước mơ mà một thời tuổi trẻ của họ đã từng trải qua.

Gặp gỡ một số người già trong buổi sinh hoạt nhóm người cao tuổi tại khu Đoàn xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, chúng tôi được trao đổi, được các cụ kể cho nghe về những niềm vui, những cuộc chơi mà chỉ “ngày xưa - thời của các cụ” mới có được. Hình ảnh những đêm trăng thanh bên bìa rừng từng tốp trai gái ca hát vui chơi với nhau, bất cứ một sự vật gì hay bất cứ một lý do gì cũng có thể trở thành đối tượng để đưa ra lời đối đáp giữa đôi bên trai gái. Có cuộc chơi là nhóm những thanh niên trong cùng xóm bản nhưng cũng có cuộc chơi lại đông vui hơn, nhiều xóm Mường hơn do đó đôi bên đối đáp không phân định gái trai mà phân chia thành xóm này với xóm kia, cuộc đối như thế mà thêm nhiều thi vị hơn, phong phú hơn.

Trong tâm thức của thế hệ người Mường lớn tuổi, những giai điệu dân ca luôn giống như một nhu cầu không thể thiếu của đời sống tinh thần, là cầu nối giúp họ dễ dàng hơn trong các mối quan hệ, là một dạng ngôn ngữ dễ dàng diễn đạt hơn khi giao tiếp... Tất cả các hoạt động, các mức độ chuyển động của cuộc sống đều có sự xuất hiện và đóng góp vai trò của dân ca. Sự yêu thích và hào hứng với giai điệu dân tộc chính là bản chất luôn sẵn có trong mỗi người dân Việt Nam nói chung, của người Mường nói riêng do đó những bài bản dân ca vẫn luôn được coi là “món ăn” ưa thích của thế hệ này mặc dù cuộc sống đã có sự bổ sung nhiều của các nhu cầu mang tính hiện đại.

4.1.1.2. Thế hệ người Mường trẻ tuổi

Nói đến thế hệ người Mường trẻ tuổi là nói đến những lứa thanh niên, thiếu niên hiện nay trong cộng đồng, lứa tuổi được tiếp nhận nhiều màu sắc văn hóa mới,

được tham gia trong nhiều dạng hoạt động cộng đồng mà họ luôn là những người có vai trò chủ công cùng tư duy hiện đại, sáng tạo. Sự phát triển, thay đổi của đời sống xã hội phần lớn phụ thuộc vào quá trình thực hiện nhiệm vụ của những người trẻ tuổi này. Có thể thấy rằng những người trong độ tuổi thanh - thiếu niên cho đến những người hiện ở độ tuổi 40 và thậm chí có thể tính cả lứa tuổi trẻ thơ, họ đều là nguồn tài nguyên vô giá với nhiều ý tưởng sáng tạo, là những hạt nhân chính chủ đạo đóng góp công sức cho đất nước trong công cuộc xây dựng và phát triển xã hội nói chung, những thế hệ người năng động, luôn có sự thích ứng đa dạng với muôn màu của các loại hình văn hóa, họ là những thế hệ tiếp nhận và tiếp biến văn hóa dân gian trong đó có dân ca từ thế hệ người lớn tuổi để sử dụng một cách phù hợp nhất với nhu cầu thực tại của mình trong đời sống tinh thần. Như lời ông Quỳnh, Trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch huyện Yên Lập nhận xét cán bộ của cơ quan mình: “Các cán bộ trẻ trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch đặc biệt là những thanh niên người Mường, họ có nhiều sự sáng tạo, nhiều ý tưởng quan trọng đóng góp cho công tác xây dựng, phát triển và bảo tồn hệ thống văn hóa dân gian của huyện” (ghi chép phỏng vấn ngày 20/2/2020 tại huyện Yên Lập).

Một thực tế diễn ra trong đời sống cộng đồng hiện nay, trên khắp bản làng Mường chúng ta hầu như không còn gặp được cảnh từng tốp trai gái vui đùa thi ca hát đối đáp với nhau hay những chàng trai, cô gái vì cảm xúc tình yêu đôi lứa để buông câu than thở rang kẻ, ví giận thương... trên bìa rừng, nơi họ ngồi tâm sự như so với giai đoạn xã hội của thời kì trước kia. Những nam thanh nữ tú trong xã hội hiện tại hầu như không còn hát dân ca nhiều và thậm chí không để tâm nhiều đến ca hát dân ca, họ cho rằng dân ca luôn mang bản sắc nguồn cội văn hóa dân tộc, cần phải được gìn giữ, bảo tồn và phát huy nhưng họ còn có nhiều thể loại ca hát khác hấp dẫn hơn, hào hứng hơn nên dân ca từ vấn đề không có sức hấp dẫn, không có nhiều sự mới mẻ tiến bộ hiện đại đã bị sao nhãng dần bởi nhu cầu tiếp nhận những “cái mới, hiện đại” của hoạt động âm nhạc dễ tạo nên sức hút cho giới trẻ hơn.

Trong đời sống sinh hoạt hiện nay nếu nói rằng văn hóa dân gian mà cụ thể hơn đó là những giai điệu dân ca đã có phần bị mai một và mất dần đi, chúng không

còn giá trị nhiều đối với đời sống tinh thần con người. Điều đó cũng chưa thể chính xác hoàn toàn bởi với các thế hệ người Mường trẻ, họ không phải hoàn toàn xa rời với văn hóa dân gian, không bỏ qua hay không quan tâm mà ngược lại những chất liệu văn hóa dân gian ấy vẫn được “sử dụng” một cách thường xuyên, vẫn nhận được nhiều sự để tâm của giới trẻ nhưng ở một dạng thức khác với tính chất và cách thức thực hiện có phần hiện đại hơn, mang màu sắc mới phù hợp hơn với nhu cầu thị hiếu.

Những người trẻ tuổi Mường khi được nghe, được thưởng thức những giai điệu dân ca do các thế hệ đi trước truyền lại, với cảm xúc của mỗi cá nhân, những giai điệu dân ca ấy vẫn đem đến sự hào hứng, sự “mới lạ” và cả sự tò mò để từ đó họ thấy thích thú khi được “khám phá”, được “trở về” với những âm thanh mộc mạc mà cha ông họ đã tạo dựng nên. Trao đổi với các thế hệ người trẻ Mường chúng tôi thấy, ở mỗi độ tuổi, mỗi nhóm hoạt động xã hội lại có những nhận xét, đánh giá cũng như mức độ yêu thích, cảm nhận về dân ca khác nhau. Họ đều đồng nhất ý kiến cho rằng dân ca Mường rất mộc mạc, giản dị, những nét giai điệu và cả ngôn ngữ lời ca đều thể hiện tâm tư nguyện vọng của con người trong cuộc sống, đều là những lời giao tiếp, là những ước mơ, khát vọng vươn lên của người Mường. Tuy nhiên, sự cảm nhận giai điệu dân ca của trẻ thơ Mường luôn mang tính đơn giản thuần khiết hơn, đó vốn là tình yêu, là lòng kính trọng, là giấc ngủ êm đềm nhẹ nhàng trong tiếng ru bình yên của người lớn. Cuộc sống luôn phát triển nối tiếp với khát vọng, niềm tin và cả tình yêu thương của con người. Những giai điệu dân ca được kết tinh từ trong chính nhu cầu của hoạt động đời sống nhưng ở mỗi giai đoạn phát triển của xã hội, mỗi độ tuổi, đối tượng, mỗi thời kì lịch sử lại có những bước chuyển biến khác nhau dẫn đến mức độ gắn kết giữa cái cũ với cái mới, giữa dân gian với hiện đại cũng khác nhau đặc biệt là sự hưởng ứng với giai điệu dân ca nói chung của con người trong xã hội đương đại.

Như vậy, mức độ không được phổ biến rộng rãi với nhiều đối tượng trong thực hành biểu diễn giống như các thể loại dân ca dân tộc khác nhưng thái độ không thờ ơ, vẫn luôn có sự quan tâm và đón nhận những làn điệu ấy trong mỗi lần xuất

hiện qua các chương trình biểu diễn văn nghệ quần chúng của các thể hệ người Mường nói chung hiện nay cũng phần nào cho chúng ta thấy được mức độ quan trọng của “tiếng nói” dân tộc, sự thể hiện bản sắc địa phương cao trong tư tưởng mỗi người dân sẽ tạo ra động lực để những câu hát ấy, những lời ca dân gian ấy, tiếng nói dân tộc ấy có cơ hội phát triển và tồn tại bền lâu. Để có thể thấy rõ hơn được mức độ quan tâm tới các thể loại dân ca, các câu hát dân gian của người dân hiện nay tại các vùng Mường, chúng tôi xin đi vào sơ lược việc thực hành các thể loại dân ca Mường ở trong và ngoài cộng đồng hiện còn xuất hiện trong không gian sinh hoạt của người Mường ở Phú Thọ.

4.1.2. Thực hành dân ca trong và ngoài cộng đồng Mường

Vấn đề thực hành dân ca trong đời sống hiện nay có thể nhận định một cách rõ ràng giữa thực hành ngoài cộng đồng và thực hành trong cộng đồng Mường. Khi những sinh hoạt ca hát dân ca trở thành cầu nối trong các nếp sinh hoạt thường ngày của con người thì những ngôn ngữ trong giao tiếp, những suy tư, những ước muốn đều được con người vận ví qua giai điệu dân ca và luôn thể hiện rõ bản chất mộc mạc, giản dị của nó.

Là một dân tộc thiểu số có số lượng dân cư đứng thứ hai trong toàn tỉnh (sau người Kinh), cộng đồng người Mường ở Phú Thọ sống định cư tập trung tại các huyện miền núi trong tỉnh, với những đặc trưng văn hóa tiêu biểu, sự gắn kết chặt chẽ trong đời sống cộng đồng trên cơ sở được quy ước bởi các nghi lễ, phong tục mang tính tập quán riêng đã góp phần quan trọng tạo nên màu sắc cộng đồng Mường nổi bật hòa trong hệ thống văn hóa đa sắc màu của vùng đất Tổ nói chung.

Sự tồn tại của những câu hát dân ca gắn liền với nếp sinh hoạt cộng đồng người Mường luôn được thể hiện cùng quá trình vận hành của đời sống xã hội. Vì thế, để làm rõ vấn đề thì việc lựa chọn cộng đồng với thực hành dân ca nhằm nhận thức vai trò của những câu dân ca ấy đối với đời sống tinh thần cộng đồng nói riêng là quan trọng.

4.1.2.1. Thực hành dân ca trong cộng đồng Mường

Cuộc sống xã hội phát triển theo chiều hiện đại hóa với nhiều mức độ, nhiều

cách thức tiến bộ. Các bản làng Mường hiện nay hệ thống loa phóng thanh được mắc dọc xóm làng với nhiều nguồn tin tức cũng như đa dạng các loại hình hoạt động được tuyên truyền tới mọi người dân. Những vấn đề của cuộc sống, những tâm tư nguyện vọng đều được đáp ứng. Giới trẻ với những hào hứng về các thể loại âm nhạc có tính chất mạnh mẽ, sôi động đều được đáp ứng thông qua mọi nguồn kênh thông tin một cách nhanh gọn. Mỗi thế hệ, mỗi độ tuổi đều có những thể loại âm nhạc phù hợp với nhu cầu, đều có những hoạt động thiết thực trong sinh hoạt cộng đồng gắn với mong muốn, gắn với thói quen và đáp ứng một cách khá đầy đủ theo sở thích cá nhân. Sự phong phú của các loại hình hoạt động nghệ thuật nói riêng đáp ứng đủ theo nhu cầu của xã hội đã phần nào làm lấn lướt vị trí và hạn chế đi vai trò, sự ảnh hưởng của các thể loại dân ca dân tộc trong cuộc sống. Theo chị Nguyễn Thu Trang, cán bộ phòng văn hóa huyện Thanh Sơn thì: “đời sống sinh hoạt âm nhạc của người dân hiện khá phong phú và hiện đại, thanh niên hiện nay họ chỉ cần một click nhỏ trên điện thoại thông minh là đã có thể nghe được các dạng, các thể loại âm nhạc như ý muốn. Là cán bộ phòng văn hóa khi tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ, các đêm diễn phục vụ đồng bào tại các xã, các bản chúng tôi cũng phải xây dựng cấu trúc chương trình phong phú với nhiều thể loại, nội dung khác nhau đáp ứng nhu cầu cho nhiều đối tượng, tuy nhiên những bài bản dân ca Mường thì rất hạn chế được dùng đến bởi nó hát bằng tiếng Mường và hát không có nhạc đệm nên có chăng các tiết mục ấy chỉ được thực hiện khi có sự giao lưu với người dân địa phương”.

Trong cuộc sống thường ngày của người dân Mường hiện nay, dân ca không còn được coi là tiếng nói quan trọng nhất giúp họ trong giao tiếp, trong các mối quan hệ. Người dân hầu như không còn ca hát dân ca một cách thường xuyên, không còn việc phải suy nghĩ, trăn trở ngày ngày để tìm ra những vế đối, những câu hát phù hợp (như nhận xét của cụ Hà Thị Sóng, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn). Những thế hệ người Mường cũng tùy theo tính chất công việc, tùy theo hoàn cảnh, vai trò và mức độ cần thiết của nhu cầu mà việc tiếp xúc, ca hát, biểu diễn các làn điệu dân ca dân tộc mình được thể hiện nhiều hay ít. Nếu phân định rõ đối tượng

hiện còn ca hát, còn biết hát và thuộc được các làn điệu dân ca dân tộc thì đó chính là thế hệ những người già, người lớn tuổi trong các bản Mường mà thôi. Đời sống xã hội với nhiều các mối quan hệ giao tiếp, nhiều sự tác động và mức độ ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức trong giá trị bản chất của con người do đó, âm nhạc nói chung vẫn luôn là món ăn hàng ngày được nhiều đối tượng người dân quen dùng và ưa chuộng nhưng dân ca lại không phải là món ăn được coi là quan trọng nhất, duy nhất mà nó chỉ là một sự thưởng thức bổ sung để thêm phần thi vị hơn cho nhu cầu thị hiếu mang tính đa dạng về sắc màu, tính chất âm nhạc của con người trong xã hội hiện nay mà thôi. Việc nhận thức về dân ca cũng như vị trí của những giai điệu dân gian này ở mỗi độ tuổi người dân trong cộng đồng cũng tạo nên nhiều mức độ khác biệt. Do vậy, đối tượng thực hành dân ca Mường được phân nhóm như sau nhằm đánh giá cụ thể mức độ gần gũi cũng như có nhiều sự quan tâm, tiếp nhận hệ thống các bài bản dân ca này.

Nhóm thế hệ người Mường lớn tuổi. Trong cuộc sống thường ngày, sự tiếp xúc với các hoạt động cộng đồng, với những nếp sinh hoạt có phần nổi bật của đặc thù bản sắc dân tộc cũng đã tạo nên nhiều mức độ, nhiều cung bậc nhận thức về những giá trị dân gian nói chung của người dân Mường. Có thể thấy rằng, thế hệ người già trong các bản làng Mường luôn nhận thức dân ca là thứ quan trọng nhưng trong suy luận của những người trẻ, họ lại cho rằng còn nhiều những loại hình nghệ thuật khác với sự phong phú đa dạng cả về ngôn ngữ âm thanh cũng như cách thức thực hiện sẽ tạo nên mức độ quan trọng hơn cho nhu cầu thưởng thức hiện tại. Dân ca luôn chuyển động, biến hóa và phát triển cùng nhu cầu của con người trong cuộc sống, những giai điệu dân ca sẽ trở nên hay hơn, mượt mà hơn khi luôn có sự đề tâm đến nó.

Việc thực hành ca hát dân ca trong đời sống cộng đồng Mường hiện nay nói chung có nhiều sự biến đổi với những phương thức biểu diễn, nhu cầu và cả những thói quen thưởng thức. Những buổi sinh hoạt cộng đồng, những chương trình hoạt động văn nghệ, những đêm giao lưu và cả những cuộc trò chuyện gặp gỡ thân mật của các lứa tuổi, các thế hệ người dân... những câu dân ca được vang lên hòa cùng

không khí vui tươi, rộn ràng với những con người mà trong tâm tư họ luôn sẵn sàng ở mức độ hăng hái nhất khi tham gia cuộc vui. Thực hành ca hát dân ca thường được những người lớn tuổi ứng dụng nhiều hơn với nhiều làn điệu, câu hát, họ thậm chí sáng tác thêm lời mới cho phù hợp với hoàn cảnh để ca hát, giao lưu bởi trong tâm thức của họ dân ca luôn có vị thế quan trọng, là hồn cốt dân tộc, là đặc trưng giá trị không gì thay thế được.

Nhóm những người trẻ Mường. Đây là nhóm người chiếm số lượng khá đông trong cộng đồng, khi tham gia thực hành dân ca sẽ có một số người với suy nghĩ đơn giản là hát cho vui, bên cạnh một số lại nhận thức đó là những giai điệu khác lạ cả về lời ca và tính chất âm nhạc so với các thể loại ca hát khác nhưng nhìn chung trong một góc độ chiều sâu tâm tư, họ phải thể hiện rõ trách nhiệm bản thân trong việc lưu giữ, bảo tồn những làn điệu giản dị này của dân tộc. Trong cuộc sống thực tại, những bài bản dân ca được các thế hệ người Mường trẻ thực hành ca hát, diễn xướng mỗi khi có cơ hội thể hiện, mỗi khi cộng đồng có hoạt động tập thể tuy không phải là thường xuyên và ở mức quan tâm nhiều, phong phú như so với thế hệ đi trước nhưng đó cũng có thể được coi là một dạng nhu cầu, một “món ăn” mới trong đời sống sinh hoạt của giới trẻ khi nghĩ về việc giữ gìn và thực hành các hoạt động văn hóa dân gian dân tộc.

Mỗi người dân Mường đứng ở các góc độ khác nhau khi tiếp xúc với dân ca sẽ có những cách nghĩ, nhận thức khác nhau, thậm chí cùng được sinh ra là người Mường nhưng lại ở những vùng khác nhau (thị trấn - làng/bản Mường) cũng sẽ có những suy nghĩ, cách tiếp cận khác nhau bởi mức độ gần gũi và cả việc được nghe hát, được làm quen và được tham gia trong các cuộc liên hoan quần chúng sẽ là những sự cảm nhận mang tính riêng biệt bởi mức độ nhận thức, yêu thích của mỗi người. Khẳng định cho những giai điệu dân ca vẫn còn nguyên trong tâm thức con người, thế hệ những con người Mường đang sinh sống tại các bản làng, những người dân Mường có tình yêu với nghệ thuật dân gian và đang tham gia trong các CLB dân ca Mường tại các xã, huyện đều chung ý kiến cho rằng chúng vẫn đang thịnh hành và phát triển, những câu hát dân gian vẫn luôn được vang lên, được yêu

thích và được truyền bá cho nhau để cùng ca hát, cùng tâm sự. Có chăng sự thay đổi, biến hình chỉ do bởi không gian, môi trường diễn xướng mà thôi.

Từ việc thực hành dân ca trong cộng đồng với hai nhóm độ tuổi mang tính chất khác biệt thì việc so sánh mức độ tiếp cận loại hình này của giai đoạn xã hội xưa và nay cũng có nhiều sự khác biệt rõ rệt.

Trong cộng đồng Mường xưa, những câu hát dân ca luôn được coi là cầu nối mọi vấn đề giao tiếp của đời sống con người. Những hoạt động trong lao động sản xuất, những tâm tư khát vọng luôn được coi là nhịp điệu quan trọng hình thành nên dân ca. Những câu chuyện được kể bằng ngôn ngữ âm thanh, những kinh nghiệm được lưu truyền bằng giai điệu, các thế hệ người Mường xưa luôn tiếp nối trao truyền và phổ biến cho nhau để những làn điệu dân ca không bị lãng quên và luôn là một hình thức sinh hoạt mang tính sống động nhất.

Trong cộng đồng Mường ngày nay, môi trường diễn xướng dân ca đã có sự thay đổi rõ rệt, không còn những cảnh người dân vừa lao động tay chân vừa hò hát, không còn những buổi tụ tập đông người tại phiên chợ hay trên triền đê, những chàng trai cô gái Mường hiện nay không giao duyên ướm lời để ước hẹn, không bông đùa giải trí qua câu dân ca. Họ vẫn yêu ca hát, vẫn nghe nhạc và vẫn thưởng thức các làn điệu dân gian nhưng cách thức thưởng thức đã được thay đổi bằng các phương tiện truyền tải bao gồm hệ thống các loa phóng thanh, các phương tiện thu phát truyền tín hiệu như ti vi, đài, điện thoại di động... Đến với các vùng Mường trong cuộc sống hiện nay, chúng ta vẫn có thể được thưởng thức bằng lời những câu hát dân ca, có thể được nghe những tiếng rang, điệu ví vẫn còn đong đưa vang vọng nhưng chúng được người dân tập trung lại với nhau tại các nhà văn hóa, các hội trường ủy ban... người ta luyện tập ca hát dân ca theo những làn điệu lời ca đã được lựa chọn sẵn, được cách điệu hóa bằng cách hát vận ví những công việc hiện tại, những kiểu giao lưu hội hè chào mừng, ghi nhớ công ơn những sự kiện quan trọng như thành lập Đảng, sinh nhật Hồ Chủ Tịch.

Cùng chung những nhận định cho sự tồn tại của dân ca đồng thời đánh giá những giá trị của chúng đối với đời sống tinh thần trong cuộc sống hiện nay mặc dù

cách thức thực hiện cũng như quá trình diễn xướng đã có sự biến đổi, người Mường hiện nay nói chung, người trẻ Mường nói riêng luôn cho rằng dân ca không bị mất đi mà nó đang dần chuyển mình sang một dạng thức mới hơn, hấp dẫn hơn để phù hợp hơn với nhu cầu của con người theo từng giai đoạn phát triển xã hội.

Như vậy, trong cuộc sống xã hội hiện nay, âm nhạc nói chung luôn được coi là thứ “ngôn ngữ” quan trọng giúp con người dễ dàng giao tiếp, dễ bộc lộ cảm xúc để từ đó con người dễ thăng hoa trong tư duy, phát triển khả năng sáng tạo và kết nối tình người trong cộng đồng. Những hoạt động mang tính tập thể luôn có sự xuất hiện của những giai điệu âm nhạc phù hợp với không gian, với tính chất công việc, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể cũng như tâm trạng của con người trong quá trình tiếp xúc. Dân ca Mường luôn được coi là một thứ “ngôn ngữ” giúp cho người Mường thỏa nguyện được những mong muốn, những ước mơ, kết nối cộng đồng Mường trong những hoạt động đồng thời đó cũng luôn là nhịp cầu giúp con người thỏa mãn những khát vọng, gửi gắm tình yêu và cả niềm tin hạnh phúc. Trong các hoạt động của đời sống cộng đồng người dân Mường, những làn điệu dân ca vẫn luôn nhận được nhiều sự quan tâm, được người dân ca hát và thể hiện như một vai trò quan trọng ứng với mỗi nội dung mà những bài bản dân ca ấy thể hiện. Hoạt động nào thì sẽ có những bài bản dân ca này phù hợp, các nghi thức giao lưu, những hội hè làng bản, những cuộc gặp gỡ trao đổi bàn bạc luôn là điều kiện để những bài bản dân ca được lan tỏa.

Từ nhận thức đối với vai trò, giá trị của thể loại dân ca có ảnh hưởng, tác động đến các hoạt động của con người, sự ưu ái quan tâm cũng như mức độ phát triển của nó tới cộng đồng xã hội, dân ca đã trở thành một “sản phẩm” có tính giá trị cao đối với đời sống tinh thần của con người, là tiếng nói giúp cho cộng đồng có thêm nhiều sự gắn kết yêu thương hơn. Tuy nhiên không phải bất cứ lúc nào hay ở bất kỳ thời điểm nào dân ca cũng có cơ hội để khẳng định vai trò của mình và được người dân quan tâm thể hiện. Một điểm quan trọng nữa là không phải ở bất cứ độ tuổi nào trong xã hội cũng đều có sự quan tâm gần gũi, gắn bó và giữ gìn, phát triển đối với những giai điệu dân gian này.

4.1.2.2. Thực hành dân ca bên ngoài cộng đồng Mường

Xã hội phát triển, nhu cầu thực tế trong các hoạt động nghệ thuật cũng ngày càng đòi hỏi nâng cao, đáp ứng với nhiều mức độ, tính chất phù hợp với nhận thức của từng thế hệ người dân. Khoa học công nghệ phát triển hiện đại với nhiều hình thức, nhiều vấn đề được nảy sinh, hệ thống “âm nhạc điện tử” với sự hỗ trợ tối đa của công nghệ máy móc đã thu hút hầu như sự quan tâm tối ưu của các thế hệ người dân đặc biệt là giới trẻ. Những dòng âm nhạc cũng vì thế mà có sự đa dạng muôn sắc cùng hòa quyện phát triển, bên cạnh những thể loại âm nhạc cổ truyền dân tộc còn có sự tiếp biến, hội nhập của những thể loại mới hiện đại văn minh hơn. Chính bởi sự đa dạng của các loại hình nghệ thuật mới, hiện đại, đã làm lu mờ dần đi vị trí của dòng nhạc dân gian trong nhận thức của người dân. Mỗi quan tâm tới các loại hình nghệ thuật hiện nay đã được mở rộng thêm ra với nhiều thể loại, nhiều tính chất mới, lạ thu hút cũng như tạo nên điểm nhấn mới cho tư duy của con người khi tham gia khám phá cũng như nhìn nhận mức độ phát triển của chúng trong “thời đại công nghệ” như hiện nay.

Cuộc sống sinh hoạt của người dân trong xã hội phát triển như hiện nay thì những hoạt động văn hóa nghệ thuật mang tính tập trung cộng đồng luôn là mối quan tâm mang tính tích cực của mọi thế hệ, tầng lớp người dân. Các hoạt động nghi lễ tổ chức trong các dịp lễ tết, trong các ngày kỉ niệm của đất nước, của dân tộc đã trở thành nét sinh hoạt thu hút nhiều sự quan tâm của người dân và đây cũng là việc thể hiện sự quan tâm tới đời sống văn hóa tinh thần của người dân từ các cấp lãnh đạo địa phương. Những đêm liên hoan văn nghệ quần chúng diễn ra thu hút nhiều sự quan tâm của các tầng lớp nhân dân, nhiều tiết mục văn nghệ ca ngợi Đảng, Bác, ca ngợi quê hương đất nước và con người đã tạo nên không khí sôi động, hào hứng cho người thưởng thức. Ở các vùng Mường, đây cũng là dịp một số làn điệu ví, một số bài bản dân ca được cất lên hòa nhịp cùng muôn sắc màu âm nhạc hiện đại. Tuy nhiên, những làn điệu được biểu diễn ở đây thường là những “bài bản” dân ca đã được gọt dũa chỉnh sửa, được người dân truyền cho nhau ca hát nhiều và chúng đã trở thành những “tác phẩm âm nhạc” độc lập, đôi khi đó chính là

những bài bản dân ca từ các vùng Mường khác được người dân ghi nhớ tiếp thu và truyền bá cho nhau (ví dụ như bài *Đu đu điềng điềng, hát Ru con...*) Rồi còn có cả những bài hát được các nhạc sĩ sáng tác dựa theo phong cách, chất liệu dân ca Mường nhằm ca tụng nếp sống, tình người và cả vẻ đẹp sẵn có của núi rừng, của làng bản.

Trao đổi với một số cán bộ phòng văn hóa huyện Yên Lập, chúng tôi nhận thấy rằng, các chương trình liên hoan văn nghệ thậm chí là các chương trình được xây dựng tham gia trong các cuộc thi tiếng hát, văn hóa quần chúng của địa phương, của tỉnh, tất cả đều luôn có sự ưu tiên cho các tiết mục biểu diễn thiên về dân ca và phong cách dân ca, những vùng có sắc màu dân tộc luôn lựa chọn các tiết mục làm nổi bật cho nét đẹp đặc trưng của mình. Các hoạt động diễn tấu nhạc cụ như đánh ống, múa trống đu, múa sênh tiền... đều lần lượt được lựa chọn luyện tập một cách bài bản để tham gia biểu diễn còn các bài bản làn điệu dân ca thì hầu như rất ít được lựa chọn biểu diễn trong chương trình. Ở quy mô chương trình biểu diễn văn nghệ cấp xã phường cũng đã có sự đóng góp một vài làn điệu, bài bản do những người sinh hoạt trong câu lạc bộ người lớn tuổi tham gia nhưng các chương trình nghệ thuật từ cấp huyện trở lên lại hầu như các làn điệu dân ca dân gian không còn được lựa chọn trở thành tiết mục tham gia, có thể đó là do yêu cầu về cấu trúc của chương trình biểu diễn hoặc đó có thể do bởi những làn điệu dân ca này chưa có sức thuyết phục đối với người xây dựng chương trình, chưa tạo nên hiệu ứng thích thú đối với khán giả khi thưởng thức nó.

Một điều khá thú vị trong các chương trình liên hoan văn nghệ quần chúng bởi dân ca Mường chỉ hát bằng tiếng Mường, những làn điệu ấy khi biểu diễn cũng không cần đến nhạc cụ đệm theo, đó hoàn toàn là sự biểu diễn của người hát truyền tải “tác phẩm” âm nhạc đến với người nghe do đó khi tham gia trong chương trình nó đã trở thành tiết mục mới lạ, mang màu sắc khác đan xen cùng các tiết mục được thực hiện bằng tiếng phổ thông. Đây cũng chính là điều lý giải cho việc người ta thường sắp xếp các màn diễn tấu nhạc cụ Mường trong chương trình văn nghệ nhiều hơn việc giới thiệu các làn điệu dân ca dân gian bởi sức thu hút đối với khán giả

cũng như mức độ sôi động lôi cuốn người xem của các màn diễn tấu ấy.

Cuộc sống người dân trong xã hội hiện nay nói chung vẫn luôn rất cần có những giai điệu dân ca mộc mạc chân phương, in đậm bản chất dân tộc và luôn thể hiện tính cội nguồn bên cạnh những cái mới, hiện đại được du nhập từ nhiều luồng văn hóa ngoại lai. Những làn điệu dân ca trong đời sống cộng đồng hiện đại luôn thể hiện bản chất con người Việt Nam thuần túy, chân chất, giản dị bên cạnh cái mới sinh động đa dạng trong muôn chiều tư duy và cùng cộng hưởng sao cho phù hợp với từng đối tượng, phù hợp với nhu cầu trong từng giai đoạn xã hội mà trong đó con người cần được lĩnh hội để thỏa mãn với thị hiếu mang tính cá nhân. Nhu cầu của con người với những đòi hỏi đáp ứng về đời sống vật chất, đáp ứng về đời sống tinh thần theo sự phát triển của những cái mới hiện đại đã làm nảy sinh nhiều vấn đề mà trong tư duy của họ đó chính là những giá trị bản sắc, những hồn cốt dân tộc mà họ được đáp ứng trong đời sống sinh hoạt thường ngày. Để có thể tồn tại và phù hợp với môi trường hiện nay, những giai điệu dân ca cũng đã được người dân “làm mới” bằng nhiều cách để đáp ứng với nhiều đối tượng hơn, phù hợp với hoàn cảnh sử dụng hơn và nó trở nên thu hút, sáng tạo hơn được người dân sử dụng nhiều hơn. Sự thích ứng của người dân nói chung khi “sáng tạo” biểu diễn dân ca trong sự phát triển của thời đại hội nhập đã tạo nên điểm nhấn khá thú vị. Dưới đây là một số “sáng tạo”:

Đặt lời mới cho giai điệu cổ truyền

Những bài bản dân ca trước đây khi xuất hiện nó luôn gắn liền với hoàn cảnh đời sống cụ thể của con người với những hoạt động chân tay, những công việc nặng nhọc mà người dân lao động vất vả trải qua để từ đó cất lên thành lời, thành giai điệu, thành những tâm tư cần được giải bày. Những tính chất âm nhạc trong dân ca luôn đồng hành cùng nhịp điệu lao động thường ngày, luôn là những “cốt lõi” để lời ca - ngôn ngữ giao tiếp được hòa quyện sao cho phù hợp, đáp ứng với từng giai đoạn cụ thể của hoạt động sống trong cộng đồng.

Giai điệu những câu dân ca xưa đã trở thành nền móng cho việc thay đổi lời ca mới trong các sự kiện nổi bật của làng, của xã, huyện thị. Việc viết lời ca mới

dựa trên giai điệu cũ đã trở thành nếp sinh hoạt được người dân ưa chuộng và thịnh hành khi chuẩn bị cho một ngày lễ trọng đại của đất nước. Nghệ nhân Hà Thị Sóng (xóm Chiềng 1, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn) cho chúng tôi biết: “Bà dựa trên giai điệu của những câu hát rang xưa để viết lời mới ca ngợi quê hương đất nước cảnh đẹp Tân Sơn, ca ngợi Đảng quang vinh, ca ngợi Bác Hồ kính yêu. Cứ mỗi khi đến dịp lễ nào là Bà lại có bài rang ca ngợi phù hợp, bài hát có thể do bà tự hát hoặc tập cho những người trong câu lạc bộ dân ca hát. Người dân ở đây hào hứng lắm vì vẫn hát bằng tiếng Mường, vẫn thể hiện nét đẹp Mường trong cuộc sống mới” (ghi chép phỏng vấn ngày 14/5/2017 tại xã Lai Đồng, Tân Sơn).

Với một số thanh niên Mường hiện nay, để luyện tập và ca hát các làn điệu dân ca của mình cũng như việc đưa các làn điệu dân ca ấy gần gũi hơn với người nghe, thông qua giai điệu lời ca nhằm giới thiệu nét đẹp của văn hóa dân tộc, của nền nghệ thuật dân gian cũng như đặc trưng trong ngôn ngữ dân ca dân tộc mình, họ đã phiên âm và hát bằng tiếng phổ thông:

“Hỡi ai đi ngược về xuôi
 Dừng chân ngắm cảnh núi đồi Kiệt Sơn
 Kiệt Sơn có núi Đồn Mu
 Có dòng sông Bứa lững lờ êm trôi...”

(Trích Hát ví ca ngợi cảnh đẹp xã Kiệt Sơn)

Những âm thanh đung đưa nhịp nhàng hòa cùng tiếng ống rộn ràng, tiếng cồng, tiếng trống điểm xuyên khoan thai trong không gian của ngày hội văn hóa, những lời ví lan tỏa mộc mạc, “*lắng nghe câu ví hình ơ*” như mời gọi, như đưa đón bước chân người người cùng đến với sắc màu văn hóa Mường để cùng ca vang tình đoàn kết, tình yêu thương gắn bó bền lâu.

“Về đây chớ có ở lâu
 Kéo là thành rở thành dẫu (dâu) Mường ngay.”

Cuộc vui cứ tiếp diễn, những nhịp ống khoan nhặt cùng tiếng cồng, tiếng sênh mà không chỉ hòa trong lời hát, những bước chân nhịp nhàng uyển chuyển cùng nhịp váy đung đưa trong điệu múa cũng đã tạo nên nhiều điều thú vị cho người

xem để rồi cứ thế không gian văn hóa Mường như được mở rộng thêm, như được gần gũi hơn, hòa quyện cùng với nhiều màu sắc dân gian của các dân tộc khác cùng đan xen khoe sắc trong ngày hội văn hóa dân tộc mà họ đang hướng tới.

Các chàng trai cô gái Mường ngày nay khi tham gia trong các ngày hội văn hóa, họ không chỉ hào hứng với các thể loại hình thức văn hóa khác mà những giai điệu ví, rang vẫn được cất lên, vẫn được hát bằng tiếng Mường và vẫn mang đậm màu sắc văn hóa dân tộc nhưng những lời ca ấy đã được viết mới cho phù hợp với hoàn cảnh, với thời đại, phù hợp với những sự thay đổi của cuộc sống để nó ngày càng thêm gần gũi hơn. Như lời em Đinh Ngọc Tân sinh viên lớp K17 ĐHSP Âm nhạc, trường Đại học Hùng Vương thì “Khi hát ví bằng tiếng phổ thông bản thân em thấy dễ thuộc hơn và khi dạy cho nhóm các bạn khác cùng hát để biểu diễn tiết mục tham gia giao lưu trong liên hoan văn nghệ của xã em cũng thấy các bạn rất hào hứng, thuộc nhanh và hát tốt hơn mặc dù trong đó có bạn là người Kinh, người Dao” (ghi chép phỏng vấn tháng 3/2017 tại trường ĐH Hùng Vương, Phú Thọ).

Như vậy, việc đặt lời mới trên nền giai điệu dân ca cũ là một bước đi mới trong cách thức muốn truyền bá, phổ biến dân ca hiện nay, nhưng làm thế nào để những giai điệu dân ca với việc đặt lời mới đáp ứng theo nhu cầu và thị hiếu của đời sống hiện đại vẫn giữ được nét đẹp vốn có của nó, vẫn giữ được bản sắc văn hóa Mường đồng thời lại hòa nhịp được với nếp sống mới trong sự phát triển CNH, HĐH như hiện nay, đây thực sự là điều mà tất cả chúng ta trong đó quan trọng nhất là các thế hệ người Mường Phú Thọ luôn mong muốn.

Sử dụng nhạc cụ kết hợp khi biểu diễn dân ca

Xã hội hiện đại với sự phát triển của nhiều loại hình sinh hoạt văn hóa nghệ thuật mới đã thu hút hứng thú của giới trẻ. Âm nhạc hiện đại với sự pha trộn màu sắc âm thanh của nhiều loại nhạc cụ, nhiều phong cách mới, cùng hình thức biểu diễn đa dạng, đa chiều đã tạo nên tính hỗn dung được giới trẻ hiện nay rất hứng thú đón nhận. Với những kiểu âm nhạc được kết hợp mang tính đa dạng và có sự pha trộn giữa “cái cũ” với “cái mới”, sự hứng thú này đã làm nảy sinh ra một cách thức mới “cách tân” cho những giai điệu dân ca thêm phần phong phú hơn, mới lạ hơn.

Dân ca dân gian Mường nói chung luôn là những phương thức biểu diễn mang tính đơn giản, mộc mạc, người dân gặp gỡ ca hát với nhau ở bất cứ đâu, bất cứ nơi nào khi họ muốn cùng nhau giải bày tâm sự. Các nghệ nhân Mường lớn tuổi luôn cho rằng ca hát ví, rang với nhau hiện nay họ chỉ cần trên manh chiếu trải giữa gian nhà sàn cùng với ấm trà, điều thuốc là “giai điệu quê hương” được cất lên, được bay bổng với nhiều cung bậc cảm xúc, tham gia một số cuộc hát ví đối của những thế hệ này chúng tôi cùng nhận thấy, họ không cần bất cứ một nhạc cụ gì, không cần phải lấy nhịp, chỉ cần hai người biết hát và đối với nhau (cuộc đối có thể giữa nam với nữ hoặc giữa hai người nữ với nhau). Thế hệ lớn tuổi vẫn giản dị biểu diễn ca hát mộc mạc như vậy còn lứa tuổi thanh niên hiện nay thì sao? Chị Việt Hà - Nguyên cán bộ phòng văn hóa huyện Thanh Sơn, hiện nay đã chuyên công tác về Hà Nội cho chúng tôi biết chị là người Mường lại hoạt động bên ngành văn hóa nên rất thích hát dân ca đặc biệt là dân ca của dân tộc, tuy nhiên, những làn điệu dân ca nếu hát mộc và không có nhạc cụ đệm thường không có sự thu hút đối với người nghe đặc biệt là giới trẻ do đó khi hát ví hay rang chị vẫn thường nhờ mọi người đánh cồng, gõ trống hoặc lắc sênh tiền đệm theo trước hết là để chị có nhịp tạo cảm hứng khi biểu diễn.

Hiện nay, trong các cuộc liên hoan văn nghệ quần chúng tại các làng Mường, với những làn điệu dân ca cổ truyền khi biểu diễn trước công chúng các nghệ nhân cũng đã thường kết hợp với múa đăm ống hoặc đánh cồng, gõ lắc Sênh tiền hoặc có thể kết hợp tất cả mấy loại nhạc cụ cùng biểu diễn. Với những làn điệu dân ca mới (có sự cải biên một chút về lời ca, nhịp điệu hoặc đoạn đầu là ca nguyên bản, đoạn sau cải biên mới hoàn toàn) thì trong quá trình biểu diễn các thanh niên Mường có thể kết hợp cả nhạc cụ hiện đại (đàn oocgan) để thực hiện đệm hát.

Sự kết hợp biểu diễn hát với một số các loại nhạc cụ đã tạo nên cho dân ca một như có thêm một màu sắc mới, một sức lôi cuốn mới đặc biệt là với nhu cầu của giới trẻ trong sự phát triển hiện đại của nhịp sống như hiện nay. Những giai điệu dân ca khi có tiết tấu nhạc cụ đệm theo sẽ không còn cảm giác “đơn điệu” hay thô mộc, bình dân nữa mà “Nó như được tiếp thêm một sức sống mới khiến người

hát và người nghe hào hứng hơn và còn có thể hòa nhập được với các thể loại nhạc hiện đại trong môi trường mới” - anh Nguyễn Minh Tuấn giáo viên dạy nhạc trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, thị trấn Thanh Sơn đã nhận xét như vậy.

Việc đưa một số loại nhạc cụ vào đệm hát cho dân ca trong quá trình hoạt động sinh hoạt đã tạo nên “những điểm tốt” cho khả năng đáp ứng nhu cầu của người thưởng thức tuy nhiên cũng sẽ có những mức độ hạn chế trong việc nhìn nhận về cái gốc ban đầu của những làn điệu dân ca ấy.

Khi những làn điệu dân ca được phát huy bản chất của mình đồng thời kết hợp đan xen cùng với “cái hiện đại” để tạo nên hiệu ứng mới nhằm tiếp cận đến khán giả thì mức độ mở rộng đối tượng cảm nhận nó sẽ có thêm nhiều hơn, đa dạng hơn đặc biệt là việc tiếp cận đối với nhóm những khán giả trẻ tuổi, những “công dân hiện đại mới”. Bên cạnh đó một bài bản dân ca khi có sự hòa quyện của các loại nhạc cụ trong quá trình biểu diễn sẽ làm cho nó ngày càng thêm được hoàn thiện hơn, được gọt dũa và dần trở nên bài bản hơn, để có thể được coi như một “tác phẩm âm nhạc” hoàn chỉnh trên sân khấu.

Những bất cập

Nhìn về các bài bản dân ca dân gian khi biểu diễn trước công chúng nếu có sự kết hợp một cách hợp lý một số các loại nhạc cụ dân gian phù hợp với bản chất sẵn có của nó trong tính dân tộc được đề cao thì đó sẽ là một sự “ăn ý” rất tốt để tạo nên hiệu ứng mới khi tiếp xúc với đối tượng khán giả thưởng thức. Tuy nhiên việc sử dụng số các loại nhạc cụ cổ truyền phổ biến của dân tộc khác (người Kinh) hoặc một số nhạc cụ hiện đại (đàn oocgan, ghi ta) vào đệm hát cho dân ca Mường là không phù hợp với bản sắc dân tộc, dễ tạo nên sự khó chịu cho người nghe khi phải tiếp nhận sự “hỗn tạp” này, từ đó sẽ không cảm nhận được “tâm hồn dân tộc” qua làn điệu dân ca. Sự kết hợp này có thể coi đó là việc đi ngược lại với giá trị văn hóa dân tộc, làm giảm đi tính dân già bản địa sẵn có cũng như làm mất dần đi bản chất Mường mộc mạc, giản dị vốn có.

Khi những làn điệu dân ca Mường được thực hành biểu diễn ngoài cộng đồng thì tự bản thân nó đã bị tách rời, thoát hẳn với môi trường dân gian sẵn có.

Những câu hát với sự ứng tác, đối đáp lời ca tại chỗ sẽ được thay đổi bằng một công đoạn có sự chuẩn bị chu đáo, trau chuốt, được kiểm định và chi phối bởi nhiều vấn đề... Dân ca không còn là thể loại phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng, thì những giá trị cổ truyền của nó cũng bị mất đi do đó, đã làm giảm đi sự hứng thú, tính sáng tạo nghệ thuật và đặc biệt hơn cả đó là sự biến đổi tư duy mang màu sắc “thị trường” gắn với lợi ích cá nhân trong quá trình biểu diễn thực hành ca hát dân ca.

Như vậy, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào hay hoạt động nào, bất cứ môi trường nào và ở bất cứ thời điểm nào thì dân ca nói riêng luôn phải mang đến sự giải tỏa êm dịu cho cuộc sống của con người, là niềm tâm sự, là những câu hát dẫn chuyện, những ước mơ giúp con người dễ bày tỏ tình cảm, bày tỏ nỗi lòng với những vấn đề xung quanh cuộc sống. Thời đại công nghệ hiện đại với sự âm ào của nhiều loại hình biểu diễn, nhiều âm thanh pha trộn của các thể loại nhạc cụ khi diễn tấu trên sân khấu dễ tạo nên sức cuốn hút đối với người thưởng thức đặc biệt là thế hệ trẻ hiện nay. Sự “nhu mì”, “giản dị” của những câu hát dân ca có thể trên sân khấu hiện đại sẽ không nhận được nhiều sự chào đón nhưng ở một góc độ nào đó trong tâm hồn mỗi người, những câu dân ca ấy vẫn sống động, vẫn bay bổng và vẫn là tâm huyết, là nhịp sống chảy sâu mang tính cội nguồn chân chính.

Dù trong hoàn cảnh, trong môi trường nào hay đối với bất cứ sự cảm nhận của đối tượng nào thì đó vẫn phải là những lời ca, những câu hát được vun đúc từ trong chính tâm hồn con người, trong các mối quan hệ cộng đồng. Từ những giá trị, vai trò của dân ca đối với sự phát triển của con người nói chung, những đóng góp to lớn đối với đời sống tinh thần đã giúp họ hiểu và nhận thấy rõ cần phải bảo tồn, giữ gìn những giá trị văn hóa dân gian này nhằm phát triển, hoàn thiện cho chính họ về mọi mặt trong dòng chảy xã hội.

4.2. Dân ca Mừng trong bối cảnh di sản hóa

Công cuộc gìn giữ, bảo tồn và phát huy vốn văn hóa cổ truyền dân tộc nói chung theo đà CNH, HĐH đất nước như hiện nay đã trở thành nhiệm vụ chung của tất cả mọi người trong xã hội. Một dân tộc để tồn tại và phát triển được thì bản sắc văn hóa của dân tộc đó phải trở thành cốt lõi quan trọng cần được lưu giữ, lưu

truyền và phát triển song hành cùng mọi thế hệ người dân, một trong những bản sắc văn hóa đó chính là hệ thống các làn điệu dân ca cổ truyền - ngôn ngữ độc đáo mang đậm sắc màu của dân tộc.

Để những màu sắc văn hóa dân gian ấy được lưu truyền và đồng hành cùng quá trình phát triển của dân tộc thì vấn đề gìn giữ nó, bảo tồn cũng như khai thác các giá trị của nó dưới góc độ di sản hóa là rất quan trọng và cần thiết. Chúng tôi xin được đi vào nghiên cứu một số vấn đề về di sản hóa cũng như tổng quan các loại hình văn hóa đặc sắc trên vùng quê Phú Thọ đạt được để từ đó nhìn nhận vấn đề di sản đối với dân ca người Mường ở nơi đây.

4.2.1. Di sản hóa là gì

Mỗi dân tộc dù ở giai đoạn nào của xã hội, ở mức độ phát triển nào của đời sống cộng đồng cũng vẫn luôn có những “tài sản” văn hóa mang tính cổ truyền giá trị. Những “tài sản” ấy luôn là sản phẩm được kết tinh từ trong tâm hồn dân tộc, được hình thành từ trong ý thức cộng đồng, là các mối quan hệ xã hội có giá trị bền vững theo thời gian. Trải qua quá trình phát triển và tự hoàn thiện cho phù hợp với nhu cầu, với nhận thức của con người theo từng giai đoạn lịch sử, các loại hình văn hóa dân gian trong cộng đồng luôn có những bước chuyển mình, những biến đổi nhưng vẫn giữ nguyên bản sắc văn hóa tộc người và trở thành một giá trị di sản không gì thay thế được.

Di sản hóa theo một cách hiểu đơn giản nhất đó chính là việc nhìn nhận những sản phẩm hiện tượng văn hóa mang tính cổ truyền, được người dân bao đời gìn giữ, sử dụng và nó đã trở thành một phần tất yếu, mang tính hiển nhiên trong đời sống cộng đồng là những di sản. Di sản có thể coi như một giá trị văn hóa trong dân gian, một hiện tượng văn hóa truyền thống di truyền từ đời này sang đời khác, được người dân thực hành một cách thường xuyên, được các thế hệ cộng đồng quan tâm và nó trở thành một nét văn hóa mang tính đặc trưng nổi bật của dân tộc.

Từ bao đời nay, những loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian nói chung vẫn luôn gắn kết với đời sống cộng đồng người dân trong mọi nhu cầu, mọi khía cạnh lĩnh vực. Di sản văn hóa chính là những câu hát, điệu múa, những lễ thói, tập tục,

lời ứng xử, lối sống... được khơi nguồn sáng tạo không ngừng trong ý thức, tiềm thức của mỗi con người nhằm thúc đẩy những mong muốn, những nhu cầu của đời sống để ngày một phát triển tốt đẹp. Nhưng ở khía cạnh nâng cao hơn, có tính lý luận hơn, di sản hóa là cách thức đánh giá, nhìn nhận một đối tượng văn hóa mang tính truyền thống trong đời sống cộng đồng để từ đó trên cơ sở xác định đối tượng đó có đủ điều kiện để được công nhận là di sản hay không. Không phải bất cứ hiện tượng văn hóa dân gian nào cũng đều được công nhận là di sản. Để đánh giá giá trị đối tượng và đi đến công nhận nó là di sản thì việc xác định di sản hóa đối với đối tượng ấy là rất quan trọng. Những hoạt động, những giá trị truyền thống luôn cần phải được phát huy, được thực hiện rộng rãi và thực hành một cách thường xuyên hơn, đảm bảo tính đồng đều hơn.

Trong cuộc sống nói chung, con người luôn có tính sáng tạo, luôn kích hoạt tư duy cùng khả năng của bản thân để cải biến, phát triển nhằm nâng cao nhận thức, nâng cao đời sống về mọi mặt. Những “sản phẩm” do con người sáng tạo ra ở một góc độ nào đó nó sẽ được chính con người chỉnh sửa, gọt giũa theo nhu cầu và phù hợp với từng giai đoạn xã hội. Dân ca là “sản phẩm” do con người sáng tạo nên, theo thời gian phát triển và cả sự tiếp thu không ngừng cùng với tư duy thông minh, tinh tế nhằm hoàn thiện “sản phẩm” một cách phù hợp với nhận thức, với hoàn cảnh tự tại để cải biến “sản phẩm” đó một cách phù hợp hơn trong nhu cầu của con người theo mỗi giai đoạn phát triển của xã hội.

Khi những nếp hoạt động văn hóa dân gian đã trở thành thói quen thường ngày, thành “món ăn” mang ý nghĩa quan trọng, thành nhu cầu không thể thiếu trong các nghi thức cộng đồng được người dân thực hành một cách thường xuyên thì trong một góc độ nào đó sẽ trở nên giá trị qua sự nhìn nhận, đánh giá vai trò mà chúng có ảnh hưởng. Sự công nhận từ các thể hệ cộng đồng, sự góp nhặt nhằm minh chứng, khẳng định bản sắc riêng nổi bật và đánh giá trở thành di sản được các cấp chính quyền đề tâm, tất cả nhằm công nhận cho những hoạt động văn hóa ấy trở nên có giá trị hơn, không bị lãng quên, không bị mai một đi và ngày càng có vị thế hơn trong các mối quan hệ cộng đồng.

Dân ca người Mường Phú Thọ trong sự hình thành và phát triển, đó cũng chính là những hiện tượng văn hóa cổ truyền được các thế hệ người Mường cùng gìn giữ, truyền bá cho nhau. Những giai điệu mộc mạc, giản dị ấy đã trở thành thói quen, thành ngôn ngữ trong giao tiếp cộng đồng và chúng luôn có giá trị quan trọng trong tiềm thức của mỗi người dân. Mỗi làn điệu dân ca Mường kể từ khi ra đời và phổ biến trong đời sống xã hội nó đều luôn gắn liền với những tâm tư tình cảm của người dân lao động, mỗi bài bản dân ca được ví như một câu chuyện, một ước mơ, niềm tin của con người về cuộc sống bình yên, về một tương lai hạnh phúc.

Cuộc sống xã hội đang dần chuyển mình với những bước hội nhập mang tính đa dạng trong màu sắc văn hóa nói chung, hệ thống các làn điệu dân ca dân gian đang từng bước được khẳng định qua các đánh giá, công nhận để trở thành những “di sản” dân gian ngay trong chính nếp sinh hoạt thường ngày của đời sống cộng đồng. Dân ca Mường trong sự thay đổi nhận thức của người dân Mường về những giá trị và đóng góp quan trọng cho đời sống tinh thần mà nó đã trở thành đối tượng nhận được nhiều sự quan tâm, gìn giữ, được phổ biến phát triển song song cùng với nhiều loại hình nghệ thuật hiện đại như hiện nay. Tuy nhiên, mức độ nhìn nhận và coi trọng dân ca, nhận định chúng là thể loại điển hình trong đời sống sinh hoạt đã được cả cộng đồng người Mường cùng góp sức nhằm phục hồi chúng, phổ biến chúng nhưng để đánh giá là những di sản với sự công nhận của các cấp chính quyền thì lại cần phải có nhiều vấn đề khác liên quan từ việc sưu tầm, tổng hợp, định giá vai trò ảnh hưởng tới đời sống xã hội đến mức độ phổ biến, gắn kết cộng đồng và cả việc phổ cập rộng không chỉ riêng với cộng đồng người Mường mà còn với cả toàn xã hội.

4.2.2. Vấn đề di sản hóa đối với dân ca Mường ở Phú Thọ

Chính sách thúc đẩy các hoạt động sinh hoạt trong cộng đồng về mọi mặt, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian trong đời sống xã hội nói chung, các thể loại văn hóa dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng đã trở thành nhiệm vụ, thành nghị quyết được triển khai ở nhiều nơi, nhiều tỉnh thành. Ở Phú Thọ, nhận định và tạo đà thúc đẩy về sự phát triển văn hóa dân gian nói chung, văn

hóa các dân tộc thiểu số nói riêng luôn là vấn đề được quan tâm bởi các cấp, các ngành cũng như toàn thể người dân trong tỉnh. Phát huy bản sắc văn hóa dân gian để phát triển trong đời sống cộng đồng, tích cực hơn nữa trong công việc bảo tồn gìn giữ các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian là việc làm nhận được mức quan tâm nhất hiện nay.

4.2.2.1. Nên chăng cần nhận định dân ca Mường ở Phú Thọ là di sản

Văn hóa dân gian Mường nói chung với những truyền thống mang tính nổi bật, đa dạng và cũng rất phong phú đã nhận được nhiều sự quan tâm, đầu tư cũng như mức độ phổ biến, phát huy các giá trị văn hóa ấy trong cộng đồng xã hội một cách tích cực. Sự hòa nhập cộng đồng trong các mối quan hệ, sự giao thoa kết nối và phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc trong các hoạt động đã làm cho người dân Mường nói riêng có cơ hội được nhìn nhận, được giao lưu và phát triển vốn văn hóa cổ truyền của mình trong nhịp sống chung của toàn xã hội.

Tuy không phải là vùng Mường gốc với sự phát triển đậm đặc của bản sắc văn hóa dân gian như các vùng Mường khác (vùng Mường Hòa Bình), và cho đến hiện nay chưa có bất kì một thể loại văn hóa dân gian nào được công nhận là di sản cấp quốc gia, nhưng với bản sắc văn hóa sẵn có của dân tộc Mường, những giá trị dân gian truyền thống dân tộc vẫn được phát huy một cách tích cực mặc dù đó có thể là sự “vay mượn” từ các vùng Mường khác. Đời sống sinh hoạt văn hóa dân gian Mường Phú Thọ trong các mối quan hệ, trong các mức độ giao tiếp hay trong sự phát triển hội nhập của đời sống kinh tế mới, họ vẫn luôn khẳng định rõ vị thế của mình về những đặc trưng nổi bật trong giá trị truyền thống, cái “hồn dân tộc” luôn được gìn giữ, bảo lưu qua thời gian và chúng luôn chính là “di sản” trong tâm hồn mỗi người dân Mường.

Các loại hình sinh hoạt văn hóa nói chung trong đó có thể loại dân ca vẫn luôn được thực hành trong cộng đồng người dân, vẫn luôn được các thế hệ lưu truyền mặc dù cho đến hiện tại, ở Phú Thọ vẫn chưa có được sự công nhận cấp quốc gia nào về những giá trị mang tính di sản đối với bất cứ một thể loại, loại hình hoạt động nào trong hệ thống văn hóa dân gian Mường nói chung và dân ca Mường nói

riêng. Có thể, những loại hình sinh hoạt văn hóa của người dân nơi đây chưa tạo nên được nét đặc sắc nổi bật để công nhận di sản, hoặc cũng có thể sự quan tâm, quá trình sưu tầm tổng hợp chưa đạt được kết quả như mong đợi và phù hợp với những quy định của việc công nhận loại hình di sản? Vậy làm thế nào để văn hóa dân gian Mường Phú Thọ trong đó đặc biệt là các giá trị phi vật thể mà cụ thể hơn đó là các làn điệu dân ca nhận được sự quan tâm, đầu tư của mọi người dân, mọi cấp ngành nhằm công nhận chúng là một trong những di sản văn hóa cần gìn giữ? Đây chính là vấn đề mà chúng tôi muốn bàn luận tới.

Người Mường trong các hoạt động cộng đồng, trong mối quan hệ xã hội thì những nếp sinh hoạt văn hóa dân gian luôn được coi là cốt lõi bộc lộ bản sắc tộc người nhất. Truyền thống văn hóa dân tộc với những câu hát, điệu ru, nhịp chày khoan thai của những chàng trai cô gái khi đâm ống, đánh đuống đã tạo nên một không gian Mường êm đềm, bình dị. Từ bao đời nay vẫn thế, hoạt động sinh hoạt văn hóa dân gian và câu hát dân ca vang lên trong không gian với giai điệu ngọt ngào đầm thắm, lời ca nhẹ nhàng, tình cảm, chất chứa khát khao vươn tới cuộc sống bình an tốt đẹp hơn.

Dung dị và bình thản, con người làng Mường giống như những giai điệu dân ca luôn hòa đồng cùng sự chân chất, mộc mạc, họ trao đổi, ca hát, đối thoại để giải bày tâm sự, để giao tiếp và đặc biệt - như lời cụ Sóng “Để được lưu lại cho con cháu mai sau biết, nhớ và giữ gìn dân ca dân tộc mình”. Với bản chất giản dị, người Mường vẫn cứ luôn ca hát dân ca theo sở thích, vẫn đối đáp với nhau trong các cuộc giao lưu, sự phát triển của đời sống kinh tế cũng đã phần nào giúp họ thảnh thơi hơn để từ đó tiếng hát thêm được nhẹ nhàng hơn, bay bổng hơn. Tuy nhiên, đứng trước sự phát triển xã hội với nhiều loại hình nghệ thuật mới muôn phần hấp dẫn, lôi cuốn cùng sự đa dạng phong cách biểu hiện và đặc biệt phù hợp hơn với nhận thức của giới trẻ hiện nay do đó, giai điệu dân ca dân tộc luôn cần phải có biện pháp, cách thức và cả việc lưu truyền, cải biến để bảo tồn nó trong sự phát triển này khi mà vấn đề ca hát dân ca không còn là những câu hát quan trọng được các thế hệ trẻ để tâm tới nữa.

Khi giai điệu dân ca trở thành tiếng nói, hành động trong giao tiếp của con người thì những đề tài gìn giữ bảo tồn, phương thức lan tỏa chúng trong cộng đồng sẽ được nhiều tầng lớp người dân cùng hưởng ứng tham gia. Mức độ kích hoạt sức sống cho những câu hát ấy được lan tỏa, sự lưu truyền và tồn tại trải qua nhiều giai đoạn phát triển xã hội, hình ảnh đời thường hiện hữu trong các mối quan hệ, trong tình người đã tạo nên tính hiển nhiên sẵn có khi coi dân ca là một thứ di sản quý giá quan trọng trong cộng đồng.

Tiếng hát dân ca sẽ ngày một bay bổng rộng khắp, trở thành tài sản được các thế hệ người dân cùng vun đắp gìn giữ khi chính nó sẽ nhận được sự quan tâm đánh giá, nhận định và xác nhận vai trò ảnh hưởng đối với cộng đồng. Hệ thống các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian của người Mường ở các vùng Mường khác (Hòa Bình và Thanh Hóa) với những đóng góp và vai trò quan trọng trong đời sống, những giá trị đã được xã hội công nhận và bảo tồn gìn giữ cho muôn đời sau, do đó đã có một số thể loại, loại hình dân ca Mường nhận được sự đánh giá, công nhận của nhà nước là di sản văn hóa, xứng tầm với các thể loại dân gian của các dân tộc khác khi cùng song hành phát triển.

Đánh giá di sản đối với các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian trong cộng đồng nói chung không phải nhằm mục đích đánh bóng, chạy đua theo thời cuộc, hay mức độ hơn - thua giữa các dân tộc, các hệ văn hóa khác nhau. Xác định di sản bất cứ một thể loại, một loại hình văn hóa nào trong cộng đồng đều phải dựa vào những giá trị ảnh hưởng của chúng đối với đời sống con người, những loại hình đó cần phải được bảo lưu khi nó đang ngày bị biến dạng, bị bỏ quên và mất đi trong dòng xoáy phát triển của xã hội hiện đại. Dân ca Mường ở Phú Thọ trong xu hướng phát triển của nhịp sống hiện nay mặc dù những câu hát, lời ru vẫn bay bổng, vẫn đang được người dân ca hát nhưng đối tượng thể hiện lại chủ yếu là thế hệ những người lớn tuổi, người già trong bản làng. Nếu không có sự chung tay kích hoạt phổ cập trong cộng đồng, không có sự đánh giá nhận định giá trị để tìm ra hướng bảo tồn, gìn giữ, không có sự quan tâm cũng như khơi gợi hứng thú của các thế hệ đặc biệt là những người trẻ tuổi, thì khi thế hệ người già, người lớn tuổi trở về với tiên tổ thì

những câu hát dân ca cũng đồng nghĩa với việc sẽ bị mất dần đi, bị thất truyền và lãng quên. Nhằm khẳng định giá trị bản sắc dân tộc, xác định vai trò tác động và vị trí trong đời sống tinh thần cộng đồng cũng như tạo cơ hội để những câu hát dân ca được tiếp thêm sức sống, nhận được sự quan tâm hơn của nhiều thế hệ đồng thời cũng là việc thể hiện trách nhiệm của mai sau đối với hồn cốt dân tộc mà cha ông đã bao đời gìn giữ. Vì thế rất cần thiết sự nhận định, đánh giá của các cấp ban, ngành văn hóa để dân ca Mường được khẳng định là một di sản có giá trị và mang bản sắc của người Mường.

4.2.2.2. Dự báo những biến đổi khi thực hiện di sản hóa dân ca Mường Phú Thọ

Trong cuộc sống nói chung, khi một vấn đề, một hoạt động có sự biến đổi trên một phương diện nào đó sẽ dẫn đến nhiều sự thay đổi, nhiều mức độ tác động tạo nên sức ảnh hưởng diễn ra xung quanh nó.

Ở Phú Thọ, khi hát Xoan được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể thế giới đã tạo nên niềm vui, sự hứng khởi, niềm tin của người dân trong công cuộc giữ gìn và bảo tồn các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian. Sức lan tỏa trong công tác xây dựng và hình thành các CLB sinh hoạt văn hóa dân gian trong đó nổi bật nhất là các làn điệu dân ca được rộng khắp, sự quan tâm đầu tư cũng như tạo điều kiện cho việc thực hành dân ca trong cộng đồng luôn là vấn đề cốt lõi trong các hoạt động xã hội nói chung. Không hẳn chỉ có người Kinh mà hầu hết mọi người dân trên vùng đất tổ đều tham gia nhiệt tình cũng như thực hành ca hát, truyền bá các làn điệu để “giai điệu quê hương” được lan tỏa, được người dân khắp nơi cùng biết đến.

Cũng như vậy, nếu hiện tượng dân ca người Mường cũng được khẳng định, được đánh giá và công nhận di sản thì lẽ tất yếu sự thay đổi về nhận thức, thay đổi về mức độ tiếp cận cũng như trách nhiệm của con người trong công việc gìn giữ, lan tỏa nó trong thời đại sẽ được phát huy hơn, mở rộng hơn. Tuy nhiên, ở một góc độ nào đó, việc thay đổi nhằm khẳng định bản sắc, đúc kết thành quả, xây dựng màu sắc mới cho thể loại văn hóa dân gian độc đáo này sẽ dẫn đến có những vấn đề xảy ra với nó ở cả những mặt tích cực và những điều còn hạn chế.

Tác động tích cực nếu dân ca Mường được công nhận di sản

Khi dân ca Mường được nhìn nhận, đánh giá là đại diện di sản văn hóa sẽ tạo nên niềm vui, sự hứng khởi và cả hãnh diện của người Mường về việc phát triển văn hóa dân gian dân tộc. Quá trình gìn giữ và bảo tồn văn hóa cổ truyền của nhân dân đã được khẳng định, được công nhận với những giá trị mà nó mang đến cho nhận thức trong đời sống xã hội của con người như:

Dân ca chính là điểm nhấn nổi bật quan trọng trong các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian người Mường, việc khẳng định nó là “sản phẩm” mang tính di sản thì những giá trị về văn hóa, ngôn ngữ và bản sắc sẽ được đánh giá, sánh ngang cùng hệ thống văn hóa dân gian của các dân tộc khác trong lớp văn hóa dân gian Việt Nam nói chung.

Sự quan tâm của nhiều cấp ngành đến nó cùng với công việc nhằm khôi phục, bảo tồn sẽ là những hoạt động kích hoạt hệ thống các bài bản dân ca được bảo lưu, gìn giữ dưới góc độ được kiểm duyệt của các cấp, ngành một cách chặt chẽ hơn.

Quá trình di sản hóa thể loại sẽ tạo cơ hội cho dân ca được phát triển một cách rộng rãi trong cộng đồng, được nhiều thế hệ người dân cùng chung tay đồng sức đồng lòng nhằm phổ biến nó trong không gian sống, khẳng định vị thế khi nhìn nhận với vai trò thiết yếu trong phát triển xã hội, theo khía cạnh hình thành sắc thái mới, phù hợp hơn với bối cảnh đời sống hiện đại. Mức độ quan tâm, sử dụng dân ca được thực hiện một cách triệt để trong mọi hoạt động từ sinh hoạt đời thường, đến cả những hoạt động phát triển đời sống kinh tế và mang tính thương mại hóa cao (kết hợp văn hóa du lịch cộng đồng, phát triển đời sống kinh tế người dân ngày một nâng cao).

Nhận định di sản đối với dân ca sẽ là cơ hội quan trọng trong việc đẩy mạnh tình đoàn kết, đồng lòng dân tộc, kết nối cộng đồng, tạo nên sức mạnh và hội nhập, tiến tới nâng cao vị thế, nhận thức của con người trong sự phát triển mọi mặt của xã hội mới.

Những tác động không mong muốn có thể xảy ra

Bên cạnh tác động tích cực thì việc di sản hóa dân ca cũng có thể sẽ dẫn đến những hệ lụy, thay đổi bất cập, những khó khăn mà cộng đồng người dân sẽ trải qua

khi phải cố gắng hoàn thiện hơn, phát triển hơn và dần tham gia cùng quá trình hiện đại hóa xã hội. Di sản hóa dân ca Mường có thể dẫn đến những hệ lụy không mong muốn như:

Cuộc sống người Mường luôn giản dị trong không gian êm đềm của rừng núi với những hoạt động đời thường gắn liền cùng nếp sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc mang đậm nét dân tộc nổi bật. Những câu hát dân ca luôn được coi là thứ ngôn ngữ quan trọng trong giao tiếp cộng đồng, là sự hình thành gắn gũi nhất của tinh thần, là thứ “vũ khí” quan trọng để con người sử dụng trong quá trình sống. Khi “ngôn ngữ dân tộc” được khẳng định, được đánh giá và coi trọng là di sản thì công việc sưu tầm, điền dã dân ca sẽ nhận được nhiều sự quan tâm hơn, từ đó kích thích các hoạt động ca hát dân ca trong cộng đồng diễn ra một cách liên tục và thường xuyên hơn. Các CLB ca hát dân ca được thành lập thì việc truyền dạy - học hát dân ca sẽ được thực hành một cách thường xuyên hơn. Tuy nhiên, quá trình thực hành ca hát dân ca diễn ra trong các hoạt động cộng đồng hiện nay sẽ không có được sự thoải mái của quá trình sáng tạo, ứng tác, vận ví tại chỗ về lời ca có gắn kết với những công việc lao động phù hợp một cách tự nhiên như trước đây nữa, bởi sự thay đổi từ lao động thô sơ sang lao động máy móc chính là nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế thực hành vận ví lời ca khi ca hát dân ca của người dân.

Quá trình chủ động của con người trong việc hình thành nên các nhóm ca hát cũng như tự tạo ra môi trường để ca hát, những công việc hoạt động lao động đã không còn mang tính thiết yếu để hình thành nên những câu đối đáp dân ca, do đó dẫn đến không gian tự nhiên mang tính sẵn có để ra đời, hình thành nên dân ca bị mất đi, biến đổi đi. Người dân ca hát dân ca không còn cảnh những nhóm tụ tập khi lao động chân tay mà được thay bằng những đội, những CLB hoạt động một cách có chủ đích tại các nhà văn hóa, các trung tâm văn hóa và có sự chỉ dẫn, chủ động trong hệ thống bài bản đã được chuẩn bị sẵn.

Di sản hóa dân ca tạo nên sự thay đổi cả về tư duy lẫn hành động của người dân trong việc xác định giá trị và thực hành nó trong các hoạt động cộng đồng. Khi dân ca tồn tại tự nhiên trong đời sống, vẫn là những câu hát được lan truyền trong

dân gian, người dân cùng nhau ca hát một cách tự phát theo ý thích thì mức độ phản ánh cũng như giá trị tinh thần luôn mang màu sắc bình dị, đơn giản. Nhưng khi dân ca được nâng lên ở một vị thế cao hơn, với mức độ nhìn nhận giá trị hơn thì việc thương mại hóa gắn với nhu cầu thực tiễn hàng ngày sẽ được nhìn nhận ở mức độ khác hơn, ca hát dân ca không còn đơn thuần là việc tự phát mà được thay bằng sự đầu tư có mức độ ảnh hưởng của kinh tế thị trường.

Như vậy, người Mường với những loại hình văn hóa dân gian đa dạng, đặc sắc đặc biệt là các thể loại bài bản dân ca đã trở nên ngày càng gần gũi hơn với các hoạt động sinh hoạt của con người trong xã hội hiện nay, sự hiện diện của những câu dân ca ấy làm cho đời sống người dân thêm nhiều màu sắc đa dạng, những giá trị truyền thống dân tộc được nhiều thế hệ cùng trao truyền và gìn giữ, cùng phát huy tích cực bản sắc dân tộc hòa quyện với cái hiện đại, cái mới đảm bảo cho cuộc sống ngày một tươi đẹp hơn.

4.3. Ý thức bảo tồn dân ca Mường trong xu hướng tồn tại và phát triển ở Phú Thọ

Sự hiện diện của dân ca thông qua các hoạt động trong sinh hoạt văn hóa hiện nay đã tạo nên sự hứng khởi cũng như niềm vui thích cho mọi đối tượng trong cộng đồng nói chung. Tuy nhiên, để những hoạt động văn hóa dân gian trong đó có dân ca người Mường dần trở nên phổ biến rộng rãi hơn, được các thế hệ người dân đón nhận, gìn giữ, đồng thời có cách thức thực hiện bảo tồn, công nhận chúng là một trong những di sản văn hóa quý giá của con người, của xã hội lại là một trong những nhiệm vụ quan trọng cần thiết không phải của riêng cấp, ngành nào hay của riêng bất kì một ai trong giai đoạn phát triển hiện nay.

4.3.1. Xu hướng tồn tại của dân ca Mường ở Phú Thọ trong bối cảnh hiện nay

Trong bối cảnh xã hội phát triển hiện đại với nhiều mức độ tiếp cận và ứng dụng bởi các khoa học kỹ thuật, do đó dân ca Mường Phú Thọ nói riêng cũng bị hạn chế về mức độ tồn tại trong đời sống cộng đồng. Người dân Mường hiện nay đặc biệt là giới trẻ có nhiều mối quan tâm hơn, có nhiều dạng hoạt động văn hóa nghệ thuật hơn. Do vậy, hoạt động sinh hoạt ca hát dân ca đang dần bị thu hẹp lại và chỉ

còn trong các mối quan tâm của những người lớn tuổi. Xu hướng ca hát dân ca Mường hiện nay đang chuyển dần sang một hình thức mới - hình thức ca hát có sự chuẩn bị sẵn, cụ thể, chi tiết về thời gian, không gian và cả nội dung bài bản ca từ, giai điệu. Ở xã hội cổ truyền, người dân ca hát hầu hết mang tính tự phát thì hiện nay, họ đã có sự chuẩn bị chu đáo bởi những giai điệu ngọt ngào sẽ được cất lên trong không khí của những buổi tập trung cộng đồng và luôn có mức độ chu toàn về sự chuẩn bị mọi mặt.

Việc lưu giữ và phát triển những bài bản dân ca Mường hiện nay hầu hết đều theo phương thức truyền miệng, chưa có bất kì một sự khuyến khích nào cho việc thu thập ghi chép và ký âm làn điệu dân ca cho người Mường bằng văn bản để lưu giữ giống như với các thể loại dân ca của các dân tộc khác (Ví dụ như dân ca người Kinh). Nếu thực trạng này không được thay đổi thì có thể sẽ là một hạn chế lớn cho việc giữ gìn cũng như truyền thụ lại giai điệu dân ca cho các thế hệ mai sau bởi với mỗi cách thức phổ biến, mỗi cách hát của một thế hệ lại tạo nên nhiều dị bản hơn cho chính làn điệu dân ca ấy từ đó sẽ dẫn đến sự không thống nhất cho các bài bản dân ca về sau.

Dân ca Mường hầu hết được người dân hát bằng tiếng Mường. Do đó, để có thể gìn giữ và phổ biến rộng rãi các làn điệu dân ca Mường trong cộng đồng thì vấn đề quan trọng trước nhất chính là việc làm thế nào để mọi người dân Mường phải nói tốt tiếng Mường, trao đổi thành thạo tiếng Mường vì nếu để hát bằng lời phổ thông (tiếng Việt chung) lẽ tất yếu là sự chò đợi của quá trình phiên dịch tiếng.

Để những câu hát dân ca Mường luôn lan tỏa trong cộng đồng, trở thành chất xúc tác trong các nếp sinh hoạt ca hát tập thể, là thứ ngôn ngữ giao tiếp riêng biệt của dân tộc thì mỗi cá nhân người Mường nói riêng cần xác định rõ hơn vai trò và nhiệm vụ của mình trong công tác phát triển, gìn giữ dân ca Mường trong sự hội nhập hiện đại như ngày nay.

Đa dạng và phong phú với nhiều thể loại ca hát dân ca nhưng hiện chưa có bất cứ một thể loại, làn điệu dân ca nào của người Mường Phú Thọ được đánh giá, công nhận di sản. Do đó, các thế hệ người dân Mường cần không ngừng phát huy

tích cực hơn trong công cuộc giữ gìn bản sắc, bảo tồn văn hóa dân gian đặc biệt là những làn điệu dân ca để “tiếng nói”, “ngôn ngữ giao tiếp” của dân tộc mình sẽ mãi được phát huy, được mở rộng thêm nhiều hơn, được nhiều người biết đến hơn và đặc biệt những giá trị ngôn ngữ dân gian ấy luôn còn tồn tại, sống mãi cùng các thế hệ người dân.

Bên cạnh việc kích hoạt để có hướng đi mới phù hợp với nhu cầu, thị hiếu hiện đại thì việc giữ gìn những bài bản dân ca theo nguyên bản gốc để nó có thể tồn tại, phát triển phổ biến hơn trong đời sống cộng đồng cần:

Trước nhất, cần thiết việc bảo tồn không gian diễn xướng cho dân ca

Mỗi thể loại, làn điệu dân ca ra đời đều tùy thuộc vào môi trường sinh hoạt của con người. Cuộc sống hiện đại với cách thức lao động, sinh hoạt cộng đồng thay đổi khác xa hoàn toàn so với xã hội trước kia, nhận thức của con người hiện đại cũng mang nhiều nét mới phản ánh một cách chân thực nhất những đòi hỏi về nhu cầu. Do vậy, cần có những phương án thực hiện cụ thể hơn cho từng thể loại bài bản dân ca khi muốn gìn giữ chúng trong đời sống hiện nay.

Bất cứ thể loại dân ca nào cũng luôn cần có một môi trường, không gian diễn xướng phù hợp. Các loại hình sinh hoạt cộng đồng gắn với sự hình thành của giai điệu dân ca từ lao động, nghi lễ tín ngưỡng, các phong tục tập quán đến nếp sinh hoạt đời thường... Tất cả đều khẳng định bản sắc dân gian Mường, là cái nôi hình thành, nuôi dưỡng và tạo dựng nên hệ thống ngôn ngữ âm thanh với những mối quan hệ đời thường, những hoạt động xã hội mang tính tập trung, sự thực hành những nghi thức của phong tục, lễ nghi...

Không gian diễn xướng các loại hình văn hóa dân gian Mường nói chung hiện nay ở các cộng đồng người Mường Phú Thọ đã có sự khẳng định với 02 đội văn nghệ dân gian được thành lập do cấp huyện quản lý (Đội VNDG đăm Đuống xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn và đội VNDG múa Trống đu xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập). Các CLB dân ca Mường hiện nay được thành lập khá nhiều tại các làng Mường trong toàn tỉnh nhưng hầu hết đều là những CLB dưới sự quản lý của cấp xã thôn và hầu như chưa có CLB nào nhận được sự đầu tư quản lý từ cấp huyện trở lên.

Như vậy, dân ca là tiếng nói cộng đồng, ra đời trong các nếp sinh hoạt mang tính cộng đồng cao, do đó để các làn điệu dân ca có cơ hội được cất lên hòa mình trong cuộc sống với nhiều sức cuốn hút thì trước hết cần lưu giữ chính môi trường sinh hoạt ca hát của dân ca trong các xóm bản người Mường.

Thứ hai, phổ biến dân ca kết hợp với phát triển du lịch

Phát triển đời sống văn hóa tinh thần, thỏa mãn nhu cầu khám phá, thưởng thức các giá trị văn hóa dân gian của mọi người dân trong xã hội là việc làm rất cần thiết hiện nay. Do đó, cần kích hoạt các hoạt động dân gian đặc biệt là phổ biến ca hát dân ca đến gần hơn với cộng đồng, kích thích phát triển đời sống kinh tế cũng như văn hóa xã hội thông qua các hoạt động du lịch về nguồn, chính là một trong những bước tiến được đánh giá tốt hiện nay.

Phổ biến các làn điệu dân ca dân tộc chính là đưa nhận thức của người dân dần trở về với cội nguồn, với những giá trị văn hóa mà cha ông đã bao đời gìn giữ. Tuy nhiên, mỗi giai đoạn phát triển của xã hội sẽ ứng với sự nhận thức của một thế hệ mới do vậy, nếu cứ phát triển theo lối mòn cũ thì khó gặt hái được thành công. Để thế hệ trẻ hiện nay nhận thức tốt hơn về dân ca dân tộc thì lẽ tất yếu luôn phải có sự kết hợp giữa cổ truyền, dân gian với hiện đại nhằm kích thích tính sáng tạo, ưa tìm tòi cái mới của họ đồng thời gây dựng môi trường cho những chất liệu dân gian được phát triển nhân rộng hơn.

Hiện nay, phát huy truyền thống bản sắc dân tộc riêng biệt vốn sẵn có, một số chương trình, mô hình về văn hóa Mường được xây dựng như: Mô hình nhà sàn Mường do Bảo tàng Hùng Vương xây dựng và trưng bày tại không gian trưng bày ngoài trời của bảo tàng; trưng bày sắc màu trang phục dân tộc tại Lễ hội đền Hùng đặc biệt là việc xây dựng điểm du lịch cộng đồng các dân tộc tại xã Xuân Sơn, huyện Tân Sơn... những mô hình này đã thực sự thu hút được lượng khách du lịch đáng kể đến tham quan, trải nghiệm. Tuy nhiên, những bài bản dân ca dân gian vẫn chưa phải là đối tượng được chú trọng trong các mô hình hoạt động này. Vậy nếu muốn những câu hát dân ca được sống trong chính không gian Mường, được hòa mình trong các hoạt động nghi thức Mường thì việc quan trọng nhất đó chính là tạo

thêm nhiều cơ hội để những câu hát ấy được chấp cánh bằng cách kết hợp giữa việc gìn giữ bảo tồn với việc kích hoạt thông qua các hoạt động thực hành trong đời sống trong đó có hoạt động phát triển văn hóa du lịch cộng đồng, nhân rộng giá trị truyền thống và bản sắc dân gian Mường tới người dân toàn xã hội.

4.3.2. Xu hướng phát triển dân ca Mường ở Phú Thọ hiện nay

Gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong đời sống nói chung, di sản văn hóa PVT dân tộc thiểu số nói riêng hiện nay. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật mang tính đa dạng cộng đồng dần trở thành nếp, thành nhu cầu, thói quen được người dân tin tưởng, hào hứng tham gia đồng thời những giá trị văn hóa dân gian đã dần trở nên quan trọng hơn trong suy nghĩ của mỗi người dân. Trong các hoạt động văn hóa ấy, dân ca luôn là đối tượng được quan tâm nhiều hơn, nhận được sự cổ vũ hào hứng hơn từ người dân. Những câu hát “*hình o*”, những lời ru “*thương thiết thương nồng*” đã trở nên quen thuộc mỗi khi làn điệu dân ca được nhắc đến. Đến với các vùng Mường trong ngày hội văn hóa các dân tộc hay trong ngày hội Đại đoàn kết dân tộc, ngày lễ hội đình làng... những bài bản dân ca luôn được ưu tiên ca hát, trình diễn trước đám đông đan xen cùng các tiết mục văn nghệ có sự kết hợp với múa hát rộn ràng. Để tạo không khí cho ngày hội cũng như mang đến một màu sắc mới cho tính chất làn điệu dân ca, một số bài bản như hát ví, hát rang khi biểu diễn đã người dân kết hợp với nhạc cụ như ống, công chiêng, trống trong cùng một tiết mục.

Hằng năm, trong các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức tại các địa phương, người dân Mường nói riêng luôn cố gắng phát huy những giá trị của hiện đại vào trong nhu cầu thưởng thức của mình, họ luôn đan xen hòa nhập giữa “cái cũ” với “cái mới”, giữa cái hiện đại mang tính đa dạng với bản sắc sẵn có dân tộc... Các CLB dân ca được hình thành tại các xã, huyện với nhiều thành viên thuộc nhiều lứa tuổi cùng tham gia, họ cùng nhau luyện tập ca hát dân ca không phải chỉ riêng dân tộc mình mà còn có cả dân ca của các dân tộc khác nữa. Bên cạnh đó, những tác phẩm âm nhạc gần gũi được các nhạc sĩ sáng tác dựa trên chất liệu dân ca cũng được người dân đón nhận và thực hành biểu diễn. Góp mặt trong các

chương trình văn nghệ hiện nay ở các địa phương và được người dân luyện tập, biểu diễn một cách nhiệt tình hào hứng nhưng các bài bản dân ca Mường lại không còn là “nguyên gốc” với tính chất giản dị sẵn có nữa, những lời ca mộc mạc với cách thể hiện bình dị (vừa lao động vừa ca hát...) đã được chuyển thành những “tiết mục” biểu diễn với đa dạng về âm thanh cũng như sự cắt ghép cải biên nhằm mang đến một màu sắc mới, một cách thức thể hiện mới thu hút người thưởng thức hơn, tạo nên cái “hay” và “lạ” như sự cảm nhận nói chung hiện nay.

Xu thế hưởng ứng khi tham gia trong các buổi luyện tập và biểu diễn chương trình văn hóa dân gian phục vụ các hoạt động văn hóa, chính trị của các thể hệ người dân trong cộng đồng dân tộc Mường hiện nay họ rất hào hứng với các tiết mục tự biên, cải biên các làn điệu dân ca để phù hợp hơn với không khí của chương trình biểu diễn. Sự “đổi mới” về màu sắc, phong cách và cả lời ca bài bản dân ca đã tạo ra hiệu ứng khá tốt đối với khán giả do đó việc “sân khấu hóa” các làn điệu bài bản dân ca Mường có thể được ví như một “trào lưu mới” hiện nay được người dân đón nhận. Người Mường đã có những “cách làm” để tạo nên sức hút cho thể loại dân ca của mình như:

Đặt lời mới trên giai điệu, bài bản dân ca gốc để phù hợp hơn với từng chương trình hội nghị hay lễ kỉ niệm. Trong các hoạt động văn hóa xã hội hiện nay ở các làng Mường, ý thức giữ gìn câu hát dân ca đã phần nào được người dân quan tâm. Nhưng để phù hợp hơn với từng điều kiện sử dụng những làn điệu dân ca ấy, họ đã biến đổi từ việc ứng tác tại chỗ hoặc ca hát theo cách thức tự do bằng sự chuẩn bị có tính chất chu đáo, cụ thể hơn đó chính là việc hoàn thiện giai điệu ca từ mới phù hợp với chủ đề chương trình. Trên giai điệu bài bản theo lối hát cổ nhưng lời ca đã có sự chuyển đổi rõ ràng:

“Chi tan te dầy dầy ay cò thung tẻ lể thủng Giờ bọn mình dầy dầy ai có súng lấy súng
Ay cò đảo lể đảo chở hơi toãn dân, à oi” Ai có giáo lấy giáo thổi hơi toàn dân, à oi.

(trích: Hát rang – Lời Bác gọi; người hát Hà Thị Sóng, xã Lai Đồng;

Người ghi phiên âm Đinh Ngọc Tân)

Trong xu hướng mới của biểu diễn nghệ thuật dân gian trên sân khấu hiện nay đó là sự “đầu tư mới” về trang phục, phong cách cũng như sự gọt giũa một cách

bài bản hoàn chỉnh về ca từ câu hát. Những bộ trang phục được trau chuốt có đính kim sa lộng lẫy đi kèm với những động tác sáng tạo khi biểu diễn trên sân khấu của người tham gia đã làm cho tiết mục ca hát trở nên hay hơn, có sức hút hơn đối với khán giả thưởng thức.

Dân ca Mường trong xu hướng trình diễn hiện nay luôn là sự sáng tạo của việc kết hợp ca hát dân ca với các nhạc cụ dân tộc đệm theo (trống, ống, sênh tiền, chiêng...) và thậm chí cả nhạc cụ hiện đại (đàn phím điện tử). Bài bản dân ca có thể do một giọng hát tự sự nhưng khi biểu diễn trước đám đông sẽ được bổ trí thêm một nhóm người phụ họa biểu diễn với các loại nhạc cụ cổ truyền như cồng, chiêng, trống... Cách thức kết hợp múa phụ họa theo giai điệu bài hát cũng được áp dụng trong biểu diễn các tiết mục dân ca hiện nay. Chuyên đổi mang tính nổi bật về hình thức và cách trình diễn bài bản dân ca Mường theo xu hướng mới cũng đã phần nào thu hút được mức độ quan tâm của người Mường hiện nay hơn.

Bên cạnh đó, việc cắt, ghép dân ca dùng làm câu mở đầu, câu kết để biểu diễn trong các tiết mục văn nghệ với một tác phẩm được sáng tác lời mới theo phong cách dân gian cũng được giới trẻ hiện nay ưa thích.

Xu hướng thực hành dân ca trong đời sống cộng đồng người Mường hiện nay phổ biến nhất, được ưa chuộng nhất đó chính là việc thực hiện ca hát dân ca bằng tiếng phổ thông, để tất cả mọi đối tượng đều có thể nghe, hiểu và thậm chí cùng tham gia ca hát được. Các chương trình văn hóa nghệ thuật như đại đoàn kết dân tộc, ngày hội văn hóa các dân tộc hay các hoạt động lễ kỷ niệm, chào mừng... người dân cùng nhau vui chơi, cùng thực hành diễn xướng dân gian và hơn tất cả là những câu hát dân ca được trình bày trong một bầu không khí tràn ngập sự đoàn kết, gắn bó.

Tuy vậy, các hoạt động nhằm thúc đẩy việc phát huy các giá trị văn hóa dân gian nói chung ở Phú Thọ mà nổi bật là dân ca người Mường vẫn còn nhiều hạn chế và khó khăn. Với nhiều lý do cả khách quan và chủ quan trong việc xây dựng các phương án và triển khai kích thích các hoạt động văn hóa dân gian phát triển, trong những năm gần đây, các sở, ban, ngành Phú Thọ cũng đã có nhiều cách thức, bước

tiến mới trong việc đẩy mạnh hoạt động theo các dự án đã tiến hành, kết hợp bảo tồn văn hóa dân gian nói chung trong hướng phát triển du lịch về nguồn nhằm gìn giữ nét văn hóa độc đáo của cư dân trên vùng đất Tổ, phát triển văn hóa dân gian ấy rộng khắp cũng như kích cầu kinh tế, nâng cao đời sống và nhận thức cho người dân, bên cạnh đó tích cực hơn trong công tác triển khai sưu tầm, tích lũy và hoàn thiện các tiến độ để từng bước đề cử công nhận là những di sản văn hóa nổi bật.

Khi dân ca bên cạnh vai trò và giá trị quan trọng của đời sống tinh thần thì chúng còn chính là những ngôn ngữ thể hiện bản sắc tộc người, thể hiện mối quan hệ cộng đồng mà bất cứ một dân tộc nào, một cộng đồng xã hội nào cũng luôn quan tâm và đề cao. Giữ gìn dân ca là giữ gìn “tiếng nói” của dân tộc, là cốt cách của tộc người được xây dựng phát triển trên nền tảng mang tính truyền thống mẫu mực. Sự phát triển không ngừng của xã hội hiện đại với đa dạng khía cạnh đã có sự tác động không nhỏ đến mọi mặt cuộc sống của con người đặc biệt là những ảnh hưởng quan trọng trong đời sống tinh thần. Giữ gìn, bảo tồn nguồn cội dân tộc thông qua những giai điệu dân ca đồng thời có những cách thức phát triển nó sao cho phù hợp với thời đại, với nhu cầu là việc làm rất cần thiết, quan trọng. Nhưng làm thế nào để có thể vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời vừa hội nhập phát triển, mở rộng vị thế theo thời đại? Đây luôn là những vấn đề cần phải được thực hiện một cách đồng bộ, song hành cùng nhau bởi không thể tiến tới sự phát triển hiện đại mà bỏ qua những giá trị truyền thống dân tộc.

Tiểu kết

Từ những vấn đề lý thuyết và thực tiễn đặt ra trong chương này, chúng tôi đã tổng hợp những vấn đề xung quanh sự tồn tại và phát triển của dân ca Mường Phú Thọ trong ý thức của người dân Mường với các độ tuổi. Đồng thời, dự báo sự biến đổi của những làn điệu dân ca ấy trong bối cảnh phát triển xã hội hiện nay cũng như việc gìn giữ và xu hướng bảo tồn trong cộng đồng người Mường ở Phú Thọ nói riêng.

Dân ca Mường ở Phú Thọ với nhiều thể loại, nhiều bài bản luôn gắn bó mật thiết cùng đời sống tinh thần của người dân từ những sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày đến những tâm tư tình cảm, những nghi thức trong đời sống tâm linh...

Sự đa dạng và phong phú ấy đã tạo nên một “không gian Mường” đặc trưng, độc đáo, thu hút sự quan tâm của nhiều đối tượng không phải chỉ riêng người Mường nhằm lưu giữ, bảo vệ và phát huy nó trong cuộc sống mà còn có cả sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, của những người yêu dân ca Mường muốn thu thập, sưu tầm nhằm bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc này trong sự phát triển hiện đại của xã hội hiện nay.

Gìn giữ và phát triển những câu hát dân ca trong xu hướng hiện đại hóa hiện nay vẫn luôn là bài toán cần có hướng giải quyết một cách rõ ràng, mạch lạc nhưng phải đảm bảo được tính cổ truyền dân tộc trong nó. Nếu như giới trẻ hiện nay hào hứng với những âm thanh hiện đại của sự đa dạng điện tử thì cần phải làm như thế nào để có thể dung hòa giữa tính chất dân gian với cái “chất liệu hiện đại” ấy để thu hút hơn sự đề tâm tham gia từ họ đối với những làn điệu, bài bản dân ca?

Những giai điệu, bài bản dân ca người Mường luôn khẳng định vị thế quan trọng và độc đáo của mình trong hệ thống âm nhạc dân gian các dân tộc Việt Nam nói chung. Đây thực sự là những giai điệu quý luôn cần được gìn giữ đồng thời phổ biến và phát triển phù hợp với mọi đối tượng người dân Mường trong từng giai đoạn phát triển của xã hội và tiến tới sau này, những câu hát dân ca Mường sẽ có bước tiến mới rộng hơn, đa dạng hơn và trở nên phổ biến hơn với tất cả mọi người dân trong nhịp điệu hội nhập “Mường hóa”.

KẾT LUẬN

Ở Việt Nam, mỗi dân tộc đều có lối sống, có nền văn hóa dân gian nói chung đặc trưng mang màu sắc riêng biệt độc đáo trải dài cùng quá trình phát triển của lịch sử. Là thể loại đặc sắc trong kho tàng văn hóa dân gian các dân tộc Việt Nam, là một loại hình nghệ thuật thuộc lĩnh vực văn hóa tinh thần - Dân ca với những giai điệu ngọt ngào, trữ tình, luôn thể hiện tư tưởng, tình cảm của con người và của cộng đồng người trong các mối quan hệ giao tiếp. Giai điệu dân ca luôn tồn tại trong trí nhớ và trong sâu thẳm tâm hồn của mỗi người dân, những khúc hát đưa nôi, những câu giao duyên, những lời thương, những điều tâm sự... luôn có ý nghĩa to lớn gợi lên những khát vọng, niềm tin trong cuộc đời của mỗi người dân nói chung.

Phú Thọ luôn tự hào với những truyền thống lịch sử, với không gian văn hóa cùng nhiều các di sản nổi bật mang đậm dấu ấn cổ xưa của vùng kinh đô Văn Lang với một nền văn minh lúa nước rực rỡ. Người dân trên quê hương đất Tổ nói chung luôn giản dị mộc mạc, cần cù một sương hai nắng, gắn kết với ruộng nương cùng những tình cảm chân thành, gần gũi trong xóm làng, trong cộng đồng sinh sống.

Người Mường trên vùng đất Tổ Hùng Vương với những nét mộc mạc giản dị như bản chất sẵn có, họ luôn giữ gìn và phát huy tốt bản sắc tộc người, luôn thể hiện và thực hành tốt các hoạt động văn hóa dân gian dân tộc trong hệ thống sắc màu văn hóa dân gian nói chung nhằm hòa quyện cùng các tộc người khác trên vùng quê Phú Thọ thúc đẩy nền văn hóa dân gian đất Tổ phát triển đa dạng và rực rỡ hơn. Với đời sống sinh hoạt văn hóa phong phú luôn gắn liền với nhu cầu thực tiễn của những hoạt động đời thường trong cộng đồng, người Mường đã khẳng định riêng cho mình với hệ thống kho tàng cùng nhiều thể loại, nhiều loại hình mang sắc thái đặc trưng nổi bật không có sự pha trộn hay biến đổi. Trong hệ thống các loại hình sinh hoạt văn hóa nổi bật ấy không thể không nhắc đến một loại hình hoạt động gắn liền với nhu cầu trong cuộc sống của người dân, chúng luôn được ví như tiếng nói, tâm tư nguyện vọng, và đó cũng là những tâm sự dãi bày, lo toan với nhiều bộn bề vất vả của người dân lao động. Đó chính là hệ thống những câu hát dân ca, những làn điệu dân già, mộc mạc của người Mường.

Dân ca Mường ở Phú Thọ trong tính chất văn hóa cùng những nét nổi bật của

đời sống dân gian, hòa quyện trong không gian trữ tình của núi rừng và bản chất dung dị, bình lặng của người dân Mường sẵn có, bên cạnh đó là những sinh hoạt văn hóa mang đặc trưng độc đáo của vùng văn hóa đất Tổ đã tích góp được cho mình những giá trị riêng biệt để trở thành bông hoa quý, nổi bật nhất và luôn hòa quyện tỏa hương trong vườn hoa âm nhạc dân gian của vùng đất Tổ nói chung. Với sự đa dạng, phong phú về hệ thống các thể loại làn điệu, dân ca người Mường ở Phú Thọ được hình thành nên từ trong chính cuộc sống lao động thường ngày của người dân, với giai điệu lời ca mộc mạc giản dị, hình ảnh vận ví rất đời thường gần gũi, từ những lời ca ấy xã hội Mường hiện lên như một bức tranh về những con người chân chất, hiền hòa như hầu hết hình ảnh người dân nơi thôn quê yên bình của những làng quê nói chung.

Dân ca người Mường ở Phú Thọ cũng có khá nhiều bài bản, thể loại như hệ thống dân ca của người Mường ở các vùng khác, những câu chuyện giải thích cho sự hình thành nên những câu dân ca ấy vẫn trải dài cùng lịch sử và được truyền tụng lại cho nhiều thế hệ người Mường để gìn giữ và bảo tồn. Tuy nhiên, trong hệ thống các thể loại dân ca, ở Phú Thọ người dân Mường quan tâm, ca hát và phát triển nhiều hơn với hệ thống các bài bản làn điệu như: hát rang, hát ví, hát hò đu, hát ru. Một nét đặc biệt nổi bật của người Mường vùng đất Tổ có sự khác biệt hơn so với các vùng Mường khác đó là sự giao thoa, kết hợp màu sắc văn hóa giữa hai dân tộc Việt - Mường trong mối giao tiếp kết nước nghĩa cộng đồng để hình thành nên một thể loại ca hát độc đáo, thể hiện tình đoàn kết giữa các dân tộc cùng sinh sống trên cùng một vùng đất - thể loại hát gheo Việt - Mường.

Các thể loại dân ca người Mường ở Phú Thọ trong sự phát triển hội nhập kinh tế cùng quá trình hiện đại hóa đời sống hiện đại ngày nay cũng ít nhiều đã có sự biến đổi. Con người được tiếp xúc với mức độ hiện đại ở ngay trong các nếp sinh hoạt, trong các hoạt động lao động và cả trong đời sống tinh thần do đó đòi hỏi trong nhu cầu ngày càng có sự phát triển, nâng cao hơn. Quá trình hội nhập, tiếp thu nhiều luồng văn hóa mới cùng việc áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến với nhiều thiết bị, phương tiện hiện đại đã dần từng bước nâng cao nhận thức tư duy và mức độ sáng tạo khoa học của người dân. Những hoạt động dân gian, những lối

sinh hoạt ca hát dân già dần được thay thế bằng những hình thức sinh hoạt hiện đại, các phương tiện hỗ trợ cũng mang tính đa dạng hóa hơn.

Nhu cầu ca hát dân ca thực tế trong cộng đồng Mường hiện nay đang ngày dần hạn chế đi bởi cả ở nguyên nhân khách quan và chủ quan trong chính ngay các hoạt động của đời sống thường ngày. Mức độ quan tâm của người dân đối với dân ca, có sự chênh lệch giữa những người lớn tuổi và thế hệ người trẻ tuổi. Khảo sát các thế hệ lứa tuổi trong cộng đồng người Mường Phú Thọ hiện nay chúng tôi nhận thấy, hệ thống các bài bản dân ca cổ truyền hiện vẫn đang được bảo lưu và lưu truyền bởi chủ yếu là thế hệ những người Mường lớn tuổi. Sự phổ biến đến với thế hệ trẻ Mường vẫn chưa được nhiều và họ chủ yếu ở dạng lĩnh hội ca hát ngoài cộng đồng với bối cảnh, sở thích và mục đích thể hiện khác nhau.

Là thể loại sinh hoạt dân gian của một dân tộc sinh sống trên vùng đất Tổ nhưng dân ca Mường hầu như chưa nhận được sự quan tâm nghiên cứu mang tính chuyên biệt của bất kì một nhà nghiên cứu với công trình nghiên cứu nào, đặc biệt là mức độ sinh hoạt ca hát của cộng đồng trong nhu cầu đời sống hiện nay. Nghiên cứu và tiếp cận với các hoạt động sinh hoạt văn hóa trong cộng đồng người Mường ở Phú Thọ để đánh giá, nhận định dân ca trong đời sống hiện nay, bằng góc độ nhận thức cũng như các thao tác trong nghiên cứu liên ngành văn hóa - nghệ thuật, chúng tôi đã bước đầu đạt được những kết quả sau:

1) Dân ca Mường được phân theo các dạng bài bản, làn điệu gắn liền với nhu cầu sử dụng thực tế và mức độ phản ánh của nó trong đời sống cộng đồng người dân. Cách định dạng này nhằm khẳng định vai trò, giá trị cũng như tầm ảnh hưởng của những câu hát, làn điệu dân ca để từ đó xác định cách thức bảo tồn và phát triển trong cộng đồng một cách phù hợp với nhận thức, nhu cầu của đối tượng thực hành.

Thực tế trong đời sống hiện nay, những bài bản dân ca được người dân ca hát nhiều hơn với những thể loại, bài bản gắn liền với các hoạt động, các mối quan hệ cộng đồng. Nhưng làm thế nào để những làn điệu ấy được phát triển, được thực hành thường xuyên trong đời sống chính là vấn đề cơ bản cho việc phát huy, giữ gìn câu hát dân gian trong các thế người dân Mường để nó không bị mai một và mất dần đi trong xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

2) Các thể loại dân ca của người Mường ở Phú Thọ hiện nay không đa dạng với nhiều thể loại như ở các vùng Mường khác (vùng Mường Hòa Bình, Thanh Hóa...). Người Mường ở Phú Thọ hiện còn ca hát các thể loại như hát ru, hát rang, hát ví, hát hò đu. Một số những thể loại khác như hò, vè, đồng dao, hát xường (hay còn gọi là hát thường) qua tài liệu của một số nhà nghiên cứu địa phương có nhắc đến nhưng hiện nay chúng hầu không rất ít được người dân ca hát. Bên cạnh đó, thể loại hát gheo - lối ca hát kết nước nghĩa với người Kinh vùng Tam Nông, Phú Thọ, một thể loại ca hát đặc trưng điển hình chỉ có ở vùng đất Tổ nhưng hiện tại ở các làng Mường người dân hầu như không còn ca hát, làn điệu này hiện còn được phát triển phổ biến ở các làng người Kinh mà thôi.

3) Sự phát triển đời sống xã hội với những mức độ hiện đại hóa cùng nhiều quá trình tác động của các loại hình nghệ thuật hiện đại mới đã làm thay đổi nhu cầu của người dân trong đời sống sinh hoạt cũng như trong các hoạt động khác. Thực hành sinh hoạt ca hát dân ca trong đời sống cộng đồng Mường hiện nay hầu hết đều được thực hiện bởi những người lớn tuổi là chủ yếu. Thế hệ trẻ người Mường tiếp nhận các làn điệu ca hát dân ca ở mức độ không nhiều và có sự cách điệu hóa hình thức biểu diễn những câu hát dân gian ấy.

4) Vấn đề nhận thức của cộng đồng người dân về ca hát dân ca hiện nay cũng như việc bảo tồn, giữ gìn các làn điệu dân ca ấy trong cuộc sống có sự phân định khác biệt giữa thế hệ người lớn tuổi (vẫn luôn coi trọng dân ca là món ăn hàng ngày trong đời sống tinh thần) và những người trẻ Mường (nhận thức dân ca giống như các thể loại ca hát khác trong đời sống và có những sáng tạo trong việc “hiện đại hóa” cả về phương thức biểu diễn cũng như cách thức thực hiện thực hành dân ca hiện nay).

Xu hướng hiện đại hóa cùng với nhận thức có tính khác biệt của các độ tuổi trong xã hội như vậy, theo nhận định của chúng tôi sẽ phần nào làm cho mức độ tồn tại của dân ca Mường trong đời sống hiện đại ngày một dần bị hạn chế đi bởi lớp người lớn tuổi sẽ dần về với Mường trời, còn lớp người trẻ tuổi lại không hào hứng nhiều với việc phát huy dân ca theo tính chất truyền thống vốn có (họ luôn coi việc “cải biên”, “hiện đại hóa” cùng với những “sáng tạo” mới cho cách thức biểu diễn

những làn điệu dân ca cũng là góp phần gìn giữ âm nhạc dân tộc).

5) Từ những vấn đề nhận thức trên, chúng tôi nhận thấy rằng, cần phải có những phương án, những kế hoạch cụ thể cho việc lưu giữ, phục hồi và thực hành phát triển các làn điệu dân ca trong cộng đồng người Mường Phú Thọ như:

- Triển khai hơn nữa kế hoạch sưu tầm, phục dựng các hoạt động văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong đó đặc biệt quan tâm hơn tới hệ thống dân ca dân gian của người Mường.

- Duy trì và phát triển các hoạt động ca hát dân ca đối với mọi lứa tuổi trong cộng đồng người dân Mường.

- Trong bối cảnh hiện nay cần di sản hóa đối với dân ca Mường nhằm góp phần quan trọng trong việc kích hoạt sự phát triển của nó cũng như thu hút sự quan tâm đầu tư và cả cách thức bảo tồn dân ca của mọi đối tượng, tầng lớp người dân đặc biệt là các thế hệ người trẻ Mường.

Để những câu hát dân ca luôn được hòa quyện cùng cuộc sống người dân, là ngôn ngữ để con người trao đổi giao tiếp với nhau trong sinh hoạt thì bên cạnh việc khôi phục lại không gian diễn xướng, kích hoạt hoạt động trên mọi phương diện còn cần phải phát huy thế mạnh của môi trường đời sống hiện đại, phát huy những ảnh hưởng có tác động đến quá trình phát triển của những giai điệu dân ca trong đó không loại trừ việc nâng cao nhận thức và phát triển đời sống kinh tế cho người dân Mường hiện nay.

Công trình nghiên cứu về dân ca người Mường Phú Thọ trong bối cảnh hiện nay luôn mong muốn được là một nghiên cứu hữu ích, đóng góp một phần giúp cho công tác bảo tồn, sưu tầm và gìn giữ làn điệu dân ca các dân tộc trên vùng đất Tổ nói chung, dân ca người Mường nói riêng của tỉnh Phú Thọ được thực hiện một cách tích cực, có hiệu quả. Chúng tôi cũng mong muốn qua nghiên cứu, được đóng góp sức mình trong việc kích hoạt sức sống cho làn điệu dân ca dân tộc một cách tích cực, để những câu hát dân ca Mường nói riêng được sống đúng như bản chất của nó trong bối cảnh phát triển mới đồng thời đem đến cho các thế hệ Mường mai sau những giá trị tốt đẹp, cao cả hơn.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Tạ Thị Thu Hiền (2018), “Tiếp cận diễn xướng trong nghiên cứu dân ca Mường”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 406, tr.53-55.
2. Tạ Thị Thu Hiền (2020), “Dân ca Mường ở Phú Thọ trong xu hướng phát triển của xã hội hiện nay”, Kỷ yếu *Hội nghị nghiên cứu khoa học của Nghiên cứu sinh năm 2019*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.40-49.
3. Tạ Thị Thu Hiền (2020), “Góp phần bảo tồn di sản dân ca Mường ở Phú Thọ trong xã hội đương đại”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 429, tr.30-32.
4. Tạ Thị Thu Hiền (2021), “Vài nét về sự tiếp biến, giao lưu văn hóa Việt - Mường thời kỳ Văn Lang, Âu Lạc”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 464, tr.18-21.
5. Tạ Thị Thu Hiền (2022), “Giữ gìn giai điệu hát ru của người Mường ở Phú Thọ trong đời sống hiện nay”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 494, tr.65-69.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Dương Viết Á (2000), *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam*, Viện Âm nhạc, HN.
2. Vương Anh, Hoàng Nhân sưu tầm và dịch (1986), *Tuyển tập truyện thơ Mường - Thanh Hóa, tập I*, Sở Văn hóa thông tin Thanh Hóa, Nxb Khoa học xã hội, HN.
3. Vương Anh (2010), *Xường cài hoa dân tộc Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
4. Đinh Văn Ân (2002), *Mo - Đường lên trời*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
5. Đinh Văn Ân (2005), *Nhạc lễ của người Mường và người Thái Phù Yên tỉnh Sơn La*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
6. Đinh Văn Ân (2012), *Mo Voái*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
7. BCH Đảng bộ huyện Yên Lập tỉnh Phú Thọ (1998), *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Lập - 1945/1996*, Xuất bản năm 1998.
8. BCH Đảng bộ huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ (1999), *Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Sơn*, Tập 1.
9. BCH Đảng bộ huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ (2006), *Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Sơn*, Tập 2.
10. Phan Kế Bính (2005), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
11. Trần Văn Bính (chủ biên) (2009), *Giáo trình Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng cộng sản Việt Nam - Hệ cao cấp lý luận chính trị*. Nxb Chính trị - Hành chính, HN.
12. Trần Ngọc Bình (2008), *Văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Thanh niên, HN.
13. Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Di sản Văn hóa (2005), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, tập 2, HN.
14. Lê Ngọc Canh (1999), *Văn hóa dân gian Việt Nam - những thành tố*, Nxb Văn hóa thông tin, Trường Cao đẳng Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
16. Cục Thống kê Phú Thọ (1998), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ*, Nxb Thống

kê, HN.

17. Cuisinier, J. (1995), *Người Mường*, bản dịch từ cuốn *Les Muong*, Paris.1948, Nxb Lao động, HN.
18. Trần Cường, Cao Minh Khanh (1998), *Âm nhạc tác giả và tác phẩm - tập 2*, Nxb Âm nhạc, HN.
19. Khổng Diễn, Bùi Minh Đạo (Chủ biên) (2003), *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
20. Đào Ngọc Dung (1994), *Phân tích tác phẩm âm nhạc - tập 1*, Trường Cao đẳng sư phạm nhạc họa Trung ương, HN.
21. Đào Ngọc Dung, Quang Phác (Sưu tầm) (2003), *Dân ca Việt Nam*, Nxb Hà Nội, HN.
22. Phạm Đức Dương (Chủ biên) (2013), *Lịch sử văn hóa Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
23. Nguyễn Khoa Điềm (Chủ biên) (2001), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, HN.
24. Nguyễn Bình Định (2022), *Các phương thức ký âm trên thế giới và vấn đề ký âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
25. Nguyễn Tiên Đức (2004), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Thông kê, HN.
26. Phạm Duy Đức (Chủ biên) (2010), *Thành tựu trong xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam 25 năm đổi mới (1986 – 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia, HN.
27. Quách Giao, Văn Quỳnh, Thanh Sơn, Bùi Thiện, Thương Diễm (1965), *Dân ca Mường Hòa Bình*, Nxb Văn học, HN.
28. Nguyễn Thị Song Hà (2017), *Văn hóa tinh thần của người Mường*, Nxb Sân khấu, HN.
29. Đỗ Hạ, Quang Vinh (Biên soạn) (2006) *Các lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa.

30. Cao Sơn Hải (2013), *Lễ tục vòng đời người Mường*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
31. Cao Sơn Hải (2018), *Sử thi Đẻ đất đẻ nước - Một cách tiếp cận*, Nxb Đại học Quốc gia, HN.
32. Bùi Chí Hăng (2012), *Xường trai gái dân tộc Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
33. Nguyễn Thị Hằng (2015), *Những biến đổi văn hóa và tính cố kết cộng đồng dân tộc Mường hiện nay (nghiên cứu trường hợp dân tộc Mường tỉnh Hòa Bình)*, Luận án tiến sĩ, trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia, HN.
34. Nguyễn Minh Hiến (2005), *Chữ nhạc dân tộc Việt*, Nxb Âm nhạc, HN.
35. Liên Hoa (2019), “Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản văn hóa dân tộc Mường với phát triển du lịch tại Thanh Sơn”, Tạp chí *Văn nghệ Đất Tổ*, số 396, tr.71–72.
36. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Văn hóa và phát triển (2009), *Giáo trình Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, HN.
37. Hội Di sản văn hóa tỉnh Phú Thọ (2013) - Tạp chí *Di sản văn hóa đất Tổ*, số 1.
38. Nguyễn Ngọc Hôn (2013), “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch trên quê hương Phù Ninh”, Tạp chí *Di sản văn hóa đất Tổ*, số 1, tr.34- 36.
39. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam - tập 1*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
40. Đoàn Hải Hưng, Trần Văn Thục, Nguyễn Phi Nga (2009) *Những làng văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc ở tỉnh Phú Thọ*, Nxb Từ điển bách khoa, HN.
41. Đoàn Hải Hưng (2015), *Nét đẹp văn hóa dân gian vùng đất Tổ*, Hội Liên hiệp VHNT Phú Thọ.
42. Lương Văn Hy (2015), “Văn hóa học (Cultural Studies) và Nhân học văn hóa

- (Cultural Anthropology) trong môi trường học thuật Anh ngữ: Nhìn từ góc độ lịch sử học thuật”, Tạp chí *Văn hóa học*, số 18, tr.3-16.
43. Đinh Gia Khánh (1989), *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
 44. Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (Chủ biên) (1994), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
 45. Đinh Gia Khánh (2003), *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
 46. Vũ Ngọc Khánh (2003), *Văn hóa dân gian*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
 47. Vũ Ngọc Khánh (Chủ biên), Võ Văn Cận, Phạm Minh Thảo (2004), *Lễ hội trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
 48. Nguyễn Xuân Kính (1992), *Thi pháp ca dao*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
 49. Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) (2015), *Lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
 50. Huỳnh Vũ Lam (2015), *Nghiên cứu truyện dân gian Khmer Nam Bộ dưới góc nhìn bối cảnh*, Luận án tiến sĩ ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
 51. Huỳnh Vũ Lam (2019), *Nghiên cứu truyện dân gian Khmer Nam Bộ dưới góc nhìn bối cảnh - nghiên cứu phê bình văn học*, Nxb Hội Nhà văn, HN.
 52. Ngô Văn Lệ (2010), *Văn hóa tộc người truyền thống và biến đổi*, Nxb ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 53. Trần Thị Liên (Chủ biên), Nguyễn Hữu Kiên (2013), *Khảo sát văn hóa truyền thống Mường Đủ*, Nxb Thời đại, HN.
 54. Nguyễn Thụy Loan (2001), *Thường thức về âm nhạc cổ truyền Việt Nam và Lịch sử âm nhạc*, Nxb Giáo dục, HN.
 55. Nguyễn Thụy Loan (2005), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm, HN.
 56. Nguyễn Kim Loan (chủ biên), Nguyễn Trường Tân (2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.

57. Nguyễn Đức Lộc (chủ biên) (2016), *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại – tình cảnh sống của người công nhân: thân phận, rủi ro và chiến lược sống, tập 1*, Nxb Tri thức, HN.
58. Bùi Tuyết Mai (chủ biên) (2001), *Người Mường trên đất Tổ Hùng Vương*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
59. Bùi Tuyết Mai (chủ biên) (2008), *Người Mường ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, HN.
60. Vũ Mão, Phan Thị Bảo (2016), *Khu di tích lịch sử đền Lãng Suong*, Nxb Thanh niên, HN.
61. Phạm Phúc Minh (1994), *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*. Nxb Âm nhạc, HN.
62. Hoàng Nam (2013), *Tổng quan văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam – quyển 2*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
63. Ngô Quang Nam, Xuân Thiêm (Chủ biên) (1986), *Văn hóa dân gian vùng đất Tổ*, Sở Văn hóa và thông tin Vĩnh Phú.
64. Phạm Quang Nghị (2005), *Công cuộc đổi mới động lực phát triển lý luận và văn hóa*, Viện Văn hóa - Thông tin, HN.
65. Dư Văn Ngoặt (2018), “Bước đầu tìm hiểu hát Ghẹo của hai dân tộc Kinh, Mường ở Phú Thọ”, Báo *Phú Thọ cuối tuần*, tr.7,8.
66. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
67. Phan Ngọc (2000), *Thử xét Văn hóa - Văn học bằng ngôn ngữ học*. Nxb Thanh niên.
68. Tú Ngọc (1994), *Dân ca người Việt*, Nxb Âm nhạc, HN.
69. Nguyễn Hữu Nhàn (2012), *Sau bức màn truyền thuyết*, hội VHNT Phú Thọ.
70. Hoàng Anh Nhân (2011), *Văn hóa giao duyên Mường Trong*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
71. Phan Đăng Nhật (2010), *Văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số - những giá trị đặc sắc, tập 2: Văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
72. Nhiều tác giả (1965), *Dân ca Mường (Hòa Bình)*, Nxb Văn học, HN.
73. Nhiều tác giả (1990), *Văn hóa dân gian những phương pháp nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, HN.

74. Nhiều tác giả (1994), *Văn hóa Việt Nam một chặng đường*, Nxb Văn hóa thông tin và Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, HN.
75. Nhiều tác giả (2002) *Tổng tập văn nghệ dân gian Đất Tổ* - tập 3, Sở Văn hóa Thông tin - Hội VNDG Phú Thọ xuất bản.
76. Nhiều tác giả (2002), *Tính đa dạng của văn hóa Việt Nam: những tiếp cận về sự bảo tồn*, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.
77. Nhiều tác giả (2007), *Văn hóa học - Những phương pháp nghiên cứu*. Viện Văn hóa - thông tin, HN.
78. Nhiều tác giả (2007, 2009, 2010, 2011), *Về miền lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam - Tập 1, 3, 4, 5*, Sở VH TT và Du lịch tỉnh Phú Thọ - Hội VNDG xuất bản.
79. Nhiều tác giả (2009), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, HN.
80. Nhiều tác giả (2012), *Văn hóa dân gian một số tộc người*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
81. Phạm Đăng Ninh (2007), “Nghệ thuật già Đuông xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn”, Tạp chí *Văn hóa thông tin Phú Thọ*, số tháng 12, tr.49 - 50.
82. Vũ Ngọc Phan (2009), *Tục ngữ - Ca dao - Dân ca Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
83. Đinh Văn Phùng, Đinh Văn Ân (2015), *Đang - dân ca Mường*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
84. Pierre Bourdieu (2021), *Lý do thực tiễn về lý thuyết hành động*, Nguyễn Tùng dịch và chú giải, Nxb Tri thức, Hà Nội.
85. Lương Hồng Quang (2018), *Phát triển văn hóa dựa vào cộng đồng: Các tranh luận lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, HN.
86. Trần Văn Quang (2017), “Bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa cộng đồng dân tộc Mường”, Báo *Phú Thọ cuối tuần*, số ra ngày 8/7/2017, tr.5.
87. Lê Chi Quế (chủ biên), Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, HN.

88. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Luật Di sản văn hóa* năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và ban hành hướng dẫn thi hành, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, HN.
89. Đặng Đức Siêu (2004), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm.
90. Sở văn hóa thông tin thể thao Vĩnh Phú (1996), *Dân ca Vĩnh Phú - tập bài hát chọn lọc*, In tại xí nghiệp in Vĩnh Phú.
91. Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Phú Thọ, Hội Văn nghệ dân gian (từ 2007 đến 2011), *Về miền lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam - quyển 1,2,3,4,5*, In tại Công ty trách nhiệm hữu hạn in Thanh Bình, HN.
92. Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Phú Thọ - Báo cáo (2019), *Thực trạng di sản văn hóa truyền thống điển hình các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2019*.
93. Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Phú Thọ - Tạp chí *Văn hóa, thể thao và du lịch Phú Thọ*, số đặc biệt kỉ niệm ngày Di sản văn hóa Việt Nam 23/11/2020.
94. Dương Đình Minh Sơn (2014), “Thuật ngữ Công chiêng của người Kinh”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1, tr.40 - 44.
95. Kiều Trung Sơn (2012), *Công chiêng Mường*, Nxb Lao động, HN.
96. Kiều Trung Sơn, Nguyễn Tuệ Chi (2015), *Đuống của người Mường ở Kim Thượng huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
97. Kiều Trung Sơn (2016), *Nghệ thuật diễn xướng Mo Mường*, Nxb Thế giới, HN.
98. Kiều Trung Sơn (Chủ biên) (2018), *Sử thi Ê Đê hiện nay: Nghệ nhân và việc trao truyền nghệ thuật diễn xướng*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
99. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ*. Nxb Khoa học xã hội, HN.
100. Tô Ngọc Thanh (2007), *Ghi chép về văn hóa và âm nhạc*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
101. Lê Ngọc Thắng (2020), “Xây dựng làng văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất gắn với xóa đói giảm nghèo ở miền núi, vùng

đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”, Tạp chí *Văn hóa, thể thao & du lịch - Phú Thọ*, số đặc biệt kỉ niệm ngày Di sản văn hóa Việt Nam, tr.9- 12.

102. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
103. Trần Ngọc Thêm (chủ biên), Phạm Hồng Quang (2004), *Văn hóa học và văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm, HN
104. Bùi Thiện (1973), *Thường Rạng, Bộ mạng*, Ty Văn hóa thông tin Hòa Bình.
105. Bùi Thiện (2010), *Dân ca Mường phần tiếng Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN
106. Bùi Thiện (2010), *Dân ca Mường phần tiếng Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN
107. Bùi Thiện (2010), *Văn hóa dân gian Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN
108. Dương Huy Thiện, Đoàn Hải Hưng (2004), *Văn hóa dân gian huyện Yên lập*, Sở VH TT - Hội VNDG Phú Thọ xuất bản.
109. Dương Huy Thiện, Đoàn Hải Hưng, Trần Quang Minh (2010), *Văn hóa dân gian một số dân tộc thiểu số huyện Yên lập, tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, HN
110. Dương Huy Thiện (Chủ biên) (2015), *Văn hóa dân gian dân tộc Mường Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, HN
111. Dương Huy Thiện (2015), *Trò chơi dân gian Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
112. Ngô Đức Thịnh (2019), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
113. Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng (2017), *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
114. Đặng Đình Thuận (Chủ biên) (2014), *Lễ hội truyền thống vùng đất Tổ*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
115. Trần Văn Thục (Chủ biên), Cao Văn Thịnh, Dương Thị Bích Liên (2008), *Văn hóa, văn học dân gian Phú Thọ*, Tài liệu tham khảo lưu hành nội bộ. Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ.

116. Trần Văn Thục (Chủ biên), Dương Bích Liên, Cao Hồng Phương, Tạ Thị Thu Hiền, Bùi Mai Lan (2008), *Âm nhạc dân gian Phú Thọ*, Giáo trình lưu hành nội bộ. Đại học Hùng Vương, Phú Thọ.
117. Cao Khắc Thùy (2011), *Hát Xoan - Hát Ghẹo dấu ấn một chặng đường*, Nxb Âm nhạc, HN.
118. Nguyễn Anh Tuấn, Trịnh Sinh (2005), *Cổ vật Phú Thọ*, Sở Văn hóa thông tin Phú Thọ, Phú Thọ.
119. Quảng Tuệ (2018), *Một số phong tục nghi lễ dân gian truyền thống Việt Nam*, Nxb Lao động, HN.
120. Trần Từ (2012), *Người Mường ở Hòa Bình*, Nxb Thời đại, HN.
121. Hoàng Minh Tường (2016), *Hát ru dân tộc Mường Thanh Hóa*. Nxb Hội nhà văn, HN.
122. Hoàng Tiến Tựu (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, HN.
123. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002), *Tính đa dạng của văn hóa Việt Nam: Những tiếp cận về sự bảo tồn*, Kỷ yếu hội nghị về sự bảo tồn và phát huy di sản phi vật thể của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Hà Nội, 1994). In tại Công ty I và Thương mại Thái Hà.
124. Trường Đại học Hùng Vương (2016), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Bảo tồn - phát huy giá trị di sản văn hóa ở tỉnh Phú Thọ trong bối cảnh hiện nay*, Phú Thọ.
125. UBND tỉnh Phú Thọ - Kế hoạch số 2619 (2017), *Kế hoạch thực hiện đề án Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2018 - 2020*.
126. UNESCO (2016), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, bản dịch do TS Lê Thị Minh Lý cung cấp - PGS.TS Phạm Lan Oanh ghi chú, 10-2016.
127. V.A. Va-kh'ra-mê-ép - người dịch Vũ Tụ Lân (1982), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
128. Nguyễn Viêm (1996), *Lịch sử âm nhạc dân gian cổ truyền*, Viện nghiên cứu

Âm nhạc, HN

129. Viện KHXH Việt Nam, Viện Văn hóa dân gian (1990), *Văn hóa dân gian những phương pháp nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
130. Viện KHXH Việt Nam - Viện ngôn ngữ học, (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, HN.
131. Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, HN - ĐN.
132. Viện Văn hóa thông tin, *Thông báo khoa học số 13 - 9/2005, số 18- 12/2006*.
133. Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (2012), *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại (trường hợp hội Gióng)*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
134. Bùi Huy Vọng (2011), *Kinh nghiệm dẫn nước nhập đồng và lịch cổ đá Rò của người Mường*, Nxb Lao động, HN.
135. Bùi Huy Vọng (2014), *Mộ Mường ở Hòa Bình*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, HN.
136. Bùi Huy Vọng (2015), *Văn hóa dân gian Mường một góc nhìn*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
137. Tô Vũ (2002), *Âm nhạc Việt Nam – truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa dân tộc - Viện âm nhạc, HN.
138. Trần Quốc Vượng - Nguyễn Cao Lũy (1978), *Những mẩu chuyện về truyền thống văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, HN.
139. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (2001), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
140. Nguyễn Khắc Xương – Nguyễn Hữu Nhàn (2012), *Đến với văn hóa Việt - Mường trên đất tổ Phú Thọ*, Nxb Lao động, HN.

B. Tài liệu nước ngoài

141. Aplin G. (2002), *“Heritage Identification, Conservation and Management” (Nhận diện, bảo tồn và quản lý di sản)*, Lonely Planet Publications, Spring House, 10A Spring Place, London NW5 3BH, UK.

142. Ashworth G.J, (1997), *Conservation as preservation or as heritage: two paradigms and two answers* (Bảo tồn như là bảo vệ hoặc như là di sản: hai giả định và hai câu trả lời), *Built Environment*, No2.
143. Barbara Kirshenblatt- Gimblett (1998), “Folklore’s Crisis” (cuộc khủng hoảng văn hóa dân gian), *The Journal of American Folklore*, Voll.111, No 441, *Folklore: What’s in a Name?* pp.281-327.
144. Daniel A. Kelin (2007), “The Drama of Folklore: stories as teachers” (Bộ phim về văn hóa dân gian: những câu chuyện làm giáo viên), *Indian Folklore Research Journal*, Vol.4, No.7, pp.64- 76.
145. Lisa Gabbert (1999), “The “Text/Context” Controversy and the Emergency of Behavioral Approaches in Folkore” (Trang cãi “văn bản/bối cảnh” và tình trạng khẩn cấp của các phương pháp tiếp cận hành vi trong dân gian), *Folklore Forum* 30: ½ pp. 119-128.
146. Ramon P.Santos General Editor (1995), *The Music of Asean (Âm nhạc của Asean)*, A Publication of the Asean Committee on Culture and Information.
147. Shigeyuki Miyata (2012), *The Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage in Japan (Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể ở Nhật Bản)*, <http://www.irci.jp/assets/files/ShigeyukiMiyata.pdf>
148. Simon J. Browner (2012), “Practice Theory in Folklore and Folklore Studies”, (Lý thuyết thực hành trong nghiên cứu văn hóa dân gian và văn học dân gian) *Folklore*, (123), pp.23- 47.
149. Thomas A. Green ed. (1997), *Folklore: an Encyclopedia of beliefs, customs, tales, music, and art (Văn hóa dân gian: Bách khoa toàn thư về tín ngưỡng, phong tục, truyện cổ tích, âm nhạc và nghệ thuật)*, Santa Babara, CA, USA.

C. Tài liệu Internet

150. *Bản sắc văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam*, truy cập lúc 16h30’ ngày 30/3/2018, từ www.utb.edu.vn.

151. *Bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị di sản trên địa bàn tỉnh*, Công thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ, truy cập ngày 6/4/2020, từ www.phutho.gov.vn.
152. *Biến đổi văn hóa- một vấn đề nghiên cứu được quan tâm triển khai*, truy cập ngày 20/4/2020, từ <https://www.vanhien.vn>.
153. *Bối cảnh là gì?*, truy cập ngày 10/11/2020, từ <https://kienthucvui.vn>.
154. *Bối cảnh-một định hướng nghiên cứu văn học nhiều triển vọng*, truy cập 12/1/2021, từ <https://huynhvulam.wordpress.com/2014/09/02/boi-canh-context>.
155. *Luật di sản văn hóa*, Cục công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp, truy cập 05/5/2021, từ <http://www.moj.gov.vn>.
156. Tăng Thị Nguyệt Nga, *Dinh-huong-nghien-cuu-van-hoc-dan-gian-trong-boi-canh*, truy cập 12/1/2021, từ <http://ukh.edu.vn/gioithieu/kho/hoa-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/chi-tiet-khoa-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/id/768>.
157. *Nghĩa của từ bối cảnh - Từ điển Việt - Tra từ*, truy cập ngày 10/11/2020, từ <http://tratu.soha.vn>
158. *Thế nào là nghệ thuật đương đại? vài chia sẻ khi đứng trên hàng rào*, truy cập 20/1/202, từ <http://soi.today/?p=211263>.
159. UNESCO (2015), *Ethical Principles for Safeguarding Intangible Cultural Heritage (Nguyên tắc đạo đức trong bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể)*, <http://www.Unesco.org/culture/ich/en/ethics-and-ich-00866>.
160. *Văn hóa*, Bách khoa toàn thư, truy cập 10/12/2020, từ [ttps://vi.wikipedia.org/wiki/Văn_hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Văn_hóa).
161. *Van-hoa-dan-gian-va-van-hoa-dan-toc*, truy cập 09/1/2021, từ <https://www.tapchiconsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/2441>.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

DÂN CA MỪNG Ở PHÚ THỌ
TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI

PHỤ LỤC
LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2022

MỤC LỤC

Phụ lục 1: Danh sách người cùng cấp tư liệu.....	185
Phụ lục 2: Phụ lục ảnh.....	188
Phụ lục 3: Tư liệu phỏng vấn đời sống văn hóa vật chất và tinh thần người Mường ở Phú Thọ	197
Phụ lục 4: Một số bài ghi âm dân ca Mường	221
Phụ lục 6: Các biểu mẫu bảng hỏi, phiếu điều tra.....	239

Phụ lục 1: Danh sách người cùng cấp tư liệu

1. Nguyễn Văn Chiến (29 tuổi) Cán bộ phòng văn hóa huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
2. Đinh Văn Chiến (55 tuổi), chủ nhiệm CLB dân ca Mường xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
3. Hà Thị Dự (64 tuổi), Khu Đoàn, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
4. Phạm Thị Doanh (69 tuổi), Khu 4 Minh Khai, làng Nam Cường, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
5. Hà Thị Đô (51 tuổi), xóm Chiềng 1, xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
6. Hà Thị Gấm (23 tuổi) Cựu sinh viên K13 ĐHSP Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật – TĐTT, trường ĐH Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ.
7. Hà Thị Hằng (40 tuổi) Giáo viên trường Mầm non xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
8. Vũ Thị Thu Hiền (45 tuổi) Giáo viên trường ĐH Dự bị dân tộc, tỉnh Phú Thọ.
9. Đinh Văn Hoàng (25 tuổi), Giáo viên trường mầm non Phượng Mao, xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
10. Nguyễn Mạnh Hoạch – Nghệ nhân ưu tú (69 tuổi), khu Hạ Bạc, xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập, Phú Thọ.
11. Đinh Thị Hợi (60 tuổi), Khu 5 cũ, xã Phượng Mao (nay là xã Tu Vũ), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
12. Hà Thị Huân (64 tuổi), Khu Đoàn, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
13. Nguyễn Mạnh Hùng (33 tuổi), Giáo viên trường THCS Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
14. Hà Thị Lành, xóm Chiềng, xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
15. Hà Thị Loan (71 tuổi), xóm Tân Lập, xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
16. Nguyễn Thị Long (56 tuổi), Khu 4, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập.
17. Đinh Diệu Ly (10 tuổi), lớp 5 trường tiểu học Phượng Mao, huyện Thanh

Thủy, tỉnh Phú Thọ.

18. Đinh Thị Lý (72 tuổi), Khu 10, xã Tát Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
19. Nguyễn Thị Thu Nga (28 tuổi), Giáo viên trường THCS Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
20. Nguyễn Hữu Nhân (83 tuổi), Hội Liên hiệp VHNT, hội VNDG tỉnh Phú Thọ.
21. Đinh Thị Nhung (42 tuổi), trường Mầm non xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
22. Đinh Thị Oanh (46 tuổi) Khu 2, xã Tát Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
23. Hà Thị Ón (82 tuổi), xóm Dừng 1 xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
24. Phạm Thị Quỳ (68 tuổi), khu 6, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
25. Nguyễn Thị Hồng Sáng Khu 9, xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
26. Hà Thị Sóng (84 tuổi), Nghệ nhân hát Rạng, xóm Vương 1, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
27. Đinh Văn Thành (65 tuổi) xóm Kết, xã Tát Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
28. Đinh Thị Thắm (75 tuổi), xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
29. Dương Huy Thiện (88 tuổi), Hội Liên hiệp VHNT, hội VNDG tỉnh Phú Thọ (đã mất tháng 8/2020).
30. Hà Đình Thuận (33 tuổi) Giáo viên trường tiểu học Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
31. Hà Thị Thùy (34 tuổi) cán bộ phòng văn hóa huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.
32. Hà Văn Thương (62 tuổi), Xã Ngọc Đồng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.
33. Nguyễn Thị Thu Trang (28 tuổi) cán bộ phòng văn hóa huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
34. Sa Hoàng Tân (34 tuổi) Cán bộ phòng Văn hóa huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
35. Sa Thị Tâm (65 tuổi), xóm Xuân, xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

36. Nguyễn Văn Toàn, Cán bộ phòng lưu trữ, Thư viện tỉnh Phú Thọ.
37. Hà Thị Tiên (55 tuổi), xóm Chiềng 1, xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
38. Hoàng Thị Tiên (87 tuổi), xóm Dừng 1, xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
39. Phạm Thị Vĩnh (65 tuổi), khu 5 Thái Nguyên, làng Nam Cường, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
40. Đinh Thị Yên (83 tuổi), khu 19 xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Phụ lục 2: Phụ lục ảnh

2.1. Một vài kiểu nhà sàn người Mường ở Phú Thọ



Nhà sàn người Mường ở xã Thạch Kiệt, Tân Sơn
(Ảnh nguồn NCS – Tháng 4/2016)



Nhà sàn người Mường ở xã Tân Lập, Thanh Sơn
(Nguồn Đinh Văn Chung – Tháng 4/2021)

2.2. Một số nghệ nhân Mường Phú Thọ



Hai nghệ nhân **Hà Thị Huân** (bên trái), **Hà Thị Dự** (bên phải)
Khu Đoàn xã Lai Đồng, Tân Sơn (Nguồn NCS – Tháng 6/2021)



Nghệ nhân **Đinh Thị Phương**, khu 19 xã Tu Vũ, Thanh Thủy.
(Nguồn – tư liệu truyền hình Phú Thọ)



Nghệ nhân Đinh Văn Chiến, chủ nhiệm CLB dân ca Mường xã Tu Vũ,
Thanh Thủy (Nguồn – tư liệu truyền hình Phú Thọ)



Nghệ nhân Hà Văn Thương thực hiện nghi lễ mở cửa rừng, xã Minh Hòa, Yên Lập.
(Nguồn: Hà Thị Thùy, CB trung tâm văn hóa huyện Yên Lập)



Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Mạnh Hoạch Xã Đồng Thịnh, Yên Lập, Phú Thọ.
(Ảnh Huyền Trang, truyền hình Phú Thọ).



*Nghệ nhân Đinh Thị Tiến (áo trắng), xã Thạch Kiệt,
Huyện Tân Sơn, Phú Thọ. (Ảnh NCS – Tháng 2/ 2018)*



Nghệ nhân ưu tú Hà Thị Sóng, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, Phú Thọ
(Ảnh NCS – tháng 10/2017)



Hai nghệ nhân: *Đình Văn Thành* - Tả Tả, Thanh Sơn
Hà Thị Tiên - Kiệt Sơn, Tân Sơn

(Nguồn NCS chụp hoạt động văn hóa dân gian tại lễ hội Đền Hùng năm 2018)

2.3. Các hoạt động văn hóa dân gian



*Chơi Hò Đu người Mường xã Xuân Thủy, Yên Lập
(ảnh NCS – tháng 2/2018)*



*Múa Trống đu tại trại văn hóa huyện Thanh Sơn trong lễ hội đền Hùng
(Ảnh tư liệu báo điện tử Phú Thọ Internet – truy cập tháng 6/2021)*



Một buổi hát Ví tại xã Kiệt Sơn, Tân Sơn

(Nguồn facebook Truyền thanh- truyền hình Tân Sơn – tháng 10/2020)



Một buổi đối ca Rạng tại xã Lai Động, Tân Sơn

(nguồn NCS – Tháng 3/2017)



*Biểu diễn hát Ví tại ngày hội đại đoàn kết toàn dân xã Kiệt Sơn, h. Tân Sơn
(Ảnh NCS – tháng 11/2019)*



*Hoạt động trại hè các dân tộc tổ chức tại h. Tân Sơn năm 2020
(Ảnh tư liệu – tỉnh Đoàn Phú Thọ, tháng 6/2020)*



Biểu diễn Cồng chiêng tại Hội nghị - CLB cồng chiêng xã Kiệt Sơn, Tân Sơn
(Ảnh: Sa Hoàng Tân – CB phòng văn hóa huyện Tân Sơn)

Phụ lục 3:
Tư liệu phỏng vấn đời sống văn hóa vật chất và tinh thần
người Mường ở Phú Thọ

Biên bản phỏng vấn số 1

Thông tin về người trả lời.

Họ tên: Nhóm sinh viên Khoa Nghệ thuật và TĐTT, khoa GDTH & MN, trường ĐH Hùng Vương, Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Sinh viên trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ.

Thời gian phỏng vấn: Tháng 3/2017

Địa điểm phỏng vấn: Văn phòng khoa Nghệ thuật và TĐTT, trường ĐH Hùng Vương, cơ sở Thị xã Phú Thọ.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Các em có giao tiếp thành thạo tiếng Mường không?

Trả lời:

- Một số SV âm nhạc (Chung, Tân, Gám, Thùy): Chúng em là người Mường lớn lên tại bản Mường từ bé, biết nói và giao tiếp tốt bằng tiếng Mường nhưng để được trao đổi ngôn ngữ dân tộc mình thì chỉ khi trở về nhà mới có cơ hội, còn ở trường tuy có hội nhóm sinh viên người Mường hoạt động nhưng các bạn hầu như toàn trao đổi với nhau bằng tiếng phổ thông là chính.

- SV Nguyễn Thị Hạnh: Em là người Mường nhưng em không biết nói tiếng Mường do nhà em ở khu vực thị trấn Thu Cúc và không có giao tiếp trao đổi bằng tiếng Mường với ai.

- SV Hà Thị Hảo: Nhà em ở xã Hưng Long, huyện Yên Lập, em là người Mường nhưng em cũng không biết nói tiếng Mường. Sau này khi ra trường em sẽ học nói tiếng Mường để thuận lợi hơn cho quá trình công tác của mình ạ.

- SV Hà Thị Thùy, K15 ĐHSP LT Âm nhạc (Hiện là cán bộ phòng văn hóa huyện Yên Lập): Em là người Mường nhưng em cũng không biết nói tiếng Mường. Nhà em giờ chỉ còn Cạy em là nói tiếng Mường thạo, Cạy em là người Mường nhưng

cũng không bao giờ thấy hát dân ca Mường gì cả mặc dù bà cũng có giọng hát, cũng thi thoảng tham gia hoạt động ở xóm thôn. Khu nhà em ở chỉ có một vài người biết hát, nếu nói đến hát tốt và đi biểu diễn nhiều thì chỉ có nghệ nhân Nguyễn Đình Thường ở Ngọc Đồng, Yên Lập mà thôi.

Hỏi: Ở địa phương các em có hay tham gia sinh hoạt văn hóa văn nghệ không?

Trả lời:

- SV Nguyễn Bích Thùy, K14 ĐH GDMN: Từ khi còn học tiểu học em thường hay tham gia nhóm múa trong đội văn nghệ của xã để đi biểu diễn tại lễ hội đền Hùng.

- SV Đinh Ngọc Tân, K17 ĐHSP AN: Em có tham gia trong đội văn hóa tuyên truyền của xã trong các chương trình biểu diễn văn nghệ những dịp lễ tết của xã.

- SV Hà Thị Gấm, Đinh Văn Chung, K13 ĐHSP AN: Em không hay tham gia biểu diễn nhưng em thường được xem mọi người luyện tập các chương trình văn nghệ.

- Một số sinh viên người Mường lớp K16 ĐH GDMN: chúng em ở nhà tham gia hoạt động văn nghệ từ khi còn học ở trường mầm non.

- SV Nguyễn Thị Thu Trang, K16 ĐHSP LT AN: Là cán bộ phòng văn hóa huyện Thanh Sơn, em không phải người Mường nhưng em được chứng kiến các thành viên đội đánh công Mường của huyện thực hiện luyện tập mỗi khi có hoạt động văn hóa khiến em rất hào hứng. Em thấy để thực hiện được các bài bản công người chơi luôn phải tuân thủ theo sự điều khiển của người trưởng nhóm, phải thực hiện đúng nguyên tắc và các quy định. Các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian của người Mường đã để lại cho em nhiều ấn tượng từ những câu hát ví giao duyên đến những bài công chiêng, điệu múa sênh tiền mà các CLB văn hóa các xã trong huyện đã tham gia trong các dịp hoạt động văn hóa nghệ thuật của huyện, của tỉnh khi em vinh dự là thành viên cán bộ văn hóa huyện tham dự cùng.

- SV Nguyễn Văn Chiến K13 ĐHSP LT AN: Em là người Mường lại đang là cán bộ phòng văn hóa huyện Tân Sơn nên tiếng Mường em nói và giao tiếp thông thạo, tiếng phổ thông đôi khi em nói có từ bị ngọng do không trôi chảy lắm.

Hỏi: Các em biết được các làn điệu dân ca gì của dân tộc mình? Các em hát

được những làn điệu nào?

Trả lời:

- Đại diện nhóm SV ngành Âm nhạc: Chúng em biết một số làn điệu dân ca như: hát Rang, hát Ví, hát ru. Để có thể hát được các làn điệu dân ca thì chỉ có hát Ví là được chúng em hát nhiều vì giai điệu nó cũng dễ thuộc, nhất là những bài ví cải biên lời mới. Trong các chương trình văn nghệ ở địa phương khi được tham gia, hầu như chúng em tham gia biểu diễn các tiết mục ca nhạc mới được sáng tác bởi các nhạc sĩ có nội dung ca ngợi cảnh đẹp quê hương đất nước (ví dụ như các bài hát: Thanh Sơn tiếng đống tiếng khèn; Về Yên Lập quê em; Câu ca em hát Phú Thọ quê mình....)

- SV Đinh Ngọc Tân, K17 ĐHSP AN: Em có thể hát được làn điệu ví do bà trẻ em truyền dạy nhưng bài hát này là trên giai điệu dân ca cũ và đặt lời mới miêu tả về con người và cảnh đẹp ở địa phương em (bài ví Ca ngợi cảnh đẹp Kiệt Sơn). Khi thể hiện hát Ví bằng tiếng phổ thông bản thân em thấy dễ thuộc và khi dạy cho nhóm các bạn khác cùng hát để biểu diễn tiết mục tham gia giao lưu trong liên hoan văn nghệ của xã em cũng thấy các bạn rất hào hứng, thuộc nhanh và hát tốt hơn mặc dù trong đó có bạn là người Kinh, người Dao.

SV Nguyễn Văn Chiến: Em hát tốt Rang, Ví nhưng để tự ứng tác thì em không thuần thục, em chỉ hát được những giai điệu đã có sẵn do bà và cô em dạy cho.

- Nhóm SV ngành GD mầm non: Để kể tên các làn điệu dân ca dân tộc thì chúng em có thể nói như: hát Rang, hát ví, hát hò đu, hát ru... nhưng để hát được thì chúng em không biết vì tuy là người Mường nhưng dân ca Mường khó hát và cần phải hát hay mới hát rõ được giai điệu. Khi tham gia trong các chương trình văn nghệ hầu như chúng em đều chỉ tham gia trong các nhóm múa. Một trong những tiết mục múa chúng em tham gia và thấy hứng thú nhất đó là phụ họa cho các cô chú người lớn đánh cồng chiêng trong lễ hội văn hóa dân tộc.

Hỏi: Là người Mường các em có dự định gì cho việc phát triển và phổ biến văn hóa dân gian Mường trong tương lai?

Trả lời:

- SV Hà Thị Gấm, K13 ĐHSP AN: Là sinh viên ngành SP âm nhạc, em muốn khi ra trường sẽ được trở về địa phương, được tham gia công tác giảng dạy tại các trường phổ thông để em có cơ hội được truyền thụ những kiến thức mà em đã được học trên giảng đường cũng như những hiểu biết của bản thân về âm nhạc dân gian dân tộc mình đến cho các em học sinh. Ở chỗ em (xã Thu Ngạc) học sinh giao tiếp được cả tiếng Kinh và tiếng Mường tương đương, khi nói chuyện riêng các em chủ yếu trao đổi bằng tiếng Mường do đó việc truyền dạy các bài hát dân ca Mường và tìm hiểu về văn hóa dân tộc sẽ có nhiều thuận lợi hơn.

- SV Đinh Văn Chung, K13 ĐHSP AN: Sau khóa học em có ước mơ được trở về địa phương và tham gia hoạt động tại phòng văn hóa huyện để có cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật, được giao lưu biểu diễn các chương trình văn nghệ giao lưu với quần chúng nhân dân. Em rất hào hứng với tiết mục đánh trống đồng của đội văn nghệ xã Tắt Thắng, tiết mục đánh cồng chiêng của xã em (xã Tân Lập) và tiết mục đờm đuống của xã Thạch Kiệt. Em nghĩ rằng tham gia trong các hoạt động văn hóa đó sẽ là cơ hội quan trọng để tuyên truyền các hoạt động văn hóa dân gian địa phương tới toàn thể người dân.

- SV Nguyễn Văn Chiến: Trong những lần ở nhà, mỗi khi ngồi nghe bà ngoại của em ngân nga điệu Rang, Ví em như thấy mình được trở về những ngày còn bé tí lon ton theo bà đi tham gia văn nghệ ở xã, cũng được xà vào cầm chiếc sênh tiền lên lắc lắc rất thích thú. Bây giờ khi đã là cán bộ văn hóa em tự thấy bản thân mình phải có trách nhiệm trong việc phổ biến, truyền bá và gìn giữ giai điệu dân tộc. Em luôn mong muốn dân ca dân tộc em được nhiều người biết đến giống như hát Xoan, hát Trống quân của người Kinh.

- SV Hà Thị Mai, K14 ĐH GDMN: Là sinh viên ngành Mầm non nên ra trường em có mong muốn được trở về công tác tại các trường mầm non trong huyện. Em không có giọng hát hay như các bạn ngành âm nhạc nhưng ở nhà em may mắn vẫn thường được nghe bà hát ru, hát rang do đó em nghĩ nên đưa những câu hát ru Mường vào trong các hoạt động ru trẻ ngủ, trong giờ cô hát trẻ nghe ở trường mầm non là rất hợp lý và em sẽ áp dụng cách sử dụng các làn điệu hát này vào hoạt động

dạy học của mình khi đi làm.

- Đinh Thị Nhung, Lớp K13 ĐHLT GDMN (Giáo viên trường mầm non xã Lai Đồng): Giáo viên của trường mầm non nơi em công tác phần nhiều đều là người Mường nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chăm sóc trẻ tại trường, mỗi khi trẻ ngủ các cô giáo hầu như không hát ru Mường, thậm chí không biết hát một làn điệu ru Mường nào cả. Để có thể phát triển được dân ca Mường nói chung, hát ru Mường nói riêng thì việc truyền dạy ca hát dân ca Mường cho các cô giáo trong trường (đặc biệt là trường mầm non) là điều rất cần thiết và đúng đắn. Em nghĩ rằng để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mình thì việc truyền dạy ca hát dân ca cần phải được đặt lên hàng đầu.

Biên bản phỏng vấn số 2

Thông tin về người trả lời.

Họ tên: Hà Thị Đô (con gái nghệ nhân Hà Thị Sóng)

Tuổi: 56

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Thời gian phỏng vấn: ngày 14/5/2017

Địa điểm phỏng vấn: nhà riêng xóm Chiềng 1, xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Chị biết hát những thể loại dân ca gì của dân tộc mình?

Trả lời: Chị biết hát chủ yếu thể loại Ví, Rang, hát ru chị cũng biết nhưng không thuộc nhiều lắm.

Hỏi: Trong các thể loại dân ca này chị hay hát loại nào nhất? vì sao?

Trả lời: Chị hay hát ví nhất vì nó là thể loại phổ biến được nhiều người ca hát hơn. Mẹ chị là nghệ nhân hát Rang và chị cũng được bà dạy cho nhiều làn điệu nhưng để phổ cập và dễ thuộc thì hát ví lại chiếm ưu thế hơn. Mỗi lần tham gia sinh hoạt văn hóa trong xóm, xã chị đều tham gia hát ví cùng mọi người. Ở xóm đã thành lập CLB ca hát dân ca và mọi người ai biết thì truyền dạy lại cho người chưa biết để tập và ca hát với nhau.

Hỏi: Chị hiểu thế nào về hát ru người Mường?

Trả lời: Hát ru Mường được phân thành hai dạng: ru ban ngày và ru ban đêm. Ru ban ngày đa dạng về nội dung ca từ, các bài bản ru cũng đầy đủ hơn với nhiều chủ đề, được cất lên với nhiều lứa tuổi, nhiều đối tượng ca hát hơn còn Ru ban đêm hầu như là những lời ru của người mẹ dành để vỗ về trẻ thơ vào giấc ngủ

Hỏi: Chị nhận xét như thế nào về việc tiếp nhận dân ca dân tộc của lớp trẻ hiện nay?

Trả lời: Thanh niên Mường hiện nay được tiếp cận với nhiều dạng văn hóa mới hiện đại, các bạn ý có nhiều cơ hội được làm quen, học hỏi với nhiều cái mới nhưng một điều đáng buồn là chính những làn điệu dân ca dân tộc lại không nhận được sự hào hứng tham gia của các bạn ý. Có thể vẫn ngồi nghe người lớn hát, vẫn biết đó là thể loại gì nhưng để tham gia hát và học hát thì lại không nhiệt tình, không thích.

Thanh niên trẻ hiện nay các bạn ý hào hứng với các loại âm nhạc âm ỉ, thích nhảy múa hơn. Dân ca dân tộc chị chủ yếu là hát không cần nhạc đệm, là những câu hát đối đáp của mọi người khi lao động, vui chơi nên sự trầm tư êm ả lại không thu hút được thanh niên tham gia.

Hỏi: So với thời của chị thì hiện nay mọi người nhận thức và thực hành dân ca như thế nào?

Trả lời: Ngày còn bé chị thường được anh chị của mình cho tham gia các cuộc vui ca hát. Chị còn nhớ trong những đêm trăng thanh hoặc sau những cuộc hội họp ở nhà chung của làng, trai gái thường rủ nhau thành một nhóm đi chơi và ca hát Ví đối với nhau, một nhóm có khi chỉ là 2 đến 3 người nhưng cũng có những buổi đêm trăng do nhiều người cùng tham nên đội Ví có thể lên đến 6 - 8 người. Ban đầu chỉ là một vài lời ví thăm hỏi đưa đẩy giao duyên nhưng càng về khuya cuộc Ví lại dần càng được biến thành cuộc đối đáp không cân sức.

Thanh niên trẻ hiện nay hầu như có rất ít bạn có hứng thú với dân ca, các bạn ý đều cho rằng dân ca Mường khó hát, hát bằng tiếng Mường nên sẽ ít người thuộc, hát không có nhạc đệm nên bị chậm rãi, không hào hứng. Bên cạnh đó cũng vẫn có bạn thích hát dân ca Mường, thuộc được một số bài bản dân ca tuy nhiên số lượng

ấy không nhiều. Chị có 4 đứa con, có thể nhận xét là đứa nào cũng có giọng hát nhưng hầu như chúng đều không thích hát, không thích biểu diễn dân ca Mường. Trong những ngày hội văn hóa của làng xóm các con chị tham gia nhưng chủ yếu là đâm đuống và múa hát nhạc mới. Các tiết mục dân ca dân tộc chủ yếu đều do những người lớn từ tuổi của chị trở lên biểu diễn mà thôi. Trong CLB có chị Hà Thị Tiên là nghệ nhân, chị ấy thường dạy cho mọi người hát các làn điệu dân ca Mường và đi biểu diễn giao lưu ở các nơi trong tỉnh theo lời mời.

Ở các trường mầm non và phổ thông, các cô giáo trẻ cũng hay hát và biểu diễn dân ca cùng CLB khi có giấy mời, các cháu học sinh cũng được các cô giáo dạy cho hát ví và biểu diễn các tiết mục dân ca khi có biểu diễn văn nghệ. Nói chung, hoạt động biểu diễn ca hát dân ca dân tộc vẫn nhận được quan tâm, biểu diễn của các thế hệ nhưng người lớn tuổi vẫn là nhóm người tham gia nhiều hơn cả.

Biên bản phỏng vấn số 3

Thông tin về người trả lời.

Họ tên: Hà Thị Tiên – Nghệ nhân

Tuổi: 58

Nghề nghiệp: Cán bộ phòng văn hóa huyện Tân Sơn, Trưởng CLB dân gian xã Kiệt Sơn.

Thời gian phỏng vấn: ngày 14/5/2017

Địa điểm phỏng vấn: nhà riêng xóm Chiềng 2, xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Chị tham gia sinh hoạt ca hát dân ca từ khi nào?

Trả lời: Từ ngày còn bé chị đã đi theo các anh chị mình để nghe họ hát ví đối đáp với nhau, chị còn được bà của mình truyền dạy cho nhiều làn điệu ví, ru nữa. Khi đến tuổi thiếu niên chị tham gia sinh hoạt ca hát cùng các bạn bè trang lứa trong các cuộc liên hoan văn nghệ, trong ngày hội văn hóa của dân tộc mình. Chị đánh đuống rất hay và thường được cầm cái. Hiện giờ chị là một trong những người đi truyền dạy hát ví Mường cho mọi người và tham gia nòng cốt trong các cuộc hát dân ca.

Hỏi: Chị biết hát những thể loại dân ca Mường nào?

Trả lời: Chị biết nhiều thể loại như hát ví, hát rang, hát ru, hát xường... nhưng chị thường hay hát nhất là ví và rang.

Hỏi: Chị nhận xét gì về việc tiếp nhận và ca hát dân ca của giới trẻ hiện nay.?

Trả lời: Thanh niên hiện nay có nhiều thứ để tiếp nhận, có nhiều loại hình sinh hoạt văn nghệ để vui chơi, ca nhạc hiện đại với nhiều thứ âm thanh âm ã, sôi động nên họ không hào hứng với ca hát dân ca nữa. Trong những lần tập trung luyện tập văn nghệ để tham gia thi hay hội diễn ở lễ hội đền Hùng, họ cũng hào hứng tham gia các tiết mục khi được truyền dạy lắm, nhưng cũng chỉ có khi nào được triệu tập ca hát có mục đích thì các bạn ấy mới ca hát thôi còn lại hầu như không màng tới. Khác xa với thời của bọn chị ngày trước, bất kể khi nào có tụ tập với nhau thì kiểu gì cũng phải có ca hát ví đối đáp một vài câu. Mỗi thời một khác, đúng là thanh niên hiện nay họ có nhiều thứ để quan tâm quá nên dân ca không còn là hoạt động văn nghệ hứng thú trong sinh hoạt của các bạn ấy nữa.

Hỏi: Là một người cán bộ văn hóa chị có ý kiến gì cho việc bảo tồn và gìn giữ dân ca dân tộc mình?

Trả lời: Mỗi dân tộc đều có những thể loại văn hóa dân gian riêng, dân tộc chị cũng thế, nếu muốn gìn giữ thì tất cả mọi người dân đều phải có ý thức, phải đồng lòng cho dù mọi hoàn cảnh. Giữ gìn văn hóa mà đặc biệt là dân ca thì không phải của riêng cán bộ văn hóa mà nó là đóng góp công sức của cả cộng đồng dân tộc, người biết hát truyền dạy lại cho người không biết, các thế hệ trẻ phải năng nổ hơn trong việc tiếp thu và biểu diễn ca hát dân ca dân tộc mình.

Là cán bộ văn hóa nên chị cũng thuận lợi hơn trong việc đi đây đó để ca hát, truyền tải văn hóa của dân tộc cho mọi người. Chị được bà con tin tưởng giao cho làm trưởng CLB dân gian của xã nơi nhà chị ở nên đó cũng là một cơ hội để chị được hát, được truyền dạy dân ca cho mọi người.

Hỏi: Được mọi người yêu quý gọi là “Nghệ nhân dân ca Mường”, Chị đã tham gia truyền dạy dân ca Mường cho các đối tượng nào?

Trả lời: Chị đã tổ chức được một số buổi dạy hát ví Mường cho học sinh trường tiểu học và các cô giáo trường mầm non trong xã, luyện tập hát ví và hát rang cho mọi người trong CLB để họ có thể tự tin khi ca hát cũng như khi tham gia biểu diễn văn nghệ, tham gia truyền dạy hát dân ca Mường cho các CLB của các xã trong huyện theo lời mời, chủ trì đứng lớp truyền dạy dân ca theo kế hoạch của phòng văn hóa huyện...

Chị tham gia hát đối ví và biểu diễn dân ca Mường với nghệ nhân ở các xã khác khi tham gia giao lưu văn hóa dân tộc và ở lễ hội đền Hùng. Ngoài ra chị còn dàn dựng các tiết mục biểu diễn hát ví mường do chị hát chính và một số người phụ họa theo (ví dụ tiết mục hát ví “Cảnh đẹp Kiệt Sơn quê em” có chị hát chính và 4 người múa, 4 người đánh ống, 2 người đánh cồng, 1 người đánh trống) Những tiết mục này thường thu hút được sự hào hứng của mọi người hơn bởi giai điệu ví được cất lên theo nhịp ống, cồng, trống hòa quyện.

Hỏi: Ở xã mình việc thành lập CLB dân gian như thế nào ạ?

Trả lời: Xã Kiệt Sơn cũng như các xã khác trong huyện Tân Sơn có một CLB dân gian do xã quản lý với các thành viên nòng cốt được tập hợp từ các xóm lại. Ở CLB này các thành viên được học các bài bản dân ca, đánh cồng, đăm ống, múa... sau đó họ về truyền dạy lại cho các CLB của xóm (hầu như mỗi xóm trong xã cũng đều có thành lập nên một CLB dân gian để hoạt động sinh hoạt phục vụ cho các dịp của xóm). Khi tham gia biểu diễn từ cấp huyện trở lên thì CLB dân ca xã lại tập trung nhau để luyện tập và thực hiện nhiệm vụ.

Biên bản phỏng vấn số 4

Thông tin về người trả lời.

Họ tên: CLB sinh hoạt văn nghệ dân gian xã Kiệt Sơn, xã Lai Đồng

Thời gian phỏng vấn: ngày 14/5/2017

Địa điểm phỏng vấn: Nhà văn hóa xã Kiệt Sơn, Lai Đồng, huyện Tân Sơn.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Các ông/bà có thể cho cháu biết về các hoạt động sinh hoạt ca hát dân ca ngày xưa của mình?

Trả lời:

- Bà Tí, xóm Vương 2, Kiệt Sơn: Ngày xưa tôi cùng nhóm bạn vừa chăn trâu ở bờ ruộng vừa phải trông em giúp mẹ đang cấy bừa dưới ruộng, mỗi buổi như thế có khoảng vài ba em bé cùng được chúng tôi trông nom, các mẹ thường hát ru khi các em ngủ và chúng tôi học lỏm theo những câu ru ấy để khi tự hát ru em trong lúc mẹ đang bận việc.

- Cụ Sinh, xóm Vương 2, Kiệt Sơn: Ngày xưa thanh niên các bà thường tụm nhau ca hát mỗi khi rảnh rỗi công việc hoặc khi lao động trên nương. Có bà hát hay ra câu đối khiến bên các ông không đối lại được (Bà ấy giờ đã mất rồi), các bà thường hát ví đối với nhau nhiều, cũng có hát rang nhưng ít người biết hát hơn. Bà thì hay hát rang và hát ru hơn, hát rang nó giống như những câu tâm tình của mình khi nói chuyện với người khác, hát Rang kén người hát lắm bởi phải có giọng hát hay, nhớ và thuộc nhiều làn điệu đồng thời cũng phải biết ứng tác một chút lời ca để trong bất kì một cuộc vui nào cũng có thể hát được cho phù hợp.

Ngày xưa để mà đối mặt nói lên một vấn đề nhất là về tình cảm thì rất khó cất thành lời, rất ngại khi phải trực tiếp nói ra điều thầm kín, chỉ có tiếng hát mới dễ bề nói ra được nhất là Rang vì giai điệu của nó gần như cách giao tiếp thông thường, mình nói thì người đối diện cũng dễ nghe hơn.

- Ông Đán, xóm Chiêng 1, Kiệt Sơn: Ngày còn trẻ ông chỉ đi theo các anh chị của mình để xem họ ca hát với nhau thôi, ông cũng thuộc một số bài hát ví, hát rang khi nghe họ hát nhưng do tính nhút nhát nên ông ít khi tham gia vào cuộc hát của mọi người.

- Bà Tâm, xóm Kết, Kiệt Sơn: Bà thì ngày trước cũng thi thoảng đi tham gia nhưng bà chỉ biểu diễn trong đội đánh ống, đăm đuống thôi, cứ khi xóm xã có hoạt động tập thể thì lại có hoạt động biểu diễn đánh đuống. Người Mường các bà rất thích các hoạt động văn hóa dân gian của dân tộc mình nên những ngày sinh hoạt cộng đồng luôn là ngày hội được mọi người háo hức tham gia nhiều. Bây giờ hàng năm luôn có tổ chức ngày hội văn hóa dân tộc nên dù lớn tuổi các bà vẫn thấy vui, phấn khởi khi được tham gia.

- Nghệ nhân ưu tú Hà Thị Sóng, xóm Chiềng 1, Lai Đồng: Bà biết hát từ bé, nhà bà có mẹ và chị gái bà hát rất hay, là cây đối chính của nhóm hát. Bà được thừa hưởng giọng hát từ mẹ. Từ khi lớn lên bà tham gia thường xuyên trong các nhóm hát và hay hát đối cùng với cậu của mình (người cậu này hiện đã chết).

Hỏi: Hiện nay khi hoạt động CLB các ông/bà thường biểu diễn những thể loại dân ca nào?

Trả lời:

- Các ông/bà thường hát ví và hát rang nhiều hơn. Các thể loại như hát Xoan cũng có hát vì đó là dân ca của Phú Thọ.

- Biểu diễn đờn đuống và đánh cồng cũng được biểu diễn thường xuyên mỗi khi giao lưu.

- Bà Sóng: Bà được nhà nước phong tặng nghệ nhân ưu tú hát Rang, bà còn dựa theo giai điệu Rang để đặt lời mới ca ngợi quê hương, Đảng, Bác Hồ để hát trong các dịp chào mừng ngày lễ của xã, huyện. Người dân ở đây hào hứng lắm vì vẫn hát bằng tiếng Mường, vẫn thể hiện nét đẹp Mường trong cuộc sống mới.

- Bà Sinh: Ở Lai Đồng mọi người hát Rang nhiều hơn. Hát Rang rất kén người hát bởi phải có giọng hát hay, nhớ và thuộc nhiều làn điệu đồng thời cũng phải biết ứng tác một chút lời ca để trong bất kỳ một cuộc vui nào cũng có thể hát được cho phù hợp.

- Bà Huân: Bà tham gia CLB và được nghệ nhân Sóng dạy hát Rang, các bà đang cố gắng luyện tập để trước hết là về dạy cho con cháu mình biết hát dân ca Mường. Bà biết hát một số làn điệu ru Mường.

Hỏi: CLB có hay đi biểu diễn giao lưu không?

Trả lời: Thường thì hàng năm vào dịp đầu xuân sau tết nguyên đán huyện sẽ tổ chức ngày hội đoàn kết các dân tộc do đó CLB sẽ tham gia biểu diễn đánh ống, đờn đuống cùng với các CLB của các xã khác trong huyện, về hát thì cũng có các tiết mục tham gia theo hình thức hát đơn, hát tập, hát đối ca nhưng để biểu diễn và đạt giải cao thì CLB có chị Tiên là người hát hay và luôn được đánh giá là người hát tốt nhất.

- Ở cụm các xã gồm Thu Cúc, Kiệt Sơn, Lai Đồng và Đồng Sơn, cứ dịp tết đến vào ngày mùng 8 tháng giêng lại có tổ chức nghi thức rước vía lúa cầu mong mùa màng tốt tươi, người dân có cuộc sống âm no. Trong ngày này, 4 xã lại cử các CLB cùng tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao để tạo nên ngày hội cho bà con vui chơi. Các năm trước thường tổ chức 2 ngày có cắm trại và thi văn nghệ nhưng 2 năm gần đây do dịch covid 19 nên việc tổ chức ngày hội bị dừng chỉ còn thực hiện phần nghi thức khi cầu khẩn vía lúa, việc phân phát lúa đến các hộ trong xã lấy may cũng bị hạn chế vì lo sợ dịch bệnh.

Hỏi: Ông/bà thấy cơ sở vật chất trong đời sống hiện nay như thế nào ạ?

Trả lời:

- Bà Hà Thị Huân: Bây giờ khang trang nhiều rồi, không lo đói nghèo như ngày xưa nữa, mọi người đi lại được tự do, có phương tiện đưa đón khi đi đâu xa rất thuận lợi

- Ông Đinh Ngọc Mừng: Ngày xưa đói nghèo rất khổ đặc biệt là trong di chuyển nên thanh niên nam nữ cũng ít giao lưu đi đâu xa. Hầu như chỉ loanh quanh trong mấy xã và ra đến huyện là cùng, chỉ những ai đi bộ đội thì chinh chiến dọc Bắc – Nam thôi.

- Bà Hà Thị Ngân: Do ngày xưa đói khổ nên mọi thứ đều không có gì, hệ thống đường xá đi lại cũng vất vả bởi toàn đường đồi núi quanh co đất xệt đặc quánh bám chân, để đi từ vùng Thu Cúc ra đến khu Xuân Đài phải mất cả ngày trời vì đi bộ, vì phải trèo đèo lội suối. Bây giờ thì khác xưa nhiều rồi, Đảng và nhà nước đã làm đường cho dân đi, làm cầu cho dân qua và còn nhiều thứ khác nữa. Thanh niên trẻ bây giờ họ sướng rất nhiều.

- Bà Sóng: Do ngày xưa đói nghèo nên mọi người vất vả, ca hát dân ca cũng từ đấy mà hình thành nên để giúp con người được giải tỏa tâm lý. Bây giờ mọi thứ được đáp ứng, thanh niên có nhiều thú vui nên họ ít ca hát hơn là lẽ hiển nhiên rồi.

Biên bản phỏng vấn số 5

Trao đổi, phỏng vấn một số nhà nghiên cứu văn hóa dân gian trong tỉnh

1. Nhà Nghiên cứu Nguyễn Hữu Nhân – Hội VHNT tỉnh Phú Thọ.

Thời gian phỏng vấn: 20/8/2018

Địa điểm phỏng vấn: Văn phòng hội VHNT tỉnh Phú Thọ.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Là nhà nghiên cứu đã có khá nhiều công bố về văn hóa người Mường, xin bác cho biết đời sống văn hóa người Mường Phú Thọ có điểm gì nổi bật?

Trả lời: Người Mường ở Phú Thọ trước nhất về tổ chức Họ, các họ Mường chỉ tổ chức thờ khoảng 3- 4 đời, từ 5 đời trở đi sẽ đem chôn cả bài vị và thờ chung trên ban lớn ở đình thờ. Người Mường không có mộ tổ, mỗi gia đình đều có bàn thờ riêng.

Đời sống người Mường rất phong phú từ nếp sinh hoạt ăn uống đến trang phục (chủ yếu trên hoa văn váy của nữ giới). Họ có rất nhiều đặc sản như thịt chua, bánh trứng ngạt, cá ngằn... các bài viết của bác được in ở các sách, các tạp chí từ trung ương đến địa phương đã nói khá chi tiết. Mỗi bài viết đó là một lần bác điền dã tại các làng Mường để thực hiện.

Hỏi: Nghiên cứu và thực địa nhiều tại các bản Mường, bác được nghe nhiều về dân ca Mường không?

Trả lời: Những lần đi một vài người thì không còn những lần đi cùng ban văn nghệ bên đài truyền hình tỉnh thì được nghe nhiều.

Hỏi: Bác thường được nghe người Mường hát những làn điệu gì?

Trả lời: Đến các vùng Thanh Sơn, Tân Sơn hay vào Yên Lập thì người Mường họ chủ yếu hát Ví, hát Rang, thi thoảng mới được nghe một vài người hát Ru nhưng cũng không thành bài bản mà chỉ được một vài câu ngắn.

Những năm 80 khi đi cùng với một số nhà nghiên cứu khác trong tỉnh, bác có được nghe một số làn điệu Xường nhưng bây giờ không còn thấy ai hát nữa.

Hỏi: Đối tượng quan tâm của bác trong những lần điền dã nghiên cứu về người Mường là gì?

Trả lời: Thường những lần điền dã lấy tư liệu bác quan tâm chủ yếu đến đời sống văn hóa vật chất, đến nếp sinh hoạt cộng đồng Mường, những đổi thay trong

quá trình phát triển. Cũng có khi quan tâm đến văn hóa tinh thần nhưng chủ yếu là đâm đuống, múa mồi, đánh cồng chiêng, trống đồng vì người Mường ở Phú Thọ nổi bật về những cái đó còn dân ca thì ít, họ chỉ hầu như có hát ví, hát rang là chủ yếu.

2. Nhà Nghiên cứu Dương Huy Thiện – Hội viên hội VNDG Việt Nam.

Thời gian phỏng vấn: 22/8/2018

Địa điểm phỏng vấn: Nhà riêng.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Bác có thể giới thiệu sơ lược qua về nghiên cứu “*Văn hóa dân gian dân tộc Mường Phú Thọ*” của mình được không ạ?

Trả lời: Bác thực hiện cuốn sách này nhằm mục đích coi đây là một cuốn tài liệu có thể gọi là “cẩm nang” cho những ai khi đi tìm hiểu, nghiên cứu về người Mường vùng đất Tổ nói chung. Bằng tình yêu, sự trân quý với tình cảm của bà con cũng như những tích góp của bản thân trong cả cuộc đời hoạt động nghiên cứu của mình bác đã hoàn thiện cuốn sách và tham gia dự thi theo quy định của hội VNDG Việt Nam và đã đạt giải 3.

Hỏi: Khi đi điền dã tại các vùng Mường, Bác được nghe người Mường hát dân ca không? Là những bài bản gì?

Trả lời: Bác đã đến các vùng Mường ở trong tỉnh rất nhiều lần, lần nào cũng được nghe các Mế, các già và các cô hát cho nghe dân ca Mường, họ hát hay lắm. Đó là những điệu Xường, điệu Rang, điệu Ví đối... nhưng có lẽ giờ những người đó đã chết cả rồi vì lúc bác đi điền dã họ cũng đã lớn tuổi và tính đến giờ cũng đã hơn 10 năm rồi.

Trong nghiên cứu của mình bác cũng đã ghi chép phần lời ca được một số bài bản dân ca Mường như hát Rang, Ví, Xường... vì bác không nắm bắt được quy tắc về âm nhạc nên chỉ sưu tầm được phần lời ca thôi.

Hỏi: Dân ca Mường được hát bằng tiếng Mường, vậy bác sưu tầm ghi chép như thế nào?

Trả lời: Bác trước đây là thầy giáo dạy trường THPT Hùng Vương nên có nhiều học trò là người Mường gốc, trong tỉnh đi đến đâu bác cũng gặp học trò cũ

của mình nên việc dịch ra tiếng phổ thông đều do các anh chị ấy hỗ trợ. Tiếng Mường có nhiều từ nghe gần với tiếng Kinh nên khi đi nhiều, nghe nhiều bác cũng mừng tượng ra được nghĩa của nó nên bác cũng không thấy khó khăn trong khi nghiên cứu điền dã.

Biên bản phỏng vấn số 6

Thông tin về người trả lời.

Họ tên: Một số người dân Mường lớn tuổi thuộc huyện Thanh Sơn

Thời gian phỏng vấn: ngày 04/10/2018

Địa điểm phỏng vấn: Các xã Cự Đồng, Tát Thắng, Thục Luyện huyện Thanh Sơn.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Các Ông/ Bà có biết hát dân ca Mường không ạ?

Trả lời:

- Bà Đinh Thị Lý (ở xã Tát Thắng): Bà biết hát một số thể loại như Ví, Rang, đối đáp giao duyên trai gái...

- Bà Hà Thị Đoan (ở xã Tân Lập): Tôi hát không hay nên không hay hát. Tôi từ bé sinh ra và lớn lên ở đây, cũng có nghe nói và được biết về dân ca Mường nhưng tôi chưa thấy ai ở đây biết hát dân ca cả, trong ngày lễ hội đình làng, người dân cũng chỉ biết múa Sênh tiền, đánh cồng chiêng và tổ chức các hoạt động vui chơi mà thôi.

- Bà Đinh Thị Ngoan (ở xã Tân Lập): Bà biết hát Ví thôi, ngày xưa cũng theo người lớn đi đối đáp nhưng vì nhát nên không dám hát gì, chỉ nghe mọi người hát thôi.

- Ông Đinh Văn Thành (xã Tát Thắng): Ông biết hát và biết cả đánh cồng, đánh đuống. Ông còn dạy cho mọi người tập múa, đánh đuống... để tham gia trong các hoạt động. Ông còn biết cúng nên cũng biết một số hoạt động khác nữa. Ông thường tham gia hát đối Ví với cô Oanh ở Tát Thắng hấy cô Tiên ở Kiệt Sơn.

Hỏi: Các ông/bà có thể cho nhận xét so sánh về sinh hoạt văn hóa ở địa phương thời tuổi trẻ của ông bà so với hiện nay?

Trả lời:

- Bà Đinh Thị Thắm, xã Cự Đồng, Thanh Sơn: Nếu để so sánh thời của bà với thời bây giờ thì ngày xưa vui lắm, trai gái hát hò thâu đêm xuất sáng, công việc gì làn điệu ấy ứng tác chứ không như bây giờ, họ ít hát và chỉ tham gia khi có hội hè mà thôi. Trai gái bây giờ họ không ca hát đối đáp như ngày xưa mà họ hát nhiều thể loại khác nhộn nhịp, sôi động hơn, nghe inh tai nhức óc lắm.

- Bà Đinh Thị Lý, xã Tất Thắng, Thanh Sơn: Thời của các bà ngày xưa chỉ có lên nương làm ruộng thôi không có cày bừa máy kéo như bây giờ và khi lao động mọi người cùng nhau ca hát đối đáp để tạo không khí vui chơi đỡ mệt chứ thanh niên trẻ bây giờ đi thả trâu, bò cũng có mỗi đứa một cái điện thoại rồi cắm tai nghe vào và quên hết trời đất.

- Chị Đinh Thị Oanh, xã Tất Thắng, Thanh Sơn: Tuổi trẻ của chị cũng đã có các thể loại ca hát như nhạc cách mạng, các ca khúc mới được phát trên ti vi, trên loa phóng thanh của xã nhưng chị vẫn thích nghe hát dân ca hơn, giai điệu nhẹ nhàng, hát không cần phải có thứ gì hỗ trợ cả, mọi người tự do hát mọi lúc mọi nơi như thế chị thấy rất thoải mái và dễ hát. Các bạn trẻ bây giờ do thời cuộc phát triển nên có đầy đủ những thứ đáp ứng với nhu cầu do đó các bạn ý không để tâm đến ca hát dân ca mà đặc biệt là dân ca Mường là điều dễ hiểu thôi.

- Ông Hà Văn Nghị, xã Thục Luyện, Thanh Sơn: Tôi sinh ra và lớn lên ở Thục Luyện, ngày xưa còn nhỏ cũng có nghe mọi người hát một vài lần về hát Gheo nhưng bây giờ thì không thấy ai hát nữa. Các bạn trẻ bây giờ thì hầu như không hát dân ca nhiều như ngày xưa, chỉ thấy hát những loại nhạc gì mà nó xập xình âm ỉ thôi.

- Ông Đinh Văn Thành, xã Tất Thắng, Thanh Sơn: Ngày xưa các cụ ai cũng biết hát dân ca Mường hết vì họ biết nói tiếng Mường, các thể loại hay hát đó là ru con, là rang và ví đối. Ngày nay giới trẻ ít người biết hát vì dân ca Mường phải hát bằng tiếng Mường và không phải bất cứ người Mường nào cũng có thể hát được vì nó cần phải có giọng hát hay nữa.

Hỏi: Hiện nay các ông/bà có tham gia CLB hay ca hát dân ca không?

Trả lời:

- Bà Đinh Thị Lý: Bà là người phụ trách CLB dân ca của xã nên thường xuyên ca hát dân ca, mọi người trong CLB không chỉ có hát dân ca Mừng mà còn ca hát các dân ca khác như hát Quan họ, hát Chèo, hát trống quân, hát Xoan... CLB dân ca do bà làm chủ nhiệm đa dạng về độ tuổi tham gia từ các cháu tiểu học đến các cụ trên 60 tuổi, mọi người tham gia trên tinh thần tự nguyện, yêu thích ca hát và muốn tham gia để được vui vẻ.

Dân ca Mừng hầu hết đều được hát bằng tiếng Mừng, khi hát dân ca là tiếng Mừng lại được nhắc đến, được mọi người nghe đến, làm cho con cháu thêm hiểu và biết nhiều hơn về tiếng nói của dân tộc mình.

- Ông Hà Văn Nghị: Ông không biết hát nên chỉ tham gia CLB người cao tuổi thôi, ở CLB này khi sinh hoạt các cụ cũng hay hát dân ca lắm, mọi người hay nhờ ông gõ phách để cho họ hát. Ông cũng rất muốn hát nhưng do mình hát không hay nên chỉ dám đảm nhận việc nhỏ được mọi người nhờ thôi.

- Bà Đinh Thị Thắm: Bà thích hát lắm nên luôn hăng hái tham gia sinh hoạt CLB cùng mọi người để được hát múa và biểu diễn, tuổi cao nên chỉ biết lấy niềm vui bằng sinh hoạt văn nghệ, lấy tiếng hát để cho mình được vui vẻ hơn. Bà biết hát Ví, biết múa sênh tiền và đâm đuống.

- Bà Hà Thị Đoan: Bà không tham gia hát nhưng vẫn thi thoảng có tham gia đội bưng lễ hoặc đánh đuống khi làng có tổ chức lễ hội đình Lư.

- Chị Đinh Thị Oanh: Chị tham gia và ca hát thường xuyên cùng mọi người trong CLB. Chị hay hát đối ví với bác Đinh Văn Thành, ngoài ra chị cũng là người hay thể hiện một mình các bài hát dân ca Mừng như bài “Đập bông bông”, Bài “Đu đu điềng điềng”.

- Ông Đinh Văn Thành: Ông không phải là chủ nhiệm nhưng ông là người chủ chốt của CLB vì ngoài biết hát, truyền dạy các bài hát dân ca Mừng cho mọi người ông còn tổ chức luyện tập cho đội văn nghệ của xã các tiết mục như: Trống đu, đánh cồng chiêng, đánh trống đồng. Năm 1998 mừng Sài Gòn 300 năm ông cùng đội đánh trống đồng (18 người đại diện như 18 đời vua Hùng) đánh trống đồng tại công

viên Tao Đàn, TP Hồ Chí Minh.

Hỏi: Hình thức biểu diễn ca hát dân ca thời trước so với hiện nay có thay đổi nhiều không?

Trả lời:

- Ông Đinh Văn Thành: Ngày xưa các cụ ca hát dân ca đơn giản lắm, chỉ là một tốp nam nữ thanh niên gặp nhau có thể trên nương khi lao động, hay ở chợ khi đi chơi hoặc ở một bãi đất trống trong cuộc vui nào đó là họ ca hát đối đáp với nhau. Nam nữ thanh niên hiện nay họ không đối đáp mộc mạc như trước nữa, các tiết mục văn nghệ được biểu diễn với nhiều hình thức phong phú hơn trong một chương trình văn nghệ hay trong một lễ hội nào đó chứ không có tính tự phát như xưa.

- Chị Đinh Thị Oanh: Ngày xưa thời cha mẹ chị, các cụ ca hát đơn giản, không cầu kì, không cần phải sân khấu hay bất cứ một sự hỗ trợ nào của máy móc. Ca hát của thế hệ thanh niên hiện nay luôn đòi hỏi phải qua luyện tập, phải có người hướng dẫn và biểu diễn phải có trang phục đẹp... nghĩa là hiện nay đã nói đến biểu diễn là phải trên sân khấu, phải có sự trau chuốt về hình thức, luyện tập cầu kì còn thời xưa các cụ hầu như ứng tác nhanh để đối đáp như một cách nói chuyện với nhau.

Biên bản phỏng vấn số 7

Thông tin về người trả lời.

Nhóm học sinh người Mường, trường dự bị ĐH dân tộc Trung ương.

Thời gian phỏng vấn: ngày 15/10/2019

Địa điểm phỏng vấn: trường dự bị ĐH dân tộc Trung ương, TP Việt Trì, Phú Thọ

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Trang phục dân tộc các em thường mặc vào khi nào trong thời gian học tập ở trường?

Trả lời:

- SV Hà Văn Hoàn: Trang phục dân tộc chúng em chỉ mặc trong ngày hội văn hóa dân tộc thôi còn ngày thường thì mặc giống như các bạn khác để tiện trong sinh hoạt và học tập. Khi ở nhà thì hầu như không mặc, khi đi học ở trường được dịp

khoe nét đẹp dân tộc mình qua bộ trang phục. Lúc đầu khi mới mặc cũng thấy không quen nhưng lại có cảm giác thú vị và lạ, được khoác trên mình bộ trang phục em thấy tự hào hơn, vui hơn và thấy yêu hơn dân tộc mình.

- SV Đinh Thị Nhân: Thường chúng em đều là con em dân tộc nên bạn nào cũng có ít nhất một bộ trang phục mang đi theo nhưng hầu như khi nhà trường tổ chức các hoạt động văn nghệ thì những bộ trang phục cách điệu đính kim sa thuê ở cửa hàng trang phục biểu diễn lại được các bạn lựa chọn mặc lên sân khấu để thay cho bộ của dân tộc mình.

- SV Hà Thị Lan: Đi học ở trường chúng em ít mặc hơn so với ở nhà vì ở trường hàng ngày lên lớp học chúng em mặc trang phục thường, chỉ khi nào có dịp lễ hội gì mới thay trang phục dân tộc. Ở nhà các dịp hội hè, các ngày hội dân tộc mọi người đều mặc nên chúng em cũng được dịp khoe những bộ váy áo đẹp của mình.

Hỏi: Là người Mường các em có nói được tiếng Mường không?

Trả lời: (1). Thưa cô, tuy chúng em là người Mường nhưng không phải bạn nào cũng nói và giao tiếp được bằng tiếng Mường. Chỉ những bạn ở trong các xóm xã với mật độ sinh sống chủ yếu là người Mường thì mới nói được tiếng Mường còn những bạn gia đình ở thị trấn, ở vùng trung tâm huyện thì nói được rất ít thậm chí không nói được tiếng Mường bởi bản thân các bạn ấy có thể chỉ có bố hoặc mẹ là người Mường, quá trình giao tiếp lại cơ bản dùng tiếng phổ thông và cũng không có ai dạy cho nói tiếng Mường nên không thể nói được.

(2). Bản thân em nói và giao tiếp được tiếng Mường tốt nhưng ở mỗi vùng, mỗi huyện cách phát âm lại khác nhau nên khi đi sang huyện khác em vẫn phải tự dịch nghĩa để hiểu và có khi có từ em không hiểu được.

Hỏi: Khi biểu diễn văn nghệ ở trường các em có hát dân ca dân tộc mình không?

Trả lời: (1). Em chỉ tham gia trong tiết mục đã được nhóm thống nhất lựa chọn luyện tập cùng nhau. Các tiết mục này thường không phải là dân ca, đó có thể là những bài hát sáng tác của nhạc sĩ hoặc đó là nhạc múa mà chúng em lấy từ trên mạng xuống.

(2). Em tham gia văn nghệ nhưng ít khi hát dân ca dân tộc em vì nó khó hát và nó cũng không hay ạ.

(3). Trong các chương trình văn nghệ chúng em luôn phải lựa chọn các tiết mục có nhạc đệm, có sự lôi cuốn do đó nếu hát dân ca Mừng em sợ sẽ không thu hút được mọi người vì nó không có nhạc cụ đệm theo.

(4). Thường thì ở trường khi tham gia văn nghệ chúng em luyện tập theo các tiết mục đã được các thầy cô lựa chọn, các tiết mục này luôn theo chủ đề và phù hợp với chương trình hội nghị nên dân ca Mừng và cả dân ca các dân tộc khác chúng em chỉ biểu diễn vào dịp tổ chức ngày hội văn hóa các dân tộc thôi ạ.

Hỏi: Là người Mừng các em có được nghe nhiều dân ca dân tộc mình không?

Trả lời: (1). Nhà em ở thị trấn, mọi sinh hoạt đều được Kinh hóa nhiều nên em cũng không để ý. Trong các lần liên hoan văn nghệ ở huyện em cũng có nghe được một vài làn điệu nhưng em không biết đó là thể loại gì, khi em hỏi thì cũng chỉ được nghe nói đó là dân ca Mừng mà thôi.

(2). Chỉ khi nào về nhà và đi sinh hoạt văn hóa tại xã em mới được nghe mọi người hát dân ca Mừng. ở chỗ em ở mọi người thường hát ví Mừng là chủ yếu, ngoài ra các làn điệu dân ca khác như hát Quan họ, hát chèo em cũng thấy mọi người hay hát.

(3). Em nghe và hiểu được khi mọi người hát dân ca Mừng, em thấy những bài ví Mừng rất hay nếu nghe hết từ đầu đến cuối nó giống như một câu chuyện có thể là tâm sự tình yêu, có thể là nói về cảnh đẹp quê hương..v..v.. nhưng bản thân em lại không hát được không phải là vì em không nói được tiếng Mừng mà là vì em không hát hay nên ngại thể hiện.

Biên bản phỏng vấn số 8

Thông tin về người trả lời.

CLB sinh hoạt hát Ghẹo xã Thanh Uyên, Tam Nông

Thời gian phỏng vấn: ngày 10/8/2021

Địa điểm phỏng vấn: xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Các cụ tham gia CLB hát Ghẹo được lâu chưa?

Trả lời: Hầu hết các cụ ở đây đều tham gia từ khi CLB của xã được thành lập đến giờ, chỉ trừ những người đã mất, những người ốm yếu quá không thể đến được còn lại mọi người ai cũng rất hăng hái, nhiệt tình tham gia khi CLB tập trung.

Hỏi: Các cụ có hồi ức gì về những làn điệu Ghẹo khi xưa thời tuổi trẻ của mình không?

Trả lời:

- Bà Phạm Thị Oanh: Khi còn bé đứng trong tốp người làng để nghe và xem người lớn hát đối đáp với nhau thấy hào hứng lắm, khi đến tuổi trưởng thành được tham gia trong cuộc hát nên bà rất thích thú, những câu Ghẹo cứ nối tiếp được đối đáp qua lại, có nhiều khi người đối đưa ra ý tứ sắc sảo khiến người đối lại cũng phải mất nhiều thời giờ để suy nghĩ đáp ý.

- Nghệ nhân Phạm Thị Doanh: Bà biết hát từ bé vì nhà bà có mẹ và các chị đều là những người hát Ghẹo giỏi. Ngày xưa nghe các cụ hát hay lắm, mộc mạc thôi nhưng đầy tình người, những câu Ghẹo da diết khiến người nghe không nỡ dứt đi. Bà và đám bạn thường cùng nhau thả trâu và ngồi chơi, hát Ghẹo với nhau ở triền đê sông Thao, những câu đối đáp cũng được mọi người thực hiện và còn hỗ trợ nhau để tìm lời đối sao cho hay và ghi nhớ để tối về khoe với người lớn.

Hỏi: Các cụ còn hát được nhiều làn điệu Ghẹo cổ không?

Trả lời: - Nghệ nhân Phạm Thị Quý: Ghẹo cổ hát theo kiểu đối đáp giống như hát ví đối của các vùng khác (Thanh Nghệ Tĩnh) và người Mường họ cũng hát ví kiểu như thế. Những bài ví cổ có cách hát giống như của người Mường còn hát mới thì hầu như chủ yếu là giao duyên, đối đáp. Bà thuộc rất nhiều làn điệu, những bài ví, giọng sống rồi là những bài Ghẹo đúm (Bài Ghẹo có cách thức ca hát gần với tính chất hát Xoan) có bài là kiểu hát một mình tự sự nhưng có bài lại là cách hát đối đáp của đôi bên nam – nữ.

Hỏi: CLB mình có tham gia thi ở đâu không? Tham gia đối đáp với làng nào

là chủ yếu?

Trả lời: - Nghệ nhân Phạm Thị Doanh: Thường thì CLB tự tổ chức luyện tập ca hát với nhau vì yêu thích và mong muốn gìn giữ làn điệu dân ca của địa phương là trước nhất, đội cũng có một vài lần đi biểu diễn ở đền Hùng, tham gia lời mời đến biểu diễn ở một số nơi như Sở văn hóa, trường Đại học Hùng Vương, UBND huyện Tam Nông... Thời các cụ ngày xưa có nói rằng giao lưu kết nước nghĩa với làng người Mường ở Thanh Sơn nhưng hiện giờ thì hầu như không đi hát đối kết nghĩa nữa, trong CLB tự hát với nhau thôi.

Hỏi: Các cụ có suy nghĩ như thế nào về việc thanh niên hiện nay hát Gheo theo tính chất trào lưu mới – đưa nhạc cụ vào đệm trong hát?

Trả lời:

- Nghệ nhân Phạm Thị Quý: Thế hệ người già như các bà khi hát Gheo thường ca bài cổ bởi nó rất hay, mộc mạc như chính con người các già còn thanh niên trẻ hiện nay họ thích hát các làn điệu Gheo mới trau chuốt hơn, nhạc điệu rõ ràng, sôi nổi hơn.

- Nghệ nhân Phạm Thị Doanh: Mỗi thời một khác, thời các bà thì chân chất giản dị thô và ca hát cũng là sự bộc phát từ trong tâm hồn yêu thích của mình. Các bạn trẻ hiện nay thích hát dân ca nhưng phải có nhạc đệm theo đó là do họ quen với việc ồn ào, quen với nhạc điệu hiện đại rồi nên nếu để hát không sẽ không có hứng thú.

Biên bản phỏng vấn số 9

Phỏng vấn, gặp gỡ một số cán bộ, người dân Mường huyện Yên Lập

Ngày đi phỏng vấn: ngày 20/02/2020

Địa điểm phỏng vấn: huyện Yên Lập.

Nội dung phỏng vấn.

Hỏi: Các Ông/bà có hay được nghe hoặc tham gia hát dân ca dân tộc mình không?

Trả lời:

- Bà Nguyễn Thị Thắm, xã Hưng Long: Tôi là người Kinh lấy chồng người Mường

nhưng tôi không thấy người nhà chồng hát dân ca hay cái gì cả, chỉ có con trai tôi là hay tham gia văn nghệ rồi đi biểu diễn thì nó biết hát thôi.

- Bà Hà Thị Tình, xã Xuân An: Bà có biết, có nghe mọi người hát dân ca nhưng bà không hay hát.

- Chị Hà Thị Thùy, Thị trấn Yên Lập: Cạy em là người Mường nhưng cũng không bao giờ thấy hát dân ca Mường gì cả mặc dù bà cũng có giọng hát, cũng thi thoảng tham gia hoạt động ở xóm thôn. Khu nhà em ở chỉ có một vài người biết hát, nếu nói đến hát tốt và đi biểu diễn nhiều thì chỉ có nghệ nhân Nguyễn Đình Thường ở Ngọc Đồng, Yên Lập mà thôi.

- Ông Hà Đình Báu, xã Xuân Thủy: Ông không hay hát nhưng cũng có nghe mọi người hát hò đu vì ở xã ông hàng năm cứ đến ngày hội đầu xuân là mọi người lại tổ chức lễ hội và có hò đu đối đáp với nhau.

Hỏi: Các Ông/ Bà cho biết mức độ ca hát dân ca hiện nay ở địa phương mình ạ?

Trả lời: - Hiện nay ca hát dân ca ở các xã trong toàn huyện có phần khởi sắc hơn so với năm trước nhưng vẫn không được nhiều vì đối tượng ca hát cũng vẫn hầu hết là các ông bà lớn tuổi thôi, các bạn trẻ chỉ thích nghe chứ không chịu học hát vì nó khó.

- Ông Thường: Nếu để nói khởi sắc do được ca hát nhiều thì đúng nhưng do nhiều người hát thì lại không đúng lắm vì ở nơi ông ở hầu như mọi người biết hát nhưng lại ít hát, các bạn trẻ cũng hầu như không hay hát, chỉ có ông là hay đi biểu diễn hát Ví theo lời mời từ phòng văn hóa huyện cũng như tham gia các cuộc lễ hội ở đền Hùng.

- Chị Thùy, Phòng văn hóa huyện: Người dân các xã bình thường không hay hát dân ca đâu, họ chỉ hát khi tham gia lễ hội hoặc tham gia trong một dịp liên hoan nào đó thôi.

Hỏi: Trong hoạt động sinh hoạt văn hóa của huyện thường hay biểu diễn thể loại văn hóa dân gian gì?

Trả lời (chị Thùy, cán bộ phòng văn hóa): Huyện Yên Lập có nhiều dân tộc

thiếu số sinh sống nên các hoạt động văn hóa cũng khá đa dạng, khi huyện có tổ chức hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn thì một số thể loại văn hóa dân gian được đưa vào danh sách biểu diễn như: Múa chuông của người Dao, múa trống đu của người Mường, đánh cồng chiêng Mường... Khi tham gia tại lễ hội đền Hùng thì huyện cũng chọn tiết mục múa trống đu đặc sắc để biểu diễn giới thiệu văn hóa, còn hát dân ca Mường thì chỉ có nghệ nhân Thường tham gia hát ví đối giao lưu thôi.

Trả lời (ông Quỳnh, cán bộ phòng văn hóa): Các cán bộ trẻ trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch đặc biệt là những thanh niên người Mường, họ có nhiều sự sáng tạo, nhiều ý tưởng quan trọng đóng góp cho công tác xây dựng, phát triển và bảo tồn hệ thống văn hóa dân gian của huyện. Các tiết mục dân gian Mường khi biểu diễn luyện tập sẽ được bổ sung thêm vào các động tác múa hay sự kết hợp của các nhạc cụ khác biểu diễn cùng như phách, sênh tiền, ống....

Hỏi: Khi hát dân ca ông/ Bà thường hay hát những bài bản, thể loại gì ?

Trả lời:

- Bà Long: Dân ca Mường nói chung có nhiều thể loại lắm nhưng tùy từng xã hay từng vùng mà họ ca hát hoặc biểu diễn dân ca theo ý thích. Ở Xuân Thủy các bà hay hát hò đu nhiều hơn vì ngày hội đầu xuân năm nào cũng có cây đu để mọi người tham gia.

Nhớ lại những ngày xưa khi hát hò đu vui lắm, mọi người không chỉ hát với nhau lúc đu mà còn có thể kéo dài cuộc đối tùy theo tình cảm và hứng thú của đôi bên đối đáp nữa.

- Ông Thường: Ông thì hát và đối ví tốt nên khi đi giao lưu ông hay đối ví với mọi người, ông cũng biết cúng nên các nghi lễ như Mở cửa rừng là ông tham gia với vai trò chính.

- Bà Tình: Bà thường chỉ nghe mọi người hát thôi chứ ngại không tham gia hát bao giờ. Dân ca Mường thì nhiều loại lắm nhưng ở đây họ toàn hát ví và bên Xuân Thủy thì hay hát hò đu.

-----%-----

Phụ lục 4: Một số bài ghi âm dân ca Mừng

4.1. Hát Ví

HÁT VÍ

(Hát Ví ngợi ca trong ngày hội đại đoàn kết dân tộc tại xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, Phú Thọ)

Người hát: Hà Thị Tiên

Ghi âm: Tạ Thị Thu Hiền

Hỡi ai đi ngược về xuôi đừng
chân ngấm cảnh núi đồi Kiệt Sơn.

HÁT VÍ

(Ca ngợi phong tục tập quán)

Ghi âm: Tạ Thị Thu Hiền
Người hát: Hà Thị Tiên

Cho tôi thì sắc thêm hương, Păn ma tôn trọng
 tục Mừng quê tôi. Tôm tô cà rung thui thui, nhà sàn thẳng
 tới nay lúi đến bông. Lồ tôi a gấn bó mê nông, ra
 rền phong tục tán òn tán ta. Tán ô mà nay cười như hoa.
 Tán pa nay cười hóa ra òn ào. Tán ô mà
 phận phúc vui khổ, tán pa âm vui quanh lo hiêng thay. Tán
 ô người nhà gỗ rưng lên, tán pa tiềm lão thành phèn la nung.
 Tán ô a việc cả việc xa, tán pa chiêm cùi

chiếm cả có uôn. Tán ô a sắp pô rôn ràng, tan pa sắp

óp sắp rào ti rung. Tán ô a quần thùng áo nâu, tan

pa áo con khoe màu hoa văn. Tán ô a cúc thắt dải khăn,

tán pa xa tích công chăm trắng phau. thoáng qua a

bột góc tực Mừng, a đậm đà phộng tử vi hương sắc

hương. Chứ cho a bản sắc bền lâu, tới

trông giáo dục tới thâu, lưu chuyên là Bản Mừng ơ!

4.2. Hát Rang

RANG TRÔNG CHUỐI

(Rang vôông chuối)

1

Người hát: Hà Thị Thanh
Ký âm: Kiều Phương

Tự do - ngâm ngợi

The musical score is written on five staves of a grand staff (treble clef). It features a melody with various ornaments and rhythmic markings. The lyrics are written below the notes.

Hình như ơ.....
 5
 ủa tà vôông riêng tà chuối cai rồi hỡi.....
 6 . chàng ơi...
 5
 ủa vôông rặng mái chuối thiếu ủa ẻng hảo yêu puông nả
 3 3 3
 chẳng có ay lái tồng rõ cho ủa rò hời chàng
 5
 5
 chàng ơi... chàng ơi...

ĐỀ THƯỜNG ĐỀ RANG

(trích)

Tự do - ngâm ngợi - kể lể

Người hát: Bà Hà Thị Song (76 tuổi)

Ký âm: Kiều Phương ³

Hình σ σ..... σ σ σ σ σ σ σ σ

mắt pòì ở cho sáng ngoài vắng thẳng a tời hời chùa mẳng

a lái mẳng là pồ σ mí còn a hời mẳt

pòì ở σ chua mọc tẳnh róc pà táo σ hâu cũng ti ₅ no là

pồ ời mí chụng còn ời chung còn mí chụng còn σ

4.3. Hát Ru

Hát ru*Tự do, ngâm ngợi**Người ghi âm: Tạ Hiền
Người hát: Hoàng Thị Tiến*

Ru ru rây rây un ơi un ơi, un tay un tay cho rõ đờ

Thời chi un tuân ti hai chôm pai chi un tuân ti hai chôm pôn

Nga chi la chín tô ở bờ bên kia thôn nở ơ ơi a tiếng cửa

Bua men mi úm lê cái tum bom bay đề huề cho un ăn năn chờ rô bô rô

Un ơi! un tay un tay cho nùm. un tay toi bua men mi

un a huề un ơi un tay với pa

Un tay cho nó tay chôm bãng a mừng na lều na vàng

tôm chôm un na dô hơi pô men mi độc nữ ơi!

4.4. hát Hò đu

HÁT VÍ ĐU

1

(Nét đẹp Văn hóa Dân tộc Mường Phú Thọ)

Lời dẫn: Mấy khi me thừ mấy thìn
 Mấy khi thê thi hồi, Già ơi!
 Mấy khi rông gặp mấy đê
 Than thở hội mây vài lời
 Nửa mai rông buộc mấy xuôi
 Cùng chông bó găng mỗi người mỗi nơi, Già ơi!
 Cảm ơn các cụ làm Đu
 Cảm ơn các bác, các chú dựng nên Đu này
 Đu này là để chơi xuân
 Để chọn già trẻ khắp nơi tụ hội
 Ra khơi chúc tuổi chúc niên
 Trẻ thời có hội chúc duyên tơ hồng, Già ơi!

Nhà em có ruộng năm sào
 Đương tại ni sửa làm sao cho liền, Già ơi!
 Dưới kia có đám cù đồng
 Có trai, có gái ta cùng lên Đu, Già ơi!

Hát đối: Nam - Nữ

Hát theo lối ngẫu hứng tự do

Ghi âm: Tạ Thị Thu Hiền



Nữ: Đôi ta hạ tỉnh nặng như hữu tri đường cái đi giữa



thô phi cũng liền, Già ơi!, hồi



Nam: Tại mình chừ tại ta đâu, mà thê chi mượn mà khâu



không bền, Già ơi!

Nữ: Chàng ơi hồi! em cũng chẳng ngờ, bởi nhưng cha mẹ nên cơ sự này, trước em trách mẹ
 thâu lại trách thầy, đôi sở hữu cả đời hay thi, thậm trách cha mẹ em nhầm, cho nên em phải
 khóc thẳm đến khuya, Già ơi!

Nam: Khóc thẳm khổ lắm em ơi! Anh muốn nhò lời nhưng chẳng được đâu, Già ơi!

4.5. hát Ghẹo Việt – Mừng

TRÔNG TRẦNH NƯỚC ĐỒ THUNG SON VÀ THUNG NHOI

Người hát: Bà Phạm Thị Quý.
Thanh Uyên-Tam Nông- Phú Thọ
Ghi âm: Tạ Thị Thu Hiền

Hát đối đáp giao duyên
Nhịp ngân theo tùy hứng

Nữ Là anh a ơi! Hỡi trông a trảnh, nước đồ mà Thung a Son a chứ em
nhưng áo ơ vai mà chân a đon ơi môi a hồng, em chưa có a chồng
Lấy anh mà nương tựa anh chưa có vợ lấy em mà tựa a ơ nương
ơi theo a còn thời đi nhớ ơ ơi rằng là rằng a thương
ơi về thương. **Nam** Là chị a ơi ơi trong a trảnh
nước ơ đồ Thung a Nhòi a chứ em như áo vải i
mà còn a có i ơi môi a gi, chỉ có thương em thời chi lấy
i ơi rằng a rằng đi ơi em đi.

Phụ lục 5: Các bài bản dân ca Mừng (phần lời ca)

5.1.

HÁT VÍ

(Ca ngợi tình đoàn kết cộng đồng)

Người hát: Hà Thị Tiên - Kiệt Sơn, Tân Sơn

Ghi âm: Tạ Hiền

- | | |
|---|--|
| 1. Kiệt Sơn có núi Đồn Mu
Có dòng sông Bứa lững lờ êm trôi | 9. Ngày xưa rừng lụi sỏi con
Đồng cạn nghèo khổ khó khăn lắm ơi |
| 2. Vẳng nghe câu Ví inh ỏi
Câu Rang câu dặm ngọt ngào thiết tha. | 10. Bây giờ mở quán nhà hàng
Có xe đưa đón sẵn sàng ngược xuôi |
| 3. Bà con già gạo chày tay
Và còn đánh Óng hàng ngày thêm vui | 11. Giao thông kết nối mọi nơi
Chuyến lâm thổ sản về xuôi còn mừng |
| 4. Xinh xinh như tấm lụa đào
Con đường mở rộng ta vào tự do | 12. Chung quy phải giữ lấy rừng
Nhà nước cho rồi phải dùng bền lâu |
| 5. Kiệt Sơn cửa ngõ miền tây
Có lòng khách quý về đây thăm nhau | 13. Yêu nhau chớ đi đâu xa
Hãy về sông Bứa quê ta cho gần |
| 6. Về đây chớ có ở lâu
Kéo lại thành rề thành dâu Mừng này | 14. Suối Dọc cùng với suối Thân
Hòa cùng sông Bứa miền Tân Sơn mình |
| 7. Thôn quê ngày càng đổi thay
Thi đua cao mới nhà xây mọc dần | 15. Kiệt Sơn ta cùng góp sức
Dựng xây nước non ngày càng giàu đẹp |
| 8. Vừa an công vụ dần dần
Kìa chợ Vèo họp xa gần thêm vui | Ói là... Mừng...oi...! |

5.2.

VÍ GIAO DUYÊN*Người hát:* Hà Thị Tiên - Kiệt Sơn, Tân Sơn

Đình Văn Thành- Tất Thắng, Thanh Sơn

Ghi âm: Tạ Hiền

NAM

Gặp đào anh hỏi thăm đào
 Vườn xinh hoa quế ai rào hay chưa?
 Anh đây còn trắng như bông
 Còn trong như nước còn chờ em đây.
 Nói thể được thể hay chẳng
 Hay là không thể mất công ai đền.
 Nói lời phải giữ lấy lời
 Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.
 Chỉ se dễ đứt em ơi
 Anh buộc không khéo bướm bay mất rồi
 Xa xôi cách mấy dặm đường
 Bắc cầu đôi đũa đón nàng sang chơi
 Ước gì anh hóa thành kim
 Anh hóa thành chỉ thêu chim hòa bình.
 Ước gì anh hóa đại bàng
 Bay cao liếc thấp sang ngồi bên em.

NỮ

Đào hỏi em cũng xin thưa
 Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.
 Nếu anh còn trắng như bông
 Còn trong như nước tìm đường làm quen
 Nói thể được thể anh ơi
 Nói không được thể em đền công cho
 Bướm bay thì mặc bướm bay
 Anh về lấy chỉ buộc ngay bướm vào
 Xa xôi cách mấy dặm đường
 Bắc cầu thiên lí hai hoa cho gần
 Tiếng ai mà ngọt như đường
 Mà thơm như quế mà vừa lòng em
 Ước gì em hóa thành dơi
 Bay cao liếc thấp tới nơi anh ngồi.

5.3.

HÁT VÍ LỜI HẸN

Người hát: Đinh Thị Yên

CLB dân ca Mường xã Tu Vũ, Thanh Thủy

Ghi âm: Tạ Hiền

Nặng đôi chim én hòa bình cho eng hát

Dộng chung tình lăm măm với ún gia ơi

Ún leeng hòn Khụ Ba Vì để ụn đón đợi, đi về thăm là vậy eng ơi.

Vọ long thăm mái ún ơi hẹn hò giữ chọn những lời ún ta là yêu ơi

Hạo rằng ún ở đăm rằng, rằng là đách đác nghĩa là thương thật là thương

Hồ rằng điệu đi có mông cho eng nhìn nhận là chồng ún chẳng là yêu ơi.

Ún hò cũng yêu nên duyên ún rằng đón con bò to là vậy eng ơi

Đôi ta như thể con tầm đều ăn chung lá đều nằm chung vòn là yêu ơi

Lạng tha điều thới thiếng lòng ò lêu vạt áo lêng cảnh mà thương là yêu ơi

Khó khăn cũng vượt eng ơi cho chan đích đúng bằng điều mà khơi eng ơi

Lấy chi cho ún bằng lòng cho eng kín kẽ cái vòng long cong là yêu ơi

Hẹn tha kháng chín kháng mười bày cơm lái lọ ún về bên eng là yêu ơi.

5.4.

HÁT VÍ MỜI TRÀU (trích đoạn)

Người hát: Đinh Thị Hợi,

CLB dân ca Mường xã Tu Vũ, Thanh Thủy

Ghi âm: Tạ Hiền

Thà vuòn pếch lê một trái say xong dòng về púa 8 mời eng ăn trầu

Châu ni châu tính châu tình, châu loan châu phượng, châu mình châu ta

Chầu tay ưn dong tha tình quan chuông đình mái a ơ eng ơ

Chăng ăn cầm lệ eng ơ

Chăng ăn cầm lệ ún hoa vui lòng.

5.5.

Rang Mừng nhà mới*Người hát : Hà Thị Sóng, Xã Lai Đồng, Tân Sơn*

Ghi âm : Tạ Hiền

Hinh ơi...ơ...

Ngày chín là ngày cơ thốt, ngày mười ngày một là ngày cơ lèng là con
 ơi.

Pay là nhà men mới wả con ơi.

Con ơi chân con tau wê nguồi, cuồi tau wê ngày mé dầy to dầy tẩn con
 pay ơi.

Dầy rần, dầy pào con pay hầy ơi

Miếng tất nì pay hảo là nhà mới con ơi pay châu dất,

Dất pò miếng tất châu lèng châu pò kênh châu huổng ke hời con ơi.

Tôi ông pà pay ăn chơi pôi đồng

Ăn rềng là thà với pàu con hầy ơi...

Chì còn hảo châu ti vi, cát séc tày nhà

Pàn chèn con nỏ, cái pản nhò thán cái cương

Cà Mường nương pao hảo oông một nhiều con ơi

Mé to, mé tẩn, mé rần, mé pào pay, pay là com chiêm tảo là ráo chiêm
 khéc con ơi...

Pàu tồn men nhộc con ho là men rềng men hả ke hời con ơi

Pay ti lao đồng con hầy chum ăn, chum tề con hầy chum tề, chum ăn,
 chúng con pay dầy pảnh, một chum ản một triều

Hai chum ản liều liều ản một cãm triéc ke hời con ơi

Tời thông của ho, con ho ản tiền bố rồi hời con ơi.

5.6.

Rang ca ngợi công ơn cha mẹ*Người hát : Hoàng Thị Tiến, xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, PT*

Ghi âm: Tạ Hiền

Hinh ơi..ơ...ơ...

Pó men mí, chí ruông thà, chia cái lai cho con

Chừ già bước trần dầy ti, hỏi da ò hué, mang anh choang ho nì

Eng to kho khăn, máng hoo tura con,

Tách tuc pó hoỏng, ti xươi chông tỏong pua lỏa rái

Máng vởi, nghi tang cưa cón pỏng, ta so ta lỏi sai

Ta tuôi po máng ho, vởi con tách tuc pó quay lai

Máng ho oang con ăn mún lỏa,ta ro eng ẳm, ẳn pỏi chu eng ngoi

Máng ho tura con quay về, cái cưa mèn nhà, pỏ cưa lang

Thì mí lang tha, mang anh chang ời, mang anh chang ời..../

5.7.

Hát rang- Lời Bác

Người hát: Hà Thị Sóng, Lai Đồng, Tân Sơn

Đặt lời mới – Dịch tiếng phổ thông: Hà Thị Sóng

Ghi âm: Tạ Hiền

Inh ơ...ính ỡ...ơ..hờ...ớ..ơ..ơ..ờ..ơ..ờ

A chi răng po răng a dây dây chờ tán men ả hơ...ải ho.

Ma chi chắc pên đơ nả ẹp a lêng, chắc pên kêng nả ẹp huồng rồi à ơi..

Chi tan te dây dây ay cỏ thủng tẻ lể thủng, ay cỏ đảo lể đảo chờ hơi toãn dân à ơi.

Ho chãng cỏ đảo ho chãng cỏ thủng men da ơi ho ti tẻm ngón lão lã thủng a, lã đảo a.

Ho dấy nhuộm tất nhuộm ta chớ..ớ..hơ tẻ lể nước men nhã tồn pỏ lái chờ tà dân à ơi
 ới ơi ời

Tẻ ản nhờ lể nước, ản ước lể nha chớ ơ...ờ ..ơ

ản tằm lã nã nhã ản cấy ản hái chớ à ơi..ping ơi..muống ơi.

Chu tịch bí thư ha thông tin a dòng máu dây dây ản nhấn chức chớ.. ơ ơi

Tẻ ản nhờ lể nước, ản ước lể nha chớ ơi..a ping à ơi...a muống à ỡi..

Dịch:

Bạn ơi.....!

Mà chắc bên dưới nó ép lên, bên trên nó ép xuống rồi. à ơi.

Giờ bọn mình dậy dậy ai có súng lấy súng, ai có giáo lấy giáo thôi hỡi toàn dân à ơi.

Tôi không có giáo tôi không có súng nữa bạn ơi tôi đi chặt ngọn nứa làm súng, làm giáo.

Tôi dậy nhuộm đất nhuộm da thôi, mình lấy nước khỏi nhà địch trở lại thôi toàn dân ơi.

Mình được nhớ lấy nước, được ước lấy nhà thôi..

Được ao làm ruộng nhà được cấy được gặt thôi...

Chủ tịch bí thư ra thông tin dòng máu dây dây được nhận chức thôi...

Mình được nhớ lấy nước, được ước lấy nhà thôi...

5.8.

Hát ru em*Người hát:* Hà Thị Tiên - Kiệt Sơn, Tân Sơn

Ghi âm: Tạ Hiền

Em ơi em ngủ cho ngoan
Bố mẹ còn đi làm nương rẫy
Bố đi hái cái quả, mẹ đi hái cái bông
Em ngủ cho no mới dậy
Ru em tôi như ru con chim pạc má
Như ru con cá bạc xương
Chọn ngày lành treo cái cồng,
chọn ngày nắng cắt yếm cho đẹp, cắt cái áo cho xinh.
Em ơi em ngủ cho say,
bố mẹ còn đi đánh cá
đem về nhà cho em tôi ăn.
Ngày mai lớn lên em đã biết lấy bẹ cây bương làm cái sàng gạo.
Em đã biết đi lên rừng hái cái rau má về nấu ăn,
đến ngày lớn lên, em tôi ra đường đã có con trai để ý.
Em ơi em ngủ cho ngoan.

5.9.

Hát đối đáp giao duyên

Người hát: Đinh Văn Thành, Hà Thị Oanh

- xã Tát Thắng, Thanh Sơn, PT

Ghi âm: Tạ Hiền

- + Đến đây mình ở lại đây
Mong cho trúc mọc thành cây mới về
- + Anh về em chẳng cho về
Muốn anh ở lại xem Dê mọc sừng
Mọc sừng rồi lại mọc tai
Muốn anh ở lại ngày mai mới về
- + Anh về thưa với mẹ cha
Sẽ cho ta được làm con một nhà.

+ Nam:

- Trầu này ăn nặng bằng chì
- Trầu này ăn nhẹ như bông
- Muốn ăn cơm trắng nước trong

+ Nữ:

- Ăn thì ăn vậy lấy gì trả công
- Ăn thì ăn vậy kể công làm gì.
- Đi luôn hang Kẹm vào trong Hương Cầm.

5.9.

Hò Đu (trích)

Người hát: Nguyễn Thị Long, Xuân Thủy, Yên Lập

Ghi âm: Tạ Hiền

Khen ai khéo dựng đu tiên để cho nam nữ bách niên thọ chàng
 Chúc cho hàng xóm ngoài làng, già thời mạnh khỏe trẻ càng thêm xuân
 Trai thì cưới những cầm quân, gái thời se chỉ ân cần sớm hôm
 Chúc xa em lại chúc gần, chúc cho nam nữ làm nên xuân này,
 Em mới đến chơi.

Lạ lòng em mới làm quen, mực tàu sánh với bóng đèn nên chẳng
 Anh là con cái nhà ai, mà anh nói khoan thai dịu dàng.
 Ta ở đâu mà chẳng biết ta, ta ở làng mộ tên là Tứ hương
 Ta đến đây mình có lòng thương
 Sao chẳng phải hỏi Quế hương thử lòng.

Tưởng rằng mình thử mình thương chẳng,
 Là mình thử trăm đường mình lại chê ta.
 Em là con cái nhà ai, lời ăn tiếng nói khoan thai dịu dàng
 Em là con cái nhà trời, trời cho em xuống ăn chơi cùng chàng.
 Anh rằng anh ở trên trời, xin anh sẽ kể bài trời em nghe.

Ới nàng quân tử kia ơi, lắng tai ta họa bài trời mà nghe.
 Trên trời có sấm có mưa, có rồng lấy nước có chua nàng tiên
 Trên trời có phật có tiên, có dây chỉ thắm xe duyên vợ chồng.

Bầu trời anh họa đã rồi, xin anh họa tiếp bài sao trên trời
 Nửa đêm thức dậy mà trông, kìa sao bên Bắc em ngồi bên Đông.
 Anh ơi thức dậy mà trông,
 Kìa kìa ông sao sáng bên sông Ngân Hà....

Phụ lục 6: Các biểu mẫu bảng hỏi, phiếu điều tra

Mẫu phiếu 1

PHIẾU KHẢO SÁT
(Dành cho dân bản địa)

Để thu thập thông tin thực hiện đề tài luận án “**Dân ca Mường ở Phú Thọ trong bối cảnh đương đại**”, kính đề nghị ông (bà) vui lòng trả lời một số câu hỏi dưới đây (đánh dấu X vào các ô hoặc cột phù hợp với ý kiến của ông bà). Chúng tôi xin cam đoan ý kiến của ông (bà) chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn!

A. VĂN HÓA VẬT CHẤT

1. Nhà ở:

1.1. Ngôi nhà hiện nay ông/bà đang ở có chịu ảnh hưởng của văn hóa dân tộc láng giềng nào không?

- a. Không chịu ảnh hưởng của tộc người nào
- b. Ảnh hưởng của người Kinh
- c. Nguyên bản nhà người Mường
- d. Dân tộc khác:.....

1.2. Tại sao hiện nay ông/bà không làm ngôi nhà sàn như ngày xưa? (chọn nhiều phương án)

- a. Vì không có sẵn nguyên vật liệu
- b. Vì không phù hợp với địa hình
- c. Vì không kiên cố
- d. Vì không hợp với xu thế của ngày nay
- e. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

1.3. Ngôi nhà ông/bà đang ở hiện nay so với ngôi nhà sàn trước kia, loại nhà nào tiện lợi hơn trong sinh hoạt hàng ngày? (chọn nhiều đáp án)

- a. Nhà ở hiện nay tiện lợi hơn
- b. Nhà sàn tiện hơn
- c. Mỗi loại nhà có sự tiện lợi riêng
- d. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

1.4. Khi làm ngôi nhà hiện nay, ông bà tham khảo các tập quán nào sau đây? (chọn nhiều đáp án)

- a. Chọn đất làm nhà

- b Chọn hướng nhà
- c Xem tuổi
- d Mượn tuổi làm nhà
- e Xem ngày giờ dựng nhà
- g Cúng trong ngày đầu tiên dựng nhà
- h Cúng khi vào nhà mới
- i Nghi lễ khác (ghi rõ):.....

**1.5. Hiện nay, gia đình ông (bà) có các công trình phụ nào dưới đây không?
(chọn nhiều đáp án)**

- a Bếp
- b Chuồng trâu, bò
- c Chuồng lợn
- d Nhà tắm
- e Hồ xí (đổ tro hoặc tự hoại)

**1.6. Nếu được lựa chọn, ông bà thích ngôi nhà của mình ở vị trí nào? Vì sao?
(Có thể chọn nhiều phương án)**

- a. Thích ở nhà mặt đường
- b. Thích ở gần chợ
- c. Thích ở gần trường học
- d. Thích ở sâu trong làng
- e. Thích ở gần rừng
- g. Thích ở gần họ hàng
- h. ý kiến khác (ghi rõ):.....

1.7. Hiện nay, trong nhà của ông/bà có những tài sản nào dưới đây?

1	Đài	<input type="checkbox"/>
2	Cattsette	<input type="checkbox"/>
3	Ti vi	<input type="checkbox"/>
4	Đầu thu kỹ thuật số	<input type="checkbox"/>
5	Đầu video	<input type="checkbox"/>
6	Tủ lạnh	<input type="checkbox"/>
7	Máy vi tính (bàn hoặc xách tay)	<input type="checkbox"/>
8	Điều hoà	<input type="checkbox"/>
9	Xe máy	<input type="checkbox"/>

10	Quạt điện	<input type="checkbox"/>
11	Máy giặt	<input type="checkbox"/>
12	Máy phát điện	<input type="checkbox"/>
13	Tủ tường	<input type="checkbox"/>
14	Tủ píc phê	<input type="checkbox"/>
15	Giường môđéc	<input type="checkbox"/>
16	Bếp ga	<input type="checkbox"/>
17	Máy bấm thuốc	<input type="checkbox"/>
18	Điện thoại (cố định hoặc di động)	<input type="checkbox"/>
19	Khác (ghi rõ):	<input type="checkbox"/>

1.8. Theo ông/bà, sự thay đổi về ngôi nhà ở của người Mường hiện nay có ảnh hưởng đến việc giữ gìn bản sắc tộc người không?

a. Có

b. Không

1.9. Theo ông/bà, có cần phải bảo tồn kiểu ngôi nhà truyền thống của người Mường không?

a. Có

b. Không

Nếu muốn bảo tồn thì bằng cách nào?.....

2. Trang phục

2.1. Phụ nữ trong gia đình có biết thêu không?

a. Không biết

b. Không thành thạo

c. Thành thạo

2.2. Hiện nay, phụ nữ trong gia đình thường thêu vào lúc nào?

a. Lúc rảnh rỗi đều thêu

b. Khi nào cần mới thêu

c. Biết thêu nhưng lâu rồi không thêu nữa

d. Không bao giờ thêu

e. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

2.3. Ông/bà có thích mặc trang phục truyền thống không?

a. Có

b. Không

2.4. Số lượng quần áo truyền thống trong gia đình ông/bà hiện nay?

- a. Không có quần áo truyền thống
- b. Không đủ mỗi người 1 bộ (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)
- c. Trung bình mỗi người có 1 bộ (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)
- d. Trung bình mỗi người có 2 bộ (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)
- e. Trung bình mỗi người có 3 bộ trở lên (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)

2.5. Hiện nay, gia đình ông/bà còn những đồ trang sức truyền thống sau đây không?

- a. Nhẫn bạc
- b. Vòng cổ
- c. Vòng tay
- d. Hoa tai
- e. Xà tích
- g. Khác (ghi rõ):.....

2.6. Nếu con cháu ông bà cần có quần áo truyền thống thì ông bà sẽ:

- a. Tự may lấy:
- b. Đi thuê, mượn của người khác
- c. Mua bộ đã may thêu hoàn chỉnh:
- d. Ý kiến khác (ghi rõ).....

2.7. Ông/bà có mặc trang phục truyền thống vào những dịp sau không?

- a Ngày đầu năm mới
- b Đi dự ngày hội văn hóa dân tộc
- c Đi dự các nghi lễ cầu cúng
- d Đi dự ngày tổng kết cuối năm của dòng họ
- e Đi họp ở thôn/xã
- g Đi dự đám cưới của bạn bè/ người thân
- h Đi dự đám tang của bạn bè/ người thân
- i Khác (ghi rõ):.....

2.8. Lý do nào khiến ông/bà không thường xuyên mặc trang phục truyền thống? (có thể chọn nhiều phương án)

- a. Vì nóng
- b. Vì bất tiện trong sinh hoạt và lao động hàng ngày
- c. Vì không biết mặc
- d. Vì sợ bị hỏng quần áo

- e. Vì cảm thấy không tự tin trong giao tiếp với người khác tộc
- g. Vì không đẹp
- h. Vì không phù hợp với xu hướng ngày nay
- i. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

2.9. Theo ông/ bà trang phục của người Mường ở Phú Thọ có đặc điểm gì khác không so với người Mường vùng Hòa Bình ?

- a. Có
- b. Không

2.10. Theo ông/bà cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống của người Mường hiện nay ? (có thể chọn nhiều giải pháp)

- a Phải giáo dục người dân hiểu biết và trân trọng những giá trị của trang phục truyền thống
- b Khuyến khích người dân mặc trang phục truyền thống thường xuyên hơn trong các ngày lễ, tết của tộc người và trong những ngày lễ kỷ niệm của đất nước
- c Tổ chức các cuộc thi những người mặc trang phục truyền thống đẹp để tôn vinh giá trị của bộ trang phục dân tộc
- d Khác (ghi rõ):

3. Ăn uống

3.1. Ông/ bà thường ăn gì vào bữa sáng?

- a. Ăn cơm nguội và thức ăn của tối hôm trước
- b. Mua đồ ăn ở ngoài (mỳ tôm, các loại bánh, xôi...) về nhà ăn
- c. Ăn bún, cháo, phở... ở quán ăn
- d. Không ăn sáng
- e. Ý kiến khác:.....

3.2. Bữa cơm hàng ngày của gia đình nhà ông/ bà thường có mấy món?

- a. 2 món (cơm, canh rau)
- b. 3 món (cơm, canh rau, thức ăn mặn)
- c. 4 món (cơm, canh rau, thức ăn mặn, thức ăn phụ : luộc/xào/dưa chua...)
- d. 5 món (cơm, canh rau, thức ăn mặn, thức ăn phụ, tráng miệng)
- e. Nhiều hơn 5 món
- f. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

3.3. Mức độ xuất hiện các loại thực phẩm sau trong bữa ăn hàng ngày nhà ông/bà?

Loại thực phẩm có trong bữa ăn		Mức độ					
		Bữa nào cũng có	Ngày nào cũng có	1 tuần vài lần	1 tháng vài lần	1 năm vài lần	Không bao giờ
		a	b	C	D	e	g
1	Thịt lợn						
2	Thịt gà						
3	Thịt bò						
4	Cá						
5	Tôm						
6	Trứng						
7	Đậu						
8	Rau						
9	Sản phẩm từ rừng (óc/cua/ếch... suôi, thú rừng...)						
10	Giò, chả						
11	Sữa						
12	Các sản phẩm chế biến từ sữa (<i>format, bơ...</i>)						
13	Hoa quả						
14	Khác.....						

3.4. Hàng ngày gia đình ông/bà thường nấu thức ăn theo cách nào sau đây ?

	Cách chế biến	Mức độ			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Không làm
		a	B	c	d
1	Luộc				
2	Rán				
3	Hấp				
4	Kho				

5	Nấu				
6	Quay				
7	Nướng				
8	Gỏi (nộm, ăn sống)				
9	Hầm nhừ				
10	Xào				
11	Nấu đông				
12	Rang				
13	Muối chua				
14	Khác (ghi rõ:.....)				

3.5. Theo ông/ bà bữa ăn của người Mường hiện nay có gì khác so với bữa ăn của người Mường trước kia?

	Sự thay đổi	Hơn trước	Kém trước	Vẫn thế
		A	b	c
1	Chất lượng dinh dưỡng của bữa ăn			
2	Số lượng món ăn			
3	Nguyên liệu chế biến món ăn			
4	Gia vị dùng trong nấu ăn			
5	Cách chế biến món ăn			
6	Khác (ghi rõ) :.....			

3.6. Theo ông/bà nguyên nhân nào dẫn đến khác biệt trong ăn uống của người Mường hiện nay so với trước kia ? (có thể chọn nhiều phương án)

- a. Do nguyên liệu chế biến món ăn thay đổi
- b. Do dùng gia vị công nghiệp (bột canh, mì chính, bột nêm...)
- c. Do cách chế biến
- d. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

3.7. Hiện nay, gia đình ông/bà thường bảo quản thực phẩm theo những cách nào sau đây?

- a. Để trong tủ lạnh
- b. Sấy khô
- c. Làm mắm
- d. Ướp muối

e. Khác (ghi rõ):.....

3.8. Trong ngày lễ, tết hiện nay, gia đình ông/bà có làm những món ăn sau đây không?

- | | | |
|----|---------------------|--------------------------|
| 1 | Thịt động vật | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Gỏi cá | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Cơm lam | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Thịt chua | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Canh xương hầm | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Bánh chưng đen | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Bánh nẳng | <input type="checkbox"/> |
| 8 | Bánh mốt | <input type="checkbox"/> |
| 9 | Măng rung | <input type="checkbox"/> |
| 10 | Xôi màu | <input type="checkbox"/> |
| 11 | Rượu hoẵng | <input type="checkbox"/> |
| 12 | Khác (ghi rõ):..... | <input type="checkbox"/> |

3.9. Trong ăn uống, gia đình ông bà có những kiêng kỵ gì không?

- a. Có
- b. Không

4. Thái độ của người dân về cuộc sống hiện tại

4.1. Ông/bà đánh giá như thế nào về chất lượng cuộc sống của đồng bào Mường mình hiện nay theo hướng?

- a. Tốt hơn trước
- b. Xấu hơn trước
- c. Không có gì thay đổi so với trước
- d. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

4.2. Theo ông/bà sự thay đổi trong văn hóa đời sống như ăn uống, trang phục, nhà ở của người Mường hiện nay là do? (Có thể chọn nhiều phương án)

- a. Phù hợp với xu thế phát triển của cuộc sống
- b. Đang đánh mất bản sắc tộc người
- c. Sự thay đổi là không tránh khỏi nhưng cần phải giữ được nét riêng của người Mường
- d. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

4.3. Theo ông/bà sự thay đổi trong cách ăn uống, trong trang phục, nhà ở của người Mường hiện nay là do những nguyên nhân nào ? (có thể chọn nhiều phương án)

- a. Do sự phát triển kinh tế của người Mường
- b. Do ảnh hưởng của người Kinh
- c. Do sự tác động của kinh tế thị trường
- d. Do nhận thức, thị hiếu của người Mường thay đổi
- e. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

4.4. Theo Ông/Bà, khó khăn cơ bản hiện nay trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc Mường là gì? (có thể chọn nhiều phương án)

- a. Lứa trẻ không hiểu biết rõ về văn hóa của dân tộc mình
- b. Không được lớp già truyền dạy
- c. Cộng đồng không có điều kiện, phong trào thực hành văn hóa truyền thống
- d. Văn hóa người Việt thu hút mạnh
- e. Văn hoá người Mường thu hút mạnh
- g. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

4.5. Theo ông/ bà, đời sống văn hóa của người Mường hiện nay đang biến đổi theo hướng tích cực hay tiêu cực?

- a. Tích cực
- b. Tiêu cực
- c. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

4.6. Ông /Bà có cảm thấy hài lòng với cuộc sống như hiện tại của mình không?

- 1. Hài lòng
- 2. Bình thường
- 3. Không hài lòng
- 4. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

B. VĂN HÓA TINH THẦN

1. Ngôn ngữ tiếng nói

1.1. Là người Mường, Anh/chị có biết nói và giao tiếp được bằng tiếng Mường không?

- a. Nói và giao tiếp được tốt bằng tiếng Mường
- b. Nói và giao tiếp được đôi chút
- c. Không giao tiếp được bằng tiếng Mường

1.2. Trong giao tiếp hàng ngày Anh/chị có thường xuyên dùng tiếng Mường để trao đổi với nhau không?

a. Có

b. Không

1.3. Theo Anh/chị tại sao tiếng Mường lại không được phổ biến rộng rãi trong giao tiếp?

a. Vì tiếng Mường khó phát âm và khó hiểu

b. Mỗi vùng Mường lại có cách phát âm khác nhau nên không có sự thống nhất

c. Do nhận thấy tiếng nói Mường không hay nên không được sử dụng rộng rãi

d. Ý kiến khác (ghi rõ)

.....
1.4. Để tránh bị thất truyền và mai một dần, theo anh/ chị cần phải giữ gìn tiếng nói Mường như thế nào trong tình hình hiện nay?

a Phải giáo dục người dân hiểu biết và trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc trong đó có tiếng nói.

b Khuyến khích người dân thường xuyên trao đổi với nhau bằng tiếng của dân tộc mình.

c Truyền dạy lại tiếng nói của dân tộc mình cho các thế hệ trẻ người Mường.

Tổ chức giảng dạy tiếng Mường trong các trường học có hoàn toàn học sinh là người Mường

d Ý kiến Khác (ghi rõ):

2. Âm nhạc

2.1. Anh/ chị đã từng được nghe dân ca Mường chưa?

a. Được nghe thường xuyên hàng ngày

b. Được nghe nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau

c. Được nghe thi thoảng trong các buổi văn nghệ

d. Chưa từng được nghe bao giờ

e. Không biết là người Mường có dân ca

2.2. Anh/ chị thuộc và biết hát được bao nhiêu làn điệu dân ca Mường ?

a. Chỉ thuộc được một làn điệu (một bài)

b. Hát thuộc được vài bài đơn giản

c. Biết hát hết tất cả các làn điệu dân ca

d. Biết hát và biết vận dụng giai điệu để sáng tác lời mới cho dân ca

e. Không biết hát và không thuộc một bài nào cả

2.3. Anh/ chị thường được nghe hát dân ca Mường ở đâu ?

- a. Nghe thường xuyên từ người trong gia đình hát
- b. Được nghe trong các chương trình văn nghệ của xóm làng
- c. Được nghe ở nhà văn hóa thôn do người già trong bản hát
- d. Nghe trên phương tiện thông tin đại chúng
- e. Ý kiến khác (ghi rõ)

2.4. Theo Anh/ chị, dân ca Mường có dễ hát không ?

- a. Rất dễ hát, dễ thuộc
- b. Dễ hát nhưng khó thuộc lời
- c. Rất khó hát và khó thuộc lời
- d. Ý kiến khác

2.5. Anh/ chị có biết dân ca Mường thường được biểu diễn vào những dịp nào trong năm?

- a. Trong ngày tết Mường
- b. Trong ngày tết nguyên đán
- c. Trong ngày hội văn hóa dân tộc
- d. Trong một số nghi lễ thờ cúng
- e. Trong các dịp vui chơi, giao lưu

2.6. Ở vùng Mường của anh/ chị đã có thành lập câu lạc bộ dân ca Mường chưa?

- a. Có
- b. Chưa

2.7. Anh/ chị thường được nghe ai hát dân ca Mường nhất?

- a. Các người già trong thôn bản
- b. Các thanh niên nam nữ trong thôn bản
- c. Các cháu thiếu niên trong thôn bản
- d. Một số người hoạt động trong các hội của thôn bản
- e. Các cán bộ văn hóa xã, thôn
- g. Ý kiến khác

2.8. Vùng Mường nơi anh/chị sinh sống có những hoạt động nào?

- 1 Đã có ai được phong tặng nghệ nhân chưa
- 2 Có người nào bỏ công đi sưu tầm dân ca Mường không?
- 3 Có ai đứng ra tổ chức các lớp học dạy hát dân ca Mường không?

- 4 Có hay tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ không?
- 5 Dân ca Mường có hay được đưa lên biểu diễn trong văn nghệ quần chúng không?
- 6 Có nhiều người biết hát dân ca Mường không?
- 7 Khác (ghi rõ):

2.9. Theo anh/ chị, có cần thiết phải bảo tồn các làn điệu dân ca Mường Không?

- a. Có
- b. Không

2.10. Theo anh/ chị, giới trẻ Mường hiện này có còn quan tâm tới dân ca không?

- a. Có
- b. Không

3. Các hoạt động văn hóa khác.

3.1. Trong ngày hội văn hóa của địa phương Anh/ chị thường thấy có những hoạt động văn hóa dân gian nào được diễn ra?

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| 1 Đâm đuống | <input type="checkbox"/> |
| 2 Đánh ống | <input type="checkbox"/> |
| 3 Cúng Mo | <input type="checkbox"/> |
| 4 Đánh đu | <input type="checkbox"/> |
| 5 Múa sênh tiền | <input type="checkbox"/> |
| 6 Múa gậy | <input type="checkbox"/> |
| 7 Múa mồi | <input type="checkbox"/> |
| 8 Hát dân ca | <input type="checkbox"/> |
| 9 Đánh trống đu | <input type="checkbox"/> |
| 10 Đánh cồng chiêng | <input type="checkbox"/> |
| 11 Khác (ghi rõ):..... | <input type="checkbox"/> |

3.2. Ở địa phương anh/ chị thường thấy loại hình biểu diễn văn hóa nghệ thuật nào của người Mường hay được biểu diễn ?

- a. Hát dân ca: + Hát Ví đối
- + Hát Rang
- + Hát Gheo
- + Hát Ru
- + Các làn điệu dân ca khác (ghi rõ).....

- b. Múa Sênh tiền
- c. Múa Mối
- d. Đánh ống
- e. Đâm đuổng
- g. Múa Trống đu
- h. Các loại hình khác (ghi rõ)

3.3. Trong các nghi lễ tín ngưỡng thờ cúng được tổ chức, anh/ chị có thấy người ta hát dân ca không?

- Có
- Không

3.4. Anh/ chị đã bao giờ thấy các hoạt động văn hóa của người Mường được xuất hiện ở hội trại tại lễ hội đền Hùng chưa? là những hoạt động nào?

- a. Biểu diễn diễn xướng dân gian Mường
- b. Múa trống đu
- c. Hát Ví đối
- d. Múa Sênh tiền
- e. Trưng bày trang phục truyền thống
- g. Trình bày trại văn hóa mang bản sắc Mường
- h. Các trò chơi dân gian Mường
- i. Đánh đuổng
- k. Đánh cồng chiêng
- l. Khác (ghi rõ):

3.5. Nét đặc trưng nổi bật trong lễ hội lễ hội văn hóa truyền thống ở vùng Mường anh/ chị sinh sống?

- a. Vẫn giữ nguyên bản sắc văn hóa Mường vốn có từ xa xưa
- b. Đã có sự thay đổi theo trào lưu của xã hội theo hướng đời sống mới
- c. Có sự lược bỏ bớt những thủ tục và chỉ còn những vấn đề chính
- d. Lễ hội có sự ảnh hưởng theo văn hóa người Kinh
- e. Ý kiến khác

3.6. Để bảo tồn các hoạt động văn hóa Mường chúng ta cần phải làm gì ?

1. Phải giáo dục người dân đặc biệt là lớp trẻ về những giá trị và truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình.
2. Khuyến khích người dân tham gia trong các lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa đồng thời tuyên truyền sâu rộng tới người dân ý thức dân tộc để từ đó biết giữ gìn,

phát huy nét độc đáo trong truyền thống của dân tộc mình.

- 3 Tổ chức các lễ hội, ngày hội văn hóa một cách thường xuyên nhằm tôn vinh giá trị bản sắc văn hóa dân tộc
- 4 Tổ chức các cuộc thi hát dân ca, biểu diễn múa, đánh trống, đờn đuống... để thu hút sự quan tâm của người dân
- 5 Mở các lớp truyền dạy các loại hình văn hóa nghệ thuật của dân tộc cho người dân với mọi lứa tuổi nhằm bảo tồn và giữ gìn truyền thống dân tộc
- 6 Khuyến khích biểu diễn các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong các trường học ở vùng Mường.
- 7 Khác (ghi rõ):

Ông (bà) vui lòng cho biết những thông tin về bản thân: (Nếu được)

Họ và tên:..... Tuổi:..... Giới tính:.....

Nghề nghiệp:..... Trình độ học vấn:.....

Địa chỉ:.....

Xin chân thành cảm ơn ông (bà)!

PHIẾU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT
(Dành cho dân bản địa)

A. VĂN HÓA VẬT CHẤT

1. Nhà ở:

1.1. Ngôi nhà hiện nay ông/bà đang ở có chịu ảnh hưởng của văn hóa dân tộc láng giềng nào không?

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Không chịu ảnh hưởng của tộc người nào		
Ảnh hưởng của người Kinh		
Nguyên bản nhà người Mường		
Dân tộc khác		

1.2. Tại sao hiện nay ông/bà không làm ngôi nhà sàn như ngày xưa?

Nguyên nhân	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Vì không có sẵn nguyên vật liệu		
Vì không phù hợp với địa hình		
Vì không kiên cố		
Vì không hợp với xu thế của ngày nay		
Ý kiến khác		

1.3. Ngôi nhà ông/bà đang ở hiện nay so với ngôi nhà sàn trước kia, loại nhà nào tiện lợi hơn trong sinh hoạt hàng ngày?

Loại nhà	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Nhà ở hiện nay tiện lợi hơn		
Nhà sàn tiện hơn		
Mỗi loại nhà có sự tiện lợi riêng		
Ý kiến khác		

1.4. Khi làm ngôi nhà hiện nay, ông bà tham khảo các tập quán nào sau đây?

Tập quán	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Chọn đất làm nhà		
Chọn hướng nhà		
Xem tuổi		
Mượn tuổi làm nhà		
Xem ngày giờ dựng nhà		
Cúng trong ngày đầu tiên dựng nhà		
Cúng khi vào nhà mới		
Nghi lễ khác		

1.5. Hiện nay, gia đình ông (bà) có các công trình phụ nào dưới đây không?

Công trình	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Bếp		
Chuồng trâu, bò		
Chuồng lợn		
Nhà tắm		
Hố xí (đổ tro hoặc tự hoại)		

1.6. Nếu được lựa chọn, ông bà thích ngôi nhà của mình ở vị trí nào?

Công trình	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Thích ở nhà mặt đường		
Thích ở gần chợ		
Thích ở gần trường học		
Thích ở sâu trong làng		
Thích ở gần rừng		
Thích ở gần họ hàng		
ý kiến khác		

1.7. Hiện nay, trong nhà của ông/bà có những tài sản nào dưới đây?

Tài sản	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Đài		
Cattsette		
Ti vi		
Đầu thu kỹ thuật số		
Đầu video		
Tủ lạnh		
Máy vi tính (bàn hoặc xách tay)		
Điều hoà		
Xe máy		
Quạt điện		
Máy giặt		
Máy phát điện		
Tủ tường		
Tủ pic phê		
Giường môđéc		
Bếp ga		
Máy bấm thuốc		
Điện thoại (cố định hoặc di động)		
Khác (ghi rõ):		

1.8. Theo ông/bà, sự thay đổi về ngôi nhà ở của người Mường hiện nay có ảnh hưởng đến việc giữ gìn bản sắc tộc người không?

Ảnh hưởng của sự thay đổi	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

1.9. Theo ông/bà, có cần phải bảo tồn kiểu ngôi nhà truyền thống của người Mường không?

Bảo tồn ngôi nhà	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

2. Trang phục

2.1. Phụ nữ trong gia đình có biết thêu không?

Mức độ biết thêu	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Không biết		
Không thành thạo		
Thành thạo		

2.2. Hiện nay, phụ nữ trong gia đình thường thêu vào lúc nào?

Thời gian thêu	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Lúc rảnh rỗi đều thêu		
Khi nào cần mới thêu		
Biết thêu nhưng lâu rồi không thêu nữa		
Không bao giờ thêu		
Ý kiến khác		

2.3. Ông/bà có thích mặc trang phục truyền thống không?

Mặc trang phục truyền thống	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

2.4. Số lượng quần áo truyền thống trong gia đình ông/bà hiện nay?

Số lượng quần áo truyền thống	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Không có quần áo truyền thống		
Không đủ mỗi người 1 bộ (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)		
Trung bình mỗi người có 1 bộ (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)		
Trung bình mỗi người có 2 bộ (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)		
Trung bình mỗi người có 3 bộ trở lên (không tính người từ 18 tuổi trở xuống)		

2.5. Hiện nay, gia đình ông/bà còn những đồ trang sức truyền thống sau đây không?

Đồ trang sức	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Nhẫn bạc		
Vòng cổ		
Vòng tay		
Hoa tai		
Xà tích		
Khác		

2.6. Nếu con cháu ông bà cần có quần áo truyền thống thì ông bà sẽ:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Tự may lấy		
Đi thuê, mượn của người khác		
Mua bộ đã may thêu hoàn chỉnh		
Ý kiến khác		

2.7. Ông/bà có mặc trang phục truyền thống vào những dịp sau không?

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Ngày đầu năm mới		
Đi dự ngày hội văn hóa dân tộc		
Đi dự các nghi lễ cầu cúng		
Đi dự ngày tổng kết cuối năm của dòng họ		
Đi họp ở thôn/xã		
Đi dự đám cưới của bạn bè/ người thân		
Đi dự đám tang của bạn bè/ người thân		
Khác		

2.8. Lý do nào khiến ông/bà không thường xuyên mặc trang phục truyền thống

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Vì nóng		
Vì bất tiện trong sinh hoạt và lao động hàng ngày		
Vì không biết mặc		
Vì sợ bị hỏng quần áo		
Vì cảm thấy không tự tin trong giao tiếp với người khác tộc		
Vì không đẹp		
Vì không phù hợp với xu hướng ngày nay		
Ý kiến khác		

2.9. Theo ông/ bà trang phục của người Mường ở Phú Thọ có đặc điểm gì khác không so với người Mường vùng Hòa Bình?

Đặc điểm khác	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

2.10. Theo ông/bà cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống của người Mường hiện nay

Giải pháp	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Phải giáo dục người dân hiểu biết và trân trọng những giá trị của trang phục truyền thống		
Khuyến khích người dân mặc trang phục truyền thống thường xuyên hơn trong các ngày lễ, tết của tộc người và trong những ngày lễ kỷ niệm của đất nước		
Tổ chức các cuộc thi những người mặc trang phục truyền thống đẹp để tôn vinh giá trị của bộ trang phục dân tộc		
Khác		

3. Ăn uống

3.1. Ông/ bà thường ăn gì vào bữa sáng?

Bữa sáng	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Ăn cơm nguội và thức ăn của tối hôm trước		
Mua đồ ăn ở ngoài (mỳ tôm, các loại bánh, xôi...) về nhà ăn		
Ăn bún, cháo, phở... ở quán ăn		
Không ăn sáng		
Ý kiến khác		

3.2. Bữa cơm hàng ngày của gia đình nhà ông/ bà thường có mấy món?

Món ăn bữa sáng	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
2 món (cơm, canh rau)		
3 món (cơm, canh rau, thức ăn mặn)		
4 món (cơm, canh rau, thức ăn mặn, thức ăn phụ : luộc/xào/dưa chua...)		
5 món (cơm, canh rau, thức ăn mặn, thức ăn phụ, tráng miệng)		
Nhiều hơn 5 món		
Ý kiến khác		

3.3. Mức độ xuất hiện các loại thực phẩm sau trong bữa ăn hàng ngày nhà ông/bà?

Loại thực phẩm có trong bữa ăn		Số lượng (người)					
		Bữa nào cũng có	Ngày nào cũng có	1 tuần vài lần	1 tháng vài lần	1 năm vài lần	Không bao giờ
1	Thịt lợn						
2	Thịt gà						
3	Thịt bò						
4	Cá						
5	Tôm						
6	Trứng						
7	Đậu						
8	Rau						
9	Sản phẩm từ rừng (óc/dua/ếch... suôi, thú rừng...)						
10	Giò, chả						
11	Sữa						
12	Các sản phẩm chế biến từ sữa (<i>format, bơ...</i>)						
13	Hoa quả						
14	Khác.....						

3.4. Hàng ngày gia đình ông/bà thường nấu thức ăn theo cách nào sau đây ?

	Cách chế biến	Số lượng (người)			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Không làm
1	Luộc				
2	Rán				
3	Hấp				
4	Kho				
5	Nấu				
6	Quay				
7	Nướng				
8	Gỏi (nộm, ăn sống)				
9	Hầm nhừ				
10	Xào				
11	Nấu đông				
12	Rang				
13	Muối chua				
14	Khác (ghi rõ :.....)				

3.5. Theo ông/ bà bữa ăn của người Mường hiện nay có gì khác so với bữa ăn của người Mường trước kia?

	Sự thay đổi	Số lượng (người)		
		Hơn trước	Kém trước	Vẫn thế
1	Chất lượng dinh dưỡng của bữa ăn			
2	Số lượng món ăn			
3	Nguyên liệu chế biến món ăn			
4	Gia vị dùng trong nấu ăn			
5	Cách chế biến món ăn			
6	Khác (ghi rõ) :.....			

3.6. Theo ông/bà nguyên nhân nào dẫn đến khác biệt trong ăn uống của người Mường hiện nay so với trước kia ?

Nguyên nhân	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Do nguyên liệu chế biến món ăn thay đổi		
Do dùng gia vị công nghiệp (bột canh, mì chính, bột nêm...)		
Do cách chế biến		
Ý kiến khác		

3.7. Hiện nay, gia đình ông/bà thường bảo quản thực phẩm theo những cách nào sau đây?

Cách bảo quản thực phẩm	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Đề trong tủ lạnh		
Sấy khô		
Làm mắm		
Ướp muối		
Khác		

3.8. Trong ngày lễ, tết hiện nay, gia đình ông/bà có làm những món ăn sau đây không?

Món ăn ngày lễ, tết	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Thịt động vật		
Gỏi cá		
Cơm lam		
Thịt chua		
Canh xương hầm		
Bánh chưng đen		
Bánh nẳng		
Bánh móc		
Măng rung		

Xôi màu		
Rượu hoẵng		
Khác		

3.9. Trong ăn uống, gia đình ông bà có những kiêng kỵ gì không?

Thức ăn kiêng kỵ	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

4. Thái độ của người dân về cuộc sống hiện tại

4.1. Ông/bà đánh giá như thế nào về chất lượng cuộc sống của đồng bào Mường mình hiện nay theo hướng?

Chất lượng cuộc sống	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Tốt hơn trước		
Xấu hơn trước		
Không có gì thay đổi so với trước		
Ý kiến khác		

4.2. Theo ông/bà sự thay đổi trong văn hóa đời sống như ăn uống, trang phục, nhà ở của người Mường hiện nay là do?

Nguyên nhân	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Phù hợp với xu thế phát triển của cuộc sống		
Đang đánh mất bản sắc tộc người		
Sự thay đổi là không tránh khỏi nhưng cần phải giữ được nét riêng của người Mường		
Ý kiến khác		

4.3. Theo ông/bà sự thay đổi trong cách ăn uống, trong trang phục, nhà ở của người Mường hiện nay là do những nguyên nhân nào?

Nguyên nhân	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Do sự phát triển kinh tế của người Mường		
Do ảnh hưởng của người Kinh		
Do sự tác động của kinh tế thị trường		
Do nhận thức, thị hiếu của người Mường thay đổi		
Ý kiến khác		

4.4. Theo Ông/Bà, khó khăn cơ bản hiện nay trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc Mường là gì?

Khó khăn	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Lớp trẻ không hiểu biết rõ về văn hóa của dân tộc mình		

Không được lớp già truyền dạy		
Cộng đồng không có điều kiện, phong trào thực hành văn hóa truyền thống		
Văn hóa người Việt thu hút mạnh		
Văn hoá người Mường thu hút mạnh		
Ý kiến khác		

4.5. Theo ông/ bà, đời sống văn hóa của người Mường hiện nay đang biến đổi theo hướng tích cực hay tiêu cực?

Chiều hướng biến đổi	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Tích cực		
Tiêu cực		
Ý kiến khác		

4.6. Ông /Bà có cảm thấy hài lòng với cuộc sống như hiện tại của mình không?

Mức độ hài lòng	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Hài lòng		
Bình thường		
Không hài lòng		
Ý kiến khác		

B. VĂN HÓA TINH THẦN

1. Ngôn ngữ tiếng nói

1.1. Là người Mường, Anh/chị có biết nói và giao tiếp được bằng tiếng Mường không?

Mức độ giao tiếp	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Nói và giao tiếp được tốt bằng tiếng Mường		
Nói và giao tiếp được đôi chút		
Không giao tiếp được bằng tiếng Mường		

1.2. Trong giao tiếp hàng ngày Anh/chị có thường xuyên dùng tiếng Mường để trao đổi với nhau không?

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

1.3. Theo Anh/chị tại sao tiếng Mường lại không được phổ biến rộng rãi trong giao tiếp?

Nguyên nhân	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Vì tiếng Mường khó phát âm và khó hiểu		

Mỗi vùng Mường lại có cách phát âm khác nhau nên không có sự thống nhất		
Do nhận thấy tiếng nói Mường không hay nên không được sử dụng rộng rãi		
Ý kiến khác		

1.4. Để tránh bị thất truyền và mai một dần, theo anh/ chị cần phải giữ gìn tiếng nói Mường như thế nào trong tình hình hiện nay?

Giải pháp	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Phải giáo dục người dân hiểu biết và trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc trong đó có tiếng nói.		
Khuyến khích người dân thường xuyên trao đổi với nhau bằng tiếng của dân tộc mình.		
Truyền dạy lại tiếng nói của dân tộc mình cho các thế hệ trẻ người Mường.		
Tổ chức giảng dạy tiếng Mường trong các trường học có hoàn toàn học sinh là người Mường		
Ý kiến khác		

2. Âm nhạc

2.1. Anh/ chị đã từng được nghe dân ca Mường chưa?

Mức độ nghe dân ca Mường	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Được nghe thường xuyên hàng ngày		
Được nghe nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau		
Được nghe thi thoảng trong các buổi văn nghệ		
Chưa từng được nghe bao giờ		
Không biết là người Mường có dân ca		

2.2. Anh/ chị thuộc và biết hát được bao nhiêu làn điệu dân ca Mường?

Mức độ hát làn điệu dân ca Mường	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Chỉ thuộc được một làn điệu (một bài)		
Hát thuộc được vài bài đơn giản		
Biết hát hết tất cả các làn điệu dân ca		
Biết hát và biết vận dụng giai điệu để sáng tác lời		

mới cho dân ca		
Không biết hát và không thuộc một bài nào cả		

2.3. Anh/ chị thường được nghe hát dân ca Mường ở đâu?

Địa điểm	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Nghe thường xuyên từ người trong gia đình hát		
Được nghe trong các chương trình văn nghệ của xóm làng		
Được nghe ở nhà văn hóa thôn do người già trong bản hát		
Nghe trên phương tiện thông tin đại chúng		
Ý kiến khác		

2.4. Theo Anh/ chị, dân ca Mường có dễ hát không?

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Rất dễ hát, dễ thuộc		
Dễ hát nhưng khó thuộc lời		
Rất khó hát và khó thuộc lời		
Ý kiến khác		

2.5. Anh/ chị có biết dân ca Mường thường được biểu diễn vào những dịp nào trong năm?

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Trong ngày tết Mường		
Trong ngày tết nguyên đán		
Trong ngày hội văn hóa dân tộc		
Trong một số nghi lễ thờ cúng		
Trong các dịp vui chơi, giao lưu		

2.6. Ở vùng Mường của anh/ chị đã có thành lập câu lạc bộ dân ca Mường chưa?

Câu lạc bộ dân ca	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

2.7. Anh/ chị thường được nghe ai hát dân ca Mường nhất?

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Các người già trong thôn bản		
Các thanh niên nam nữ trong thôn bản		
Các cháu thiếu niên trong thôn bản		
Một số người hoạt động trong các hội của thôn bản		
Các cán bộ văn hóa xã, thôn		
Ý kiến khác		

2.8. Vùng Mường nơi anh/chị sinh sống có những hoạt động nào?

Hoạt động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Đã có ai được phong tặng nghệ nhân chưa		
Có người nào bỏ công đi sưu tầm dân ca Mường không?		
Có ai đứng ra tổ chức các lớp học dạy hát dân ca Mường không?		
Có hay tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ không?		
Dân ca Mường có hay được đưa lên biểu diễn trong văn nghệ quần chúng không?		
Có nhiều người biết hát dân ca Mường không?		
Khác		

2.9. Theo anh/ chị, có cần thiết phải bảo tồn các làn điệu dân ca Mường Không?

Bảo tồn	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

2.10. Theo anh/ chị, giới trẻ Mường hiện này có còn quan tâm tới dân ca không?

Quan tâm	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

3. Các hoạt động văn hóa khác.

3.1. Trong ngày hội văn hóa của địa phương Anh/ chị thường thấy có những hoạt động văn hóa dân gian nào được diễn ra?

Hoạt động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Đâm đuông		
Đánh ống		
Cúng Mo		
Đánh đu		
Múa sênh tiền		
Múa gậy		
Múa mồi		
Hát dân ca		
Đánh trống đu		
Đánh công chiêng		
Khác		

3.2. Ở địa phương anh/ chị thường thấy loại hình biểu diễn văn hóa nghệ thuật nào của người Mường hay được biểu diễn?

Loại hình	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Hát dân ca		
Múa Sênh tiền		
Múa Mồi		
Đánh ống		
Đâm đuông		
Múa Trống đu		
Khác		

3.3. Trong các nghi lễ tín ngưỡng thờ cúng được tổ chức, anh/ chị có thấy người ta hát dân ca không?

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

3.4. Anh/ chị đã bao giờ thấy các hoạt động văn hóa của người Mường được xuất hiện ở hội trại tại lễ hội đền Hùng chưa? là những hoạt động nào?

Hoạt động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Biểu diễn diễn xướng dân gian Mường		
Múa trống đu		
Hát Ví đối		

Múa Sênh tiền		
Trung bày trang phục truyền thống		
Trình bày trại văn hóa mang bản sắc Mường		
Các trò chơi dân gian Mường		
Đánh đuồng		
Đánh công chiêng		
Khác		

3.5. Nét đặc trưng nổi bật trong lễ hội lễ hội văn hóa truyền thống ở vùng Mường anh/ chị sinh sống?

Đặc trưng nổi bật	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Vẫn giữ nguyên bản sắc văn hóa Mường vốn có từ xa xưa		
Đã có sự thay đổi theo trào lưu của xã hội theo hướng đời sống mới		
Có sự lược bỏ bớt những thủ tục và chỉ còn những vấn đề chính		
Lễ hội có sự ảnh hưởng theo văn hóa người Kinh		
Khác		

3.6. Để bảo tồn các hoạt động văn hóa Mường chúng ta cần phải làm gì?

Giải pháp	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Phải giáo dục người dân đặc biệt là lớp trẻ về những giá trị và truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình.		
Khuyến khích người dân tham gia trong các lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa đồng thời tuyên truyền sâu rộng tới người dân ý thức dân tộc để từ đó biết giữ gìn, phát huy nét độc đáo trong truyền thống của dân tộc mình.		
Tổ chức các lễ hội, ngày hội văn hóa một cách thường xuyên nhằm tôn vinh giá trị bản sắc văn hóa dân tộc		
Tổ chức các cuộc thi hát dân ca, biểu diễn múa, đánh trống, đâm đuồng... để thu hút sự quan tâm của người dân		
Mở các lớp truyền dạy các loại hình văn hóa nghệ thuật của dân tộc cho người dân với mọi lứa		

tuổi nhằm bảo tồn và giữ gìn truyền thống dân tộc		
Khuyến khích biểu diễn các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong các trường học ở vùng Mường.		
Khác		

Mẫu phiếu số 2.**PHIẾU KHẢO SÁT***(Dành cho đối tượng cán bộ quản lý)***PHIẾU ĐIỀU TRA THỰC TRẠNG DÂN CA MƯỜNG
VÀ CÔNG TÁC BẢO TỒN THỂ LOẠI NÀY TRONG HIỆN NAY***Thời gian phỏng vấn: Ngày..... tháng..... năm*

Anh/chị vui lòng cho biết các thông tin về những vấn đề dưới đây, xin cảm ơn!

(Hãy trả lời hoặc đánh dấu (x) vào câu trả lời phù hợp với ý kiến của anh/ chị)

A. Thực trạng dân ca Mường hiện nay

1. Anh/ chị hãy cho biết bản thân là người dân tộc nào?

DT Mường DT Kinh DT thiểu số khác

2. Anh/ chị có biết nói và giao tiếp được bằng tiếng Mường không?

Giao tiếp tốt Nói được đôi chút Không biết tiếng

3. Anh/ chị có biết hát dân ca không?

Biết hát tốt Biết hát đôi chút Không biết hát

4. Anh/ chị có thích nghe hát dân ca không?

Rất thích bình thường không thích lắm

5. Anh/ chị đã được nghe dân ca Mường bao giờ chưa?

Nghe nhiều Thi thoảng Chưa từng nghe đến

6. Anh/ chị thuộc được bao nhiêu làn điệu dân ca Mường?

Trên 5 bài Khoảng 3- 5 bài Khoảng 1- 2 bài Không thuộc bài nào.

7. Anh/ Chị có hiểu gì về nội dung trong các bài dân ca Mường không?

Hiểu rất rõ hiểu sơ sơ Không hiểu gì

8. Anh/ chị thường được nghe dân ca Mường ở đâu?

Nghe ở nhà do người nhà hát Trong ngày hội do dân làng hát

9. Theo anh/ chị dân ca Mường hiện nay còn có mấy thể loại?

1 loại 2 loại 3 loại 4 loại nhiều hơn

10. Anh/ chị biết được mấy thể loại dân ca Mường hiện nay?

1 loại 2 loại 3 loại 4 loại nhiều hơn

11. Theo anh/ chị dân ca Mường có dễ hát không?

Dễ hát Bình thường Rất khó hát

12. Theo bạn hiện nay thanh niên Mường có biết hát dân ca Mường không?

Biết nhiều biết ít không biết

13. Bạn thường được nghe dân ca Mường qua ai hát?

- Người lớn tuổi (ông/bà, bố/mẹ)

- Người trẻ tuổi (thanh/thiếu niên)

- Các đối tượng khác

B. Giữ gìn bản sắc và bảo tồn dân ca Mường hiện nay

14. Theo anh/ chị dân ca Mường thường được hát vào những mùa nào trong năm?

Mùa Xuân Mùa Hạ

Mùa Thu Mùa Đông

15. Anh/ chị có biết dân ca Mường thường được biểu diễn vào những dịp nào?

Dịp lễ tết Ngày hội làng bản Bất cứ dịp nào cũng được.

16. Hiện nay ở địa phương anh/ chị dân ca được tuyên truyền theo cách nào?

- Trên hệ thống truyền thông xóm, xã.

- Các CLB trong xóm, xã

- Các cách khác.

17. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật có gắn kết với việc phát triển dân ca không?

- Có

- Không

18. Bạn thường được nghe dân ca Mường ở đâu?

- Trong các hoạt động văn hóa/ liên hoan văn nghệ cộng đồng
- Trong sinh hoạt thường ngày

19. Địa phương bạn đã triển khai thành lập CLB dân ca chưa?

- Đã triển khai
- Đang triển khai
- Chưa triển khai

20. Theo anh/ chị, có cần thiết phải bảo tồn các làn điệu dân ca Mường không?

- Rất cần thiết
- Không cần thiết
- Ý kiến khác

21. Các hoạt động văn hóa dân gian gì của người Mường mà bạn ấn tượng nhất?

- Hát dân ca
- Đánh cồng/ đăm đuông/ đánh ống
- Múa dân gian

22. Theo bạn, có nên đưa dân ca Mường vào truyền dạy cho học sinh tại các trường phổ thông thuộc vùng Mường không?

- Nên đưa vào hệ thống giáo dục
- Không nên đưa vào giảng dạy ở phổ thông
- Ý kiến khác

23. Theo bạn, dân ca Mường liệu có phổ cập rộng rãi được như các thể loại dân ca khác như của người Kinh không? Vì sao?

- Có Vì.....
- Không Vì.....
- Ý kiến khác:

24. Theo bạn, để bảo tồn dân ca Mường trước hết bạn cần phải làm gì?

.....

25. Nếu được, bạn có đóng góp gì cho việc bảo tồn các làn điệu dân ca Mường?

- Ý kiến:
-

.....
Ông (bà) vui lòng cho biết những thông tin về bản thân: (Nếu được)

Họ và tên:..... Tuổi:..... Giới tính:.....

Nghề nghiệp:..... Trình độ học vấn:.....

Địa chỉ:.....

Xin chân thành cảm ơn ông (bà)!

PHIẾU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT
(Dành cho cán bộ quản lý)

A. Thực trạng dân ca Mường hiện nay

1. Anh/ chị hãy cho biết bản thân là người dân tộc nào?

Dân tộc	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Dân tộc Mường		
Dân tộc Kinh		
Dân tộc thiểu số khác		

2. Anh/ chị có biết nói và giao tiếp được bằng tiếng Mường không?

Mức độ giao tiếp	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Giao tiếp tốt		
Nói được đôi chút		
Không biết tiếng		

3. Anh/ chị có biết hát dân ca không?

Mức độ biết hát	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Biết hát tốt		
Biết hát đôi chút		
Không biết hát		

4. Anh/ chị có thích nghe hát dân ca không?

Mức độ thích	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Rất thích		
Bình thường		
Không thích lắm		

5. Anh/ chị đã được nghe dân ca Mường bao giờ chưa?

Mức độ nghe	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Rất thích		
Bình thường		
Không thích lắm		

6. Anh/ chị thuộc được bao nhiêu làn điệu dân ca Mường?

Số bài	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Trên 5 bài		
Khoảng 3- 5 bài		

Khoảng 1- 2 bài		
Không thuộc bài nào		

7. Anh/ Chị có hiểu gì về nội dung trong các bài dân ca Mường không?

Mức độ hiểu nội dung	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Hiểu rất rõ		
Hiểu sơ sơ		
Không hiểu gì		

8. Anh/ chị thường được nghe dân ca Mường ở đâu?

Địa điểm	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Nghe ở nhà do người nhà hát		
Trong ngày hội do dân làng hát		

9. Theo anh/ chị dân ca Mường hiện nay còn có mấy thể loại?

Thể loại	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1 loại		
2 loại		
3 loại		
4 loại		
Nhiều hơn		

10. Anh/ chị biết được mấy thể loại dân ca Mường hiện nay?

Thể loại	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1 loại		
2 loại		
3 loại		
4 loại		
Nhiều hơn		

11. Theo anh/ chị dân ca Mường có dễ hát không?

Thể loại	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Dễ hát		
Bình thường		
Rất khó hát		

12. Theo bạn hiện nay thanh niên Mường có biết hát dân ca Mường không?

Mức độ biết hát	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Biết nhiều		
Biết ít		
Không biết		

13. Bạn thường được nghe dân ca Mừng qua ai hát?

Mức độ biết hát	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Người lớn tuổi (ông/bà, bố/mẹ)		
Người trẻ tuổi (thanh/thiếu niên)		
Các đối tượng khác		

B. Giữ gìn bản sắc và bảo tồn dân ca Mừng hiện nay**14. Theo anh/ chị dân ca Mừng thường được hát vào những mùa nào trong năm ?**

Mùa	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Mùa Xuân		
Mùa Hạ		
Mùa Thu		
Mùa Đông		

15. Anh/ chị có biết dân ca Mừng thường được biểu diễn vào những dịp nào?

Thời gian biểu diễn	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Dịp lễ tết		
Ngày hội làng bản		
Bất cứ dịp nào cũng được		

16. Hiện nay ở địa phương anh/ chị dân ca được tuyên truyền theo cách nào?

Cách thức tuyên truyền	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Trên hệ thống truyền thông xóm, xã		
Các CLB trong xóm, xã		
Các cách khác		

17. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật có gắn kết với việc phát triển dân ca không?

Tính gắn kết	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		

18. Bạn thường được nghe dân ca Mừng ở đâu?

Địa điểm	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Trong các hoạt động văn hóa/ liên hoan văn nghệ cộng đồng		
Trong sinh hoạt thường ngày		

19. Địa phương bạn đã triển khai thành lập CLB dân ca chưa?

Mức độ triển khai	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Đã triển khai		

Đang triển khai		
Chưa triển khai		

20. Theo anh/ chị, có cần thiết phải bảo tồn các làn điệu dân ca Mường không?

Mức độ bảo tồn	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Rất cần thiết		
Không cần thiết		
Ý kiến khác		

21. Các hoạt động văn hóa dân gian gì của người Mường mà bạn ấn tượng nhất?

Hoạt động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Hát dân ca		
Đánh cồng/ đăm đuống/ đánh ống		
Múa dân gian		

22. Theo bạn, có nên đưa dân ca Mường vào truyền dạy cho học sinh tại các trường phổ thông thuộc vùng Mường không?

Truyền dạy cho học sinh	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Nên đưa vào hệ thống giáo dục		
Không nên đưa vào giảng dạy ở phổ thông		
Ý kiến khác		

23. Theo bạn, dân ca Mường liệu có phổ cập rộng rãi được như các thể loại dân ca khác như của người Kinh không? Vì sao?

Phổ cập dân ca Mường	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Có		
Không		
Ý kiến khác		

24. Theo bạn, để bảo tồn dân ca Mường trước hết bạn cần phải làm gì?

.....

.....

25. Nếu được, bạn có đóng góp gì cho việc bảo tồn các làn điệu dân ca Mường?

- Ý kiến:

.....

.....